

HUỲNH-MINH

SA-ĐÉC

XƯA VÀ NAY



Long Hưng
CÂY ĐÁ BỀN NGUY

Loại sách suy Khảo



HUỲNH - MINH

Sưu tầm khảo cứu qua các tỉnh Miền Nam Việt-Nam

SA-ĐÉC

« XƯA và NAY »

NỘI DUNG GỒM :

- * SỬ-LƯỢC, ĐỊA-LÝ, TỔNG-QUÁT,
- * SA-ĐÉC, TRẢI QUA CÁC THỜI-ĐẠI
- * DANH-NHÂN, LỊCH-SỬ, NHÂN-VẬT CẬN-ĐẠI
- * DI-TÍCH, LĂNG-MỘ, DANH-NHÂN
- * ĐẠO GIÁO, ĐÌNH, CHÙA CỒ KÍNH
- * HUYỀN-SỨ, GIAI-THOẠI,
- * CÁC BỘ-MÔN VĂN-HÓA, NGHỆ-THUẬT
- * SINH-HOẠT KINH-TẾ MỌI NGÀNH
- * SA-ĐÉC NƠI SẢN-XUẤT HOA KIÈNG TOÀN QUỐC.

xuất bản « Cảnh-Băng »

DO TÁC-GIÀ XUẤT-BẢN

1971

Các sách báo tham khảo

HÀN VÀ VIỆT-VĂN :

- Đại-Việt Sử-Ký của Ngô-Sĩ-Liên
- Nam-Kỳ Phong-Tục Nhơn-Vật diền ca của Nguyễn-Liên-Phong
- Đại-Nam Nhất-Thống-Chí (thượng hạ) của Tu Trai Nguyễn-Tạo dịch.
- Việt-Sử Tân-Biên của Phạm-Văn-Sơn
- Đại-Nam Thực-Lục chánh-biên
- Việt-Nam Sử-Lược của Trần-Trọng-Kim
- Liệt-Truyện
- Lịch-Trình Hành-Chánh của Đào-Văn-Hội
- Sa-Đéc Nhân-Vật Chí của Nguyễn-Văn-Dần
- Địa Phương Chí Sa-Đéc
- Sám-Giảng Bửu-Sơn Ký-Hương
- Chí-Sĩ Nguyễn-Quang - Diêu của Giáo-sư Nguyễn-Văn-Hầu.
(Xuyên qua nhiều tài liệu do các bô-lão thân-hao nhân-sỉ địa-
phương kề lại.)

PHÁP - VĂN :

- Histoire et description de la Basse Cochinchine par Cne G. AUBERT (1863) « Gia-Định Thống Chí » của Trịnh-Hoài-Đức.
- Géographie de Sadec.
- Histoire des missionnaires en Cochinchine par A. LAUNAY.
- Histoire de la Cochinchine par P. CULTRU.
- Nouvelles recherches sur les Chams par Antoine Cabaton Paris (1901).
- Bulletin de la Société des Etudes Indochinoises (4è 1959).
- Histoires des Pays montagnards du sud indochinois.
- Journal d'Extrême Orient Saigon 1959,

Lời giới - thiệu

của Giáo-sư : TRẦN-VĂN-QUẾ

Nền văn-hóa của một dân-tộc là thước ngọc, khuông vàng, do giá-trị của dân-tộc ấy. Nó cũng sanh tiền với dân-tộc liên-hệ trải qua ba thời-kỳ là quá-khứ, hiện-tại và vị-lai. Giữa ba thời-kỳ ấy có một mối liên-quan mật-thiết được coi là bắt-di, bắt-dịch. Nói một cách khác, quá-khứ chuẩn-bị cho hiện-tại và vị-lai, đến phiên mình phải làm công-việc ấy đối với tương-lai. Thế thường nói : Không (xưa) làm sao có (nay) ? Những công-việc làm của các thế-hệ trước, hay hoặc dở, đều là những bài học quý giá cho thế-hệ đi sau.

Hiểu rõ cẩn-bản ấy, nhà Sưu-Khảo HUỲNH-MINH trong nhiều năm qua, đơn thương độc mã, đã âm-thầm làm sống lại «dĩ-vàng» nayօc nhà bằng cách lặn-lượt trình bày dưới nhiều khía-cạnh, lịch-sử các tỉnh miền Nam : «Kiến-Hòa xưa và nay», «Bạc-Liêu xưa và nay», «Cần-Thơ xưa và nay», «Vĩnh-Long xưa và nay», Gò-Công, Định-Tường, Vũng-Tàu, v.v... Gần đây ông Huỳnh-Minh sắp cho ra đời thêm một đứa con tinh-thần nữa là quyển «Sa-Đéc xưa và nay». Thật là một công-trình hữu đáng khích-lệ, và chắc-chắn sau này sẽ được Tô Quắc ghi công.

Suốt thời-gian trên 80 năm Pháp thuộc và hơn phần tư thế-kỷ bị nội-chiến, cốt-nhục tương-tàn, hồn nayօc phiêu-bạt theo mây gió, canh nút xương sông máu diễn ra khắp nơi trên lãnh thổ Ngày hôm nay ông Huỳnh-Minh nghiêm-nhiên gợi lại dĩ-vàng của dân-tộc nghìn xưa, giản-tiếp làm sống lại trong tâm-hồn người Việt, nhất là giới thanh-niên, tình thương quê cha mến đất tổ để nhớ lại những gì mà chúng ta phải làm, hầu khôi-phục nghĩa trọng tình xưa !

Năm 1.428, sau khi đã bình được giặc Ngô, thống nhứt sơn-hà, đem lại thanh-bình cho dân-lộc, Vua Lê-Thái-Tồ trong vai tựa quyền « Lam-Sơn thực-lực » phải chăng đã nói : « Trâm duy : vật bản hò thiền, nhân bản hò tồ. Thúy như mộc, thủy tất hữu căn Cái kỵ bản thịnh tắc diệp mậu ; nguyên thâm tắc lưu-trường. Phi tiên thế chi, nhân án chi sở bồi giả hậu, khánh trách chi sở chung giả hồng, an nǎng nhược thị tai ? »

« Trâm nghĩ : Vật gốc từ Trời, người gốc từ Tồ, ví như cây và nước tất cả có gốc nguồn.

(. . .) Vì rằng : gốc thịnh thì lá tốt, nguồn sâu thì dòng dài. Nếu không phải nhờ ở nhân ân bồi-dấp được giày dặn, phúc đức, chung đức được lớn lao của các đời trước thì đâu có được như thế ? ».

Nay đến lượt trình bày lịch-sử « Sa-đéc xưa và nay » nhà sư-khảo Huỳnh-Minh đã mĩ-ý dành cái hân-hạnh cho tôi viết bài giới-thiệu. Nhân dịp thông-cảm này, chúng tôi cũng xin mạo-muội góp sức trong muôn một, bằng cách nêu lên những cảm-tưởng của tôi đối với tinh Sa-đéc ngày xưa cũng như ngày nay, để chứng minh tinh-cách chính-xác của các mục đã được nêu lên trong quyển sách này.

Trước kia, dưới thời Pháp thuộc, tỉnh Sa-đéc được tặng cho danh hiệu là : Khu vườn của xứ Nam-Kỳ (Le jardin de la Cochinchine) danh hiệu ấy để nói lên tinh-cách phì-nhiều của điền-địa, màu sắc sum-thịnh của các loài thảo mộc (nhứt là các loại trái của toàn hạt).

Hơn thế nữa, nhờ sông Cửu-Long bồi-dấp, gọi là sông Tiền và sông Hậu, chảy qua rộng lớn, hai bên vườn ruộng xanh tươi, có một cảnh vừa đẹp vừa thiêng-liêng, huyền bí, bao trùm không sao tả được.

Địa-linh ấy tất phải sinh-xuất ra nhiều nhân-kiệt anh-tài lân văn võ, về cựu học cũng như Tân học, về phương diện đạo pháp thì tinh Sa-đéc lại cũng là nơi xuất hiện của những bậc chân tu, thánh triết, đem đạo từ-bi tể-dộ quan sanh trong đời mạt pháp.

Các khía cạnh ấy sẽ được trình-bày đầy - đủ chi-tiết trong quyển « Sa-đéc xưa và nay » mà chúng tôi được vinh-hạnh giới-thiệu cùng chư-tôn đọc-giả.

Giờ đây xin tóm-tắt cảm-tưởng của chúng tôi, trân-trọng trình lên mấy dòng thơ như sau :

*« Thủy-trường » đặc-sắc đất Long-Giang.
Định, Vĩnh, Kiến, Sa hiệp một đồng.
Tú khí anh-linh đều hội đủ.
Miền tràng cảnh vật cõi Nam bang.*

TRẦN-VĂN-QUẾ
Giáo-Sư

LỜI TÁC-GIÀ : Giáo-sư Trần-Văn-Quế người miền Nam, một giáo-sư kỳ-cựu nay đã 70 tuổi, cựu giảng-sư Đại-học Văn-Khoa Saigon và Vạn-Hạnh.

Nguyên Bộ-Trưởng Nghiên-cứu Cải-cách 1951-52. Hiện ông làm Hiệu trưởng Trường Trung Học Kiến-Thiết Saigon.

Giáo-sư Trần-Văn-Quế cũng là một chức-sắc Thiên-phong của Đại-Đạo Tam-Kỳ.



Cửu Giác

Tỉnh Lỵ	
Quân Lỵ	
Ranh Tỉnh	
Ranh Quận	
Ranh Tỉnh	
Ranh Xã	
Đường xá	
Sông Rachikinh	
Sân bay	

TỈNH SÀI GÒN

TY. LÉ: 1/250 000

KIẾN

PHONG

TỈNH ĐỊNH TƯƠNG

LONG

Vinh

TÍNH

ĐỊ BÌNH MINH

A hand-drawn map of the Saigon region and surrounding provinces. The map shows the city of SAIGON at the center, with various districts and towns labeled. To the west, the provinces of KIEN PHONG and TINH SADEC are shown, with districts like TIEN QUAN, GAN THOI, and ANH QUAN. To the east, the provinces of TINH DINH TUONG and VINH LONG are depicted, with districts like GIANG, AN NHOM, PHU HUU, and AN KHANH. The map also includes labels for Binh Thanh, Tan Phu, and other areas. A scale bar indicates a distance of 1/250,000. A north arrow points upwards.

Lời nói đầu

Vốn sinh trưởng nơi mảnh đất Miền Nam yêu mến, hoài bão đến công nghiệp của tiền nhân.

Cứu mang mỗi duyên tình với non nước nhà, dù trăm ngàn khò nhọc trên đường sưu khảo, dù muôn vàn lỗ cực khi tìm phương tiện cho đưa con tinh thần được chào đời, chúng tôi vẫn dấn thân tiến mãi trên đường đã vạch.

Kiêm đi kèm đoạn đường đã trót qua, suốt thời gian trên 15 năm đam mê tích cực phục vụ Văn-hóa Dân-Tộc. Chúng tôi đã cố gắng ăn hành xong các tác phẩm đầu tiên. Loại sách học làm người :

— *Danh-Nhân Tự-Tuồng, Luyện-Chí, Sông-Tranh-Đầu, Sông-Vui, Sông-Khò*, và các loại sách sưu khảo từng Tỉnh của Miền Nam : *KIẾN HÒA xưa và nay, BẮC LIÊU xưa và nay, CẦN THƠ xưa và nay, VĨNH LONG xưa và nay, GÒ CÔNG xưa và nay, ĐỊNH TUỜNG xưa và nay, VŨNG TÀU xưa và nay*.

Và hôm nay đến lượt **SA-ĐÉC** xưa và nay ra mắt bạn đọc

* Sa-Đéc nơi vua Gia-Long trong cơn lầu quắc đã dùng gót móng tròn, lập đại-bản-dinh, xây đắp đồn lũy để tranh hùng với Tây-Sơn. Đến nay hãy còn biết bao di-tích lịch-sử.

* Sa-Đéc, nơi làng Tòng-Sơn là chốn phát tích của Đức Phật-Thầy Tây-An, khai sáng giáo phái Bửu-Sơn Kỳ-Huơng, nơi Đức Tông Sư Minh-Trí tuyên dương giáo-lý, nơi Đức Huỳnh Giáo-Chú từng giang đạo diu dắt tín đồ, là nơi Đạo Giáo được sinh khi phát huy tốt đẹp hơn đâu cả.

* Sa-Đéc, đặt hoạt động của các nhà Chí-Sỉ, các nhà Cách-mạng, các Anh-hùng kháng Pháp. Chí-sỉ như các Cụ Nguyễn-Quang-

Điều sinh trưởng tại đây. Chỉ-si như Cụ Võ-Hoành đã bị đưa an trí chốn này.

* Sa-Đéc nhân tài thịnh phát : nào Bác-Vật Lưu-Văn-Lang
Danh-si Đặng-Thúc-Liêng, Phòng Biều v.v...

Lại là nơi đầu tiên phái huy bồ môn kịch nghệ sân khấu, Sa-Đéc qui tụ cũng nhiều ngôi sao sáng kịch trưởng, nghệ thuật cầm ca. Và trên mọi lãnh vực đáng kè của Sa-Đéc. Chúng tôi để cập có thể nói nếu không đây đủ hoàn toàn, quyết cũng không để thiếu sót nhiều.

Lòng đầy nhiệt huyết hăng say phục vụ Văn-hóa, ý nguyện dần-dần thực hiện những hoài bão của chúng tôi về sự hình thành được những bộ sách sưu khảo qua các Tỉnh Miền Nam, chúng tôi luôn tận tâm, cố gắng vượt mọi nỗi khó khăn, chua xót. Nghi lực có thừa, nhưng phương tiện hăng thiếu thốn.

At bạn tri âm ? Mỗi khi tiếp đón một tác phẩm của chúng tôi chào đời, xin cảm thông cho những điều đau khổ mà chúng tôi đã cưu mang.

Tuy nhiên, đã từ nguyện phục vụ, thì hy sinh vẫn là lẽ sống của chúng tôi. Với quyền « SA-DEC Xưa và Nay » đây, rất mong được sự ủng hộ nồng nhiệt của quý vị bạn đọc tri - kỷ bốn phương. Hầu cho chúng tôi những khích-lệ quý báu, để càng tiến xa hơn nữa. Luôn luôn nguyện phụ lòng quý bạn nâng đỡ.

Tâm nặng nợ đau. Thọ ân dắt nước, đồng bào, chúng tôi hăng rút ruột nhả tơ đáp tạ ơn lòng trong muôn một.

Hân hoan và chân thành trao bạn đọc một đoạn tơ lòng nữa của chúng tôi : SA-ĐÉC xưa và nay.

HUỲNH MINH

PHẦN THỨ NHỨT :

SỬ - LUẬQ' C trải qua các thời-đại
ĐỊA - LÝ tòng-quát.

SỨ-LƯỢC

SA-ĐÉC DƯỚI THỜI CHÚA NGUYỄN VỐ-VƯƠNG NGUYỄN-PHÚC-KHOÁT (VÙNG ĐẤT TẦM-PHONG-LONG VÀ ĐÔNG-KHÀU-ĐẠO)

Sa-Đéc nói riêng, lãnh thổ miền Nam Việt-Nam nói chung, vốn do công trình của Tiền-Nhân ta dưới thời các Chúa Nguyễn đã dày công khai thác. Từ thời chúa Hiền túc Hiền-Vương. Nguyễn Phúc-Tần, sau truy dâng miếu hiệu là Thái-Tông Hiếu-Triết (1648-1687), cuộc nam tiến hình thành, lãnh thổ Việt dần-dần mở rộng. Đầu tiên thâu phục đất Mô-Xoài (vùng Bà-Rịa, Biên-Hòa ngày nay) vào năm 1658. Rồi lần lượt đến bình định Sài-gòn (Vùng Saigon, Gia-định) trong năm 1698, Định-Tường (Mỹ-Tho) và Long-Hồ (Vĩnh-Long) khoảng năm 1731.

Miền Hậu-Giang, Mạc-Cửu dâng đất Hà-Tiên và Hòn Phú-Quốc cho chúa Nguyễn-Phúc-Chu từ năm 1714, rồi ít lâu sau, con là Mạc-Tú túc Mạc-Thiên-Tích mở mang thêm bốn

huyện : Long-Xuyên (miền Cà-Mau), Kiên-Giang (Rạch-Giá), Trấn-Giang (miền Cần-Thơ) và Trấn-Di (miền bắc Bạc-Liêu) từ năm 1739.

Cho đến năm 1759, vùng đất Châu-Đốc và Sa-Đéc khi ấy còn mang tên là đất (Tầm-phong-long) mới thật sự nằm trong bản dư-đồ lãnh thổ Việt-Nam ta.

Bây giờ, toàn lãnh thổ ta chia làm 12 dinh, Vùng đất Sa-Đéc vốn thuộc dinh Long-Hồ. Vị tướng soái nắm quyền điều khiển toàn quân toàn dân Long-Hồ dinh là Nguyễn-Cư Trinh, có Trương-Phúc-Du phụ-tá

Đa mưu túc trí, kinh luân thao lược toàn tài, Nguyễn-Cư-Trinh dốc lòng lo cuộc mò mang bờ cõi Miền Nam nước Việt Đặc kế hoạch phòng thủ lâu dài, ông đệ sớ về triều bày tỏ sách lược, rồi dời dinh Long-Hồ lên xứ Tầm-bào (Tỉnh lỵ Tỉnh Vĩnh-Long, thuộc Thôn Long-Hồ). Đồng thời ông đôn đốc quân dân xây cất đồn lũy ở những nơi hiểm yếu, để ngăn ngừa cuộc đánh phá của người Chân-Lạp và Xiêm-La.

Đường bộ, ông dùng người Chàm trấn đóng các đồn ở Tây-Ninh, và một phần trấn thủ ở Hồng-Ngự. Các đồn Tây-Ninh, Hồng-Ngự (xưa thuộc Châu-Đốc nay thuộc Kiến-Phong) liên lạc nhau do đường tắt vùng biên giới băng ngang Đồng-Tháp-Mười, Soài-Riêng.

Đường thủy thì lập đồn ở hai bên sông Cửu-Long gần biên giới gồm có :

- 1)— Tân-Châu-đạo (Cù-lao-giêng) ở Tiền-giang
- 2)— Châu-Đốc đạo ở Hậu-giang
- 3)— Đồng-Khẩu-đạo ở Vùng Sa-Đéc

4) — Kiên-giang-đạo (ở vùng Rạch-Giá).

5) — Long-Xuyên-đạo (vùng Cà-Mau)

Thế là vùng Sa-Đéc khi xưa đã nghiêm nhiên là một vị-trí chiến lược quan trọng ở miền Hậu-giang. Được đặt làm *Đồng-khâu-đạo*, Sa-Đéc trở nên là một trong 5 đạo làm hậu thuẫn cho Long-Hồ dinh, là tiền đồn trấn giữ tinh-ly Vĩnh-Long xưa.

Bởi lẽ ấy, một khi đã nhắc đến Long-Hồ dinh, nói đến tỉnh Vĩnh-Long xưa và nay, chúng ta không thể không nhắc riêng đến Sa-Đéc đã có một thời quá khứ đầy chứng tích lịch sử, đáng được nhắc-nhở.



Con rạch Cái-Sơn vùng Đồng-Khâu-đạo ngày xưa, rạch này xuyên qua Nàng Hết và Tân Dương

SA-ĐÉC TRONG THỜI CHÚA NGUYỄN PHÚC ÁNH BÔN BA TẦU QUỐC

Công lao khai thác Miền Nam Việt-Nam, hoàn toàn do thống suất của Nguyễn-Cư-Trinh và Trương-Phúc-Du đã an định vào thời chúa Võ-Vương Nguyễn-Phúc-Khoát. Khởi đầu chính sách tăm thực (!), thâu phục đất đai Mô-Xoài (Vùng Bà-Rịa, Biên-Hòa) từ năm 1658 thời Hiền-Vương Nguyễn Phúc-Tần, dần dần cho đến năm 1759 hoàn thành cuộc Nam-tiến, dăng-dẳng tròn một thế-kỷ. Suốt một thế kỷ gian lao khai hoang, xây dựng đất nước, từng phen đương đầu chống với Chân-Lạp, Xiêm-La, biết bao xương máu tiền nhân đã đổ bồi.

Nhưng dựng nước đành là khốc nhọc, đến nhưng cùng nòi giống chiến tranh với nhau, cuộc đốt máu như thế ấy là bi đát, Miền Nam dâm máu giữa người cùng nòi giống với nhau, bắt đầu từ lúc chúa Định-Vương Nguyễn-Phúc-Thuần chạy vào Gia-Định, lôi cuốn theo cơn lốc Tây-Sơn, gây nên trường bão tố xót-xa cho nòi Việt.

Ba phen Gia-Định thất thủ, biết bao phen miền Tiền giang và Hậu-giang bị khói lửa lan tràn, Long-Hồ dinh rợp trời binh đao. Cố nhiên vùng chiến lược Đông-khầu-đạo (Sa-Đéc) không làm sao thoát khỏi sự tàn phá dữ-dội, gây thảm họa cho giống nòi lâm cảnh nỗi chiến !

Chúa Nguyễn-Phúc-Thuần sa cơ lại Long-Xuyên.đạo (Cà-Mau) thì từ ấy binh quyền về tay Nguyễn-Phúc-Ánh. Có thể

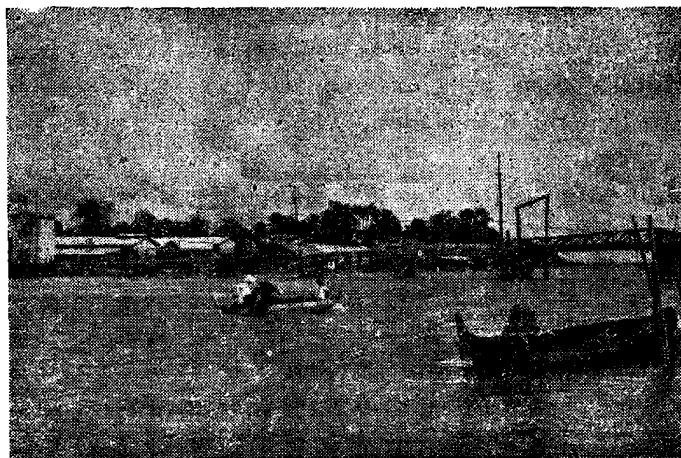
nơi, gót chân lưu vong của Chúa Nguyễn-Phúc-Ánh đã dầm khắp đất đai Miền Tây. Nơi đâu có mặt Chúa Nguyễn, thì binh đội Tây-Sơn cũng tràn lan tới, và cuộc tranh hùng đẫm máu liên miên tiếp diễn.

Những hào-kiệt miền tây Nam-Việt theo phò tá Chúa Nguyễn có cơ hội xuất đầu lò diện, Riêng vùng Vĩnh-Long (Long-Hồ) Sa-Đéc (Đông khầu-đạo) nổi bật Tống-Phúc-Hiệp Tống-Phúc-Hòa, Nguyễn-Văn-Nhơn, Châu-Văc-Tiếp. Nhất là hai anh em họ Tống đều tận trung tử nghĩa vì Chúa Nguyễn.

Từ năm Giáp-Thìn 1784, Sa-Đéc rực trời biuh lửa, đắng-dắng sát khí ; vì Nguyễn-Vương từ Xiêm đem binh về có binh tướng Xiêm gồm 20.000 người và 300 chiến thuyền theo giúp. Hai tướng Xiêm là Chiêu-Tăng và Chiêu-Sương chỉ huy đoàn thủy quân lục chiến ấy. Vị tướng lãnh chỉ huy quân của Nguyễn-Vương là Bình-Tây đại Đô-Đốc Châu-Văn-Tiếp. Bình viện trợ đường ấy kè cũng là một lực lượng hùng hậu đáng ngại ! Nhưng, lòng trời chưa tựa Nguyễn-Vương. Sông Man-Thít (Sa-Đéc) sóng gào hận đồng chung tương-tàn ; Đô-Đốc Châu-Văn-Tiếp kiêu binh tú-trận. Rồi đến một trận Rạch Gầm (!) chúa tướng Tây-Sơn Nguyễn-Huệ phá vỡ quân Xiêm.

Binh tan tướng mất. Nguyễn-Vương lai lìa miền tây, lè gót lưu vong, ý đồ phục hận vẫn không nguôi. Hết binh Nguyễn Vương, lại đến binh Tây Sơn trấn đóng, Vĩnh-Long Sa-Đéc nói riêng, toàn vùng chiến thuật miền tây nói chung, dân gian vẫn phải thấp thỏm lo âu khói lửa binh dao, tê tái than dài ách nạn nỗi da xáo thịt !

(1) Xem xem quyển Định-Tường xưa và nay.



*qua các hình ảnh quê hương
Cầu đúc ngang sông Sa-Đéc qua xã Tân-Hưng*

Cho đến năm Đinh-Vi 1787, binh Nguyễn-Vương lại vùng lên. Lần này, Nguyễn-Vương thiết lập đai-bản-dinh tại Hồi-Oa (nước xoáy), thuộc làng Tân Long (sau đổi là Hưng-Long). Đồn lũy giăng giăng. Sa-Đéc lúc bấy giờ trở thành một nơi hành cung, bậc Vua chúa tạm ngự, đóng đô ở đấy. Vì thế, ngày nay Sa-Đéc hảy còn dãy đài di tích thời Chúa Nguyễn-Phúc-Ánh lưu vong, mưu đồ phục quốc,

Đã có duyên nợ đậm đà với vùng Long-Hồ, Sa-Đéc, cho nên đến khi thống nhất non sông, lên ngôi Đế, tức Vua Gia Long, nhà vua đầu tiên dòng Nguyễn-Phúc vẫn hằng tỏ lòng lưu恋 những kỷ niệm xưa ấy, mà có lần đã ngự du Long-Hồ trong dịp đầu xuân năm 1805. Mùa xuân thanh bình trở lại trên đất nước. Sa-Đéc thuở ấy hẵn tràn ngập niềm hoan lạc trong lòng dân chúng đã quá đau khổ triền miên vì cuộc nội loạn, nay mừng ra nước mắt đón thanh bình.

SA ĐÉC QUA CÁC TRIỀU ĐẠI NHÀ NGUYỄN - PHÚC

Bởi có duyên nợ đậm đà với vùng đất Sa-Đéc, nên khi trú đóng tại đây, chúa Nguyễn-Phúc-Ánh đã đặt tên làng tại Nước-Xoáy (Hồi-Oa) là làng Long-Hưng, và nhiều làng quanh vùng mang tên là Long-Ấu, Long-Thắng, Long-Hậu.

Khi xưa, Sa-Đéc gồm có hai Tông : An-Xuyên và Vĩnh-An, thuộc châu Định-Viễn. Đến năm Gia-Long thứ bảy (1808), đổi châu Định-Viễn làm Phủ-Định-Viễn. Hai Tông An-Xuyên và Vĩnh-An đổi thành huyện An-Xuyên và huyện Vĩnh-An.

Phủ tri Định-Viễn chia vị 56 trượng, rào tre đặt tại địa phận hai thôn Hiệp-An và Tân-Mỹ-Đông, thiết lập từ năm Gia-Long thứ 12 (1813). Đến năm Minh-Mạng thứ 14 (1833) mới dời qua địa phận thôn Trường-Xuân, huyện Vĩnh-Bình.

Theo «Đại Nam Nhất-Thống-Chí» (1) vùng Sa-Đéc ngày xưa bao gồm hai huyện Vĩnh-An và An-Xuyên như sau :

«Huyện Vĩnh-An, đông đến tây cách nhau 38 dặm, nam đến bắc cách nhau 22 dặm. Phía đông đến huyện giới An-Xuyên 2 dặm : phía tây đến huyện giới Phong-Phú ở phủ Tuy-Biên 36 dặm ; phía nam đến huyện giới Đông-Xuyên 12 dặm ; phía bắc đến huyện giới Kiến-Phong tỉnh Định-Tường 10 dặm.

«Nguyễn trước là tông Vĩnh-An. Năm Gia-Long thứ 7 (1808) thăng làm Huyện, thuộc phủ Định-Viễn, tỉnh Vĩnh-Long.

(1) Bản dịch của Tu-Trai Nguyễn-Tạo, Nhà Văn Hóa Bộ Quốc Gia Giáo-Dục xuất bản.

Năm Minh-Mạng thứ 13 (1832) trích thuộc về phủ Tân-Thành
 «Có bốn Đồng, 36 Xã thôn Bang phố.

HÌNH THẾ NGÀY XƯA

«Huyện An-Xuyên, ở đông nam phủ (Tân-Thành) 24 dặm. Đồng đến tây cách nhau 48 dặm, nam đến bắc cách nhau 46 dặm. Phía đông đến sông tỉnh Vĩnh-Long 8 dặm ; phía tây đến giới hạn huyện Phong-Phú ở phủ Tuy-biên 40 dặm ; phía nam đến huyện giới Vĩnh-Định thuộc phủ Ba-Xuyên 30 dặm, phía bắc đến sông tỉnh Định-Tường 16 dặm.

«Nguyên trước là địa hạt huyện Vĩnh-An. Năm Minh-Mạng thứ 20 (1839) chia đặt huyện này thuộc phủ Tân-Thành thống hạt. Năm Tự-Đức (1853) quai về phủ Tân-Thành kiêm nhiếp. Có 3 tổng, 25 xã thôn».

Như thế, rõ là đất Sa-Đéc xưa gồm có hai huyện Vĩnh-An và An-Xuyên, trước thuộc phủ Định. Viễn, sau thuộc phủ Tân-Thành, chia làm 7 tổng, 61 xã thôn. Điều cần biết rõ hơn, trên kia chúng tôi đã ghi lại về phủ trị Định-Viễn, tướng nên ghi thêm về huyện trị Vĩnh-An và huyện trị An-Xuyên của Sa-Đéc xưa.

Huyện trị Vĩnh-An, đến năm Minh-Mạng thứ 13 (1832) đổi làm phủ trị Tân-Thành, chau vi hơn 50 trượng, rào tre ở thôn Vĩnh-Phước.

Còn huyện trị An-Xuyên, chau vi 50 trượng, rào tre, ở địa phận thôn Tân-Hộ, thiết lập vào năm Minh-Mạng thứ 20 (1839).

Từ đời Minh-Mạng, nhà vua đặc biệt lưu tâm đến việc giáo-dục. Ngay tại Sa-Đéc thuở ấy, có đến hai trường học lớn :

Trường phủ Tân-Thành, ở phía đông phủ trị Tân-Thành

địa phận thôn Vĩnh-Phước, xây cất vào năm Minh-Mạng thứ 13 (1832).

Trường huyện An-Xuyên, ở phía đông huyện trị An-Xuyên địa phận thôn Tân-Hộ, xây cất năm Minh-Mạng thứ 20 (1839).

Thuở ấy đất dai Sa-Đéc phi nhiêu, dân cư trù mật, Căn cứ theo những điều đã ghi ở «Đại-Nam-Nhất thống-chí», chúng ta nhận thấy về đường thủy, các sông ngòi ở Sa-Đéc xa xưa đã được khai thông khá nhiều, đem lại sự tiện lợi cho dân chúng biết bao :

Sông Sa-Đéc. — Ở phía bắc lỵ tinh Vĩnh-An 8 dặm, là bờ phia nam Tiền-giang, rộng 21 trượng, sâu 28 thước. Sông trong nước ngọt, hai bên vườn ruộng mỏ mang đất lốt, nhân dân giàu có. Đạo Đông khẩu khi trước đồn trú ở phia nam, chợ phố liên tiếp ở phia bắc, ghe thuyền lắp nập; phia tâc có bến Tiên, phia hữu có bến Phụng-Nga, hình như La-thành hộ vệ, cảnh trí rất tốt đẹp.

Rạch Nước - Xoáy (Hồi-Oa thủy). Ở phia bắc huyện Vĩnh-An 15 dặm, do nước sông Sa-Đéc đưa đến. Nước chảy xoáy quanh vùng, rồi hội hiệp về Tiền-giang và Hậu-giang. Lúc đầu trung hưng vào năm Đinh-Vị 1787. Thé Tô Cao-Hoàng-Đế có đồn trú nơi đây để hiệu lệnh các đạo quân, và nhờ địa thế hiểm yếu thu được nhiều chiến công. Đây là một nơi chiến thắng, đến nay nhân dân còn ca tụng.

Các sông Nha-Mân, An-Thuận, Tân-Đông, Long-Phụng, Hội-An, Mỹ-An, v.v... hầu hết đều giữ được khí đắt sinh vượng. Hai bên ruộng vườn đều thanh mậu.

Tuy nhiên, tình trạng an ninh ở Sa-Đéc lúc bấy giờ vẫn thường bị Chân-Lạp và Xiêm-La đe dọa. Trong năm Quý-Tị (1833), tại Gia-Định Lê-văn-Khôi dấy binh phản đối triều đình về vụ án Lê-văn-Duyệt. Cuộc nội biến ấy xảy ra vào khoảng tháng năm. Nhân dân hai miền Tiền-giang và Hậu-giang chịu ảnh hưởng của thời cuộc, xôn xao không ít. Dần dần thảm họa nỗi loạn lan xuống đến vùng Vĩnh-Long, Sa-Đéc. Dân chúng lầm than náo nùng :

Đã khôle về nội chiến, lại thêm vương nạn ngoại xâm. Cũng trong năm Quý-Tị ấy, khoảng cuối năm, binh Xiêm chia làm 5 đạo thủy bộ tràn sang đánh phá các vùng Hà Tiên, Châu-Đốc, Vĩnh-Long. Một khi khôi lửa chiến tranh bùng dậy trên đất Vĩnh, cỗ nhiên Sa-Đéc đã phải đặt trong tình trạng khẩn trương. Nạn binh đao gieo tang tóc, làm khôle đồng bào Sa-Đéc không ít.

Đối phó với giặc trong là nhóm Lê-văn-Khôi, giặc ngoài là binh Xiêm, triều đình cử, Trương-Minh-Giảng và Nguyễn Xuân đi đánh dẹp. Võn có đại tài, trí mưu thao lược của hai vị tướng lãnh Trương-Minh-Giảng và Nguyễn-Xuân thừa sức chống địch. Một trận oanh liệt kết thúc cuộc chiến chống ngoại xâm, xảy ra trên sông Cỏ-Cắng (Vĩnh-Long). Tại đây, các vị tướng lãnh của ta đã hào hùng điều khiển binh sĩ phá tan thủy quân Xiêm. Thừa thắng, chỉ trong vòng một tháng, quân ta đuổi binh Xiêm ra khỏi Vĩnh-Long, tiến đánh lấy lại Hà-Tiên và Châu-Đốc. Từ ấy, dân chúng quanh vùng Vĩnh-Trà-Sa (Vĩnh-Long Trà-Vinh Sa-Đéc) được yên ổn làm ăn.

Cho đến triều Tự-Đức, khi tiếng súng ngoại xâm bùng nổ trên đất ta, vào khoảng năm 1862, vùng Vĩnh-Long,

Sa-Đéc bị quân đội Pháp chiếm đóng lần đầu tiên, bấy giờ là ngày 28 tháng ba 1862. Rồi do hòa-ước 5 tháng sáu 1862, chúng mới chịu giao trả Vĩnh-Long lại (1). Nhưng chúng vẫn làm áp lực khống chế quân dân ta mãi, cốt ý xúc tiến việc thôn tính đất nước ta mới thỏa ý đồ xâm-lược của họ.

Tự nhiên là dân miền Tây khi ấy vẫn đã sẵn-sàng để cao tinh thần kháng chiến, há dè bỏ tay ngồi nhìn vận nước nguy nan. Dân chúng vùng Sa-Đéc cũng phải chịu chung nỗi thống khổ điêu linh vì khói lửa chiến tranh, và cố nhiên cũng đã phải đóng góp xương máu rất nhiều trong cuộc bảo vệ đất nước thoát ách ngoại xâm của nước Pháp.

Kẻ đi xâm lược, một khi đã có đất đứng đẽ làm bàn đạp vọt tới đánh khắp nơi thì có bao giờ họ chịu dừng tay. Quân đội Pháp đã có mặt ở Saigon, đã chiếm lấy 3 tỉnh miền Đông, tất nhiên cái cớ gồm nuốt trọn lãnh thổ miền Nam chỉ còn chờ thời gian thuận tiện là đầy đủ.

QUÂN PHÁP CHIẾM 3 TỈNH MIỀN TÂY LẬP NỀN HÀNH-CHÁNH :

Năm 1867 trong khi cuộc thương nghị (bắt đầu từ năm 1864) giữa Đồng-Đốc PHAN-THANH-GIẢN, TRẦN-TIẾN-THÀNH và PHAN-HUY-VỊNH với toàn quyền AUBARET nhằm chuộc lại 3 tỉnh miền Đông Nam phần chưa ngã ngũ ra sao. Tướng Pháp LAGRANDIÈRE kéo 1,400 quân từ Định-Tường qua đánh lấy 3 tỉnh miền Tây một lần nữa. Cụ PHAN-THANH-GIẢN trấn thủ Vĩnh-Long không giữ nổi trước sức tấn công

(1) Xin xem «Vĩnh-Long xưa và nay» đã xuất bản.

vũ-bão và vỏ khí hùng hậu, nên đành giao nộp thành thành trì cho quân Pháp, để tránh cho binh sĩ và nhân dân khỏi thương vong do sự chống đối tuyệt vọng, rồi uống thuốc độc tự-vận, dặn con cháu sau này không được nhận chức tước của chánh phủ Pháp.

Thế là từ đó. Vĩnh-Long, Sa-Đéc cùng các tỉnh miền Tây thuộc quyền cai trị của Pháp.

Lúc bấy giờ Pháp đã chiếm xong 3 tỉnh miền Tây rồi, 6 tỉnh miền Nam đã hoàn toàn dưới quyền cai trị của Pháp.

Chính phủ Pháp tò chức thuộc địa, phân chia ranh giới để cai trị, mỗi tỉnh đều đặt một quan Tham-biện, Quận, Tông, Làng, để kiềm soát dân chúng và đặt luật lệ thuế khóa tròng ách nô lệ trên đầu trên cổ dân Việt-Nam trên 80 năm đó hộ.



Những hình ảnh xưa của thời Pháp thuộc.
Đây là Tòa Bố Sa-Đéc ở phía đối diện Tân-Quí-Đông.

Vùng Sa-Đéc bây giờ nằm về tỉnh Châu-Đốc gồm 3 vị Tham-biện Pháp.

Tỉnh **Châu-Đốc** : 3 vị Tham-Biện.

1. **Châu-Đốc** : Châu thành Châu-Đốc
2. **Sa-Đéc** : Châu thành Sóc-Trăng.
3. **Ba-Xuyên** : Châu thành Sóc-Trăng.

Đến khi Sa-Đéc được tách riêng lập thành tỉnh, vị trí như sau :

Đông giáp tỉnh Mỹ-Tho, cách 60 cây số về tinh Vĩnh-Long, cách 24 km 500.

Tây giáp tỉnh Long-Xuyên, cách tinh này 48km 500.

Nam giáp tinh Cần-Thơ, 50km

Bắc giáp tinh Tân-An, 84km

Tỉnh Sa-Đéc khi ấy chia làm 3 quận, 10 tổng, 67 làng như sau :

I.— Quận Châu-Thành Sa-Đéc gồm có 5 tổng. 34 làng :

1) Tổng An-Hội có 5 làng : An-Tịch, Tân-Hưng, Tân-Xuân, Thượng-Văn và Phụng-Xuân.

2) Tổng An-Mỹ gồm 14 làng : An-Hòa-Đông, An-Thuận, Hòa-Hưng, Khánh-An-Đông, Phú-Hòa, Phú-Hựu, Phú-Nhơn, Phú-Nhuận, Tân-An-Đông, Tân-Hựu, Tân-Hựu-Đông, Tân-Hựu-Trung, Tân-Long, Tân-Nhơn,

3) Tổng An-Thạnh-Thượng có 4 làng : An-Hội, Hội-An-Đông, Mỹ-An-Hưng, Tân-Mỹ.

4) Tông An-Thạnh-Hà có 5 làng : Tân-An-Trung, Tân-Đông, Tân-Khánh, Tân-Khánh-Tây, Tân-Qui-Đông.

5) Tông-An-Trung có 6 làng : Bình-Tiên, Hòa-Khánh, Tân-qui-Tây, Tân-phú-Trung, Tân-phú-Đông, Vĩnh-Phước.

II.— Quận Cao-Lãnh gồm có 3 Tông, 20 làng :

1) Tông An-Tịnh có 5 làng : Hòa-An, Tịnh-Thời, Tân-Tịch, Tân-thuận-Đông, Tân-thuận-Tây.

2) Tông Phong-Nâm có 9 làng : Bình-hàng-Tây, Bình-hàng-Trung, Bình-Thạnh, Mỹ-Hội, Mỹ-Hiệp, Mỹ-Long, Mỹ-Thọ, Mỹ-Thành, Mỹ-Xương.

3) Tông Phong-Thạnh có 6 làng : An-Bình, Mỹ-Ngãi, Mỹ-Trà, Nhị-Mỹ, Phong-Mỹ, Tân-An.

III.— Quận Lai-Vung gồm có 2 tổng, 13 làng :

1) Tông An-Phong có 6 làng : Hậu-Thành, Long-Hưng, Tân-Bình-Hòa, Tân-Dương, Vĩnh-Thanh.

2) Tông An-Thới có 8 làng : Hòa-Long, Long-Hậu, Long-Thắng, Phú-Thành, Tân-Hòa, Tân-Phước, Tân-Lộc, Vĩnh-Thới.

Như thế, Tỉnh Sa-Đéc trong thời Pháp thuộc đã bao gồm cả vùng Cao-Lãnh tức vùng tỉnh lỵ Kiến-Phong bây giờ. Mà một khi đã nói đến hai chữ Cao-Lãnh, là người Việt tất ai cũng biết đó là chốn đã có lăm chí sỉ anh hùng hào kiệt ẩn thân.

ANH HÙNG HÀO KIỆT PHẤT CỜ CHỐNG PHÁP

Khi quân đội Pháp chiếm miền tây, biết bao hào kiệt vùng Định-Tường, Vĩnh-Long, Sa-Đéc, Cao-Lãnh đã phát động các

cuộc kháng chiến hào hùng. Tuy thất bại, không thành công, nhưng các vị anh hùng chống xăm-lăng ấy, các chí sĩ ngâm hận ấy, đều được muôn đời nhắc nhở, ngưởng mộ sùng kính. Những nhân vật kháng Pháp cứu quốc như Thiên-Hộ-Dương, Thủ-Khoa-Huân. Thống-Linh (Nguyễn-văn-Linh), Phòng-Biều (Nguyễn-văn-Biều) đã làm rạng danh Sa-Đéc ngày xưa. Những chí sĩ khét tiếng vùng Sa-Đéc Cao-Lãnh, như các cụ Nguyễn-Quang-Diêu v.v... đã nêu gương muôn thuở cho người Sa-Đéc.

Và khoãng cận đại có các chí sĩ như. Võ-Hoành, Dương-Bá-Trạc, Nguyễn-Quyền, từng bị chính quyền đưa đi an trí tại Sa-Đéc. Cụ Phan-Bội-Châu khi vào Nam, thân đến vùng Sa-Đéc tiếp xúc với những nhân vật có lòng yêu nước. Ông Đặng-Thúc Liêng cư ngụ ở Sa-Đéc là người tài năng khi tiết đã làm cho Sa-Đéc thêm phần văn học hào hùng.

Cho nên, dù chiếm đất nước ta, nhưng người Pháp chưa dè tiêu diệt được sỉ khí của dân tộc ta. Đặc biệt là sỉ khí vùng Sa-Đéc, Cao-Lãnh chói rạng hơn đậu hết. Lịch sử đã chứng minh điều ấy, và đến nay mọi người cũng đều đã biết rõ như thế. Chính tinh thần bất khuất của giống nòi ta đã cứu thoát dân tộc sớm cõi ách nô lệ của ngoại bang. Và trong công cuộc dành độc lập, tự do cho dân tộc, miền Tây Nam-Việt đáng được tự hào với tỉnh Sa-Đéc xưa kia có nhiều sỉ phu đầy tinh thần khí phách, làm rạng rỡ giống nòi dân Việt.

NỀN ĐỆ NHỨT CỘNG-HÒA SA-ĐÉC TRỞ THÀNH QUẬN, TỈNH VĨNH-LONG

Từ năm 1957, do Nghị Định số 308-BNV/NC/NĐ ngày 8-10-57, Tỉnh Sa-Đéc trở thành một quận thuộc tỉnh Vĩnh-Long, gồm

có 20 xã. Rồi 5 năm sau, do Nghị-Định số 719-NV ngày 11-07-62, lại cắt phần đất trong vùng Sa-Đéc là Đức-Tôn và Đức-Thành lập thành 2 quận riêng biệt nữa của tỉnh Vĩnh-Long như sau:

**Tỉnh Vĩnh-Long 9 quận, 24 tổng, 81 xã (bao gồm vùng
Sa-Đéc).**

1) Quận Châu-Thành gồm có 4 tổng, 14 xã		
2) — Chợ-Lách	3	— 9 —
3) — Tam-Bình	3	— 8 —
4) — Bình-Minh	2	— 6 —
5) — Minh-Đức	2	— 8 —
6) — Sa-Đéc	3	— 13 —
7) — Lấp-Vò	2	— 8 —
8) — Đức-Tôn	2	— 7 —
9) — Đức-Thành	3	— 8 —
		{ Vùng Sa-Đéc sáp nhập

SA-ĐÉC TÁCH RỜI VĨNH-LONG TRỞ LẠI TỈNH

Thời cuộc đổi thay, các tỉnh miền Nam dưới thời chánh phủ Ngô-Đình-Diệm, trở thành quận như: Gò-Công, Vũng-Tàu, Bạc-Liêu, Châu-Đốc, Sa-Đéc v.v.. Gần đây các tỉnh cũ bị sáp nhập làm quận, lần lượt được phục hồi lại địa vị cũ.

Sa-Đéc được tái chinh thức thành lập trở lại từ ngày 24-9-1966 do Sắc Lệnh của Thủ Chủ Tịch Hành pháp Trung Ương, Tỉnh tái lập này gồm có 4 quận 10 tổng đến ngày nay, 1970. Cải tổ đả bầu Hội đồng nhân dân Xã và lập Ủy ban Hành chánh Xã không còn tổng nữa.

SA-ĐÉC HIỆN ĐẠI

NĂM 1971 GỒM CÁC QUẬN XÃ NHƯ SAU :

I.— QUẬN CHÂU THÀNH	1 — Xã An-Tịch
	2 — — Tân-Hiệp
	3 — — Bình-Tiên
	4 — — Tân-Phú-Trung
	5 — — Tân-Xuân
	6 — — Tân-An-Trung
(TÊN CÁC XÃ)	7 — — Tân-Đông
	8 — — Tân-Mỹ
	9 — — Tân-Khánh
	10 — — Tân-Khánh-Tây
	11 — — Tân-Vĩnh-Hòa
	12 — — Hòa-Thành
	13 — — Tân-Dương

II.— QUẬN ĐỨC THÀNH :

(TÊN CÁC XÃ)	1 — Xã Tân-Thành
	2 — — Long-Hậu
	3 — — Vĩnh-Thới
	4 — — Tân-Hòa-Bình
	5 — — Hòa-Long
	6 — — Tân-Phước
	7 — — Long-Thắng
	8 — — Phong-Hòa

III.— QUẬN ĐỨC-TÔN :

- | | |
|---------------------|----------------------|
| (TÊN CÁC XÃ) | 1 — Xã Phú-Hựu |
| | 2 — — An-Nhơn |
| | 3 — — Tân-Nhuận-Đông |
| | 4 — — An-Phú-Nhuận |
| | 5 — — An-Khánh |
| | 6 — — Hòa-Tân |
| | 7 — — Phú-Long |

IV.— QUẬN LẤP VÒ :

- | | |
|---------------------|------------------------|
| (TÊN CÁC XÃ) | 1 — Xã Bình Thạnh-Đông |
| | 2 — — Bình Thạnh-Tây |
| | 3 — — Bình Thạnh-Trung |
| | 4 — — Hội An-Đông |
| | 5 — — Mỹ-An-Hưng |
| | 6 — — Định-Yên |
| | 7 — — Vĩnh-Thạnh |
| | 8 — — Long-Hưng |

Tổng cộng 4 Quận 36 Xã

Theo một tài liệu chúng tôi sưu tầm về nhân số chung toàn tỉnh gồm cả nam phụ lão ấu và số người di-cư từ năm 1966-67, Cộng trên 250.000 người và nhân số hiện tại năm 1971 gần 300.000 người kè cả binh đội của Sư-đoàn 9 Bộ-Binh

Lịch sử tỉnh Sa-Đéc tóm lược như trên, kè ra cũng là nơi rất xứng đáng lưu truyền sự tích. Ngày nay Sa-Đéc cũng như bao tỉnh khác đang trên đà phát triển mọi ngành sinh hoạt, trong tương lai hẳn còn xứng đáng hơn lên.



Buổi bình minh trên vèm sông Sa-Đéc

Sa-giang cảnh vật nên thơ.

Quyện lòng du khách gợi tình nước non !



ĐỊA LÝ

Từ Thủ-đô Saigon theo quỹ-cách 4 xuồng Sa-Đéc qua bắc Mỹ-Thuận rẽ về phía tay mặt tiễn theo lô số 8 tới Sa-Đéc là 136 cây số.

I.— Vị-trí, giới-hạn, diện-tích :

a) *Vị-trí* : Tỉnh Sa-Đéc nằm giữa Tiền-giang và Hậu-giang, Đông-Tây ước độ 36 cây số ngàn, Bắc-Nam chừng 22 cây số ngàn, ở những quãng tối đa.

b) *Giới hạn* : Phía Bắc, Tỉnh Sa-Đéc giáp 2 tỉnh Kiến-Phong và Bình-Tường.

Phía Nam giáp An-Giang, Phong-Dinh và Vĩnh-Long.

Phía Đông giáp An-Giang.

c) *Diện tích* : 776 km², 288

II.— Địa chất.

Không có đồi núi, Đất tỉnh Sa-Đéc là Phù-sa phì nhiêu, hợp cho việc trồng lúa, các loại cây và cây kỹ-nghệ. Mật đất pì ần lớn là ruộng và vườn.

III.— Núi đồi, đồng bằng, cù-lao

Như trên đã nói, Tỉnh Sa-Đéc là một vùng đồng bằng, do phù sa bồi đắp nên cũng có nhiều chỗ thấp, mùa nước lớn có nhiều nơi bị lụt ngập nhất là vào khoảng giữa tháng 10 cho đến giữa tháng 12 dương lịch.

VI.— Khí hậu, mưa gió.

a) Khí hậu nhiệt độ trung bình,

- Buổi sáng 25 độ, trưa chiều 28 độ trong mùa mưa.
- Buổi sáng 27 độ, trưa chiều 31 độ trong mùa nắng.

b) Mưa : Mưa bắt đầu vào tháng tư chỉ vào khoảng tháng 6, 7, 8 và 9 thì mưa rất thường, có nhiều đám mưa to lầm khi kéo dài đến đài ba ngày. Mưa trở lại ít, từ đầu tháng 10 và chấm dứt vào cuối tháng 11 âm-lịch.

c) Gió : Có hai ngọn gió chính : Gió tây nam thổi trong mùa và gió chướng thổi từ hướng Đông trong mùa nắng.

V.— Thảo mộc Càm thú :

a) Thảo mộc : Cây cối tốt tươi nhất là về mùa mưa vì có nước đầy đủ. Ruộng lúa phì nhiêu, vườn cây xanh biết. Cũng có nhiều vùng đất cồn hoang vu, thì toàn là tranh và lác dày bịch. Rải rác trong các vườn cây ăn trái, hoặc nơi các đồng ruộng có một số ít cây danh mộc như : Dầu, Sao, Bằng-lăng, và các cây cổ thụ như cây đa, cây bồ-đề thường có tại các Chùa, Đền, Miếu v.v...

b) Càm thú : Ngoài số gia súc đủ dùng như : Trâu, bò, heo chó, gà, vịt, ngỗng v.v... tại các đồng ruộng còn có chồn, trăn, rắn rùa. Về các loài chim thì kè ; cò, quạ, dều, le-le, gà nước, óc cao, vò vè, chàng nghịch v.v...

SADEC, ĐƯỜNG GIAO THÔNG, THỦY, BỘ

a) Đường thủy : Ngoài hai sông Tiền-giang và Hậu-giang

chạy dài bên phia nam và phia bắc đè làm ranh giới trong tinh lại còn có nhiều sông, kinh, rạch nhè giúp cho việc lưu thông bằng đường thủy từ vùng này qua vùng khác như :

— *Rạch chợ-Cồn* :

Con rạch này tuy ngắn nhưng quan trọng, vì các tàu bè, ghe đò buôn bán trên sông Tiền-gian muốn ghé Châu-Thành Sa-Đéc thì bắt buộc phải vào con rạch độc nhất này.

— *Sông Sa-Đéc* :

Thông thương từ tinh ly qua các Xã Tân-Dương, Long-Hưng, Vĩnh-Thạnh, Bình-Thành-Đông, Bình-Thành-Tây trồ ra sông Hậu-Giang và Vàm-Cổng, và từ Tỉnh ly qua các Xã Tân-Vĩnh-Hòa, Tân-Xuân, Tân-Nhuận-Đông, An-Nhơn, Phú-Hựu trồ ra sông Tiền-Giang gần Bắc Mỹ-Thuận.

— *Rạch Sa-Nhiên* :

Thông thương đến các Xã Tân-Khánh, Tân-Khánh-Tây thuộc Tông An-Thạnh.

— *Rạch Căn-Thơ* :

Thông thương từ Sa-Đéc đến Tỉnh Phong-Dinh.

— *Rạch Nha-Mân* :

Thông thường giữa các Xã Tân-Nhuận-Đông, Phú-Long Hòa-Tân, Phong-Hòa qua đến Quận Đức-Thành.

— *Kinh Thầy Lâm* :

Nối liền hai Xã Long-Hưng và Mỹ-An-Hưng thông ra sông Tiền-Giang.

— *Rạch Cái-Tàu-Hạ :*

Thông thương qua xã Sông-Phú (Quận-Tam-Bình) và Xã Tân-Hòa-Bình (Quận Đức-Thành)

Rạch Cái Tóm-ngang :

Thông thương từ Xã An-Tịch qua Xã Tân Hiệp và trồ ra Sông Tiền-Giang.

Còn nhiều kinh rạch như :

- Kinh Đức-Phủ-Hiền
- Kinh rau cần
- Kinh Ông Huyện
- Kinh Đọi Thơ
- Rạch Cái da nhỏ
- Rạch Mù-U
- Rạch Cái-sép
- Rạch Cây-sanh
- Rạch Khê-Rang.v.v..

b) *Đường bộ :*

— Đường Liên-Tỉnh số 8 từ địa đầu Quận Đức-Tôn đến dò Vầm-Cóng : 52cs 883 :

Con đường độc nhất cho việc đi lại giữa Tỉnh lỵ đến các Quận lân cận như Đức-Tôn, Đức-Thành, Lấp-Vò. Con đường này tráng nhựa được chánh phủ chú ý chăm nom gìn giữ, vì nó nối liền nới các con đường địa phương khác rất tiện lợi cho việc đi lại và tiếp tế thực phẩm, cùng chuyên chở hành khách giữa đô thành với các Tỉnh, các Quận miền Tây như An-Giang, Châu-Đốc, Kiên-Giang.

— Đường Tỉnh-hạt 23 từ Quận Châu-Thành đến Cái-Tàu
Thượng dài 31cs 870 :

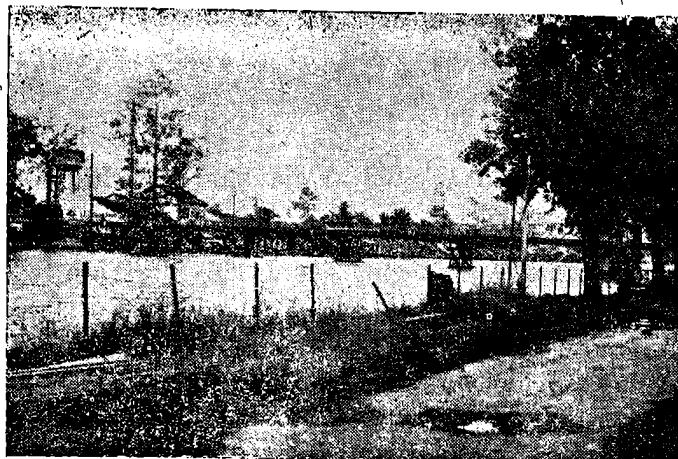
Đường này nối liền Tỉnh Sa-Đéc với Quận Chợ-Mới (Tỉnh An-Giang) và Tỉnh Kiến-Phong qua chiết phà Cao-Lãnh, con đường này đã bị tàn phá lúc biển cõ năm 1945, nay được sửa chữa và được cát đá lại.

— Đường Tỉnh-lộ 29 : Đi từ Hòa-Long đến Lai-Vung dài 8cs 450.

— Đường Tỉnh-lộ 37 : Đi từ Lai-Vung đến Quận Bình-Minh (Vĩnh-Long) dài 10cs 440.

Ngoài ra còn có các Hương-lộ nối liền từ Tỉnh-ly hoặc Quận-ly đến các xã như :

— Hương-lộ 13 : Từ Sa-Đéc đến các Xã Long-Hưng (Lấp-Vò)



Cầu sắt bắc ngang qua Tân-Qui-Đông

- Hương-lộ 4 : Dọc theo kinh Đốc-Phủ-Hiền từ Sa-Đéc đến Xã Tân-Phú-Trung.
- Hương-lộ 2 : Dọc theo Rạch Nha-Mân, từ cầu Nha-Mân đến Xã Xéo-Mát.
- Hương-lộ An-Tịch : Nối liền từ Sa-Đéc đến 2 Xã An-Tịch và Tân-Hiệp.
- Hương-lộ số 5 : Từ Tỉnh-ly đến Xã Tân-Phú-Trung dài 20 cs 270.
- Hương-lộ số 8 Đến Xã Định-Yên.
- Hương-lộ số 19 : Đến Xã Mỹ-An-Hưng.
- Đường lộ đi Mũi Cần-gió (Basse Nord) bắt đầu từ sát Sa-Đéc, Mũi Cần-gió dài 2 cs 500 là Vành rạch Sa-Đéc, khi xưa là nơi bến tàu Lục-tỉnh và Nam-Vang ghé rước đưa hành khách và cất chở hàng, nơi đây, khi trước cũng có dựng lên cái chợ gọi là chợ Cồn nay nơi này bị lở vô sâu mấy chục công đất, nên bến tàu đã bỏ từ lâu.
- Doi-Cồn : Mé bên sòng thuộc Tân-Qui-Đông sát bờ sông Sa-Đéc vì nước chảy siết nên đã bị lở. Chánh quyền đang đóng cù hàn lại, nhưng lâu ngày không thể chịu nổi với lạch nước xoáy.

Trong tương lai, về địa lý ở đây sẽ còn nhiều sự thay đổi có chỗ sụp mất, có nơi bồi thành cồn, vì thế trong họa đồ sẽ có, sự thay đổi, đó là về mặt địa lý đồng quát.

PHẦN THỨ NHÌ :

DANH - NHÂN LỊCH - SỬ
và

NHÂN - VẬT CẬN - ĐẠI

DANH-NHÂN LỊCH-SỬ

CHƯỞNG-THỦ-Y-DINH QUẬN-CÔNG TỔNG PHƯỚC HÒA

SA CƠ BỊ TÂY-SƠN BẮT TẠI BA-VÁT, TỰ-VẬN
ĐỀ BẢO TOÀN DANH TIẾT

Anh em đều vinh hiền, ngàn thu hương hỏa sùng phụng,
nơi đền dài miếu mạo Vĩnh-Long — Sa-Đéc, thật chẳng ai
bằng gia-dinh Tống-Quốc-Công. Dân chúng Vĩnh-Long không
ai là chẳng biết miếu thờ Tống-Quốc-Công (Phước-Hiệp), còn
tại Sa-Đéc, thì ngôi đình thờ Tống-Quận-Công (Phước-Hòa)
cũng nguy-nga tráng-lệ không kém. (Trước kia có đền thờ
riêng sau này Chánh phủ Pháp dỡ di dề cất bót cảnh sát
ở đó, nên nay Tống-Quận-Công thờ chung với đình Thành
làng Vĩnh Phước).

Tống-Phước-Hòa là em ruột Hữu-Phủ Quốc-Công Tống-
Phước - Hiệp (1), đã từng vào sanh ra tử theo phò Chúa

(1) Tiêu-sử cũ Tống-Phước-Hiệp, xin xem quyển « Vĩnh Long Xưa và Nay ».

Đinh-Vương Nguyễn-Phúc Thuần lúc chống Tây-Sơn. Xuất thân là Cai-cơ trong quân ngũ của anh tại Long-Hồ-dinh, nhưng ông tuyệt nhiên không cậy oai thế của anh mình mà tự kiêu tự mãn. Lúc nào ông cũng nhún nhường, tháo vát mọi trọng trách một cách mẫn cán, liêm-chỉnh. Trong quân cũng như ngoài dân chúng, người người đều mến chuộng tài đức của ông.

Mùa Xuân năm Bính-Thân (1776), Tây-Sơn kéo vào hạ thành Gia-Định. Ông vâng lệnh anh đi cứu viện. một lòng quyết tử, làm tròn nhiệm vụ, đánh Tây-Sơn khôi phục đất đai đã mất. Do công lao ấy, ông được thăng Chưởng Thủy-dinh, tước Quận-Công. Rồi cùng anh đóng quân tại Long-Hồ.

Năm sau, Đinh-Dậu, 1777, Tây-Sơn lại kéo vào đánh chiếm Gia-Định. Bấy giờ ông đang cùng Tống-Phước-Thiêm trấn giữ Long-Hồ, lập tức điều động binh sĩ ứng chiến.

Tây-Sơn dũng - mảnh tiến chiếm nhiều nơi trọng yếu. Chúa Nguyễn và các Quan hầu cận liệu thế không xong, lui về Ba-Vát (Bến-Tre) cố thủ. Ông hay tin, lòng càng hăm - hở quyết tử chiến, một mình đem binh chống cự. Dũng - cảm chiến đấu, binh sĩ dưới sự chỉ huy của ông thảy đều hăng hái tranh phong cùng địch, thắng luôn nhiều trận.

Tây-Sơn bèn dùng mưu, một mặt cầm cự ngăn ông tại Ba-Vát, một mặt đồ binh đánh tập hậu, bắt sống được Tân-Chánh-Vương (tức Đóng-cung Nguyễn-Phúc-Dương) giải về Gia-Định hành quyết. Ông cảm hờn than dài: Chúa nhục thì kẻ làm tôi nên liều chết! Ông càng thúc quân đánh mạnh hơn lên. Nhưng dầu anh dũng đến thế nào, sức cõi thế

yếu, ông cũng đánh ngã mìn hận mà thôi. Liệu bồ khó thắng nỗi trong tình thế nguy nan, ông liền đánh một trận cuối cùng cực kỳ dữ-dội, rồi trở gươm tự sát nơi chiến trường Ba-Vát.

Chẳng những các chiến hữu của ông đều cảm phục thương tiếc, mà tất cả tướng sĩ Tây-Sơn cũng nhiệt lòng khen ngợi ý chí trung liệt của ông.

Về sau, gồm thu non sông về một mối, Vua Gia-Long nhớ công ơn, truy phong ông chức Chưởng-Dinh-Quận-Công. Năm Canh Ngọ 1810, nhà vua lại cho thờ ông tại Miếu-Trung Tiết công Thần ở Huế.

Nay tại làng Vĩnh-Phước trong Châu-thành Sa-Đéc, hãy còn ngôi Đinh thờ ông, xây cất cực kỳ tráng-lệ. Tục gọi «Miếu quan Thượng-đẳng», cũng là Đinh Thần làng Vĩnh. Phước như kè trên.

Ông Nguyễn-Đăng-Khoa có thơ vịnh :

*Quốc-công trọng trước dãy lòng trung
Tay đỡ thành Nam chống thế công
Đất trời anh tài trong nước lứa
Trời treo gương Tống chói non song
Oai danh thơm nực ngoài ba cõi
Oanh liệt còn vang thấu cửu trùng
Công đức đã đầy trong võ-trụ
Hiền thần chẳng nhọc, Đế-vương phong*

KINH - MÔN QUẬN - CÔNG

NGUYỄN-VĂN-NHƠN

(1753 - 1822)

Nguyễn Văn-Nhơn, người Huyện Vĩnh-An (vùng Sa-Đéc), thuộc tỉnh An-Giang xưa. Ông là con của Trần-Quốc tướng quân Minh-Đức Hầu Nguyễn-Quang và Thị-Áo.

Xuất thân, ông ưng nghĩa đầu quân, theo Tống-Phước-Hiệp và Nguyễn-Khoa-Thuyên, làm chức Đội-Trưởng, khi ấy mới 22 tuổi. Sau đó theo Tống-Phước-Hòa đi đóng giữ ở nhiều nơi, được thăng Cai-Đội.

Đinh-Dậu 1777, mùa đông, Chúa Nguyễn-Phúc-Ánh khởi binh tại huyện Long-Xuyên (Cà-Mau), ông theo Dương-Công-Trùng đóng giữ ở Sa-Đéc. Rồi được thăng Cai-Cơ trong năm Mậu-Tuất 1778.

Nhâm-Dần 1872, ông bị Tây-Sơn bắt tại Thủ-Thiêm. Mãi đến 3 năm sau ông mới trốn được, lại tìm sang Xiêm theo Nguyễn-Vương đang nau mình nơi đó. Dọc đường, gặp Nguyễn-Trần-Thái từ Xiêm trở về, ông cùng Nguyễn-Trần-Thái khởi binh chiếm giữ huyện Long-Xuyên (Cà-Mau) rồi thắng qua Vọng-Các yết kiến Nguyễn-Vương lấy lại được Gia-Định, công lao rất dày.

Năm Ất-Mão 1795, làm Lưu-thủ Trần-Biên (Biên-Hòa) : lúc nhỏ gặp buồm loạn lạc nên ông không được học hành, bấy giờ tuổi trên 40 ông mới gia công đọc sách.

Năm Đinh-Tị 1797, về giữ Gia-Định, lãnh việc vận lương và kiêm việc Hộ-bộ.

Năm Nhâm-Tuất 1802, Nguyễn-Vương vừa lên ngôi tức Vua Gia-Long, phong ông làm Chưởng-Chancellleur Võ-Quân tước Nhơn-Quận-Công. Cuối năm ấy. Bình xong Bắc-hà, ông dâng sớ điều trần 14 khoản :

- 1— Định lại các thứ thuế
- 2— Cầu người hiền
- 3— Lập hương học
- 4— Cử người hiếu liêm
- 5— Cải-cách phong-tục
- 6— Định phép khoa cử
- 7— Sửa đổi hình phạt
- 8— Định sắc phục kẻ trên người dưới
- 9— Đặc phép cho nghiêm việc quan lại
- 10 - Phát chần cho dân nghèo
- 11— Tiêu biều người trinh-tiết
- 12— Thầm định phép tắc
- 13— Lập đồn trại ở sáu nơi
- 14— Bỏ những thuế tạp

Lại xin đặt thêm một đạo quân Tráp-vô và Tứ-dinh để tăng cường quân lực. Và điều trần việc học ở Gia-Định, xin định nội qui học đường, mỗi xã lựa một người làm trưởng giáo. Lời sớ trần tình :

«Trị nước cốt chính phục được lòng dân : hành chính không gì bằng giáo dục. Trước kia vạn Trời biết loạn, đất Gia-

Bình phải bỏ việc học hành. Nay non sông mới xây dựng lại. bờ cõi thanh bình thì chính lúc phải nên dạy cho dân học,

«Vậy xin đặt ra phép dạy, mỗi làng phải chọn lấy một người có đức hạnh, văn học, tha hẳn cho quân địch «để cho dạy dỗ con em trong làng.

«Cấm hẳn không cho rượu chè, cờ bạc, hát xướng, hè phạm các điều ấy, các quan sở tại phải trừng trị. Như vậy thì rồi tất sẽ gây nên được nhiều nhân tài ra giúp nước và cũng không phụ lòng giáo hóa của Thánh-thượng.

Vua Gia-Long khen phải, tỏ lòng ưu ái ông hơn, mọi việc trong Nam tin cậy cậy nơi ông mà ủy thác cho.

Đến năm Mậu-Thìn 1808, ông nghiêm nhiên là Tông-Trấn Gia-Định, kiêm lãnh hai Trấn-Bình-Thuận và Hà-Tiên, uy thế lẫy lừng. Ông chính là vị Tông-Trấn đầu tiên ở miền Nam này.

Sang đời Minh Mạng, năm Tân-Tị 1821, ông về kinh, sung chức Tông-Tài ở Quốc-Sứ Quán. Năm sau, Nhâm- ngọ 1822, mùa Xuân ông mất, thọ 70 tuổi. Được truy tặng Dực-Vận-Đồng-đức công-Thần, đặc tiễn Trụ-quốc thương-tướng-quân, Thương-tru quốc. Thái-Bảo Quân-Công.

Khi ông qua đời, vua Minh-Mạng truyền chỉ bái chầu 3 ngày sai các quan ra làm lễ điếu. Nhà vua cũng bỗn thân ngự ra dinh ông ban rượu tế, trước khi đưa linh cữu về Gia-Định. Lại ban cho một đôi liêng điếu.

«Vọng-Các hiệu tùng long, trực bá đau tâm huyền nhật nguyệt.»

«Xuân thành bi khú hạc, do lưu Chính khí tác sơn-hà

Nghĩa :

«Theo vua noi Vọng-Các, lòng son treo rạng cùng trời đất»

Bỏ mình chốn Phú-Xuân, khí chính còn lưu với núi sông».

Nhà vua lại cấp 100 mẫu ruộng ở xã Thanh-Thủy, Phú-Vinh tại Huế, cho con cháu làm tự điền.

Năm Giáp-Thân 1824, được vua cho thờ vào Thế-Miếu và Miếu Trung-Hưng Công-Thần.

Tân-Mão 1831 truy tặng là Tráng-Vô tướng-quân, Hữu-quân Đô-Thống-Phủ, tước Kinh-Môn Quận-Công, thụy là Mục-hiện.

Đốc Phủ-Sứ Nguyễn-Đặng-Khoa đê vịnh :

*Cần-Vương giữ vẹn tiết trung thần
Lửa đỏ dành đem gởi chút thân
Gia-Định cao thăng ngồi Tồng-trấn
Nam-kỳ thống lanh chức trung quân.
Kỳ nam đáng đứng trong trời đất
Liệt sĩ hẫu lén nోo thánh thần,
Nuốt đạn vừa tên không kẽ mạng
Non sông áu cũng nhứt công án.*

Kinh-Môn Quận-Công Nguyễn-Văn-Nhơn có ba người con trai là : Nguyễn-Văn-Đức, Nguyễn-Văn-Thiệu và Nguyễn-Văn-Giai và sáu người con gái : Nguyễn-Thị-Nghi, Nguyễn-Thị-Huệ, Nguyễn-Thị-Nhâm, Nguyễn-Thị-Thúc, Nguyễn-Thị-Đáng và Nguyễn-Thị-Đơn.

Nội tổ của ông là Nguyễn-Văn-Trân, cũng được nhà vua truy tặng tước là Cương-Nghị-Hầu thân phu ông là Nguyễn-Văn-Quang, truy tặng tước là Minh-Đức-Hầu.

ÔNG NGUYỄN VĂN MẬU GIÚP CHÚA NGUYỄN PHÚC ÁNH

Trên bước đường gian nan lầu quốc khi thất thế về nương náu tại làng Tân-Long (Nước-Xoáy-Hồi-Oa) Chúa Nguyễn-Phúc-Ánh đã gặp một vị ân nhân tận tình phụng dưỡng chúa, khiến cẩm khích đến tôn xưng người ấy là Ông Bố của mình, tức coi như là cha ruột.

Ông Bố của chúa Nguyễn, chính tên là Nguyễn-Văn-Mậu kêu là Hậu, quê quán làng Tân-Long (nay là Long-Hưng) làm tri-thâu (thâu các sắc thuế) trong làng và làm đến chức Trùm-Cả.

Khoảng năm Đinh-Vị 1787, Chúa Tây-Sơn là Nguyễn-Lữ đã chiếm Gia-Định và tóm thâu nhiều nơi trong Nam. Chúa Nguyễn-Phúc-Ánh từ nước Xiêm trở về, dung thân tạm nơi một góc trời Nước-Xoáy.

Ông Nguyễn-Văn-Mậu vốn là nhà hào phú trong làng, tuồi cao đức cả tinh hiền lành, hay giúp kẻ hoạn nạn, trợ kẻ khó nghèo. Trong làng, người người thấy đều mến lòng bác-ái của ông.

Ngày kia, có người đến to nhỏ cùng ông một chuyện quan trọng : Thưa ông Trùm-Cả, ông có hay chuyện quan trọng mới xảy ra trong làng ta chăng ?

Ông Trùm Mậu ngạc nhiên :

— Chuyện chi quan trọng vây chú em ?

— Thưa ông, có một vị quý nhơn dẫn lính đến ngụ nơi làng

In, Ông liệu sao? Không khéo làng ta sẽ mắc họa binh đao chờ chăng không :

— Chà, có chuyện như thế sao? Vị quý nhơn hiện giờ ngũ & nhì nào? Đề ta coi thử diện mạo người rồi sẽ liệu. Ông Trùm Mậu bèn theo gót người làng, đến tận nơi trú ngụ của chúa Nguyễn-Phúc-Ánh mà xem xét vị quý nhơn ấy ra sao. Thoạt trông thấy vị thiếu niên mặc y phục theo trong hoàng phái, dáng nho nhã, nét cương nghị trầm hùng biều lộ trên gương mặt rắn rỏi, quả cảm. Ông Mậu khen thầm «Đây là một vị chơn chúa đang lúc phong trần, mai sau thanh vân đắc lộ quyết chẳng ai hơn nòi đâu»

Bèn ra mặt, bái kiến chúa Nguyễn, Nguyễn-Vương kính ông tuối tác, vội vàng nghiêng mình đáp lễ ân cần hỏi :

— Lão trượng là ai?

Ông Mậu tỏ thật tên họ và chức nghiệp. Nguyễn-Vương cảm khái :

— Chúng tôi truân chuyên lưu lạc đến đây, chắc đồng bào cảm thông mà giúp đỡ cho tôi chờ?

Ông Mậu khảng-khai :

— Vâng. Chúa đang bước long đong, phận tôi con đâu dám chẳng hết lòng.

Từ hôm ấy, ông Mậu xuất tài sản châu cấp cho binh sĩ của Nguyễn-Vương, và vận động người trong làng sốt sắng ủng hộ cho.

Mỗi ngày, tại nhà ông nấu sẵn cơm cháo, cho ghe chờ nườm nượp ra đến vàm Nước-Xoáy, cách nhà ông độ 3 cây số tiếp tế quân đội Nguyễn-Vương. Ròng rã ba tháng, ông tận tình

giúp đỡ đủ mọi mặt, nhờ đó binh Nguyễn-Vương thắng nổi Tây-Sơn.

Nguyễn-Vương niệm ơn ông, lại xét ông là bậc trưởng thượng, trung can nghĩa khí, lòng dạ đáng thương, bèn cung kính tôn ông làm Bỏ của ngài, tức là coi ông như cha nuôi. Ông Mậu thấy thế cả kinh : Xin chúa thượng chờ quá hạ mình. Kẽ hả dân không dám vọng tưởng đến như thế.

Nguyễn Vương cảm động ; Bỏ chờ ngại, xét ra xứng đáng cho tôi kính là Bỏ, xin đừng từ chối mà phụ lòng tôi mến chuộng, cẩm đức của Bỏ.

Ông nghe câu nói đầy ân hậu, lòng càng cẩm thương ; càng dốc lòng lo cho Nguyễn-Vương.

Trong quân, ai nấy cũng đều tôn xưng kính trọng ông, Ông chẳng biết lấy chi đáp lại cho cân, nên nguyên xin dâng người con gái út của ông cho Nguyễn-Vương dùng làm Tần-nhận hầu hạ Chúa. Nhưng nàng phản đối ý cha, giả điên cho đến chết (*Xin xem chuyện con gái ông Bỏ Hậu*).

Về sau Nguyễn-Vương thống nhất sơn hà, lên ngôi Hoàng-Đế, tức Vua Gia-Long, nhà vua vẫn niệm ơn ông Bỏ Hậu Sắc phong tước Đức-Hầu. Khi vua Gia-Long mới lên ngôi, có người trong Nam nghe được tin ấy, chạy bay đến nhà ông Mậu mà tỏ chuyện :

— Mừng cho ông sắp vinh hiển to rồi.

Ông nghiêm trang :

— Chuyện chi đáng mừng ?

— Ông chưa hay gì sao ? Đương kiêm Hoàng-Đế chính là người đã tôn trọng ông làm Bỏ khi trước đó.

- Thật chẳng ?
- Ông cứ cho người dọ hỏi thì biết.

Ông nghe tin ấy, lòng cùng mừng cho Nguyễn-Vương đã
đắc vận. Riêng ông, ông không tin tưởng lắm rằng vua Gia-
Long sẽ chẳng quên ơn ông. Đến khi có sắc chỉ của Triều-
Định đưa vào tặng phong ông tước Đức-Hầu, bấy giờ ông
mới biết công minh nuôi giúp chẳng uổng, mắt xanh nhặn
xét chẳng lầm người.

Người trong làng hết thay đều khen phục ông tinh tường,
biết chọn chúa trong cơn lưu-lạc phong trần.

Năm Gia-Long thứ 8 (1809) ông mãn phần. Vua Gia-
Long thương tiếc, có chỉ truyền sai một phái đoàn trong
Công-Bộ vào xây Lăng cho ông và cho người con gái của
ông rất trọng hậu. Lăng ấy nay hãy còn, nhưng các chữ ở
mộ bia đã phai mờ.

Bà Đức-phủ Phải ở Chợ-Lớn mấy mươi năm trước đây,
chính là chắc gái của ông Bố của Vua Gia-Long vậy.

Nơi làng Long-Hưng, dòng dõi ông cũng còn nhiều.

Ông Hòa-Trai Nguyễn-văn-Dần có thơ cảm đề :

*Tuấn kiệt nghênh vai đỡ láy trời,
Anh hùng trưởng lão phải là chơi,
Đất Nam thương phụ không hai mặt,
Cõi Việt họ hầu biết mấy mươi
Khương Tử ngồi câu trong mỗi mắt
Võ Hầu xếp quạt cũng hao hơi,
Cần vương tầm nhặt người trên trước
Âu phải liều thân giúp với đời.*

CÁC VỎ TƯỚNG QUÊ Ở SA - ĐÉC PHỤ TÁ NHÀ NGUYỄN - PHÚC

Bên cạnh hai nhân vật ưu tú của Sa-Đéc ngày xưa là cụ Tống-Phước-Hòa và Nguyễn-Văn-Nhơn, mà chúng tôi đã trình bày, hãy còn khá nhiều vỏ tướng khác, tên tuổi ghi chép ở bộ «Đại-Nam nhất-thống-chí», phần tỉnh An-Giang, khu vực 2 huyện Vĩnh-An và An-Xuyên tức vùng Sa-Đéc khi xưa. Đáng kề gồm có :

oOo

NGUYỄN - VĂN - BẾ

Người huyện Vĩnh-An. Ông Nguyễn-Văn-Bế từng theo chúa Nguyễn-Phúc-Ánh sống cuộc đời lưu vong ở Vọng-Các (Xiêm) được phong chức Tông Nhung Cai-cơ.

Những khi Nguyễn-Vương kéo binh trở về, giao chiến với Tây-Sơn, ông dám nhận sứ mạng giao liên giữa Nguyễn-Vương với vua Quan Xiêm. Ngoài ra ông còn có công đi cầu viện và khéo tèo chức dân quân ứng hộ Nguyễn-Vương.

Khi ông mất, Nguyễn-Vương truy tặng ông chức Chưởng-Cơ, liệt thờ vào hai miếu Hiền-Trung và Trung-Hưng.

oOo

HOÀNG - PHƯỚC - BỮU

Người huyện An-Xuyên, ông tận tụy với chúa Nguyễn-Phúc-Ánh, gian lao nguy hiểm chẳng quản gì thân. Ông được

Nguyễn-Vương tin nhiệm. Lúc Nguyễn-vương lưu vong nơi Vọng Các ông vẫn theo bảo giá, làm đến chức Trung-Đồn Uy-Vũ Vệ-Úy.

Trung thành với Nguyễn-vương ông xông pha ngoài tiền tuyến dù trăm trận, đối đầu với Tây-Sơn ở nhiều nơi. Đến năm Tân-Dậu (1801), ông tung chinh ở Qui-Nhơn, tử trận nơi Thạch-Cốc, được truy tặng chức Chưởng-Cơ.

Năm Gia-Long thứ ba (1804), nhà vua cho liệt thờ ông vào các Miếu Chiêu-Trung, Hiền-trung và Bao-Trung.

Năm Gia-Long thứ 9 (1810) lại được liệt thờ vào miếu Trung-hưng công thần.

oOo

NGUYỄN - VĂN - TRỌNG

Người huyện An-Xuyên. Ông nổi tiếng hào hùng, tinh thông võ-nghệ. Gặp thời loạn ông dốc lòng theo đường binh-nghiệp, cứu loạn, an dân, bèn quyết định phụ tá chúa Nguyễn-Phúc-Ánh.

Khi mới đầu quân, ông đã được trọng dụng, phong chức Khâm-Sai Cai-Cơ, theo Tông-Nhung Nguyễn Thuyên và tiên phong Nguyễn-văn-Thành điều khiển quân sĩ, giao phong cùng Tây-Sơn trên khắp mặt chiến trường. Dần dần làm đến chức Tiên-phong đinh Lượng Võ-vệ Chính-vệ.

Năm Canh-Thân 1800, ông tung chinh ở Qui-Nhơn, tử trận tại Tự-Sơn.

Đến năm Gia-Long thứ hai 1803 được truy tặng Chưởng-cơ liệt thờ vào miếu Bao-trung, Năm thứ 9 (1810) liệt thờ vào miếu Trung-hưng công-Thần.

oOo

NGUYỄN-VĂN-ĐỊNH

Người huyện An-Xuyên. Làm đến Cai-cơ. Từng theo Nguyễn vương sống cuộc đời lưu vong ở Vọng-Các, Từ năm Đinh-Vị 1787, ông bảo giá Nguyễn-vương từ Xiêm trở về, rồi xông pha trận mạc chẳng quẩn gì thân. Đến khi tùng chinh ở Quảng-Nam tử trận tại đây. Được truy tặng Chương-Cơ, liệt thờ nơi miếu Hiền-Trung và miếu Trung-Hưng.

oOo

NGUYỄN - VĂN - TUYÊN

Người huyện Vĩnh-An, đầu quân dưới cờ chúa Nguyễn-Phúc-Ánh, ông chống nhau với Tây-Sơn quyết liệt, có nhiều chiến công, làm đến Vệ-Úy trong đoàn quân Chấn-Vỏ.

Đến khi Nguyễn vương khôi phục xong Gia-Định, thăng ra Phú-Xuân, ông từng cùng với ông Lê-văn-Duyệt đánh dẹp ở nhiều nơi, trỗi tài cứu loạn an dân. Nhất là khi đánh dẹp ở Quang Ngãi, ông đem lại an ninh cho dân chúng, khiến nhân dân xưng phục cảm mộ ân uy. Ông mất trong trận công phá Qui-Nhơn. được truy tặng Chương-Cơ.

oOo

NGUYỄN - VĂN - YẾN

Người huyện An-Xuyên, làm đến Vệ-Úy Lượng-Vỏ. Ông tính cương trực khảng-khai, xông trận rất dũng cảm. Các thuộc hạ của ông thấy đều kính mến ông, sẵn sàng tuân theo lệnh ông điều khiển, trên dưới một lòng.

Năm Canh-Thân 1800, tùng chinh ở Qui-Nhơn, ông tử trận tại Thị-Dâ, được liệt thờ vào miếu Hiền-Trung và miếu Trung-Hưng.

NGUYỄN THỊ DUNG

NGƯỜI ĐÀN-BÀ HÁO NGHĨA NHẤT Ở SA-ĐÉC

TRONG ĐỜI VUA THIỆU-TRỊ :

Sa-Đéc xưa kia, có một «ông Bồ» của vua Gia-Long. (1) đáng ngợi về mặt háo nghĩa bao nhiêu, thì đến đời Thiệu-Trị, còn có một bà Nguyễn-Thị-Dung cũng nổi tiếng là người đàn bà háo nghĩa vào bậc nhất. Sách «Đại-Nam nhất-thống-chí» vẫn nêu tên bà để biểu dương cùng hậu thế.

Bà Nguyễn-Thị-Dung, người huyện An-Xuyên, vốn nhà giàu có. Vào cuối đời Minh-Mạng, nhân thấy đất nước có nhiều biến loạn, dân gian khổ sở vì lo âu, chiến cuộc lan tràn khắp nơi, bà tinh ngộ về cuộc đời phù hoa, giã tạm, vạn vật vô thường, nên bà sinh lòng mộ đạo Phật, phát bồ-đề-tâm, trì hạnh bồ-thí, sẵn lòng lạc quyên, chẵn tể bất cứ ở nơi nào cần đến sự hỗ trợ của bà. Do công đức ấy, bà được nhân dân mến phục.

Đầu năm Thiệu-Trị (1841), có việc động binh ở vùng An-Giang, Châu-Đốc, dân chúng quanh vùng lâm vào cảnh khốn khó. Bà ra tay cứu tế, hết lòng giúp đỡ kẻ nghèo khổ qua cơn tai trời ách nước.

Quân-dội của triều đình lúc bấy giờ đang cần quân nhu, lương thực, bà biết tin, sẵn-sàng xuất lúa quyên trợ. Nhờ sự tán trợ của bà, chẳng những dân chúng đội ơn cứu

(1) Xin xem ở phần gai thoại, chúng tôi đã ghi rõ.

nạn, mà triều-đinh cũng căm kích nghĩa cử của bà, nhất là rất khen ngợi nhiệt tâm của bà đối với quân-đội.

Đề tưởng thưởng lòng từ-bi của bà đối với đồng bào, khích lệ lòng yêu nước của bà đối với quân-đội bằng cách nhiệt-liệt tiếp-tế mọi thứ nhu yếu phẩm, quan lại địa phương và thượng cấp trong quân-đội dâng sớ về triều tâu rõ nghĩa cử của bà. Tiếp được tờ trình, triều thần họp nhau bàn định và đưa ý kiến lên vua, xin phong tặng cho bà. Vua Thiệu-Trị chấp thuận, sắc tặng cho bà một tấm biềng chạm bốn chữ vàng «Lạc quyền nghĩa phụ».

Được đề cao sự háo nghĩa như thế, chẳng những đẹp riêng thân danh bà, mà lại còn làm đẹp mặt giới nữ lưu. Hơn nữa, danh thơm chung muôn thuở cho xứ sở Sa-Đéc mến yêu của bà và của thế hệ sau và mãi-mãi.



V

HỒ - TRỌNG - ĐÍNH

Ngày nay, du khách viếng Sa-Đéc, ắt chặng khỏi bồi hồi khi nhìn sang vùng Cao-Lãnh. Đất Cao-Lãnh trước vẫn là một quận thuộc tỉnh Sa-Đéc, một vùng thuộc Long-Hồ-Dinh. Và nơi ấy, có miếu Văn-Thánh là di tích đáng ca tụng. Một khi du khách quan chiêm Văn-Thánh-miếu ở làng Mỹ-Trà (Cao-Lãnh), tự nhiên chặng khỏi bàng-hoàng đặt câu hỏi : Ai đã xướng xuất việc xây cất Văn-Thánh-miếu ? Ngược dòng thời gian, tra cứu sữ-liệu, chúng ta sẽ không quên cẩm niệm vị Tri-Phủ Tân-Thành, dưới thời Tự-Đức, tên là Hồ-Trọng-Đính. Chính là người đã đẽ xướng việc xây cất miếu Văn-Thánh, làm đẹp mặt Sa-Đéc thuở nào.

Hồ-Trọng-Đính quê ở làng Quỳnh-đôi, tỉnh Nghệ-An, Ông thi đỗ Cử-nhan, nòi tiếng văn học.

Khoảng năm Đinh-Tỵ 1857, Ông được triều đình bổ vào Nam làm Tri-phủ Tân-Thành. Trấn nhậm một nơi văn hiến, Ông tỏ lòng sốt sắng lo việc chính trị, giáo dục. Ranh việc vua quan, Ông thường nhóm sĩ phu trong vùng đàm đạo văn chương, thảo luận việc mớ mang trong xứ.

Nhờ công đôn đốc của Ông, đến khoa Mậu Ngọ (1858), người trong Phủ Tân-Thành (Sa-Đéc) đỗ đưọc một Cử-nhan, hai Tú-tài. Ông hân hoan bàn tính với các thân hào nhân sĩ về việc đẽ cao đạo học, khích lệ sĩ phu chung lo việc xây dựng nền văn

học, trong xứ, hầu cho nho phong sỉ khí càng ngày càng cao rạng. Bấy giờ, có vị giáo thợ là Nguyễn Thục Trinh tán đồng ý kiến ấy, cùng nhau chung lo việc xây cất Văn Thánh Miếu.

Đầu tiên, Miếu Văn Thánh Sa Đéc tọa lạc trên một sò ruộng ở phía đông Phủ Thành, thuộc làng Mỹ Trà, tổng Phong-Thạnh, cách chợ Cao Lãnh chừng 1.200 thước, xưa thuộc về huyện Vĩnh An, Phủ Tân Thành.

Tri Phủ Hồ Trọng Bình lại xướng lập nên hội Tư văn, cử chức Hội trưởng, cầu đương v.v... Khởi công xây cất Văn Thánh miếu vào ngày mồng 4 tháng 6 đến ngày 28 tháng 10 thì hoàn thành.

Từ ấy lẽ nhạc có tốn chử, chiêm ngưỡng có cung tường, xứ Sa-Đéc được một thời nỗi danh Văn hiến. Do công đức ấy, dân chúng Sa-Đéc đều tò lòng cảm phục Tri Phủ Hồ Trọng.

Đến sau, Tri Phủ Hồ Trọng Bình có sắc chỉ thăng chức Giám Sát Ngự Sứ và phái hồi kinh. Dân chúng càng nồng nàn tò lòng luyến tiếc bậc minh quan ấy.

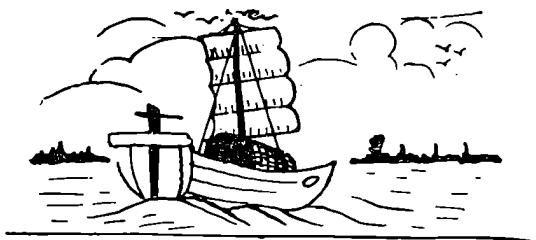
Di tích Văn Thánh miếu Sa-Đéc nay hẫy còn. Chúng tôi đã ghi rõ chi tiết ở phần Di tích, kè từ Tri Phủ Hồ Trọng Bình chủ trương lập miếu, đến nay đã trên một trăm năm.

Điều nên nói thêm : Khoảng năm Tự-Đức thứ 31 (Mậu Dần 1878), vì Văn Thánh miếu trải cơn binh lửa, bị tàn phá, bấy giờ trong làng Mỹ-Trà có ông Ban Biện suất đội chủ trương là Phạm Văn Khanh, tình nguyện xuất của riêng mua cây gỗ sửa sang lại Văn miếu, để cung tiếng một tòa : còn ngôi gạch vật

liệu thì do người trong hội đóng góp chung lo. Ban biện Khanh bèn dời Văn miếu về cận Trường-Giang Cao Lãnh.

Đến gần đây, sửa sang Văn miếu lại lần nữa, chính do công lao các ông : Nguyễn Quang Diêu Huỳnh Kinh Ngưu, Nguyễn Khắc Niệm v.v...

Bao giờ người đời còn nhắc nhở đến Văn Thánh miếu Sa-Đéc, hẳn là tên tuổi của vị Tri Phủ Tân Thành Hồ Trọng Đính cũng đã gắn liền vào việc chấn hưng văn hóa ấy.



NHÂN - VẬT CẬN - ĐẠI**II****NGUYỄN-VĂN-BIỀU**

(TỰC GỌI ÔNG PHÒNG - BIỀU, ĐƯỢC NHÂN DÂN
SA-ĐÉC CAO-LÃNH XUNG PHỤC TÀI LẠ)

Ông Nguyễn Văn Biều, làm chức phòng vệ trong bộ đội kháng Pháp của Thiên Hộ Võ Duy-Dương nên có tên tục danh là Phòng Biều. Đứng trong hàng ngũ nghĩa quân tại Đồng Tháp, tên tuổi ông vang lừng nơi vùng Cao Lãnh (tỉnh lỵ Kiến Phong hiện nay).

Vóc vạc ông cao lớn mạnh dạn, nên được chủ tướng chọn làm cận vệ. Suốt thời gian kháng chiến, luôn luôn ông có mặt bên cạnh chủ tướng, được trọng dụng và tin yêu trọng vọng. Vì ông rất trung thành, dũng cảm, trải bao cơn chiến trận đầm máu, lúc nào ông cũng tỏ ra là một viên tướng hào hùng dũng lông hy sinh vì đại nghĩa.

Theo tài liệu của ông Thân Việt (tức ông cử Phan Văn Thiết), ông Phòng Biều có hai cái tài đặc biệt, trong vùng Cao Lãnh lắm người được biết :

« Tài thứ nhất của ông là tài ăn... mỗi lần ăn cho đến một sải chè đậu. Chè đậu là thức ăn dễ ngán lảm, ai có giỏi ăn thì cũng vài ba chén là nhiều, thế mà ông ăn cho cả sải. Lấy chén múc chè vào cho đầy rồi sắp hàng dài trên bộ ván (phản) được một sải (có gần ba thước), nghĩa là có đến ba chén chè...

«Tra cứu thì dường như ông Phòng Biều có cái dạ dày giống như.. con lạc đà. Khi theo dưới cờ nghĩa quân của cụ Thiên hộ Võ-Duy-Dương, nhiều lúc đi công tác đôi ba ngày, ông cũng không hề đem thức ăn theo. Trước khi ra đi ông ăn một nồi cơm to (sức bốn hay năm người ăn mới hết) rồi khi về (tối hay qua ngày sau) mới ăn nữa. Chẳng khác Tiết-Nhân-Quí đời Đường bên Tàu.

«Tài đặc biệt thứ nhì của ông là : đánh gãy tiện một bó mía lau ba chục cây.

Về chuyện đánh gãy bó mía như sau ; Ông bảo đem mía ra bỏ ngoài sân, rồi ông lụa ba chục cây chắc chắn, ngay ngắn, ông góp lại, lấy dây luột bó ba chục cây chắc cứng như một khúc cây nguyên, dù cho quăng lên cao rót xuống đất bao nhiêu lần cũng không khi nào sút ra được. Xong rồi, ông kiểm chồ dựng bó mía ấy cho vững chãi. Đoạn, ông lấy ra cây thước sắt là vỏ khí trước kia ông dùng đi đánh giặc. Cây thước ấy dài độ một thước rưỡi, bề ngang độ bốn phân, bề dày non một phân. Ông cầm cây thước sắt trên tay, lấy bộ đàng hoàng rồi hươu cây thước sắt trên tay, đánh một cái, cạnh bén của cây thước chặt đứt tiện ngang bó mía, chẳng khác gì con dao bén chặt xuống một sợi roi mây dày. Không hề khi nào có sót một cây mía nào không đứt tiện cả.

Biểu diễn tài chặt mía ấy cho mọi người xem xong ông nói :

— Bà con thử nghỉ : Cây thước sắt lợi hại không kém cây thiết bảng của Tề-Thiên Đại-Thánh, làm sao bọn săn đá Tây chịu nỗi. Hè một cây đánh xuống là chết một tên rồi, chỉ cần là ráng tránh, đừng ở trước mũi súng trường của chúng nó mà thôi.

Nhờ Trời Phật độ, trong bọn thời kỳ tôi theo hầu ngài Thiên-Hộ không có khi nào ở trong tình trạng ấy :

Với sức mạnh phi thường, lòng dũng cảm tuyệt bậc, thêm ý chí can trường quyết tâm kháng chiến cứu quốc, ông Phòng vẹ Nguyễn-Văn-Biều nghiêm nghị là viên vò tướng lừng danh. Trong các trận đương đầu với quân Pháp, ông luôn luôn xông pha rất gan dạ. Ngọn thước sắt của ông vung đến đâu, quân Pháp vỡ tan đến đó. khiến chúng phải khiếp danh ông.

Mỗi khi nghe đến tên ông Phòng-Biều, quân lính Pháp đều có ý kiêng dè. Riêng ông, ông cũng khéo léo rất mực trong cơn xung xát kháng địch. Biết người, biết mình, dù can trường có thừa, mà tự biết vò khi thô sơ, cần phải dè dặt trước súng đạn tối tân, nên với tài thao lược và sự nhanh nhẹn của con nhà tướng, ông vẫn oai hùng chiến thắng.

Nhưng sức người có hạn, việc trời đất không cùng. Ông đã tận tụy với tổ quốc cho đến lúc thời thế đã hết phương xoay chuyen, mới dành ngãm ngồi lui ẩn trong một vùng quê tại Cao Lãnh.

Ông sống cho đến ngoài 80 tuổi qua đời, chỉ năm ngũ rồi tắt hơi luôn chờ không có đau ốm gì.



**LỄ BỘ THƯỢNG THỦ
NGUYỄN ĐĂNG - TÂM**

**NHÂN VẬT SA - ĐÉC CHIẾM ĐƯỢC
ĐỊA VỊ CAO TRỌNG NƠI TRIỀU ĐÌNH**



Lê Bộ Thương Thư Nguyễn-Đăng-Tam
An-Trung, tỉnh Sa - Đéc. Về sau, ông ra miền Trung, nhập tịch làng Mỹ - Đức, tổng Thạch-bàn, huyện Phong - Phú, Phú Quảng Ninh tỉnh, Quảng - Bình.

Người quê quán tỉnh Sa-Đéc trước kia, ra làm quan tại triều đình thiết tướng nên kè đến vị thượng thư bộ Lê Nguyễn-Đăng-Tam.

Theo tài liệu của hai ông Nguyễn - Văn - Cứng và Nguyễn - Văn - Dần trong quyển «Sa - Đéc nhân vật chí» : Nguyễn - Đăng - Tam sinh ngày mùng tám tháng Giêng năm Mậu - Thìn (ier Février 1867) sinh tại làng Tân - Phú - Đông, tổng

Ông nổi tiếng văn-học, thông thạo Hán và pháp văn. Khi đã tốt nghiệp ra trường, ông được bổ làm giáo-sư dạy tại trường

Mỹ-Tho. Ít lâu, ông xin rời ty giáo-huấn, chuyen qua tùng sự ở Sở Thương-chính. Rồi lại xin chuyen ngạch, làm thông-ngôn ở Tòa Sứ Trung-Kỳ.

Đến năm 1895 ông lại được Nam triều ban cho hàm Hàn lâm-viện Biên-tu, chánh thất phầm. Cho đến năm 1911 thì thăng Thái-thường Tự-Khanh, Chánh Tam-phầm. Từ đây, trên đường hoạn, cả hai bên Pháp Việt đều trọng dụng ông. Lớp thi Chính-phủ Pháp ban huy-chương đủ hạng. Nam triều thi ban Kim-Khánh và Đại-Nam tú - đẳng Long - Bội - Tinh.

Năm 1926, ngày 13 tháng 3, ông nghiêm nhiên là một vị đại-thần, sung chức Thượng - Thư bộ - Lễ, kiêm Cơ - Mật - Viện Tham - Tá.

Điểm đặc biệt ở ông và đáng khen là chẳng bao giờ ông quên Vĩnh-Long. Sa - Đéc từng là nơi chôn nhau cắt rún. Càng được vinh hiển, ông càng tưởng nhớ nhiều đến Sa - Đéc, mà bằng quay về đây, lưu ý săn sóc đồng bào tinh nhà.

Chính ông là ân nhân của Hội Vĩnh-Long tương - tế, giúp cho Hội này làm được nhiều việc công ích, tô điểm cho quyển «Vĩnh - Long nhân vật chí» : lại giúp cho hai Ông Nguyễn - văn Cứng và Nguyễn - văn - Dần soạn thành quyển «Sa - Đéc nhân vật chí » rất đáng thưởng lắm. Điều nên ghi thêm, về các huy chương mà ông được thưởng, chẳng những của Chính - phủ pháp, của Nam-triều, mà cả đến Cam - Bốt và Ai - Lao cũng có trao tặng tưởng - lệ ông như sau :

1. Ngày 19 tháng giêng năm... Được Nam triều thưởng Kim - Khánh hạng nhì.

2. Ngày 7 Mars 1906 : được thưởng Ngân - Bội - Tinh hạng nhì
3. Ngày 10. 12. 1907 : được thưởng Bội - Tinh của Pháp - văn Đồng - Minh hội (Médaille de l'Alliance française)
4. Ngày 10. 4. 1911 : Ngân - Bội - Tinh hạng nhứt
5. Ngày 28. 11. 1916 : Bội - Tinh Vàng Hạng Nhì
6. Ngày 31. 3. 1920 : Ngũ - Đẳng Bội - Tinh (Cam - Bối)
7. Ngày 02. 1. 1922 : Huân - Chương Hàn - Lâm Viện Pháp
8. Ngày 25. 5. 1922 : Bội - Tinh của Nước Lào
9. Ngày 06. 02 1923 : Đại Nam Tứ - đẳng Long - Bội - Tinh.
10. Ngày 11. 03. 1924 : Ngũ - Đẳng Bắc - Đầu Bửu - Tinh
11. Ngày 25. 12. 1925 : Bửu - Tinh của Pháp
12. Ngày 22. 01. 1926 : Kim Khánh của Pháp.



NGUYỄN-ĐĂNG-KHOA

VỊ ĐỐC PHỦ VĂN CHƯƠNG VÀ CÓ ĐẠO ĐỨC

Trong Quyền «Sa-Đéc xưa và Nay» này, ở nhiều chương chúng tôi có trình bày ít nhiều bài thơ của vị Đốc Phủ Sứ Nguyễn-Đăng-Khoa. Ấy là nhân vật lừng lẫy tiếng tăm trong giới quan-trường, và là người đã làm rạng danh tỉnh Sa-Đéc phần nào.

Ông Nguyễn-Đăng-Khoa sinh năm 1864 tại làng Tân-Qui-Đông, tổng An-Thạnh-Hạ, tỉnh Sa-Đéc. Cuộc đời ông suốt 37 năm lăn lóc trong chính trường, tăm tiếng chẳng những vang dội vùng

Vĩnh-Long, Sa-Đéc, mà ngoài Trung, Bắc cũng từng biết danh Ông.

Vốn dòng-doi thư hương, ông nổi được nghiệp nhà, học hành uyên bác, có tài thao-lược, có tâm cơ, tánh linh lại hiền hậu. Xuất thân làm giáo viên, rồi làm Thông-ngoan. Lại được bổ túng sự tại Tòa Thông-Sứ Bắc-kỳ Hà-Nội. Trong nhiệm vụ nào, ông cũng tỏ ra thừa khả năng phụng sự.



Cụ Đặng-Văn-Khoa

Đến năm 1903, được thăng Tri-huyện. Năm 1908 thăng Tri Phủ. Năm 1916 thăng Đốc-Phủ-Sứ. Từ khi thăng Tri-Phủ và Đốc-Phủ-Sứ-, ông đã từng làm Quận-Trưởng, trấn nhậm các nơi :

- Năm 1908 làm Quận Trưởng Thủ-Đức (Gia-Định)
- — 1909 làm Quận Trưởng Hố-Môn (Gia-Bình)
- — 1913 làm Quận Trưởng Cái-Nhum (Vĩnh-Long)
- — 1914 làm Quận Trưởng Chợ-Lách (Vĩnh-Long)
- — 1916 làm Quận Trưởng Ô-Môn (Cần-Thơ)
- — 1920 làm Quận Trưởng Lai-Vung (Sa-Đéc)

Trấn nhậm Quận nào cũng lưu đày thành tích tốt, khiến lúc ra đi nhiều người còn thương mến, luyến tiếc. Điều làm Vinh diệu cho ông : Triều đình ban tặng Kim-Khánh, Kim-Tiền, : Chính-phủ Pháp, Cam-Bốt cũng tặng đủ thứ huy-chương cho ông.

Ông lại có tầm hồn khoáng đạt, thích thú thi họa cầm kỳ. Những lúc rảnh việc quan, ông thường ngâm vịnh làm vui, thi ca được truyền tụng khá nhiều. Ấy cũng là điểm đặc biệt của ông, trong hàng quan lại mà dào dạt nghệ sĩ tính, phong lưu tao nhã, khó có ai hơn ông буди ấy.

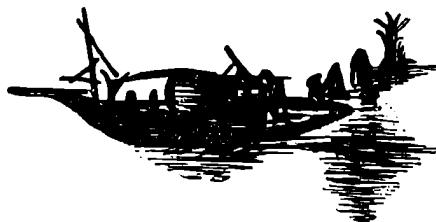
Ông còn giữ được tâm hồn cao quý hơn nữa bằng cách biết trì niệm câu «Công thành danh toại thân nhi thất». Khi làm quan, ông cẩn thận dè lòng, sao không cho hổ tiếng thanh cần liêm chính. Lúc công danh đang phát đạt, thế mà ông biết rút lui. không quá đam mê vì bá lợi danh như bao nhà quyền quý

khác. Đã thế ông lại còn hồi đầu hướng thiện, phát tâm tu niệm rất sot sắng, thật là phẩm hạnh thanh cao.

Khi ông qui y đầu phật, rửa sạch trăn tâm, ông cũng rất mực tín thành, trì chí chay lòng, chán ngán những khi bôn ba vong tục lụy.

Ông có bài thơ tỏ chí khi, phát bồ đề tâm mến cảnh thiền :

*Thế sự thoi thoi nghỉ ngán ngầm
Đã dành tụng lấy kệ Quan-Âm
Then trời máy tạo dang nhen nhùm
Lửa bá lòng vương bỏ nín hâm
Ngày cởi xe máy dầu khiển hưng
Tôi nhoi đèn nguyệt mặc ca ngầm
Công danh rày đã toan lòng bẽ
Bước thủ Bồng-lai thủ mấy tầm*



NGUYỄN - ĐĂNG - TRƯỜNG



Cụ Nguyễn-Đăng-Trường

Trong hàng mỗ phạm lão thành có tiếng tăm nhất ở Vĩnh Long. Sa-Đéc ngày trước đáng kề nhât có Nguyễn-Đăng-Trường, ông sinh năm 1862, tại làng Tân-Qui-Đông, tổng An-Thạnh-Hạ, tỉnh Sa-Đéc.

Sớm biết theo trào lưu mới ông bắt đầu họp Pháp văn nơi trường tỉnh Vĩnh-Long từ năm 1877. Sau 5 năm, ông thi đậu ra trường, được bổ chức giáo tập, dạy tại trường tỉnh Gia-Định vào năm 1882.

Rồi lần lượt đồi về dạy tại trường tỉnh Vĩnh Long, Sa-Đéc.

Siêng năng mãn tiệp, tận tụy với chức vụ đào luyện đám hậu tiến, ông lần thăng Đốc học, rồi làm Thanh-trá các trường trong tỉnh Sa-Đéc.

Suốt 20 năm phục vụ trong ngành giáo-huấn, đến năm 1922 ông về hưu dưỡng lão.

Trong năm 1919 ông đã được hưởng thọ hàm Tri - huyện, nên tục gọi là Ông Đốc - học Trường, hoặc Ông Huyện Trường. Thân danh ông vang dội xa gần. Kè về huy-chương ông được trao tặng, có hai huy-chương giá trị :

- 1 -- Ngày 1-5-1908 được thưởng giáo-dục Ngân Bội Tinh
 2 -- Ngày 10-8-1924 được thưởng Khuê bài Hàn lâm Viện Pháp.

Ông là nhà mô phỏng lão thành, danh giá thế phiệt. Chẳng những tiếng tăm ông làm đẹp cho tỉnh nhà Vĩnh-Long Sa-Đéc mà nhiều nơi cũng đều nghe biết. Hàn mòn sanh do ông đào luyện, được thành đạt kè cõ hàng trăm nhà tai mắt thương lưu trong xã hội về sau. Như quý ông Bác-vật Lưu Văn-Lang, Bác - vật Lương văn Mỹ, Bác - Sĩ Lê - Quang - Trinh, tiến - sĩ Nguyễn-Thành-Giung, hai ông Chánh-Án Nguyễn-Xuân-Quan và Nguyễn-Xuân-Giác, các vị Tri-phủ Nguyễn-Xuân-Hiền, Lê-Bá Trang, Trương-Minh-Giảng, Lê - Quang - Tường, Ninh - Quang Hiển v.v... Khắp trong chính trường, Giáo-giới, làng-văn, làng báo, đâu đâu cũng có mòn sanh ưu tú của ông góp mặt.

Ngày ông về hưu, các mòn sanh của ông từ khắp bốn phương kéo nhau về Sa-Đéc thiết tiệc long trọng, lỏ lòng nhớ ơn ông đã tác thành nhiều lớp, rày đã nên danh phận với đời.

Ông Hòa-Trai Nguyễn-văn-Dần, tác giả «Sa-Đéc nhân vật chí» vốn cũng là một mòn sanh ưu tú của ông, khi ấy có thơ cảm niêm :

*Công án giáo dục thuở nào khuây
 Nhờ có tôn sư khéo chỉ bày
 Luân-lý đường xưa chăm dắt diễm
 Văn tay cận đại súc minh gầy
 Quân sư đói chữ ngân thu đê
 Tước lộc như ai cũng bởi tay
 Cái nợ ba sinh toan bào bồ
 Kinh dâng trường thọ chúc mừng thầy*

ĐẶNG THÚC LIÊN

BẬC DANH SĨ, BẬC Y-SƯ KHÉT TIẾNG TẠI SA-ĐÉC

Vào khoảng năm 1910, đồng bào Sa-Đéc khi ấy đều biết tiếng cụ Đặng-Thúc-Liên với tiệm thuốc bắc «Phước-Hưng-Đông» do cụ sáng lập, tại đường mé sông thân trên đầu cầu sắt làng Vĩnh-Phước, thành phố Sa-Đéc.

Thật ra cụ Đặng-Thúc-Liên không phải là người sinh quán ở Sa-Đéc chính là quê vợ của cụ. Cụ sinh năm 1867, tại làng Tân-Phú (tục gọi là thôn vườn trầu), Quận Hóc-Môn tỉnh Gia-Định. Thân phụ của cụ là một vị đại thần triều Minh Mạng, làm đến chức An-Sát-Sứ tỉnh Bình-Thuận (Trung-Việt). Cụ hiệu là Mộng-Liên, nổi tiếng danh sĩ. Hán học uyên thâm, tinh thông y-dược, cụ được vua Đồng-Khánh trọng dụng. Nhưng được ít lâu, cụ cáo quan, trở về Gia-Định.

Bấy giờ, vì cụ từng giao du khắn khít với các cụ Phan-Châu-Trinh, Phan-Bội-Châu, Huỳnh-Thúc-Khang, khi cụ còn ở ngoài Bắc, do đó nhà đương cuộc Pháp tình nghi cụ hoạt động cách mạng nên bắt giam một lúc. Một viên chức cao cấp người Pháp tên MAST, tùng sự tại Soái Phủ Nam Kỳ, mộ Hán văn, thấy cụ là bậc túc nho, liền vận động phỏng thích cụ để cụ dạy ông học Tứ Thư, Ngũ Kinh.

Sau đó ông Mast lại tiến cử cụ với Soái phủ Pháp. Cụ được bồ làm Kinh lịch tỉnh Sóc-Trăng, chẳng bao lâu đãi về Sa-Đéc. Tại đây, cụ kết hôn với bà là người quê quán ở làng Tân-Qui-Đông.

Năm 1907, cụ trở lên Saigon, hợp tác với cụ Gilbert Trần-Chánh-Chiểu làm báo «Nam Kỳ». Giai đoạn này, cụ và Trần Chánh-Chiểu thật sự hoạt động cách mạng, và chủ trương mở mang kinh tế về vận dụng tài chánh vào những công cuộc ích quốc lợi dân. Đầu tiên cụ và Trần-Chánh-Chiểu lập một khách sạn đê hiệu là «Nam-Trung» (ở cuối đường De La Somme, nay là đường Hàm-Nghi) tại Saigon. Rồi lập riêng một tiệm thuốc Bắc hiệu « Nam-Thọ-Xuân » ở số 95 đường Charner (nay là đường Nguyễn-Huệ), Đồng thời có cụ Nguyễn-An-Khương (thân sinh Ông Nguyễn-An-Ninh) cũng lập ra khách sạn «Chiêu Nam-Lầu». Ấy là những cơ sở kinh tài, và là nơi tụ họp mật của các nhà ái quốc.

It lâu cụ và Gilbert Chiểu lại lập một công ty kinh doanh khác gọi là «Minh-Tân Công-Nghệ», đặt trụ sở tại một căn phố ở đường Charner (Nguyễn-Huệ, ngang hảng xe Ranault cũ). Cố nhiên, dần dần tai mắt của người Pháp dòm ngó tinh nghi. Mọi công cuộc phải đình trệ nửa chừng. Để giữ mình, cụ Đặng Thúc-Liên lui về quê vợ ở làng Tân-Qui-Đông. Sa-Đéc, rồi quay theo nghề y-dược, mở tiệm thuốc bắc, hiệu tiệm là «Phước Hưng-Đông, tại thành phố Sa-Đéc như đã nói trên.

Một thời gian sau, cụ phó thác tiệm thuốc ấy và gia sản gồm vài mươi mẫu vườn đất, với 5 đứa con thơ cho vợ gìn giữ nuôi nấng. Rồi cụ xách va ly đi chơi và làm thuốc, khi thì dạo khắp lục tỉnh, khi thì thăm viếng cố đô Huế và Hà nội. Đến khi mỏi gối chồn chân trên bước giang hồ, lịch lâm nhân tình thế sự, cụ trở lại Saigon viết báo. Tên tuổi cụ phổ bày trên các báo : Nông cồ Mín Đàm, Lục-tỉnh Tân-văn, Công-luận báo, Đại-Việt tạp-chi, Đông-Pháp thời báo và Trung-lập báo,

Cụ dí dỏm tự trào :

*Họ đồn Đặng-Thúc-Liên chơi quá lố
 Có hay không ? Giã ngộ đó mà thôi !
 Gãm bao lâu sống sót trên đời ?
 Nhịn hóa dại, chơi đi, kéo uồng !
 Nhưng trách nhiệm chờ nên bỏ luồng
 Đức tài rèn đem cống hiến nhân dân
 Làm sao cũng giữ tinh thần
 Có giải trí, ăn, mẫn mới giỏi...*

Phong-lưu tài tuấn, cụ lại rủ các bạn tri-âm lập ra rạp hát nhỏ ở làng Vĩnh-Phước, tỉnh Sa-Đéc, chấn-chỉnh hát bội, rồi đưa sáng kiếng áp dụng nghệ thuật đờn ca Trung-Nam bày ra diễn kịch, sau này gọi là cải lương. Chính do cụ đề xướng trước. Bắt nguồn từ đó, được mạnh nha sâu rộng trong các Tỉnh miền Nam lần lượt lập gánh. Lúc bấy giờ ở Mỹ-tho tại làng Vĩnh Kim có bà Trần-ngọc-Diệm. (tục gọi là cô Ba-Diệm) người phụ nữ đầu tiên đứng ra lập gánh hát lấy tên là. «Đồng-Nữ-Ban» diễn viên toàn là, phụ nữ con nhà gia giáo trong làng. Mục đích của bà lập gánh để tuyên truyền cho tư tưởng dân-tộc và Cách Mạng. Đoàn nổi tiếng với hai vở tuồng «Võ Đồng Sơ» và «Giọt Lệ Chung Tình». Đoàn hát Đồng Nữ Ban lưu diễn hai năm để lấy tiền giúp vào việc nghĩa rồi giải tán.

Ở Sa-dec sau đó ông André Thận cũng lập gánh, gọi là gánh Thầy Tư Thận tại thành phố Sa-Đéc. Rồi đó, nối đuôi là gánh hát của Thầy Năm Tú, gánh Văn-Hi-Ban-Huỳnh-Kỳ ở Mỹ-Tho, thời kỳ này cụ Đặng-Thúc-Liên được chánh phủ Pháp chủ ý đến việc làm của cụ rất nhiều.

Năm 1918, cụ được Toàn quyền Albert-Sarraut mời cụ viết tuồng hát cỗ-dòng quốc-trái. Cụ hiệp tác với cụ Nguyễn-Viên-Kiều đặt vở tuồng «Pháp-Việt nhứt gia, tích đức Gia-long mông trầu ở Phú Quốc, nhờ Bá-Đa-Lộc về Pháp cầu viện.v.v... Cụ làm thầy tuồng, hiệp cùng các nhà viết báo ở Saigon đóng tuồng đó tại nhà hát Tây (trụ-sở Hạ-Viện bây giờ) trong ngày 11-11-1918 ngày này là gánh hát trở về Saigon hát lúc đình chiến và đi khắp lục tỉnh, gọi là gánh Bầu Rô (do tên Toàn-Quyền SARRAUT gọi tắt là RÔ).

Đến năm 1931, cụ Đặng-Thúc-Liên xin được phép xuất bản tờ «Việt-Dân-Báo».

Năm 1934, nhằm mục đích bão vệ Đông-Y-Sĩ đã nhiều phen điêu đứng, cụ đã dày công sáng lập hội Việt-Nam Y-Dược.

Lúc quân Nhật chiếm đóng Đông-Dương, để tránh nạn bom tàn khốc ném xuống Saigon Chợ-Lớn mỗi ngày, cụ đưa gia đình trở về quê vợ ở làng Tân-Qui-Đông, chau thành Sa-Đéc.

Năm 1945, đêm 10 Juillet cụ cẩm mạo rất nặng, dày dưa nằm liệt hơn một tháng, đến đúng ngọ ngày 16 Aout, cụ từ trần tại Sa-Đéc và chôn cất tại làng Tân-Qui-Đông, hưởng thọ 85 tuổi.

Cụ Mộng-Liên Đặng-Thúc-Liên là nhà đạo đức, văn chương triết học cao thâm. Nho-Y gồm đủ. Cụ cũng là một nhà ái quốc tiền phong, một ký giả tiễn bối đáng kính mến.

Cụ để lại cho nhiều tác phẩm giá trị:

1— Quốc-Văn hồn

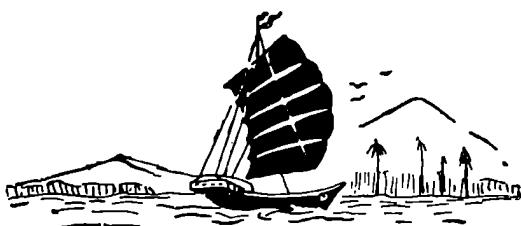
2— Cao-Hoàng-Đế diền ca, tức Gia-Long phục quốc.

- 3— Trương-Vinh-Ký hành trạng
- 4— Hán văn thi tập
- 5— Việt-Âm thi tập
- 6— Tri y tiện dụng

Bình sanh cụ thích giao tiếp với thanh niên, theo câu :

Tối hảo lão thanh niên
 Thả thông tân cựu học
 Phong lưu danh lợi khônng
 Vô ngã tiện thị túc

Nghĩa : *Rất tốt già như trẻ*
Văn chương cũ mới thông
Phong lưu danh lợi đủ
Ta có cũng như không



NGUYỄN QUANG DIỆU

CHÍ SĨ LÂM VINH DIỆU VÙNG TÒNG SƠN SA-ĐÉC

Cụ Nguyễn - Quang - Diêu
 hiệu Tử-Ngọc, biệt danh
 Trần Cảnh-Sơn, Nam Xương
 bí danh Trần-Văn-Vẹn, sanh
 tại Cao-Lãnh (Tỉnh Sa-Đéc),
 sau này Cao-Lãnh đổi thành
 tỉnh lỵ Kiến-Phong), năm
 Canh-Thìn 1880. Mất tại Vĩnh
 Hòa (Tân-Châu) năm Bính-Tí
 (1936). Cuộc đời tuy không
 dài lăm của cụ, nhưng cụ đã
 lưu lại nhiều thành tích đáng
 kề trong lịch sử cách-mạng
 và lịch sử Văn học Việt-
 Nam.



Chí Sĩ Nguyễn-Quang-Diêu
 Họa sĩ Hà Khê vẽ theo tướng thuật
 của tiên sinh Nguyễn Chánh Giao

Ngài nơi sanh và nơi mất của cụ, làng Tòng-Sơn (thuộc
 quận Lấp-Vò, tỉnh Sa-Đéc ngày nay) còn là nơi quê vợ cụ
 có lăm lúc dính liền với Tòng-Sơn, và ngày nay, hài cốt cụ đã
 được bốc lên từ Vĩnh-Hòa để mang về cải táng tại Tòng-Sơn
 Sa-Đéc). Cho nên viết về Sa-Đéc mà thiếu đẽ cập nhán vật
 Nguyễn-Quang-Diêu, sẽ bị xem là khuyết diẽm to.

Thuở còn trẻ, Nguyễn-Quang-Diêu đã nổi tiếng là người gan dạ và thẳng-thắn. Nhà vốn dĩ ăn, thân phụ lại là người có học, có địa vị xã hội quan trọng trong vùng, nên cụ sớm được theo đường nghiên bút.

Năm 18 tuổi, rời quê nhà, cụ đến thụ giáo với cụ Tú-Tài Trần-Hữu-Thường ở Phú-Thuận (Châu-Đốc). Tú Thường là bạn đồng học với Thủ-khoa Huân; không đánh giặc như cụ Thủ Khoa, nhưng cụ Tú rất ghét Tây và quyết giữ khì tiết của một nhà cao ần. Học trò của cụ Tú Thường đông đến hàng ngàn, khắp từ các tỉnh miền Tây về nghe sách nơi cụ, Nguyễn-Quang Diêu tỏ ra xuất sắc: giàu lý luận, sành thi ca, thông suốt điệu nghĩa Nho giáo. Nhưng cụ không lấy vây làm thích, mà hăng cho cái trò điêu trùng khắc triện không bằng cái chí xé núi lấp sông của các bậc anh hùng. Nên tuy theo học ở trường, cụ vẫn theo dõi tình hình chính trị.

Năm 1910, cụ đúng 30 tuổi, bỏ học, chính thức đứng ra xướng xuất phong trào bài Tây phục quốc. Cụ cỗ vỏ cho phong trào Đông-du của cụ Phan-Bội-Châu, Nhiều người theo cụ, đứng ra vận động và làm thành một nhóm có thể lực quần chúng, khiến Pháp giật mình. Họ lùng kiếm cụ và từ đó cụ phải ẩn tránh luôn.

Tháng 5 năm 1913, Nguyễn-Quang-Diêu được các đồng chí vận động tiền bạc đưa cụ xuất dương. Cụ liên lạc với cụ Cường Đô tại một địa điểm bí mật ở Long-Xuyên trước khi lên đường. Mục đích của lần xuất dương này là để lãnh «Chi-té tín phiếu» mua vũ khí, đưa thêm một số du học sinh và tìm gặp cụ Nguyễn-Thần-Hiến đang hoạt động tại Trung Hoa. Phái đoàn gồm 12 người do cụ Nguyễn-Quang-Diêu

hướng dẫn. Cụ Nguyễn-Quang-Diêu đã tiếp xúc với cụ Nguyễn Thần-Hiến, Huỳnh-Hưng tại Hong-Kong và dự định một chương trình hoạt động nội ngoại hò úng. Nhưng sinh hoạt của phái đoàn đã lộ tiếng. Cảnh sát Anh tại Hong-Kong đến khám nhà Huỳnh-Hưng, bên kia đảo Cửu-Long, bắt được 13 quả tạc đạn, một số tuyên truyền phẩm nên tịch thu tang vật và bắt luôn cả bọn. Hôm ấy là ngày 16 tháng 6 năm 1913.

Trong lao, Nguyễn-Quang-Diêu lại gặp Kỳ-Ngoại-Hầu Cường-Đề, vốn cũng từ Tam-KỲ trở sang Hong-Kong và bị bắt. Nhưng cụ Cường-Đề được Nguyễn-Háo-Vinh và Lâm-Cần mướn luật sư lãnh tại ngoại rồi trốn luôn. Riêng trong nhóm Nguyễn-Thần-Hiến, Nguyễn-Quang-Diêu, Đinh-Hữu-Thuật... đều bị giải về cho Tây tại Hà-Nội.

Trong bài Hà Thành lâm nạn, cụ Nguyễn-Quang-Diêu viết :

*Luật áp giải dã man đã quá.
Ý cường quyền xiềng cả chân tay
Hỏa thuyền chạy suốt ba ngày
Hải-Phòng đồ bến, giải ngay Hà-Thành*

Tại đây, Nguyễn-Quang-Diêu bị kêu án 10 năm khổ sai. Cụ bị đưa sang Pháp rồi sau đó, đây ra Guyane (Một thuộc địa của Pháp ở Nam-Mỹ).

Ở đây, người ta bắt các nhà cách mạng Việt-Nam lên rừng đốn cây cưa củ... làm những việc nặng nhọc của hàng tù đày. Tuy nhiên các cụ không vì vậy mà thối chí, trái lại vẫn coi thường khổ cực và vẫn quyết tâm hy vọng một ngày quốc vân vinh quang.

Năm 1917, sau khi bí mật liên lạc với một thương nhân Trung-Hoa, cụ được họ giúp đỡ vượt ngục trốn sang TRINIDAD. Đó là một hải đảo thuộc Anh mà người Pháp gọi TRINITÉ và người Tàu gọi Tri-Li-Ni - Nich - đảo. Họ giúp Nguyễn-Quang-Diêu có cơ sở làm ăn tại một chi điểm thương hội.

Từ đó, ngày làm việc thương mại, đêm học tiếng Anh, cụ Nguyễn - Quang - Diêu vẫn đăm đăm hướng về Tổ-quốc theo dõi tình hình chính trị. Cuối năm 1920, Nguyễn-Quang-Diêu rời Trinidad để sang Tàu. Cụ liên lạc được với cụ Nguyễn-Hải-Thần và một số các đồng chí cách mạng khác. Nhưng vẫn chưa làm được gì. Cụ buồn bực, lui về Tứ-Xuyên làm tài-phú cho một hiệu thuốc Bắc lớn để sinh nhai tạm bợ. Ta hãy nghe tâm sự cụ hồi qua bài *Trung thu ngoạn nguyệt* mà chính cụ đã viết :

Bao độ tròn trăng hội Á - Âu.

Mà người cay đắng mẩy mươi thâu... !

Năm 1926, cụ trở về nước và hoạt động khá mạnh ở các tỉnh Sa-Đéc, Châu-Đốc, Long-Xuyên. Cụ đã sáng tác nhiều tuyên truyền phầm kháng Pháp và cụ đã bị lính kin Pháp truy nã quá gắt. Vài năm sau đó, cụ dành phải giả dạng một thầy đồ về ngồi dạy học chữ nho tại Làng Vĩnh-Hòa thuộc biên thùy Việt-Miền.

Cụ viết sách làm thơ, dịch sách rất nhiều. Nhưng đã bị thất lạc một số lớn vì sự khùng hổ của thực dân. Học giả Nguyễn-Văn-Hầu trong tác phầm viết về cuộc đời cụ đem công phu nhiều năm sưu tập lại, còn được 98 bài thơ, phú,

câu đói của cụ Nguyễn-Quang-Diêu mà trước kia cụ đã sáng tác tại nhiều nơi trên thế giới.

Năm 1936, cụ lâm bệnh rồi mất tại một miền đèo heo hút gió, nơi biên thùy xa xôi, giáp với Việt-Miền. Môn sinh họp nhau đứng ra chôn cất và xây mồ cho cụ rất khang-trang, mặc dù tình thế lúc bấy giờ hết sức khó khăn. Rất nhiều bài thơ ai-diếu cụ, nhiều câu đói khóc cụ, làm sao kê xiết. Chỉ xin rút một đôi câu đói, hàm súc cả cuộc sinh hoạt cách mạng của cụ :

*Ngót hai chục năm dư, hồ hải từng quen Âu,
Á, Mỹ.*

*Vìra năm mươi tuổi lẽ, dạ dài còn tạc hiếu,
trung, cang.*

Và xin chép lại một bài thơ của một đồng chí cụ đã khóc cụ :

*Tìm đâu mà thấy cổ nhân ta ?
Tử-Ngọc cõi trần đã lánh xa !
Nhớ trước Canh-Thìn năm xuất thế,
Tinh nay Bình-Ti tuổi qui hả
Quốc dân không khóc, ta thương khóc,
Thời thế tiêu ma, bác hóa ma.
Tâm sự đầu đuôi bao xiết kè
Thương cho đất khách gởi xương già*

(Rút gọn theo tác phẩm « Chi-Sĩ Nguyễn-Quang-Diêu » của Học-giá Nguyễn-Văn-Hầu, giải thưởng văn chương toàn quốc 1966 — (Nhà xuất bản Xây-Dựng.)

TIỂU SỬ CỤ VÕ HOÀNH (1)

(1873 — 1946)

NHÀ CÁCH MẠNG BỊ AN TRÍ TẠI SA-ĐÉC

Cụ VÕ HOÀNH, hiệu Ngọc Tiễn, người làng Quang, Huyện Thanh Trì Tỉnh Hà Đông, sinh năm Quý Dậu (1873), con cụ Tú VÕ HOÀNG DIỆU.

Sinh trưởng trong một gia đình nho học nên cụ sớm dồ Cử nhân và thành thân với cụ bà NGÔ THỊ NGUYÊN, con quan Ngự sử NGÔ TÔN ĐỨC, hạ sinh được năm ái nữ.

Mặc dầu xuất thân khoa cử, nhưng gặp thời buỗi ngoại thuộc, Cụ không màng danh lợi chốn quan trường, nuôi chí giúp dân cứu nước thoát dòng ngoại xâm, Năm 1907, Cụ tham gia phong trào Duy Tân, cùng cụ NGUYỄN QUYỀN (2) và một số đồng chí đứng ra sáng lập trường «Đông Kinh Nghĩa Thục.»

Cụ VÕ HOÀNH phụ trách việc quyên tiền và cỗ vở các thân hào nhân sĩ tham gia lúc phong trào đang lên : Phong trào Đông Du cầu học và Phong trào Cầu viện Duy Tân tự cường để cứu quốc.

Trong khúc ca «Nam thiên phong vân» có đoạn mô tả cụ VÕ HOÀNH như sau :

«Người nghĩa hiệp có xa đáo đao
Đất làng Quang họ VÕ tên HOÀNH

*Tráng thay! cái khi sinh bình
 Hai tay hồ thi tung hoành bốn phương
 Say đờ chén ngang trời đọc đất
 Ngâm rồi câu quỉ khóc thần kinh
 Tróng ra thấy nước non mình
 Quyết đem gan óc mà gánh lại trời
 Bình nước thấy lâu ngày suy nhược
 Túi Mạnh thường giờ thuốc kinh luân
 Người kiếm hiệp, khách quan thân
 Bắc nam áu mặt, xa gần khắp nơi
 Hòn máu nóng dúc người chí sĩ
 Tâm lòng vàng kết nghĩa tự giao
 Những là cát biển bùn ao
 Tiền tay tiêu dụng biết bao cho cùng
 Ngồi vận động tĩnh trong sự thê
 Bồng phương trời góc bể xôn xao
 Lướt như sóng mắt như sao
 Giang hồ tò mặt anh hào nước ta »*

Năm 1908, Trường Đông kinh Nghĩa thục bị đóng cửa, rồi chẳng bao lâu, nhà cầm quyền Pháp ghép tội, bắt giam cụ cùng cụ NGUYỄN QUYỀN đưa ra Côn Đảo vào năm 1909.

Sau đó, cụ bị đưa vào Nam an trí tại Sadéc. Qua một thời gian lắng dịu. Cụ lại âm thầm hoạt động cách mạng như khi còn ở Bắc. Cụ đã ám trợ cho các đồng chí như NGUYỄN THẨM HIẾN, NGUYỄN-QUANG-DIỆU.

Năm 1935, Cụ kết thông gia với đồng chí trong phong trào «Đồng kinh Nghĩa thục» là cụ Nguyễn Quyền.

Đến ngoài 70 tuổi cụ vẫn còn quắc thước hào hùng. Đôi khi xót xa vì việc đời cụ đã bộc lộ tâm sự trong nhiều bài thơ như bài sau đây :

*«Ngao ngán lòng tôi tối lại mai
Lòng tôi, tôi biết giải cùng ai.
Ngàn năm cổ quốc hồn chưa tinh.
Hai chữ đồng tâm nét cũng sai.
Mai lệ chép thơ phơi trước mắt.
Coi tiền như mạng bỏ ngoài tai.
Thôi thôi biết nói chi cho hết
Càng nói càng thêm nỗi thở dài,*

Năm 1945, mặc dù đã ngoài bảy mươi cụ VÕ HOÀNH vẫn còn tráng chí, bỏ nhà tham gia phong trào chống thực dân Pháp.

Cụ mất ngày mùng 5 tháng 11 năm Bính Tuất (1946) hưởng thọ 73 tuổi. Mộ cụ hiện an táng tại xã Mỹ Hội, Quận Cao Lãnh Kiến Phong.

(1) Viết theo tài liệu của tác giả Nguyễn-Bá-Thế đăng trên nhật báo Duốc Nhâ Nam số ra ngày 3-2-71 đến số ra ngày 7-2-71.

(2) Cụ NGUYỄN-QUYỀN (1869-1941) là nhân vật chính của Phong trào «Đồng Kinh Nghĩa Thục» bị nhà cầm quyền Pháp an táng tại Bến Tre, mộ Cụ hiện táng tại xã Tân Xuân, Quận Chợ Thành Tỉnh Sa-Đéc. (Xem «Đồng Kinh Nghĩa Thục» của tác giả Đào-Trinh-Nhất hoặc «Đồng Kinh Nghĩa Thục» của tác giả Nguyễn-Hiển-Lê).

LƯU - VĂN - LANG

VỊ BÁC-VẬT (1) ĐẦU TIỀN CỦA VIỆT-NAM

Hoài niệm danh nhân cựu
đại của Sa-Đéc, quyết là
không ai đáng kính mến
bằng ông Lưu - Văn - Lang.
Học lực uyên thâm, khí
tiết cao trọng. Ông nêu
gương sáng cho đoàn hậu
tấn và đề danh thơm muôn
thuở.

Lưu-Văn-Lang chào đời
tại làng Tân-Phú-Đông Sa-
Đéc ngày 5 Juin 1880. Thân
phụ ông là Lưu-Văn-Cửng
Thuở trẻ ông học chữ nho.
Đến 10 tuổi ông mới bắt
dầu học chữ Pháp và quốc ngữ. Thông minh vốn sẵn tì
trời lại thêm có lòng hiếu thảo với cha mẹ, ông cố gắng ho
các bạn tác cùng trang lứa. Chăm chỉ học tập chuyên cù
Chẳng mấy năm, ông vào học ở trường Trung-học Chasselou
Laubat tại Saigon.



*Bức di ảnh sau cùng của
Ông Lưu Văn-Lang*

(1) — Danh từ Bác Vật khi xưa trong Nam thường gọi những vị Kỹ
tư Pháp về, do đó chúng tôi xin dùng danh từ cũ để tưởng niệm
tiền bối cao học.

Năm 17 tuổi, tài học của ông áp đảo bạn đồng môn. Được cấp học bổng của Chính-phủ Pháp, qua Paris học trường Cao-dâng ở trung tâm Thủ-đô Pháp quốc.

Năm 1904, thi ra trường, ông đậu hạng 8 trong số 250 thí sinh. Ông nghiêm nhiên là vị Bác-vật (Kỹ-sư) Ingénieur des Arts et Manufactures de L'école Centrale de Paris) có người dịch là trường; Kỹ nghệ trung ương hay là trường Quốc gia bách công trung ương.

Ông về nước, ba chữ «Bác-vật Lang» truyền tung khắp trong xứ.

Đầu tiên Chánh-phủ Pháp bổ nhiệm ông lên Văn-Nam lo thiết lập đường xe hỏa. Rồi đến năm 1909, ông về giúp việc trong sở Công-Chánh Saigon đến năm 1940.

Trong năm 1933, ông đảm nhận chức vụ «Hội-viên Hội-Dồng Danh-dự và Cố-Vấn» cho đến năm 1942

Sau cuộc đảo chánh của quân đội Nhật ngày 9 Mars 1945, trao trả chủ quyền cho Hoàng-Đế Bảo-Đại, nội các đầu tiên do cụ Trần-Trọng-Kiùm thành lập, có vời ông và ông Hồ-Tá-Khanh ra Huế đảm nhận chức vụ Tống-Trưởng. Rồi cuộc biến cố xảy ra trên đất nước, ông giữ kín tiết, không hợp tác gì với người Pháp.

Tài năng của ông từng khiến các vị Kỹ sư người Pháp đều phải thán phục (1). Đức độ và tâm chí của ông được hầu hết các nhân sĩ trọng vọng khâm phục.

(1) Xin xem thêm ở phần giao thoại, để rõ hơn về tài năng của ông Bác Vật Lưu văn Lang.

Con người có tài có đức, hẳn là trời đất ưu ái, dành cho đầy đủ Phước Lộc Thọ. Vợ chồng ông sinh ra rất đông con cái, đều khoẻ mạnh thông minh. Trong năm 1930, Bộ Lao Động và Vệ Sinh bên Pháp ban thưởng huy chương bạc cho phu nhân của ông về sự sinh dưỡng 9 người con đều dồi dào sức khoẻ. Tuần báo «Phụ Nữ Tân Văn» trong năm 1930 ấy, số 49, có đăng lời ca ngợi và hình chụp vợ chồng con cái ông.

Cùng trong năm 1930, tuần báo Phụ Nữ Tân Văn có mở một cuộc thi kỉ niệm đệ nhất chầu niên của tờ báo. Đầu đề thứ ba của cuộc thi là một câu hỏi như sau : «Nếu có cuộc tuyển cử 10 vị Việt Nam nhân dân đại biểu (như Dân biểu Nghị sĩ ngày nay mà những vị kè tên dưới đây (tờ báo nêu tên 10 vị nhân sĩ lúc ấy) ra ứng cử thì đọc giả sẽ cử những vị nào ?»

Kết quả cho thấy là ông được bầu hạng 5 sau Phan Văn Trường, Huỳnh Thúc Kháng, Nguyễn Phan Long, Diệp Văn Kỳ và trên Bùi Quang Chiêu, Trần Trọng Kim, Dương Văn Giáo, Trần Trinh Trạch và Phạm Quỳnh. Ngoài ra ông cũng là một trong số ba vị sáng lập viên Việt Nam Ngân Hàng đầu tiên. Ba vị ấy gồm các vị Huỳnh đình Khiêm, Trần trinh Trạch và Lưu-v-Lang.

Xem như thế, đủ rõ uy tín của ông trong nhân dân là ngần nào. Năm 1954, vì nhiệt thành yêu nước, ông tham gia phong trào Hòa bình với địa vị chủ tịch danh dự, thuộc Ủy Ban Hòa Bình Saigon, ông bị chính quyền Ngô đình Diệm bắt giữ trong đợt thứ nhứt vào tháng 11 năm ấy, cùng với ông Michel Nguyễn văn Ví là bạn đàn em chí thân của ông. Theo G. Chaffard trong quyển «Les deux guerres du Vietnam» Ông từ trần ngày 3.8.1969 thọ 90 tuổi.

Tài cao, đức trọng, danh thơm, gia đình phước lộc, thọ mạng lâu dài, đời Bác Vật Lang quả là hi hữu.

Ông mất đi, các báo đều đăng tin và tỏ niềm trọng vọng thương tiếc vô hạn.

Báo «Đuốc Nhà Nam» ngày 8-8-1969 chủ nhiệm là ông Trần Tấn Quốc viết một bài đăng ở trang nhất, nơi danh dự với nhan đề : «Kính điếu cụ Lưu văn Lang, một sĩ khí miền Nam», lời lẽ vô cùng cảm xúc và chân thành rất mực. Chúng tôi xin sao lục ra đây để tưởng niệm một bậc thiên tài, một hạng người có khi tiết.

Kính điếu cụ Lưu văn Lang.

Một sĩ khí miền Nam

Chúng tôi băn khoăn mãi trước cái chết của cụ Lưu Văn Lang. Kéo nhau đến lạy trước linh cữu cụ, chưa nói hết được lòng kính trọng của mình đối với cụ. Đăng tin chia buồn trên báo, dù trình bày trang trọng cách nào, cũng có vẽ thường tình quá.

Thôi thì, vốn con nhà báo, sẵn giấy mực trong tay xin kính điếu cụ Lưu văn Lang bằng một bài báo.

•Khi người Pháp trở lại, muốn tái chiếm Việt-Nam, trước hết họ nghĩ tới những người thương lưu trí thức do họ đào tạo, trong số đó cụ Lưu văn Lang là người số một, được họ lưu ý tới.

Cụ xuất thân nhà nghèo, thi đỗ được vào học bỗng ở một trong những trường danh tiếng nhất, đậu kỹ sư Arts et Manufactures làm việc tại sở Trường Tiền, đã tỏ ra thanh liêm, mẫn cán,

tài năng suốt một đời công chức của cụ, cụ về hưu trí sau khi đã đóng góp rất nhiều trong việc kiến thiết xứ sở.

Người Pháp cho rằng họ đã đào tạo được một nhân tài bản xứ và họ có quyền đòi hỏi ở nhân tài đó một sự công tác cần thiết hơn : Một công tác chánh trị.

Nhưng cụ Lưu văn Lang đã khẳng khái từ chối. Cụ nói : Tôi già rồi, không làm đầy tớ cho ai được nữa»

Cụ nói thế, là vì cụ nghĩ rằng cụ không mắc nợ gì với người Pháp. Họ muốn đào tạo một người giúp việc cho họ về chuyên môn và kỹ thuật, nhưng do thiên tư của cụ mà cụ đã thành đạt trên ý muốn của họ. Đồng lương mà người ta trả cho cụ không xứng đáng với những công việc cụ đã làm. Vã lại cụ phục vụ xứ sở hơn là làm việc cho Tây. Cụ không mắc nợ ai cả, không ai có quyền lợi dụng cụ, để mưu toan trở lại đô hô đất nước của ông cha.

Cụ không phải là một nhà cách mạng. Cụ không bắng lòng người ta gọi lè một nhà Chí sĩ. Cụ không thích làm chánh trị. Nhưng cụ thực tâm yêu nước và rất có cảm tình với những ai đã dám hy sinh cho nước. Do đó mà suốt trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, cụ tuyệt đối không hợp tác với kẻ xâm lăng, không nhận lãnh một chức vị gì trong những Chánh phủ bù nhìn do thực dân tạo dựng. Mỗi lần họ mời cụ là cụ từ chối với những câu trả lời lên trên, chẳng những thế, cụ còn ký tên vào những bản kiến nghị đòi Pháp trả độc lập cho Việt Nam, và phải chấm dứt cuộc chiến tranh nho bần do thực dân Pháp gây nên. Thực dân Pháp giận cụ nhưng vẫn nể cụ. Những người Pháp dân chủ kính trọng cụ và một mực thương yêu cụ, Giáo sư PRÉTON Hội-Trưởng Hội Nhân-quyền là một người bạn thân của cụ coi

cụ là một điều hình của lòng yêu nước, một tinh hoa của dân tộc Việt-Nam, đặc biệt là của miền Nam nước Việt.

«Thật vậy, Sỉ khí của Miền Nam có thể tượng trưng ở cụ ở những người như cụ.

«Mấy năm về trước, cụ thường mặc quần ống cuffed, chống gậy đi bộ trên những đường phố lớn Thủ-Đô, còn hiên ngang mạnh khỏe.

«Gần đây cụ mặc quần ống dài, vẫn chống gậy đi bộ, nhưng lưng đã hơi khòm và có vẻ mệt nhọc. Chỉ thiếu mươi năm, cụ đã sống một thế-kỷ, một thế kỷ vong quốc và phục quốc.

«Có những người đã đổi tiết-tháo chạy theo những biến chuyển của thời cuộc. Có nhiều người lợi dụng thời cuộc để vinh thân phì gia. Họ buôn dân bán nước mà họ vẫn cho là thức thời.

«Trái lại, cũng có những anh hùng liệt sĩ làm vefsang cho dân-tộc.

«Nhưng ở thời loạn, làm anh hùng dè hơn làm quân tử. Do đó mà chúng tôi kính trọng cụ Lưu văn Lang, vẫn thường lấy cụ làm gương trong đạo tu thân xử thế.

«Cụ từ trần ở tuổi 90, không có gì phải ân hận, chỉ tiếc rằng sau khi cụ ra đi, khó kiếm được người qnân-tử như cụ.

«Tên cụ đáng ghi vào lịch sử và đáng được thay thế cho nhiều tên đường phố ở Thủ-Đô.

«Chúng tôi cầu chúc anh linh cụ sớm tiêu diêu nơi cực lạc và xin thành thật chia buồn cùng tang gia, xin chia sót những ai đã âm thầm tiếc thương người tượng trưng sỉ khí miền-Nam đã ra đi...

TÓM LƯỢC PHẦN DANH NHÂN VÀ NHÂN VẬT SA-ĐÉC

Đã trình bày từng nhân vật xưa và nay đã khá nhiều, kiêm điêm lại, chúng tôi vẫn thấy còn chưa đủ. Thiết tưởng trong thời Pháp thuộc và trong thời gần đây, Sa-Đéc đất linh còn có rất nhiều bậc anh tài đáng khen, làm rạng danh tỉnh nhà không ít.

Hiện nay, trong số các nhân vật ưu tú gần đây mà chúng tôi xin nêu ra thêm,—Kẽ đã mất, người đang còn,— phần đông đều có địa vị khả quan trong xã-hội, danh dự với đời và chẳng những đóng góp ít nhiều cho quê hương xứ sở.

oOo

Nguyễn-Văn-Bình.— Huyện-Hàm. Quê ở làng Tân-Lâm (nay là Tân-Hưng), Tông An-Hội Sanh năm 1848, ông từng làm Phó Tông. Chánh Tông, rồi thăng Huyện-Hàm. Chính ông đã xin cải tên thôn Tân-Lâm lại là Tân-Hưng trong năm 1896 và chính ông đã trùng tu ngôi Đinh thần Tân-Hưng, rất được lòng dân chúng.

oOo

Lê-Văn-Vĩ.— Đốc Phủ-Sứ-Hàm. Sinh năm 1855 tại làng Phú Nhơn, Tông An-Mỹ (Nha-Mân) Xuất thân làm Giáo viên năm 1888, Hội «Pháp-văn-Đồng Minh-Hội» có mở hội thi 396 vị Giáo viên toàn quốc, chọn lấy 3 người trúng tuyển. Năm 1902. Ông đắc cử Hội-Đồng Quán Hạt. Năm 1905 vinh thăng Hàm Tri-Phủ. Đến năm 1925 thăng Hàm Đốc Phủ-Sứ.

oOo

Lê-Văn-Phát.— Sinh năm 1872 tại Cù-Lao Tiên-Châu, thuộc làng Tân-Qui-Đông cháu của Ngự-Sử Lê-Lương là người không

tùn đồng chánh sách của Vua Tự-Đức và đã khuyên vua nên cầu hòa với nước Pháp để tránh cuộc đổ máu.

Ông thông minh lỏi lạc, ra trường với điểm hạng ưu, đến Hội đồng yêu cầu cho ông được gởi sang học tại một trường Trung-học ở Pháp. Nhưng ông không được đi vì lý do ngoại ý muốn. Tuy nhiên, dù không từng xuất-dương-du-học như các bạn đồng thời, ông vẫn có học lực uyên bác chẳng kém gì ai.

Năm 1906, ông được chỉ định làm đại-diện tỉnh Chợ-Lớn di dự cuộc đấu xảo Marseille. Tại Pháp, ông diễn thuyết nhiều lần về thô-tục-học và phong-tục tín-nghiưỡng của người Việt-Nam.

Trở về nước, ông đỗ đầu Tri-huyện và được ban chấm thi khen tặng.

Ông có những tác phẩm viết bằng Pháp văn, chứng tỏ học lực của ông khá lỏi lạc :

1.— *Contes et l'egendes du paas d'Annam*, do nhà in Schneider ở Saigon xuất bản trong năm 1913.

2.— *Lavie Intime d'un Annamite sescroyances vulgaires*
Một quyển sách rất có giá trị, thường được các học giả nghiên-cứu phong-tục miền-Nam lham khảo, đã đăng trong «Bulletin de la Société des Etudes indochinoises» số 52 năm 1906.

3.— *Introduction des caractères chinois dans le programme indigène en Indochine.*

Kỷ Sư Lương-Văn-Mỹ. — Bạn đồng nghiệp cùng cụ Lưu-Văn Lang, có tài học bác uyên thâm nhiều đức độ, được mọi người kính mến, ông đã làm vể vang cho xứ sở với nghề nghiệp chuyên môn. Người Pháp rất kính trọng cho ông là bậc nhân tài của tỉnh Sa-Đéc, ngày nay ông đã mất nhưng tên tuổi vẫn còn lăm người nhắc đến.

Cụ-Kinh-Hối: — Về bên Nho học, thâm thông nghĩa lý uyên bác kinh văn, Sa-Đéc ngày xưa có cụ Kinh-Hối nức danh là bậc túc học, lão thành nòi tiếng văn học. Cụ giỏi thơ văn, lại cũng thông v lý, xem mạch bốc thuốc đầu thang cứu giúp dân lành nghèo khổ.

Các cụ thâm nho ở lục tỉnh thường đến thăm cụ, trao đổi tâm tình bên chén chè chung rượu, đàm đạo văn chương, lỏ tất lòng ưu thời mẫn thế.

Viếng cụ, sau cùng nhau àm thăm bàn tinh quốc sự.

oOo

Huỳnh-Ngọc-Bỉnh. — Nhân sĩ, Đốc-Phủ-Sứ, sanh ngày 6 Janvier 1872, tại làng Hội-An, Tòng An-Thạnh-Thượng (Cái-Tàu Thượng). Ngồi Chủ-Quận Vĩnh-Châu (Bạc-Liêu) trong năm 1908- Chủ-Quận Vũng-Liêm (Vĩnh-Long) năm 1917. Chủ-Quận Châu Thành Trà-Vinh, năm 1918 Hội-Viên Hội-dồng thuộc địa. Phó-Hội-trưởng phòng Canh-nông. Hội-trưởng Hội Tương-Tế Sa-Đéc, được ân thưởng nhiều huy chương, và Bắc đầu Bội-tinh năm 1941.

Ông thông Pháp-văn, Hán-văn, thạo ngôn-nữ Triều-châu, Phúc-Kiến và biết tiếng Cao-Miền. Nội-tướng của ông là bà

họ Đặng, quê ở làng Tân-Hưng Sa-Đéc. Con ông là Huỳnh, Ngọc-Nhuận cũng có danh tiếng.

oOo

Nguyễn - Xuân - Hiển. — Tri-Thủ, Sanh ngày 30-04-1789 tại làng Tân-Qui-Đông Tông An-Thạnh-Hạ, ông từng ngồi Chủ-Quận nhiều nơi. Nổi tiếng là thanh liêm đi tới đâu được Làng, Tông mến phục qua đức độ. Ông là một vị quan hết lòng lo cho dân cho nước, trấn nhậm nơi nào thì ông lo việc kiến thiết mở mang làm cho xóm làng trở nên thanh vượng, đời sống dân chúng được ấm no. Thủ phủ ông là cụ Huyện Hàm Nguyễn-Xuân Phong. Hai người em của ông là Nguyễn-Xuân-Quan và Nguyễn-Xuân-Giác đều đỗ Luật khoa Cử-nhân, Luật khoa Tấm-Si. Ông Quan từng làm Biện Lý và ngồi Chánh-Án Tòa Sóc-Trăng, và nhiều nơi khác, còn ông Nguyễn Xuân Giác cũng làm quan Tòa được nhiều tiếng tốt, thật ra gia đình họ Nguyễn đều là phước lộc song toàn, ít có gia đình nào hữu phước như vậy.

oOo

Nguyễn-Duy-Dương. — Bậc túc nho. Lúc tỉnh Sa-Đéc mở trường Tiêu-học, ông đam nhận dạy về môn luân-lý, rèn luyện đức trí theo lề giáo nhà Nho. Ông đã tạo nhiều môn sanh tinh nhà, hấp thụ nền văn hóa cổ truyền. Ông lại có viết sách, dịch truyện, thơ văn còn lưu lại Sa-Đéc ít nhiều về Hán-văn. Ông cũng là người sáng chế thơ theo nhạc Tây âu bằng lối văn Việt-Nam,

với thanh âm của nhạc Tây vì Ông cũng là nhạc sĩ cõi truyền rất thạo về nhạc Lê và đờn ca cõi diền.

oOo

Cụ-Cử-Khoé.— Cụ Cử Khôe nhà cách mạng, bị Pháp bắt an trí tại đây, đến khi chết, gởi nǎm xương lán nơi mảnh đất Sa-Đéc. Cụ rất sành về Hán văn, thi văn lưu loát, nỗi tiếng văn chương một thời. Gần xa sỉ phu nghe tiếng lấy làm trọng vọng. Thơ văn của cụ, nhất là những bài văn tế chiến sĩ rất hay, ngày trước được truyền tụng trong dân gian mà nay đã thất lạc đi hầu hết, thật là đáng tiếc.

oOo

Đốc-Phủ-Lê-Văn-Chiểu.— Ông là con thứ 10 của Ông Lê-Văn-Hiền. Người Quận Lai-Vung (Long-Hậu), từng ngồi chủ Quận nhiều nơi. Sau về ngồi Quận Thốt-Nốt. Nỗi tiếng thanh liêm chánh trực. Đến khi ông mất, hương chúc và thân hào nhân-sỉ trong quận căm mến đức độ ông, khắc bài vị thờ ông tại đình thần Trung-An Thốt-Nốt, tỏ lòng mến tiếc một vị quan thanh liêm.

oOo

Nguyễn-Tấn-Được.— Sinh năm 1884 tại Vĩnh-Phước năm 1919 sáng lập nghiệp đoàn canh-nông, với Quỹ tương trợ, mà ông là Chủ-tịch, đến năm 1913 Được bầu làm Nghị viên năm 1922 và giữ chức vụ này trong suốt 17 năm, đến năm 1939.

Nguyễn-Ngọc-Diệm. — Sanh tại Hòa-An năm 1891. Học Trường Trung-Học Chasseloup-Laabat, nổi tiếng tài giỏi. Năm 1914 làm thư ký Phủ Thủ-Hiến Nam-Kỳ. Năm 1920, đậu vào Trường Cao-Đẳng Luật-học và Hành-chánh tại Hà-Nội. Ra làm việc, thăng lên Tri-Huyện, tri phủ rồi thăng Đốc-phủ-sứ ngoại hạng trong năm 1940. Năm 1942, được thưởng Bắc-dầu Bội-Tinh.

oOo

Michel Nguyễn-văn-Vỹ. — Sinh năm 1892, Cử nhân luật, đậu bằng Cao-Đẳng thương mại (Hautes Etudes Commerciales) và là người Việt-Nam đầu tiên học tại trường Cao-Đẳng thương mại. Từng làm giám đốc Pháp-Hoa Ngân-Hàng và là bạn chí thân của cựu Thống-Đốc Nam-Kỳ Hoeffel.

Sau một thời gian ngắn tập sự tại Ký-Thương Pháp-Hoa ngân hàng ở Paris, ông được bồ vào năm 1927 về chi nhánh ở Saigon. Năm 1929, ông được bồ làm Ủy-quyền (Fondé de pouvoir) và năm 1935 là Thanh-trá Ngân-Hàng ấy.

oOo

MỘT ÍT NHÂN VẬT HIỆN ĐẠI

Nguyễn-Thành-Giung. — Sinh năm 1894 tại Tân-Hưng. Sang Pháp du học, vào Phân-khoa Khoa-học ở Marseille. Đậu Tấn-sĩ Vạn-vật học, hạng ưu.

Trở về nước, làm giáo sư, dạy khoa Vạn-vật học tại Trường Sư-Phạm, Chasseloup-Laabat và Lycée Pétrus Ký Trương-Vĩnh-

Ký Hiệu-Trưởng Trung-học Mỹ-Tho. Từng là Tổng-Trưởng Giáo-Dục trong chánh-phủ Nguyễn-văn-Thinh, Chánh-Phủ Trần văn-Hữu, Nguyễn-văn-Tâm. Hiện nay Ông còn khỏe mạnh.

oOo

Trần-Quang-Đệ — Sanh năm 1905 tại Mỹ-Long, đồ Bác-sĩ y-khoa. Ông là một trong những vị Bác-sĩ có biệt tài giải phẫu danh tiếng. Tác giả quyển *Tumeurs à Myélophaxe des synoviales articulaires*. Ông từng giữ nhiều chức vụ quan trọng :

- Bác-sĩ giải-phẫu bệnh-viện Lalung-Bonnaire
- Cựu nội trú các bệnh-viện Paris (1932-1936)
- Thạc-sĩ Y-khoa.
- Hội-viên Hội-Đồng Đô-thành.
- Hội-viên Hội-Đồng Quản-Trị vùng Saigon Chợ-Lớn.
- Giám-Đốc bệnh-viện Bình-dân 1960-1961 và từ năm 1964 cho đến nay là Viện-Trưởng Đại-học Saigon.

oOo

Trần-Lử-Y. — Sinh Năm 1926, Bác-sĩ Y-khoa Đại-học Saigon năm 1952. Cấp bằng chuyên môn về Huyết học, Đại-học Y-khoa Ba-lê, Bác sĩ thường trú bệnh viện Pháp. Ông từng tham gia chính phủ, nghiêm nhiên là Tổng-Trưởng Bộ Y-tế trong Chính-phủ Nguyễn-Cao-Kỳ 1966-1967.

Tổng-Trưởng Y-Tế trong chính-phủ Nguyễn-văn-Lộc 11-67 và chánh-phủ Trần-văn-Hương cho đến lúc chánh-phủ này đỗ.

oOo

Đề cập đến một trong những vị Bác-sĩ hiện đại của Sa-dec, Chúng tôi cũng cần nhắc đến cố Bác sĩ *Nguyễn-văn-Ngobi*, ông đã gây được nhiều cảm tình cùng đồng bào mọi giới ở thủ đô qua những việc làm và hành động, ông tận tụy giúp đỡ cho bệnh nhân với một tinh thần bất vụ lợi, nay ông đã mất nhưng tên tuổi vẫn còn lăm người ca tụng.

oOo .

Hơn nữa, còn có những nhân tài Sa-dec hiện đang ở ngoại quốc, như ông Trịnh-văn-Chấn người Sa-dec, nhà ở tại bến đò xã Tân-Hưng, du học ở Hương-Cảng năm 1946, hiện ông về Mỹ-quốc dạy Việt-ngữ cho nhân viên cao cấp Tòa Đại Sứ Mỹ.

oOo

Bà Huỳnh-thị Thủy-Tiên là vợ của Tẩn sỉ Kỹ sư (Doctor in engineering M. I. T.) Nguyễn-văn-Lẽ, là người phụ nữ đầu tiên đò bằng Được sư tại Đại học đường Paris và bằng Doctor of Pharmacy tại Mỹ quốc, hiện đang cai quản các phòng bào chế dược phẩm tại một bệnh viện ở los angeles (Mỹ) và bệnh viện nhi đồng ở tại Mỹ Quốc bà cũng là người Sa-dec.

Tóm lại, người dân Sa-dec đa số là bậc tài hoa, ra phục vụ mọi ngành khắp trên đất nước và hải ngoại. Một số nhân vật ở nội địa hiện nay, kẻ mất người còn, thảy đều đáng ca ngợi về tài năng. Một số đồng đang bôn ba hải ngoại để phục vụ tranh đấu cho quê hương cũng là đáng mến.

Chúng tôi không hề đề cao, tán dương công nghiệp của một cá nhân nào, điều ấy để quyền lịch sử phê phán. Chúng tôi chỉ nêu một số tri thức có chức phận trong ngành chuyên môn của Sa Đéc đó thôi, trên tinh thần vô tư. Mong bạn đọc hiểu cho. Thiết nghĩ cũng còn nhiều nhân vật Sa Đéc tên tuổi trong quá khứ cũng như hiện tại có nhiều thành tích vĩ vang, làm những điều ích nước lợi dân. Nhưng tiếc rằng công việc sưu tầm khó mà đầy đủ hết. Xin bạn đọc thông cảm thứ lỗi cho vì còn nhiều sơ sót.



(1) Vùng Cao Lãnh ngày xưa, vẫn là một quận của tỉnh Sa Đéc còn biết bao nhân vật ưu tú khác nữa. Nhưng ngày nay Cao Lãnh đã tách ra làm tỉnh Kiến Phong cho nên chúng tôi chưa ghi nhận về những nhân vật ưu tú ấy vào quyền Sa Đéc này. Trong tương lai gần đây, chúng tôi sẽ cố gắng trình bày Quyền «Cao Lãnh Xưa và Nay», cố nhiên chẳng quên đề cập những nhân tài của Cao Lãnh ngày nay, tức phần đất của Sa-Đéc xưa.

PHẦN THỨ BA :

DI - TÍCH LỊCH - SỬ

HUYỀN - SỬ

TRÊN ĐƯỜNG VIẾNG DI-TÍCH LỊCH-SỬ

BẢO-TIỀN — BẢO-HẬU

Vạch bóng thời gian, tìm lại những gì của khỉ thiêng non nước, đè tan dương công nghiệp người xưa làm rạng-rỡ quê hương qua những trang sử vàng son của giống dòng Lạc-Việt: ấy là chí nguyễn bình sinh của chúng tôi. Ôm ấp chí nguyễn ấy từ bao lâu, nay mới bắt tay vào việc soạn những bộ địa phương chí và đã cố gắng hết sức mình để ấn hành: Kiến Hòa Bạc Liêu, Vĩnh Long, Định Tường, Cần Thơ, Vũng Tàu, Gò Công. Chúng tôi đã lè gót dấn thân trên khắp nếp đường đất nước, cống hiến bạn đọc những di tích lịch sử nước non nhà, gợi lại hình ảnh từng mảnh đất quê hương yêu mến.

Giờ đây, đến lúc trình bày bộ mặt «Sa-Đéc xưa và nay», nào nệ tốn hao công của. Con đường đã vạch, góp công tô điểm quê hương, phát huy nền văn hóa dân-tộc, chúng tôi nỗ lực tiến hành. Đến Sa-Đéc, hữu duyên hạnh ngộ quý vị có tinh thần tòm cổ. Ô. Lê minh Triết, giám đốc hảng bánh phồng tôm Sa Giang, ông Phan đình Minh, hảng nước đá Kim Sa, ông Huỳnh Văn Bờ

Sĩ quan, ông Tô văn Bổn nhiếp ảnh gia, ông Nguyễn văn Năm người địa phương xã Hòa Long, Quận Đức Thành, hướng dẫn chúng tôi đi viếng di tích Bảo Tiền, Bảo Hậu.

Thuê một chiếc ghe máy nhỏ tại chợ Hòa Long, xuôi theo dòng rạch Cái Bàng, xuyên qua các xã Hòa Long, Long Thắng vào lúc 8 giờ sáng ngày 3-9-70. Trên đường hành trình ai nấy đều tỏ vẻ hân hoan.

Từ Xã Hòa Long vô đến Bảo Tiền mất đến ba tiếng đồng hồ. Khi xưa, Sa Đéc vẫn là nơi còn lưu nhiều vết tích của đức Cao-Hoàng nhà Nguyễn. Chính lúc từ xiêm trở về nội địa. Ngài đã đóng đại bản dinh tại Long-Hưng Nước-Xoáy. Quan sát địa hình địa vật, chính Nguyễn Vương đã truyền lệnh cho quân dân Sa-Đéc chở đá từ vùng núi Sập (Long-Xuyên) Châu-Đốc) đem về hàn con đường thủy đạo Cái-Bàng (thuộc ấp Long-Định, xã Hòa-Long ngày nay) làm hai chặn, xây dựng đồn Bảo Đề ngừa quân Tây-Sơn đỗ bờ. Một đồn Bảo án ngử mặt trước nằm ở xã Long Thắng ấy là Bảo Tiền. Một đồn Bảo án ngử mặt sau, thiết lập tại xã Phong Hòa, ấy là Bảo Hậu, và con sông Long-Hậu quận Lai-Vung ngày nay cũng có những đập đá hàn.

SỰ TÍCH ĐÁ HÀN

Khúc đá hàn từ bờ rạch bên này qua giáp bên kia bờ, bề ngang độ 40 thước, cách bờ rạch vô chừng 200 thước ở phía tay trái có một cái nền khá rộng độ chừng hai công đất, đó là đồn thứ nhứt phòng thủ tại đây để giữ luôn con đập đá hàn. Ghe máy đưa chúng tôi đến tận nơi. Dưới mé sông và trên bờ rạch nay hảy còn nhiều tảng đá xanh to, rêu phong cỏ mọc, lồi mặt nữa trên nữa dưới. Đứng trên các tảng đá ấy chụp bức hình lưu niệm, chúng tôi chỉ xiết bời hồi cảm động. Đoạn quay lại,



*Nhà Sưu khảo Huỳnh Minh trên đường đi tìm Di tích lịch sử
đứng trên tảng Đá Hòn xã Hòa-Long, ngày 3-9-70*

nhờ một chiếc ghe tam bǎn nhỏ đậu gần đó chống vò con rạch để viếng tiền đồn, mà nay chỉ còn lưu lại một lũy tre xanh trên nền cao, giữa có một trũng sâu đầy nước, không còn thành quách gì cả.

Nhin cảnh cũ, nhớ người xưa, lòng chúng tôi luống những ngậm ngùi, thoảng đôi phút suy tư. Quay gót trở ra bước lên ghe, chúng tôi trực chỉ vô xá Long-Thắng đến viếng Bão-Tiền.

QUANG CẢNH DỌC ĐƯỜNG VỀ BÃO TIỀN

Dọc theo con rạch khúc đá hàn xã Hòa-Long, vò tới Long-Thắng độ 5 cây số, hai bên nhà cửa thưa thớt, hầu hết đồng bào nơi đây là tín đồ Phật giáo Hòa Hảo. Xa xa chừng một hai cây số có một «Độc giảng đường» của Phật giáo Hòa Hảo dựng

lên, tầng trên đê thờ đức thầy Huỳnh giáo chủ, tầng dưới đê đọc giảng cho bá tánh nghe. Giảng đường này nằm bên bờ rạch nèp mình dưới những vườn cây rợp bóng. Phía sau là đồng ruộng bao la. Dưới mé nước sát bờ rạch có mọc nhiều cây tạp như : gáo, trâm bầu, cà na có trái rất sai. Đồng bào ở đây cho là nguồn thiên nhiên, hái bán cũng khá tiền. Sản phẩm này nuôi sống cho một số đồng bào thôn quê quanh vùng.

Chiếc ghe máy lướt theo lòng rạch quanh co. Cảnh vật từ bờ vắng vẻ. Đôi mái nhà tranh, nhà gạch thấp thoáng, nhà nào phía trước cũng có bàn thờ thiên. Dân chúng ở đây hiền hòa chắc phát, sống về nghè nông.

Nước rạch xã Long-Thắng êm đềm trôi. Đôi chiếc xuồng lững lờ trên rạch, một vài cô hôn nữ buông mồi giựt cá. Cảnh hôn nhiên thi vị, trước vẻ đẹp thiên nhiên, chúng tôi quên tất cả sự mệt nhọc, quên cả hung dữ vì đã trải hơn nửa ngày vất vả trong cuộc hành trình.

Đi một đôi nữa là tới trụ sở xã Long-Thắng. Dựa bên bờ rạch phía hữu có một đồn thú nhỏ án ngữ tại đây, nay còn trở lại một gò đất, mà dân chúng quen gọi là gò Thồ-sơn. Rẽ về phía bên trái vò kinh ông Chủ Nhì, ngang qua Hộ Cái Cao, ghe lướt trên một cánh đồng xanh ngắt bao la gió vàng hiu hắt vọng lại từng cơn, trước mắt giảng giảng những hàng tràm de tản ngã ngọn soi mình đáy nước. Đẹp thì có đẹp thật, nhưng mấy hàng tràm cản trở lối đi cũng khá nhiều. Làm cho chúng tôi sốt ruột mong sớm nhìn thấy di tích Bảo Tiền, ông Nguyễn văn Năm, người hướng dẫn, lên tiếng phá tan bầu không khí lặng lẽ :

— Sắp đến nơi rồi đấy các anh em.

— Còn bao xa nữa ?

— Không bao xa, độ non cây số ngàn nửa thôi. Rồi thi chúng ta tha hồ nhìn ngắm cho mãn nhãn Bảo Tiền của đức Cao Hoàng nhà Nguyễn đã đắp xây trong cơn tầu quốc.

Ghe máy lách mành theo con rạch nhỏ hẹp, gấp nhiều chướng ngại, lục bình rau mác mọc đầy. Anh tài công và ông Năm ra sức vẹt đường, gần cả tiếng đồng hồ mới đến nơi. Cho ghe cập bến, chúng tôi đều đã mệt, cùng chụp chung bức ảnh lưu niệm.

Đến Bảo Tiền đúng 12 giờ trưa. Dù mệt, chúng tôi vẫn sung sướng khi đặt chân lần đầu tiên viếng cảnh cũ người xưa.



Đây là quang cảnh Bảo Tiền xã Long Thành. Khi ghe vừa đến nơi, phái đoàn từ trái qua mặt : Người mặc áo đen anh tài công Võ Văn Thành, ông Lê Minh Triết, ông Huỳnh Văn Bờ Nhà Sứu khảo Huỳnh Minh, ông Nguyễn Văn Năm người hướng dẫn

Dân quân ta thời ấy đóng góp rất nhiều, đắp cái nền này ít lấm cũng phải đồi ba ngàn người mới làm nồi. Xung quanh Bảo, đào hào sâu, ngập nước. Thành nằm giữa một nền cao độ năm mươi dặm. Cảnh này nay đã điêu tàn sụp đổ chỉ còn tro lại cái nền. Nay người ta trồng toàn là cây tràm. Hàng tràm rợp bóng sừng sưng giữa trời mây, tro gan cùng tuế nguyệt chứng kiến bao cuộc thăng trầm của non nước. Đứng xa trông vào giống như một hòn núi nhỏ, chỗ lồi chỗ lõm, cây lá một màu xanh mình giữa cảnh đồng không mông quạnh, không nhà cửa ai hết.

May mắn, chúng tôi đến nơi gặp ông Nguyễn văn Tý, vóc người ốm yếu nhưng còn mạnh khoẻ, ông nay trên 70 tuổi, là chủ cuộc đất này, Ông thường xuyên lui tới coi sóc, gìn giữ hương khói.

BẢO TIỀN VỚI NGÔI MIẾU THỜ CÁC QUAN ĐẠI THẦN NHÀ NGUYỄN

Chúng tôi còn thấy bên cạnh nền Bảo Tiền có ngôi miếu nhỏ bằng cây lá, thượng lầu hạ hiên, giữa thờ một bài vị lớn khắc chữ nho sơn son thếp vàng, lâu ngày rất cũ kỹ, trước có đặt bộ lư đồng và cặp churn đèn. Hai bên vách có hai bàn thờ nhỏ, thờ tả ban và hữu ban, do ông Nguyễn văn Tý dựng lên để tưởng niệm người xưa đi lại trên mảnh đất lịch sử này.

Chúng tôi đến trước linh vị công thần, đốt hương chiêm ngưỡng sùng mộ bậc tiền nhân. Quay gót trở ra, rảo bước vòng quanh theo nền Bảo xem tỉ mỉ, còn thấy những tảng đá chôn vùi sâu dưới lòng đất, bị nước mưa xói lởi lên một màu đen xám. Theo sự suy đoán của chúng tôi, ngày xưa Vua Gia Long xây đắp Bảo Tiền Bảo Hậu, các cửa vò đều làm bằng đá xanh và hồ ô được rất kiên cố. Thời gian trôi qua, vật đổi sao dời, cảnh

hư hoại, sụp đồ dưới lòng đất mẹ, biết đâu dưới lòng đất còn rất nhiều vật cò của ngày xưa không ai tìm kiếm.

NHỮNG VIỆC LINH THIÊNG XÂY RA TẠI BẢO TIỀN

Theo lời ông Nguyễn văn Tý kể lại, đồng bào quanh vùng xã Long Thắng trong những năm gần đây, đã chứng kiến những việc kỳ dị ở Bảo Tiên như sau : Lúc nửa đêm nghe tiếng nổ từ dưới đất tung lên liên hồi như súng đại bác bắn. Nghe tiếng muôn binh rộn rịp. Đồng bào giăng câu, đặt lợp ngoài ruộng đều ngơ ngác. Sự lạ xảy ra chừng một tiếng đồng hồ rồi trở lại bình thường. Có lúc trời trong quang đảng, cây cối chung quanh lạy chuyền như con trốt đi, rồi một lúc sau yên lặng.

Qua các hiện tượng lạ lùng ấy mọi người đều bàn tán cho rằng các đạo âm binh còn phưởng phất đâu đây, nên mới xuất hiện cho nhân gian biết rằng, âm dương đồng nhứt lý, hồn tử sĩ còn uất hận, khi thiêng non nước vẫn tồn tại trên đồi cây non cỏ.

Nghe ông Nguyễn văn Tý kể chuyện linh thiêng nơi Bảo Tiên, chúng tôi xúc cảm bồi hồi, âm thầm mệt niệm với tất lòng thành. Thôn trước cảnh cù người xưa giày lâu, chúng tôi kiểu từ ra đi. Rẽ qua con rạch nhỏ, trực chỉ đến xã Phong Hòa cách Bảo Tiên 7 cây số, nơi đây là di tích nền đồn thử nhì tức là Bảo-Hậu. Bảo này nhỏ hơn Bảo-Tiền. Nhưng cảnh cũng giống như nhau nằm giữa cánh đồng xanh, cây lá phủ che rậm rạp, chim cò thường qui tụ về đây làm tổ, ít người lui tới.

Sở dĩ có danh từ Bảo-Tiền và Bảo-Hậu, là vì xưa kia vua Gia-Long thiết lập để bảo vệ phòng thủ cuộc tấn công của địch

ở mặt tiền và mặt hậu nên gọi là Bảo-Tiền, Bảo-Hậu. Vị trí chiến thuật và chiến lược của người xưa áp dụng theo lối cờ điền, thành trì vững chắc, quân binh đều tập trung vào thành, khi giặc đến, đem cả toàn lực ra chống ngăn và tử thủ tại thành.

Bảo-Tiền nay còn tại xã Long-Thắng, Bảo-Hậu còn tại xã Phong-Hòa. Từ Sa-Đéc đến đây gần 20 cây số là nơi di tích lịch sử của đức Cao-Hoàng lưu dấu.

Thiết tưởng người hữu trách bảo vệ cổ tích nước nhà cần quan tâm đến các nơi này để dựng lên tấm bia, hoặc cất một ngôi đền thờ nhỏ bằng gạch ngói để thờ phụng các bậc công thần có công khai quốc, vào sanh ra tử, hy sinh cả một cuộc đời mờ mang bờ cõi tranh đấu thống nhất đất nước, đem nguồn an vui hạnh phúc cho toàn dân, chuyên tiếp qua bao giai đoạn đến ngày nay. Chúng ta nên nhớ, vô cõi bất thành kim, ở đời ăn trái nhớ kè trồng cây, uống nước nhớ người đào giếng, là người dân Việt.



Đây là ngôi thờ linh vị các công thần triều nhà Nguyễn tại Bảo Tiền cạnh bên có treo bức chân dung vị anh hùng Nguyễn Trung Trực

chúng ta có bỗn phận nên bảo vệ cảnh này cho được tồn mãi với non sông, hầu lưu lại cho thế hệ ngày sau trường nhớ, dấu vết công trình của tiền nhân ta đã dày công xây dựng. Như thế chúng ta không tủi hổ với các ngài, và hạnh diện xứng đáng là con Hồng cháu Lạc với tinh thần tồn cõi.

oOo

DI - TÍCH - LỊCH - SỬ - ĐỨC CAO - HOÀNG

Khi Chúa-Nguyễn-Phúc-Ánh bị Tây-Sơn truy nã, ngài và quan quân bôn tẩu vào Nam, đã từng lê gót đó đây thâu phục nhân tài cứu khôn phò nguy trong cơn quốc nạn.

Đất Sa-Đéc ngày xưa là nơi ẩn náu của nhà vua, vì nơi đây địa thế hiềm trồ, sông rạch chằn-chích, ruộng vườn giăng giăng, tài nguyên dồi dào, có phương tiện cung cấp cho quân binh ở đây lâu được, để chờ cơ hội quật khởi thế cờ chống lại Tây-Sơn. Chúa Nguyễn đã quan sát địa hình địa vật lấy làm đẹp da, thảo luận cùng các tướng lãnh đồng ý, truyền cho quân lính và dân địa phương đắp hai dãy pháo dài để ngăn phòng quân địch tiến xâm. Một dãy ở làng Long-Thắng rạch Cái-Bàng đi vô, vị trí giữa một cánh đồng bao la chừng năm mươi mẫu đất, chung quanh có đào hào thành kiên cố đó là Bảo-Tiền. Một Bảo thủ nhì ở làng Phong-Hòa, tức là Bảo-Hậu đắp xong Bảo-Tiền và Bảo-Hậu, chúa Nguyễn truyền quân vận đá xanh xây cản trên mấy con kinh dẫn vào yếu điểm phòng thủ, để trấn áp quân Tây-Sơn tấn công theo giòng nước. Dấu tích những cản này còn tại vàm Cái-Tắc, Xã Long-Hậu và tại Rạch Cái-Bàng, thuộc xã Long-Thắng.

Ngoài ra, tại xã Hòa-Long, vùm Rạch Ba-Đinh vẫn còn dấu tích nền của ba pháo dài với những tảng đá xanh chôn vùi dưới đất. Những di tích kề trên, mặc dầu không còn nguyên vẹn, nhưng vẫn được các vị bô lão ghi nhớ, truyền tụng trong dân gian.

Chúug tôi đã có đến viếng cảnh này trước khi bắt tay sưu khảo quyển « Sa-Đéc » ghi lại những gì đã thấy tận mắt, tường thuật phần đầu.

oOo

NỀN ĐỨC - CAO - HOÀNG TẠI HỒI - OA NƯỚC-XOÁY, HUYỆN VĨNH-AN

Theo tài liệu của ông Nguyễn-Văn-Dần trong quyển « Sa-Đéc Nhân vật chí » : Nền đồn của đức Cao-Hoàng giá ngự, vuông vức độ sáu công đất, thuở ấy nền đắp rất cao, đến nay vì lâu đời quá nên cái nền đã lỳ xuống, nhưng cũng còn cao hơn mặt đất đôi chút, nước không ngập được, thành đắp bằng đất là nơi chúa Nguyễn định trú trong vòng đồn, — vị trí tại Hồi-Oa (Nước-Xoáy), thuộc về địa phận làng Tân-Long, sau chúa Nguyễn đổi tên là Long-Hưng,— xây đắp vào năm Đinh-Tỵ 1787 thuộc huyện Vĩnh-An ngày xưa.

Hướng tây, cận cái xéo nhỏ, xuống ghe chổng vô ra được.

Hướng đông và hướng bắc đến cận ruộng tư điền. Hướng nam có Cây-Da bến Ngự và rạch Nước-Xoáy. Đến đời vua Tự-Đức, năm thứ hai 1849, vị đại thần Doãn-Mẫn có dựng bia chồ nền đồn cũ ấy để ghi thắng tích. Nền đồn xưa này về sau nằm trong phần đất của nghiệp chủ Trương-Văn-Quảng, ông

hết lòng sùng kính đế tự nhiên, không tròng trọt hoặc xây cất nhà cửa hay cho ai mướn đất ấy mà làm việc gì, có lòng bảo tồn cổ tích của người xưa lưu dấu trên mảnh đất của tiền nhân thật là cẩm khái.

Đời sau, quan Tông-Đốc An-Hà là ông Cao-Hữu-Dực, sung Kinh-lược, đi qua làng Long-Hưng, thấy di tích nền đồn, thành cũ của đức Cao-Hoàng già lâm, ông động lòng cẩm khái làm bài văn triết: Dưới đây là bản dịch của ông Hòa-Trai Nguyễn-Văn-Dần:

*Những từ có giặc Tây-Sơn
Triều Nam chúa Nguyễn gấp cơn dãy loạn
Đời vua Thế-Tổ Cao-Hoàng,
Giá vào Sa-Đéc tại làng Long-Hưng
Đến nơi trú tất nghỉ chun
Xây thành lập trận, canh tuần nghiêm trang.
Tuy là một cuộc đạn hoảng,
Một thành, một lũy trừ an, giặc tà.
Đem về một mối sơn-hà,
Cho nên chốn ấy hiệu !à Long-Hưng.
Trong khi nghĩa sĩ trung thần
Anh hùng hào kiệt bội phẫn thiếu chí.
Dẫu xưa sự tích đẽ ghi,
Sáu mươi năm lẻ nay thì còn đây,
Tưởng con gấp hội Rồng mây,
Xông pha tên đạn bấy chày ruồi dung.
Ngày ngày chánh khí anh phong
Tinh linh như chói hai vùng đẽ phai.*

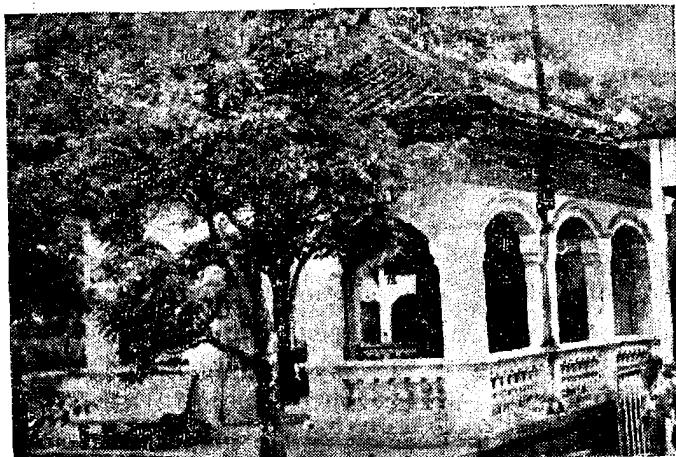
Ta nay (Cao-Hữu-Dực), là kẻ hậu lai,
 Lòng riêng luống những cảm hoài lầm thay !
 Nhơn khi công sự đến ngày,
 Lưu đi kinh lược sang ngay chốn này,
 Đơn thiêng một tấm đặt bày phỉ nghi
 Lề dâng trí tế các vị,
 Cúi xin cảm cách phò trì an ninh.
 Cầu cho « Nhơn kiệt Địa linh.
 Dân khương vật phục thái bình như xưa

Đây là bài văn tri tế của Tông-Đốc Cao-Hữu-Dực lưu niệm
 nơi mảnh đất di tích lịch sử này, ngày nay các vị bô lão
 thường nhắc đến. Chúng tôi cố sưu tầm để nói lên lời nói của
 người xưa còn phوáng phất đâu đây, để tăng thêm phần điem
 tò non sông đất nước với những trang sử oai hùng của dân tộc.

oOo

LĂNG THỐNG CHẾ NGUYỄN CÔNG LIÊU

Tại Châu-Thành Sa-Đéc ngày nay có một đền thờ và lăng
 của Thống-Chế Nguyễn-Công-Liêu dưới triều Gia-Long, Minh-
 Mạng. Ông là vị võ quan có công khuông phò nhà vua, từng lập
 được nhiều chiến công hiển hách, khi ông quá vãng, linh cữu
 đem về an táng tại xã Tân-Vĩnh-Hòa (thuộc ấp Tân-Bình), tọa lạc
 trên cuộc đất của ông bà Huỳnh-Thủy-Lê. Chúng tôi đến viếng
 lăng ngài thấy có một đền thờ nhỏ xây bằng gạch ngói, bên trong
 đk một phủ thờ và linh vị người quá cố, phía trước Lăng xây



Đền thờ và Lăng Thống Chẽ Nguyễn Công Liêu

băng gạch, trên nút có khắc những hàng chữ từ trên tới dưới như sau :

Hoàng Triều Trung-Liệt công thần

Hoài viên tướng quân

Thần Sách quân Tả Dinh

Vũ Vệ Khâm-Sai Cai-Cơ Hầu-Tước

Sinh năm Canh-Thìn tháng 9 ngày mồng một

từ trần năm Giáp-Tuất 1874 tháng Chạp

Ngày 29 giờ Mùi.

Ngôi mộ này trước kia băng đất quanh năm không có mộc. Ngài ứng mộng cho bà Hồ-Thị-Huân một vị chôn tu ngũ tại cuộc đất này, bảo xây lại và cất đền thờ cho khang trang, để bá tánh đến chiêm ngưỡng, và ngài còn cho biết trước nơi cuộc đất thiêng này trong tương lai sẽ có nhiều đoàn thề Tôn

giáo qui tụ về đây, bà Hồ thị Huân hết lòng tin tưởng đến oai linh của Ngài, bỏ tiền ra làm mộ và xây cất đền thờ và hoàng thành vào năm 1938 nay bà Huân đã qua vãng.

Hằng năm vào ngày 29 tháng chạp là ngày giỗ ông, các bô lão trong làng đến tham dự động đảo để tưởng niệm vị công thần oai linh hiền hách.

Chúng tôi đến đây được nghe người cháu của bà Hồ thị Huân thuật lại mọi sự việc như trên, đều ứng hiện theo sự mách bảo trước của vị Công Thần Nguyễn Công Liêu.

Ngày nay đã có mặt các cơ sở đạo giáo qui tụ về cuộc đất này. Trụ sở giáo Hội P.G.H.H. Tịnh xá Du Tăng khất Sỉ, nhà giảng Tin-lành. Đinh-Thần, chùa Sư Nữ Hải Huệ v.v... Một cuộc đất nhỏ này mà quy tụ được một số đạo giáo tín đồ về đây lo việc tu hành thật là hiếm có.

oOo

TIỀN ĐỒN ĐÔNG KHẦU ĐẠO

Như chúng tôi đã trình bày ở phần lịch sử Sa-Đéc, xưa kia vùng đất Sa-Đéc sáp nhập vào lãnh thổ nước ta từ thời chúa Võ Vương Nguyễn Phúc-Khoát. Do sách lược phòng thủ của Nguyễn Cử-Trinh đề ra, bấy giờ Sa-Đéc được đặt làm Đông-Khầu-Đạo, để ngăn ngừa người Chân-Lạp và Xiêm-La đánh phá.

Từ năm Đinh-Sửu 1757, tiền đồn Đông-Khầu-Đạo thiết lập ở bờ phia Nam sông Sa-Đéc, thuộc huyện Vĩnh-An. Đến thời Gia-Long, tiền đồn Đông Khầu-đạo này bãi bỏ.

GÁC BẢO ĐẤT XƯA

Trong việc phòng thủ vùng Sa-Đéc, ngoài các đồn, thành lớn lao, còn có các bảo đắt được đắp lên ở nhiều nơi. Nhất là từ đời Thiệu-Trị, miền Hậu-Giang thường bị người Chân-Lập và Xiêm-La quấy rối, nên sự thiết lập đồn, bảo, đã là một công tác đặt lên hàng đầu của chánh quyền thời ấy.

Những Bảo đắt có tiếng, còn ghi trong sử sách:

1.— *Bảo-dắt Giang-Nông*.— Châu vi 43 trượng, cao 5 thước ở huyện Vĩnh-An : đắp năm Thiệu-Trị thứ hai (1842).

2.— *Bảo dắt Vĩnh-Thành*.— Châu vi 38 trượng cao 4 thước ở huyện Vĩnh-An : đắp năm Thiệu-Trị thứ hai (1842)

3.— *Bảo-dắt Vĩnh-Thành* — Châu vi 23 trượng cao 4 thước ở huyện hạt Vĩnh-An : đắp năm Thiệu-Trị thứ hai (1842)

oOo

CÁC CHỢ XƯA CÓ TIẾNG

Trong «Đại Nam Nhất thống chí», đặc biệt ghi về các chợ xưa ở Sa-Đéc rất đáng được nhắc nhở, đã có từ thời Gia-Long :

1. – **CHỢ VĨNH-PHUỐC**, tục danh Chợ Sa-Đéc, ở phía đông huyện-ly Vĩnh-An. Chợ quán dọc theo bờ sông, liên tiếp nối dài 5 dặm, ở dưới sông có những bè bằng tre kết, đậu khít nhau giăng hàng (tức nhà bè) hoặc bán tơ lụa và đồ khi dụng hoặc bán dầu rái, than củi, mây, tre, muối, mắm. Còn trên bờ,

phố xá cũng có bán đủ các hàng hóa tốt đẹp, ấy là một thăng địa phồn hoa vây.

- | | | |
|---------------------|---|---------------------|
| 2. CHỢ TÂN-PHÚ-ĐÔNG | { | đều ở huyện Vĩnh-An |
| 3. CHỢ HÒA-AN | | |
| 4. CHỢ TÂN-THUẬN | | |
| 5. CHỢ MỸ-AN | | |

6. CHỢ LONG-HẬU cũng ở huyện Vĩnh-An, vốn là sở tại thủ Sở Cường-Oai cũ. Nơi đây thì phố xá hơi đông.

7. CHỢ NHA-MÂN, ở huyện An-Xuyên.

Xem qua các chợ xưa trên đây, chúng ta hẳn có ý niệm về sự phồn thịnh của Sa-Đéc xa xưa, càng tăng thêm lòng cẩm cựu. Và thời gần đây, trong quyển «Sa-Đéc nhân vật chí» ghi về các chợ hệ trọng trong tỉnh Sa-Đéc như sau :

TỔNG AN-TRUNG

- | | | |
|----------------------------------|---|----------------------------------|
| — Chợ Sa-Đéc, làng Tân-Phú-Đông. | { | Chợ Vĩnh-Phước, làng Vĩnh-Phước. |
| — Chợ Cồn. | | |

TỔNG AN-THẠNH-HA

- | | | |
|----------------------------------|---|---------------------------|
| — Chợ Tân-Qui, làng Tân-Qui-Đông | { | Chợ Cao-Lãnh, làng Mỹ-Trà |
| — Chợ Cồn. | | |

TỔNG PHONG-THẠNH

- | | | |
|-----------------------------|---|---------------------------|
| — Chợ Mới, Làng Mỹ-Ngãi | { | Chợ Cao-Lãnh, làng Mỹ-Trà |
| — Chợ Cao-Lãnh, làng Mỹ-Trà | | |

TỔNG AN-THÀNH-THƯỢNG	<ul style="list-style-type: none"> — Chợ Cái-Tàu-Thương, làng Hội-An. — Chợ Đất-Sét, làng Mỹ-An-Hưng.
TỔNG AN-TỊNH	<ul style="list-style-type: none"> — Chợ Tân-Thuận, làng Tân-Thuận.
TỔNG AN-THÓI	<ul style="list-style-type: none"> — Chợ Lai-Vung, làng Tân-Lộc. — Chợ Long-Hậu, làng Long-Hậu.
TỔNG AN-MỸ	<ul style="list-style-type: none"> — Chợ Cái-Tàu-Hạ, làng Phú-Hựu. — Chợ Nha-Mân, làng Phú-Nhuận. — Chợ Dinh, làng Tân-Hựu
TỔNG PHONG-NẨM	<ul style="list-style-type: none"> — Chợ Mỹ-Thọ, làng Mỹ-Thọ — Chợ Mỹ-Xương, làng Mỹ-Xương. — Chợ Cái-Sao, Làng Mỹ-Lòng.



CÂY DA BẾN NGỰ

Tương truyền : Khoảng năm Đinh-Vị 1787, chúa Nguyễn-Phúc-Ánh đồn Lĩnh tại Nước-Xoáy (Hồi-Oa-thủy), ẩn náu tại Xã Tân-Long (nay là xã Long-Hưng) thuộc quận Lấp-Vò. Hai chữ «Long-Hưng» chính là do Nguyễn-Vương sau đó đặt tên lại.

Trong khi định trú tại đây, toan mưu phục nghiệp, Nguyễn Vương thường đến dưới cội Da cạnh mé rạch Long-Hưng để câu cá. Nhân đó, dân chúng tôn kính gọi nơi ấy là « Cây Da Bến Ngự ».

Nay cội Da đã bị đốn mất, nhưng gốc da to lớn khoảng gần đây vẫn còn ngã nằm bên mé rạch Long-Hưng.

Đốc Phủ-Sứ Nguyễn-Đăng-Khoa khi làm Quận-Trưởng quận Sa-Đéc (khoảng năm 1926) cẩm đề hai bài Vịnh lúc Nguyễn-Vương ngủ nơi Long-Hưng :

*Anh-hùng nguồn Nguyễn ứng Long-Hưng
 Để nghiệp trời Nam đã định chừng
 Đất trồ cây Da làm bến ngự
 Người hò tung nhạc hạ trời xuân
 Gió thanh ngút tảo mùi hương khì
 Đất Việt lâm chầu vị quí nhân
 Tiên chỉ hoành sơn là để vượng
 Triệu tướng con cháu trồ long lân*

*Tiên Vương bến Ngự hãy còn đây
 Cầm nỗi cay da chạnh nỗi ngài
 Trường tán đứng chờ trong gió bụi
 Phơi râu hẫu đón giữa trời mây
 Tiếng nhơn thấp thoáng trên hành do
 Dấu đức còn áu dưới cội này
 Nắng lửa ai phong binh bồ với
 Cầm hòn nắng lửa thói tà tây*

Khoảng năm 1958, khi Sa-Đéc hãy còn là một quận của Vĩnh-Long, vào ngày 8 Janvier, trong dịp di kinh-lý, Cố Tỉnh-Trưởng Khuu-Văn-Ba được các bô lão và dân chúng xã Long-Hưng mang đến tặng một cái lư cỗ bằng đá ong, di tích của vua Gia-Long. Nhờ đó, cố Tỉnh Trưởng Khuu-Văn-Ba cho xây cất tại «Cây-Da Bến-Ngự» một ngôi miếu lấy tên là «Cao - Hoàng Thái-Miếu».

Muốn đến Cây-Da Bến-Ngự phải đi đường thủy, từ tỉnh lỵ Sa-Đéc theo rạch Sa-Đéc đến Vành Nước-Xoáy, đến xã Long-Hưng độ 13 cây số ngàn.

oOo

LĂNG ÔNG BỎ HẬU

Ông Nguyễn-văn-Mậu tự là Hậu, khi xưa từng cứu mang giúp đỡ Nguyễn-Vương (Phúc-Ánh), lúc thất cơ ẩn náu tại làng Long-Hưng nên được Nguyễn-Vương trọng xem như ông bỏ (Cha nuôi).

Lăng Ông Bỏ Hậu được phái đoàn do Vua Gia-Long sai vào, xây cất trong năm Gia-Long thứ 8 (Kỷ-Tị 1809) lại xã Long-Hưng, cách « Cây-Da Bến-Ngự » độ hai ngàn thước. Lối

kiến trúc không có chi huệ mỹ, tuy nhiên cũng đánh dấu được glai đoạn ông Bô-Hậu góp phần vào công nghiệp lập quốc của Nguyễn-vương.

Bà Đốc Phủ-Phải ở Chợ-Lớn mấy mươi năm trước đây, vốn là chắt gái của ông Bô-Hậu, và giòng-doi ông Bô Hậu hẵn còn trong làng Long-Hưng.

Đốc Phủ-Sứ Nguyễn-Đăng-Khoa có thơ vịnh Lăng:

*Vào Lăng ông Bô, cảm tình ông
Thấy cảnh ai không động tâm lòng
Đất nghĩa tuyết dầm meo móc đượm
Nền nhơn sương đắp cánh hoa vun
Vùng Mây làm giúp cây tàn lọng
Ngọn gió đưa giùm tiếng đúc phong
Thức nguyệt ánh đèn soi tõ rạng
Cho lòng trời biết chút mồ trung.*

Về tiêu sử ông Bô Hậu xin quý bạn đọc xem thêm ở chương « Giai thoại » : Chuyện ông Bô và Đức Gia-Long ».

oOo

LĂNG QUAN LỚN SEN

TỨC KINH MÔN QUẬN CÔNG NGUYỄN VĂN NHƠN

Tại xã Tân-Đông, thuộc tổng An-Thạnh Hạ, quận Châu Thành Sa-Đéc, có lăng quan lớn, Sen tức Kinh-Môn Quận-Công Nguyễn-Văn-Nhơn. Tiêu sử cũ, chúng tôi có trình bày ở phần danh nhân ; và về sự tích gọi cũ là « quan lớn Sen » xin thêm ở phần giai thoại.

Lăng Quận Công Nguyễn-Văn-Nhơn khi xưa ở gần bực sóng hữu ngạn Cửu-Long-Giang thường bị sóng đánh nước xói mà đất lở gần đến lăng, nên trong họ và Hội đồng hương chính đem dời vào nơi xa ở về chồ Cái-bè cạn.

Lăng xây cất lại và làm lễ khánh tang vào ngày 17 tháng ba năm Canh-Thân 1920.

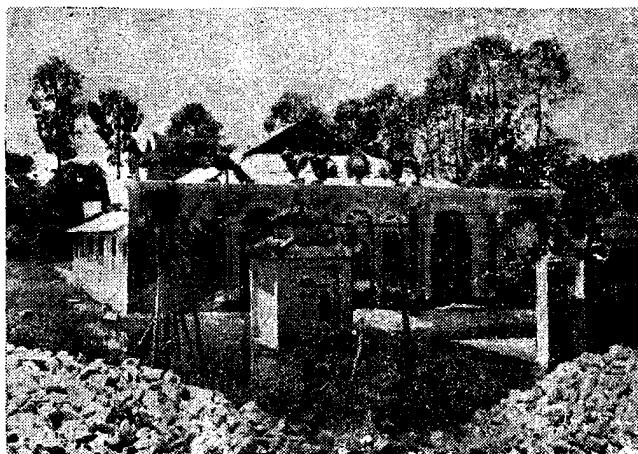
Nay muôn viếng Lăng, phải đến ấp Khánh-Thuận, Làng Tân-Đông (Trước là Tân-Khánh), Tông An Thạnh-Hạ, cách tỉnh lỵ Sa-Đéc hơn 8 cây số ngàn.

Giữa miếng đất rộng có rào bao phủ, hai ngôi mộ của vợ chồng cụ Quận-Công nằm song song nhau. Trên tấm bình phong phía sau có khắc bài thơ của vua Thiệu-Trị ngự chế trong năm Bính-Ngo 1846.

Trước cửa của Lăng có đôi liêng :

« Từ thế nhân luân thiên lũng ốc

« Quốc gia trung hiếu lưỡng âm phong.



*Đền thờ Kinh Môn Quận Công Nguyễn Văn Nhơn
(tục gọi là Quan lớn Sen)*

SỰ TÍCH MIẾU VĂN THÁNH

Vùng Long-Hồ-Dinh khi xưa có đến hai nơi được thiết lập miếu Văn-Thánh, một ở lĩnh lỵ Vĩnh-Long (!), một ở vùng Cao-Lãnh vốn là đất tỉnh Sa-Đéc ngày trước.

Miếu Văn-Thánh tỉnh Sa-Đéc xưa, thiết lập ở làng Mỹ Trà (Cao-Lãnh) thuộc tổng Phong-Thạnh, vốn trước kia thuộc về huyện Vĩnh-An, phủ Tân-Thành. Vì thuở cựu trào dinh phủ Tân



Văn Thánh Miếu thờ Đức Không Tử

Thành đóng tại làng Mỹ-Trà, nên nền Văn chỉ cũng xây cất trong làng ấy, đến nay cũng vẫn còn dấu tích.

Người đè xưởng việc xây cất Văn-Thánh miếu là viên Tri-phủ Hồ Trọng-Định. Khởi công xây cất từ ngày mùng 4 tháng 6 Âm lịch vào năm Đinh-Tỵ (1857) qua ngày 28 tháng 6 năm Đinh-Tỵ 1857 thì hoàn tất.

Đến năm Tự-Đức thứ 31 (Mậu Dần) (1878) vị Ban Biện là Phạm-Văn-Khanh có đứng ra sửa sang lại. Nơi miếu có nhiều đổi liềng được truyền tụng :

I

« Văn tại tư hồ, thề dung lục kinh thiên cỗ địa đạo :
« Thánh chi thời giả, tôn thân vạn cỗ đế vương sư.

II

« Kinh thiên vĩ đại tam tài chuẩn ;
« Kế vãng khai lai vạn đại tôn.

III

« Cao sang ngưỡng chỉ, cảnh hành hành chỉ ;
« Giang hán trạc chí, thu dương bộc chí.

IV

« Lễ nhạc diễn chương, bị nhất vương đại pháp ;
« Văn hạnh trung tín, thi tứ giáo hoàng mồ.

V

« Hiếu tử trung thần, vạn cỗ can thường lư trụ thạch ;
« Danh nhân khôi sỉ, niên phong vận thử quyên dứ.

VI

« Giáo tường vật tắc dân di, tồ cụ cá trung vương thánh :
« Lý quán thiên kinh địa nghĩa, cao siêu phương ngoại thần tiên.

VỊNH ÔNG ĐỐC VÀ MỘÔNG ĐỐC BINH THUẬN

Cách Châu-Thành Sa-Đéc độ trên một cây số ngắn, về ấp Phú-Hòa, làng Tân-Phú-Đông, qua cầu Rạch Rắn, quẹo tay trái đi theo bờ rạch thì đến Vịnh ông Đốc. Vịnh Ông Đốc nào đây? Kè ra thì trong có biết bao sông rạch đều mang tên là ông Đốc. Và điều cần là phải biết rõ xem đó có ý nghĩa gì. Vì không phải tất cả sông rạch mang tên ông Đốc dù là cùng chung một nguồn gốc. Chẳng hạn như sông ông Đốc ở Bạc-Liêu, ông Đốc đây tức là ông đốc binh Nguyễn-Tấn-Huỳnh, mà chúng tôi đã có trình bày trong quyển «Bạc-Liêu xưa và nay». Còn như Vịnh ông-Đốc ở Sa-Đéc, chính là đê kỷ công ông Đốc binh Thuận

Cũng như những tên sông rạch mang tên ông «Chưởng», cũng đều chẳng phải chung một nguồn gốc mà ra. Như vàm ông Chưởng, làng ông Chưởng ở An-Giang, là đê lưu danh ông Chưởng-Cơ Lê Thành-Hầu Nguyễn-Hữu-Cánh. Còn như đập ông Chưởng ở làng Bình-Luông-Tây, Gò-Công, lại là di tích kỷ công ông Chưởng-cơ Mai-Tấn-Huệ.

Xin nhắc trở lại về Vịnh ông Đốc ở Sa-Đéc, gọi là Vịnh ông Đốc, vì bên tả ngạn vịnh này có ngôi mộ của vị đốc binh triều Tự-Đức. Chúng tôi chưa tra cứu được họ ông là gì, chỉ được biết tên ông là Thuận, tục gọi là Đốc-binhs Thuận. Xưa kia ông dũng cảm cầm binh kháng Pháp, khi xông trận, ông bị gãy một chân, thương tích trầm trọng nên chẳng bao lâu thì ông mất. Lúc chôn cất ông, người ta làm một cái chân bằng sáp thế vào.

Một ông ở về ấp Phú Hòa, làng Tân-Phú-Đông như đã nói trên. Cái Vịnh ông Đốc đến nay còn lưu truyền, ấy là đặt từ thời trước để nhắc nhở tướng niệm đến ông vậy.

Con cháu của ông, có người con út tên Chánh, trước có giúp việc sở Trường-Tiền (tức ty Công Chánh) tỉnh Sa-Đéc nhưng cũng đã qua đời từ lâu, không ai nối dòng.

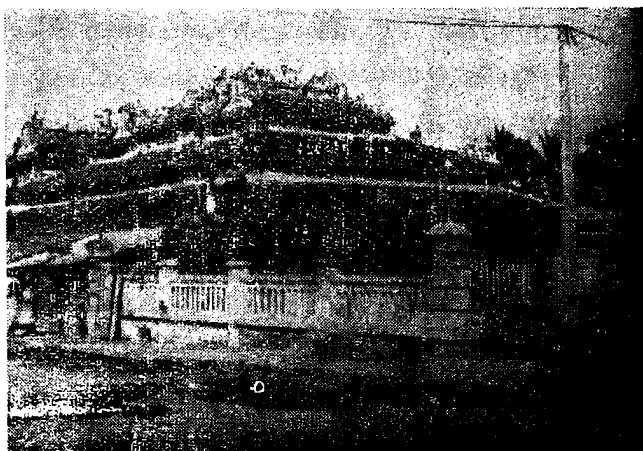
oOo

ĐÌNH VĨNH PHƯỚC VÀ LINH VỊ CHƯỞNG DINH QUẬN CÔNG TỔNG PHƯỚC HÒA

Đình Vĩnh-Phước tục gọi là đình Gạo, một ngôi đình nhỏ đã có từ lâu, được xây cất lại hồi năm 1904. Ngày nay dân chúng gọi là đình Vĩnh-Phước, nay trở thành ấp Vĩnh-Hiệp (xã Tân-Vĩnh-Hòa). Ngôi đình rộng lớn khang trang, lộng lẫy, phải là nơi ngự trị của linh thần khói hương thường nhật. Thờ Thần Bỗn-cảnh Thành Hoàng do vua Tự-Đức đê ngũ niên phong sắc.

Tục lệ hằng năm đến ngày 17.7 Âm lịch tổ chức cúng Thần long trọng và phải cúng một con trâu sống, và có năm hát Bài đê tạ Linh-Thần.

Đặc biệt Đình này còn thờ quan Thượng-Đẳng Quận-Công Tổng Phước-Hòa. Trước kia vị Thần này có Miếu riêng, vì lâu đời phải hư, nên thỉnh sắc về thờ chung trong



*Đình Thần Vinh-Phước bên trong thờ linh vị
Quận Công Tông Phước Hòa.*

đình Vĩnh-Phước. Sắc phong ngày 24-9-1823 đời Minh-Mạng đê tam niên. Hằng năm cúng vào ngày 15-1 âm lịch.

Đồng bào địa phương rất tin tưởng nơi sự hiền linh của Ngài, mỗi lẻ cúng có đủ mặt thần hào nhân sĩ đến dự đông đảo. Một vị khai quốc công thần như Ngài danh vang bốn bề sử sách đã ghi lục tên tuổi. Ngày nay đất Sa-Đéc hứa phước được thờ Ngài khôi hương không dứt, truyền tụng muôn đời với tinh thần tồn cổ.

oOo

NGÔI MỘ BÀ DƯƠNG

Cách 3 cây số về phía tây Châu-Thành Sa-Đéc ngày nay còn ngôi mộ mồ, nằm trên một gó đất cao ráo rộng chừng 500

thuộc vuông, chung quanh có nhiều cây cối mọc um tùm, cành vật rất nên huyền ảo. Ngôi mộ bao quanh những tảng đá xanh to lớn, rêu phong cổ mộc, trước đầu mộ có khắc những hàng chữ nhỏ ghi lại năm tháng, tên họ người quá vãng, nhưng lâu ngày bị tuyet sương mưa gió phai mờ, chữ còn chữ mất,

Theo các bô lão địa phương kề lại, lúc Gia-Long tầu quốc đi ngang qua Sa-Đéc, trên đường về Bảo-Tiền Bảo-Hậu, Bà Dương thường nấu cơm cháo thết đải ba quân tướng sĩ, và chẳng những bà đóng góp công lao tiền của giúp đỡ nhà Vua trong lúc dừng chân ở Sa-Đéc. Việc làm của bà, thể hiện lòng yêu nước lớn lao, được nhà Vua khen tặng là: « Háo-nghĩa khả gia ».

Tương truyền, ngôi mộ của bà trước đây mẩy mươi năm, những đêm thanh vắng, thường xuất hiện một cặp rắn thần màu ngũ sắc, có giọng gáy thanh tao vang cả dòng ruộng. Đồng bào hiểu kỹ đến rình xem, quã là một cặp rắn thật to mồng đỏ, từ trong nùm mộ ngọc đầu lén gáy, ai nấy cho là việc lạ. Theo người biết chuyện cho đó là binh gia ngày xưa hiện thân đến hầu bà là người có công giúp đỡ cho quân binh tướng sĩ trong lúc quốc nạn, khi thiêng sòng núi, vong linh tử sĩ còn phưởng phật nơi mảnh đất linh, nên mới ứng hiện những sự việc cho thế gian thấy chuyện linh thiêng huyền bí của cõi vô hình. Tiếng rắn Thần dường như nhắc nhở để truy ơn một nữ trung liệt.

Câu chuyện rắn thần xuất hiện và ngôi mộ bà Dương tại Sa-Đéc ngày nay người ta thường nhắc đến ở đám tiệc, trong lúc trà dư tửu hậu.

DINH BÀ ĐÔ

Uy danh cụ Kinh-Môn Quận-Công Nguyễn-Văn-Nhơn, trong Tỉnh Sa-Đéc nói riêng, lịch sử Việt-Nam nói chung, không ai là không biết. Lịch sử đời cụ, làm vefs-vang cho Sa-Đéc và đến nay hầy còn di tích khá nhiều trong tỉnh. Chẳng những cụ đã để tên vào lịch sử, mà con cái của cụ cũng lừng danh, và cũng còn lưu di tích một nơi ở Sanh-Nhiên, tục gọi Dinh bà-Đô.

Vì sao có tên Bà-Đô ? Nguyên người con trai trưởng của cụ Kinh-Môn Quận-Công được triều đình chú ý vì tài đức, nhất là vì trọng vọng uy-danh của cụ Kinh-Môn, nên nhà vua gả Công chúa cho. Con trai cụ Kinh-Môn, Quận-Công nghiêm nhiên là Phò-mã, phong chức. Phiêu-Ký Đô-Úy, tước Đức-Nhuận-Hầu. Vì chồng là Chức Đô-Úy, nên người ta quen gọi công chúa là Bà-Đô.

Tuy thuộc hàng cành vàng lá ngọc, nhưng chịu ảnh hưởng của chồng và cha chồng. Bà-Đô sống bình dị, thanh đạm, giàu lòng nhân đức, bùa nhuần ân nghĩa khắp vùng. Do đó, tăm tiếng Bà-Đô vang truyền.

Vợ chồng bà cất dinh ở rạch Sanh-Nhiên, dân chúng vì ngưỡng mộ công đức của vợ chồng bà, nên gọi tên rạch bằng tất lòng tôn kính tưởng niệm là Rạch Bà-Đô, Dinh thự của vợ chồng bà thì dân chúng gọi là Dinh Bà-Đô.

Thấy dân chúng tỏ lòng mến mộ, vợ chồng bà càng thêm cẩn khích, chăm thi ân bõ đức hơn trước nữa, mua chuộc cẩn tinh càng ngày càng sâu đậm. Đến khi Bà-Đô mất, người người đều thương tiếc.

Thời gian qua, vật đồi sao dời, dưới triều Minh-Mạng, Tự-Đức, cựu trào cho thiết lập phủ Tân-Thành tại nền cũ dinh Bà-Đô thuở trước. Rồi đến đời Pháp thuộc người ta cất Chợ Cửu-Sa-Đéc tại ấy. Dần dần về sau, chốn cũ Dinh Bà-Đô lại biến thành chò lò heo Vĩnh-Phước.

Tiếng Bà-Đô chim trong quên lãng. Đè lưu dấu vết, tưởng niệm người xưa đã khuất trong hương khói tàn sùng của dàn gian, nhờ lòng nhân đức, tên gọi Bà-Đô chúng tôi xin nhắc lại nơi đây.

Những khi du khách qua Rạch Sanh-Nhiên, xin biết cho rằng nơi đó từng được gọi là Rach Bà-Đô và có Dinh Bà-Đô tọa lạc nơi vùng ấy. Âu cũng chút lòng hoài niệm người xưa cảnh cũ.

oOo

KINH ĐỐC-PHỦ-HIỀN. XÃ TÂN-PHÚ-TRUNG

Lúc trước đường sá chưa mở mang, dân chúng xã Tân-Phú-Trung muốn đi chợ Sa-Đéc phải bơi xuồng chèo ghe theo con rạch Cần-Thơ, từ chợ xã Tân-Phú-Trung đi theo một vòng cung qua Chợ-Quán, Bình-Tiên... rồi mới đến Sa-Đéc. Vì đoạn đường dài trên 7 cây số, nên họ phải đi từ 4, 5 giờ sáng.

Đến năm Kỷ-Dậu 1909, có người nghĩ ra cách thâu ngắn đoạn đường trên bằng một ngã đi tắt, gần hơn tiện hơn. Người đó là quan Đốc-Phủ Lê-Quang-Hiền làm việc lại tỉnh Sa-Đéc. Kẻ viết bài này đã cố gắng lìm hiểu về lý-lịch cùng thân thế, sự nghiệp của ông Lê-Quang-Hiền người đã có công rất nhiều cho đồng bào xã Tân-Phú-Trung ngày nay còn nhắc.

Đào con kinh này ông đã quy tụ trên 5.000 tráng đinh ra sức đào ròng rả trong ba tháng, dụng cu đào kinh là len, xuồng một dụng cụ thô sơ và thông dụng của đồng bào nông thôn. Con kinh bắt nguồn từ ngã tư Chợ xã Tân-Phú-Trung thẳng ra đến Ngã-Cay, tại đây sẽ giáp giới với Ngã-Cù, qua cầu Rạch-Rắn rồi đến chợ Sa-Đéc. Con kinh đào này bờ ngang 10 thước, sâu 4 thước, và nếu so với bờ dài của Rạch Cần-Thơ thì con kinh Đốc-Phủ-Hiền chỉ dài khoảng 5 cây số thật là giản tiện cho dân chúng trong sự lưu thông, ngoài ra còn giúp thêm nước cho ruộng lúa hai bờ kinh rất nhiều.

Đề nhớ ơn ông, người ta bèn đặt tên con kinh mới là Kinh Đốc-Phủ-Hiền.

Hiện nay vì nước chảy quá mạnh, nên càng ngày kinh càng lở ra rộng có đến 30 thước.

Lúc trước trên bờ kinh về phía tay mặt có trồng một hàng cây sao rất cao lớn, có cây cao đến mấy mươi thước, tục gọi là hàng sao Một, nay đãt lở đi, chỉ còn lại bộ gốc rễ to lớn dưới mé kinh như để chứng minh sự vẫn xoay của Tạo-Hóa.



HUYỀN SỬ

II

CHIẾN TRƯỜNG BÃI HỒ

Bãi-Hồ, tên chữ là Hồ-Châu, ở phía đông sông Tiền-Giang và sông Tân-Đông, là hai thôn cư Tịnh-Thới và Tân-Tịch. Nơi này, khi xưa hình thế như cọp vờn mồi, đúng là nơi long tranh bồ đấu. Cho nên, từ xa xưa Bãi-Hồ vẫn là chỗ chiến trường đậm máu khốc liệt. Chân-Lạp, Xiêm-La thường đóng binh đánh phá chốn này. Mà nhà Nguyễn Tây-Sơn cũng từng xua binh giao phong ác liệt nơi đây.

Trong khi nhà Chúa Nguyễn-Phúc và nhà Nguyễn Tây-Sơn tranh hùng, trận đánh long trời lở đất tại Bãi-Hồ, xảy ra vào năm Kỷ-Dậu 1789.

Năm ấy, khoảng tháng 4, Tướng lãnh chỉ huy quân-đội Tây Sơn là Thái-Bảo Phạm-Văn-Tham (Cũng gọi là Phạm-Văn-Sâm) dàn thành trận thề tại Bãi-Hồ; Phạm-Văn-Tham vẫn là tướng giỏi của Tây-Sơn, đã có lúc đóng binh trấn giữ Saigon, bị Nguyễn-Vương dùng kế ly gián, khiến Phạm-Văn-Tham phải bị Tây-Sơn nghi ngờ, đến nỗi phải đầu hàng. Nhưng Phạm-Văn Tham chẳng thật lòng hàng phục, nên ít lâu lại trở mặt đánh trả lại Nguyễn-Vương.

Nghe tin Thái-Bảo Phạm-Văn-Tham dàn quân nơi Bãi-Hồ Nguyễn-Vương cả giận, khiến Võ-Tánh, Nguyễn-Văn-Trương Nguyễn-Văn-Nhon dàn binh đi đánh. Chiêng trống vang trời

bụi binh mù mịt. Tiếng quân sỉ thét la vang với một gốc trời như cọp gầm chấn động.

Với khí thế hào hùng sảng cổ, hình Nguyễn-Vương phá tan quân đội của Phạm-Văn-Tham. Tuy nhiên đôi bên đều đã tồn tại nặng nề. Sau trận Bãi-Hồ, tương truyền : Những đêm thanh vắng, nhân dân quanh vùng thường nhận thấy có lăm hiện tượng quái ảo xảy ra.

Hồn ma bóng quế chập chờn trong sương mù. Tiếng vọng đồn ào như vó ngựa dập dồn, đoàn quân vượt tiến.

Não nùng thay. Một con sông Man-Thít đầm máu, Châu-Văn Tiếp qui thần ; lại thêm Bãi-Hồ xương khô chất đống, Phạm-Văn Tham tán đởm kinh hồn. Sa-Đéc ngày xưa lầm nỗi đau thương vì chiến họa «Nhất tướng công thành vạn cốt khô», từ xưa cuộc chinh chiến vẫn là điều đại bất hạnh cho một dân tộc làm tai kiếp nói riêng, tủi nhục cho nhân loại hiếu sát hiếu chiến nói chung. Cho nên, qua cơn binh lửa, những nơi từng là bãi chiến trường ác liệt, hẳn là oán khí lâu tan oan, hồn văt vương gày nên lầm diều quái dị cũng là thường.

Nhân nhắc đến đoạn sử đau thương «Sông gầm Man-Thít», chúng tôi thêm nỗi ngậm ngùi về chiến trường Bãi-Hồ, đánh dấu một thời quá khứ, dân tộc điều linh vi nội chiến, đồng chung tương tàn...

PHỐ TIÊN BÃI PHỤNG DIỆU HUYỀN

Sa-Đéc ngày xưa có hai nơi thắng cảnh: Phố Tiên và Bãi-Phụng. Sách «Đại Nam Nhất thống chí» (1) ghi:

— Tiên-phố ở đất Tân-Qui-Đông: Nước trong cát trắng, gió mát sông lặng: người có ghe thuyền thường đem ra đậu nơi đây không bị ruồi muỗi huyễn náo, nên gọi là Tiên.

— Bãi Phụng-Nga thì ở phía-Bắc sông Sa-Đéc, công dài 10 dặm. Phía đông là Bãi Phụng Châu, Phía tây là Bãi Nga; có 5 thôn cư; Nghi-Phong Sùng-Văn; An-Tịch, Tân-Xuân và Tân-Lâm.

Một gò đất rộng, giữa có ngòi nhỏ, chia gò ra làm hai, vườn cây xanh tốt, cảnh lieu lỏng thòng như đuôi chim Phụng và có những bầy ngỗng lội tắm dưới bến nước, nên đặt tên là Bãi Phụng-Nga. Chỗ này là cảnh trí lâm-tuyền mà lại gần thành thị, ai muốn nhàn tĩnh tâm hồn thì đến Tiên-Phố bơi thuyền ra Tiền-Giang mà tắm gội gió mát trắng thanh; ai ưa phồn hoa náo nhiệt thì qua Nam-Tân đến Sa-Đéc mà dạo chơi thành thị. Hơn nữa, có sông để câu cá, có ruộng để làm nông và trồng trọt hoa màu, đủ cả lạc thú.

Cảnh tri Phố Tiên, Bãi-Phụng, nứa thành thị nứa lâm-tuyền, gợi lòng du tử sinh lòng căm cựu, mến luyến phong quang ấy biết bao nhiêu. Tên đặt đã xinh xinh, cảnh trí lại hữu tình, thừa sức thu hút khách du nhàn tản quá bộ đến ngắm

(1) Bản dịch của Tu-Trai Nguyễn-Tạo. Nhà Văn-Hóa Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục xuất bản.

phong quang. Thảo nào khi xưa Chúa Nguyễn-Phúc-Ánh đã chọn Sa-Đéc làm chồ hành cung cũng phải.

Lại tương truyền : Sở dĩ hai nơi thăng cảnh ấy có tên là Phố-Tiên (Tiên-Phố) và Bãi Phụng-Nga (Phụng-Nga Châu), vì chẳng những phong quang Tiên-Phố mường tượng như cảnh Tiên, còn Bãi-Phụng hình thè như Phụng múa, mà hai chốn ấy lại còn là nơi đê các tay thơ thần rượu Thánh dạo chơi thích chí đê thơ ngâm vịnh. Và hơn nữa, những đêm trăng trong, cảnh tịch, vẫn hay có chư Tiên hiện xuống, vắng vắng xa nghe như có tiếng hạc kêu ở nửa lừng trời, thấp thoáng như có đàn Phụng múa chào hầu các đấng tiên giáng thế.

Lạ thay ! Vĩnh-Long có cảnh Tiên-châu, chùa Tiên-Châu (1). Sa-Đéc cũng có Phố-Tiên, Bãi Phụng. Phải chăng vùng Vĩnh-Long — Sa-Đéc là nơi sông linh đất phước, nên thường có thần Tiên qua lại vân du ? Khi linh chung đúc nên thường có thần Tiên, qua lại vân du ? Khi linh chung đúc kỳ quang thăng cảnh, sẵn xuất anh tài. Đất Long-Hồ-Dinh xưa đầy đầy khí thiêng ẩn ức, xưa đã thế, mà nay và về sau hẳn sẽ còn có lắm điều đáng ngợi ?.

oOo

OAI LINH HẦU TƯỚC SĨ-HÒA

Trong cuộc thực thi chánh sách tam-thực, khai thác lãnh thổ miền Nam, dưới quyền điều khiển của nhì vị tướng lãnh cao cấp là Nguyễn-Cử-Trinh và Trương-Phúc-Du, tự nhiên còn

(1) Chúng tôi đã trình bày ở Quyển «Vĩnh-Long Xưa và Nay».

có biết bao anh hùng hào kiệt đã dày công đóng góp. Hoàn thành sứ mạng Nam tiến, Nguyễn-Cư-Trinh để tên trên lịch sử. Dùn chúng Long-Hồ-dinh nói chung, Đông-Khầu-Đạo (tức vùng Sa-Đéc khi xưa) nói riêng, càng hoài cảm công nghiệp của ông bấy bao nhiêu, át cũng nên biết đến một vị Võ tướng khác nữa là Sĩ-Hoài-Hầu. Khi xưa ở địa phận Thôn Vĩnh-Phước, huyện Vĩnh Nan, có thờ Tiền-Cai-Cơ Đông-Khầu-Đạo-dặc-tiến Phụ Quốc Sĩ-Hòa-Hầu (Có sách chép là Nhân-Hòa-Hầu).

Hầu-Tướng Sĩ-Hòa, tục gọi là Hòa-Hầu, vốn quê ở Tông-Sơn,, tỉnh Thanh-Hóa. Ông đã dày công phù-tá các Chúa Nguyễn đóng góp rất nhiều vào cuộc Nam-tiến. Sau khi đã lãnh trọng trách trấn đóng ở nhiều nơi, ông phụng mang thắng vào Long-Hồ-Dinh góp sức với các quan liêu Văn Võ mở mang miền Tây. Bấy giờ ông đảm nhận sứ mạng lo việc an ninh cho dân chúng vùng Đông-Khầu-Đạo. Với chức vụ Tiền Cai-Cơ, ông tận tâm đốc xuất thuộc hạ ngày đêm canh phòng bọn giặc, và thắng tay bài trừ du đảng, khuyên dân bỏ hết các tệ đoan.

Triều đình ban chiếu khen ngợi công nghiệp của ông phong ông là Phụ-Quốc Sĩ-Hòa-Hầu. Sau ông mất, dân lập đền thờ, mỗi khi cầu đảo đều có linh ứng. Tương truyền : Oai linh của ông từng khiến kẻ gian manh phải khiếp đảm. Những ai gian trú, ông hiền lòng oai thần, trường trị cho đến biết sợ mà bỏ thói ác mới thôi. Hoặc khi đất nước bị giặc đánh phá, ông cũng từng hiền linh âm phù mặc trợ. Do đó, dân gian trải qua các đời vẫn truyền tụng công đức của ông, tin tưởng ở oai linh của ông vô cùng.

Năm Minh-Mạng thứ 12 (1831) nhà vua ban sắc gia phong cho ông là « Quảng-ân Thực-đức Trung-Đảng-Thần », chuẩn cho Thôn Vĩnh-Phước phụng tự.

oOo

SÓNG GẦM MAN-THÍT

Ngược dòng lịch sử, chạnh nhớ đến nước non trong thời kỳ chúa Nguyễn-Phúc-Ánh và Tây-Sơn tranh hùng, gây cảnh núi xương sông máu, biết bao anh hùng liệt sĩ đã bỏ mình. Nhất là trên các chiến trường đã xảy ra nơi Sa-Đéc, duy trận ác chiến trên sông Man-Thít, muôn thuở nhắc đến như còn hình dung được mặt sông loang máu đỏ. sóng gầm gió thét vì oán khí của tử sĩ ngút trời.

Trận Man-Thít xảy ra trong khoảng tháng 10 âm lịch năm Giáp-Thìn 1784. Năm ấy, Nguyễn-Vương từ Xiêm trở về nước, có hai viên đại tướng Xiêm là Chiêu-Tăng và Chiêu-Sương đem 20 vạn quân và 300 chiến thuyền theo giúp. Châu-văn-Tiếp, một tướng lanh nỏi danh trong tam hùng Gia-Định, được phong làm Bình-Tây Đại-Đô-Đốc, hiệp với các tướng Võ-di-Nguy, Dương-công-Trừng, Nguyễn-Huỳnh-Đức, Lê-văn-Quân đánh lấy lại Rạch-Gia, Sóc-Trăng, Trà-Ôn.

Đến Trần-Giang (Cần-Thơ) Đại-Đô-Đốc Châu-văn-Tiếp dàn thủy quân kéo thẳng qua Vĩnh-Long, kịch chiến với Tây-Sơn tại Man-Thít, đoạt được 18 chiến thuyền. Ông bèn qua thuyền địch xem xét. Một tướng Tây-Sơn là Chưởng-Tiền-Bảo nấp dưới lườn thuyền, thừa lúc ông bất ý, chun lên thích một mũi gươm

vào ngực ông, ông thét to, rút gươm chém chết Chưởng-Tiền-Bảo, rồi ngã gục ngất đi trên vũng máu.

Nguyễn-Vương truyền vực ông qua thuyền ngự cứu cấp. Ông tĩnh lại, thồn thức : « Trời chưa muộn diệt bình Tây-sơn sao, nên nở giết ta ? » Rồi tắt thở trong ngày 13 tháng 10 âm-lịch năm Giáp-Thìn 1784 (1).

Châu-văn-Tiếp mất rồi, tương truyền từ ấy trên sông Man-Thít vẫn thường nghe gió thét sóng gầm, dường như có đại đội hùng binh đang xung sát với nhau. Những đêm vắng lặng ám khi nặng nề, âm thanh ròn rợn ma quái thỉnh thoảng vang lên, ngân xa trong khoãng không.

Giữa lúc nước nhà lâm vào cảnh nội chiến, Nguyễn-Vương và Tây-Sơn tranh giành ánh hưởng nhau làm cho cốt nhụt tương tàn, biến bao máu anh hùng hào kiệt phải đổ, trước sự phân tranh giữa người cùng giống nòi.

Nhắc đến đoạn này, chúng tôi chẳng khỏi bàng hoàng về trận ác chiến nơi Man-Thít ấy và dư âm huyền ảo hãi còn truyền tung đến nay. Dòng sông Man-Thít gió thét sóng gầm từng lúc, phải chăng đó là oán khí của chiến sĩ hữu danh và vô danh đã bỏ mình trên đường xung sát, cũng vì ngôi thứ, vì quyền lợi mà sát hại lẫn nhau, trên dãy non sông hoa gấm !

Mỗi khi ghe thương hồ qua lại trên sông Man-Thít, không sao quên được một ấn tượng hãi hùng của cuộc đồng giống nòi tương tranh trải qua trên thế kỷ.

(1) Xin xem Tiểu sử Châu-Văn-Tiếp ở Quyển Vĩnh-Long xưa và nay đã xuất bản,

THÀNH GƯƠM QUI Y

Xưa nay vật báu thường chờ tay quý nhân có duyên được gặp được trân-tàng. Gươm linh cũng chờ tay anh tuấn sử dụng thì mới nên giá quý, mới hiền mặt kỳ nhân.

Tương truyền : Chúa Nguyễn-Phúc-Ánh khi mông trần bôn lầu trên khắp nẻo đường đất nước tại miền Nam, trên tay Ngài có một ngọn gươm linh kỳ bí. Gươm ấy, mỗi khi sắp có việc biến động gì, đang đêm bỗng phát tiếng vi vút như reo lên báo trước. Và như thế, trăm lần như một, sau đóắt Ngài phải lên yên ngựa xông pha trận mạc, cho gươm linh dấy máu oan cùu. Cũng với thanh gươm ấy. Ngài ra trận chỉ-huy tướng sĩ, đều được vuông tròn, không có điều chi bất trắc đến nỗi phải sơ thắt. Đầu khi nguy hiểm, thập tử nhất sanh, nhờ gươm linh hộ mạng, Ngài đều thoát hiểm, không hề phải bị dấy máu long bào bao giờ.

Tuy nhiên, đôi khi tâm tư khoắc khoải về viễn đồ thống nhất non sông, ngồi lặng nhìn ngọn gươm linh đ𝐞 trên án sách bên cạnh mình, Nguyễn Vương vẫn có đôi phút thở dài than thầm : « Từ ta cất bước lưu vong đến nay, gươm báu tiên vương lưu truyền đã giúp ta khá nhiều, máu loang gươm thép, lòng ta cũng phiền muộn lắm. Gươm linh ôi ! Biết bao giờ ý đồ của ta được thành tựu, đ𝐞 mi khỏi dấy máu tanh ? Ta nguyện cùng trời đất hèle ngày nào ta thấy nhẹ lòng rồi, ta nhất quyết đem mi dâng vào cửa Phật ».

Quý-Mão 1783, tháng 7 Ngài ngự ra cửa biển Ma-ly đ𝐞 dò thám tình thế địch. Gặp thuyền địch hơn 20 chiếc kéo đến vây

đánh, định bắt sống ngài. Liệu khó chống nổi. Ngài và đoàn tùy tùng trương bùồm cho thuyền chạy về phía đông, lênh đênh ngoài biển bảy ngày đêm, trong thuyền hết nước, quân lính đều khác. Ngài lấy làm lo, ngửa mặt lên Trời khấn rằng : «Như tôi có mạng làm Vua, xin cho thuyền ghé vào trong bờ để cứu táng mạng mấy người trong thuyền ! Nếu không, thì thuyền chìm xuống biển, tôi cũng cam tâm. Khấn xong giây phút thấy gió lặng sóng êm. Lại thấy nước biển bỗng chia đôi dòng : dòng đục dòng trong. Một người trong thuyền múc uống thử, reo to :

— Nước ngọt, nước ngọt !

Ngài mừng rỡ, truyền mức bốn năm chum, mức vừa xong, nước tự nhiên trở mặn lại y như trước. Nhờ đó, Ngài trở về được đến Phú-Puốc bình an vô sự. Quốc mẫu mừng chảy nước mắt, bảo Ngài :

— Con lưu lạc đã nhiều, gian nan không xiết kẽ, nhưng xem lòng trời vẫn hăng thương tưởng đến con, coi đó đủ biết ý trời. Con đừng thấy gian hiếp mà ngã lòng.

Ngài lại ta rằng :

Xin dâng lời mẹ dạy.

Rồi đó thuyền ngự đến cửa biển Đốc Công. Thanh gươm báu linh ứng từ đêm trước đã phát điềm báo trước sẽ có dấy máu. Ngài cần thận đề phòng. Quả nhiên, lại có thuyền Tây-Sơn ngăn đón. Tướng địch là Đô-Đốc Nguyệt huy động quân sĩ chặn đánh. Đã sẵn đề phòng, Nguyễn Vương xua quân nghinh chiến, không chút nao núng.

Đứng trước thuyền ngự, tay cầm gươm linh điêu khiển tướng sĩ, Nguyễn Vương đầy lòng tin quyết thắng, một phần cậy ở sự hộ trì thiêng liêng của thanh gươm báu, một phần vững lòng về tài năng của các tướng. Trống chiêng vang rèn giục thúc. Trận thế dần dần nghiêng phần thắng lợi về phía Nguyễn-Vương. Đô-đốc Tây-Sơn nung lòng quay thuyền chạy. Tức khắc Nguyễn-Vương phát cờ lệnh, giục đoàn thuyền đuổi theo. Bên thuyền địch kao xuyến, rồi loạn hàng ngũ.

Binh Nguyễn Vương đắc thắng, bắt sống được Đô-Đốc Nguyệt. Thương tài, Nguyễn Vương dụ hàng, nhưng Đô-Đốc Nguyệt khăng khái không chịu khuất. Nguyễn Vương truyền đem gươm linh ra nói :

Nếu ngươi không hàng, ta khó thể dung tình. Đô-Đốc Nguyệt vẫn nhiên :

Đáng anh hùng xem thác như vè. Ta đã thờ nhà Tây-Sơn
chỉ dành chết vì chúa tướng của ta mà thôi.

Nguyễn Vương cực chẳng đã phải truyền đem chém, rồi ngặt ngòi : Gươm linh đả dấy máu biết bao nhiêu rồi ! Lòng ta bao nở. Cầu xin trời đất hộ trì, giúp ta mau chóng thành công, để đỡ đau lòng nhìn cảnh núi xương sông máu.

Sau đó, Ngài nhớ lời nguyện ngày trước. bèn đem gươm linh vào Chùa, quỳ trước đại hùng bửu điện khấn vái. Từ ấy, thanh gươm mang tên là thanh gươm quy y, vì Ngài đã đem dâng gươm nơi cửa Phật.

Cho đến khi Ngài về đóng đại bản dinh ở Nước-Xoáy, thanh gươm quy y xa gần đều biết, truyền tụng thêm lên, làm

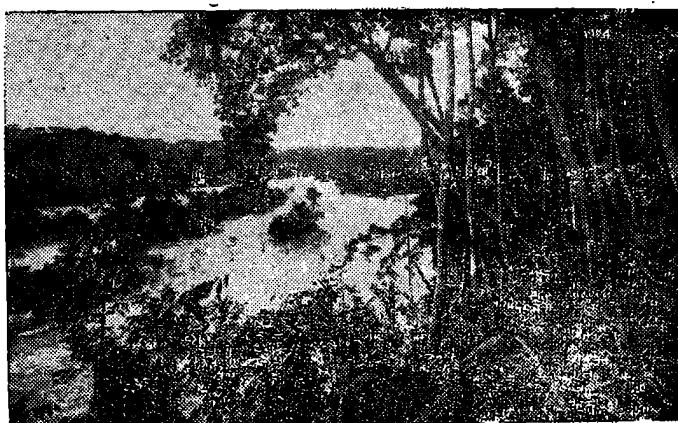
tăng uy tín của Ngài. Bởi dân chúng cho rằng Ngài nhân hậu, thanh gươm kia còn đem vào cửa Phật quý y, thì đức độ hiếu sinh của Ngài hẳn cũng đáng kính phẫn nào. Nhờ thế, Ngài thâu phục được lòng dân, nên thẳng đường tiến đến mức thành công vinh diệu.

oOo

GÓC SAO THIÊNG

NOI CÂY DA BẾN NGỤ

Nơi chương trình bày về di tích, chúng tôi đã nói về Cây-Da Bến-Ngụ. Nay thuật lại một đoạn huyền sử về sự thiêng liêng nơi gốc cây da này, chúng tôi xin nói rõ hơn.



*Cây Da Bến Ngụ ngày xưa tọa lạc tại xã Long Hưng
Vua Gia Long thường ra đây ngồi câu cá. nay cây Da đã bị đốn mất*

Chỗ cây Da vốn gần bến nước. Nguyên xưa kia tại cội da ấy, còn có đê một gốc sao to lớn, chau vi đến hai người ôm mới giáp. Khi đức Cao-Hoàng định trú tại Long-Hưng, thường thường mỗi buổi chiều mát Ngài hay đến ngồi trên gốc cây sao ấy, dựa bên cội da mà câu cá giải khuây, nên tục gọi chỗ ấy là Cây Da Bến Ngự.

Đến khi thống nhất non sông, Ngài lui về Huế lên ngôi Vua, chốn cũ Bến ngự xưa trong Nam này vẫn lưu dấu tích. Cội da ngồi ngày một tốt tươi, gốc sao thì l่าน l่าน xiêng lệch xuồng sông, rồi ngầm tuốt dưới lòng sông, ngay gốc chân cây da.

Mấy mươi năm gần đây, gốc sao vẫn ở dưới nước càng thêm tươi tốt. Ngày kia, một người chài lưới bàn tinh với vợ con :

— Gốc sao tốt quá, hai mẹ con bảy kẽm thuyền, dễ ta lặn xuồng mò, tìm cách vớt lên, đem bán cho đám thợ thuyền, dùng làm cong đà ghe thì vững chắc vô cùng, kiếm được khá tiền. Người vợ xua tay, khuyên dứt chồng :

— Ấy chết, đừng tính bậy không nên. Tôi nghe đó là dấu tích của Hoàng Đế lưu lại, ai cũng có lòng mong muôn gìn giữ đê làm chút kỷ niệm xưa. Mình làm ngang, đố khỏi mang họa.

Người chồng cười lạt :

— Sợ có gì. Của quý bỏ hoài cũng uổng. Mình nghèo, nhờ đó mà kiếm chắc được chút đỉnh, tội gì làm ngơ. Có phải của riêng ai đâu mà ngại. Liền hăm hở nhảy tôm xuống nước, lặn

mò gốc sao. Vừa mò đúng, tay chưa kịp tra dây đê cột chặt kéo lên, người chài lưới bỗng la bài hãi :

Úy trời ! Đau chết đi thôi. Tôi biết tội tôi rồi. Xin thiên dia quỷ thần tha cho. Tự hậu tôi không dám phạm tội nữa. Hai mẹ con ngồi trên thuyền thấy điều quái dị, há hốc mồm kinh ngạc, nhìn sững cảnh tượng người chồng đang vật mình vật mày, miệng lẩm nhẩm vái van, mặt mày nhăn nhó, nước mắt ròng ròng. Dân chúng quanh vùng nghe la bài hãi đã đồ xô ra xem. Có người thấy thế buột miệng nói to :

— Chết rồi ! Thắng Tám đó phải không ? Sao mày nhè chồ linh thiêng mà dám xâm phạm chứ ? Bị thần linh quở phạt đó. Bà con mau cứu nó lên giùm.

Người thợ chài lưới tên Tám không ngót lẩm nhẩm van xin, khẩn cầu các đấng khuất mặt tha thứ. Chòm xóm ái ngại. Đôi ba người nhảy đại xuống, đến gần anh Tám mà lôi đi khỏi chồ ấy.

Đem nhau lên bờ, xem lại bàn tay của anh Tám như ai vặn bẽ tréo sưng vù. Anh Tám kêu la rên rỉ, chập lâu mới hết kinh hoàng. Mọi người xúm lại hỏi han tự sự. Anh Tám thú thật mình đả động lòng tham toan vớt lấy gốc sao, nhưng lạ thay, tay vừa đụng gốc thì bị vặn tréo đau đớn quá.

Một người trong đám cười khì :

— Hay là vẹp bẽ ? Hoặc là anh đụng chạm phải vật gì đó chăng ?

— Một người khác nạt :

— Đừng gièu cợt phạm thượng. Chắc chắn tħần linh quở đây. Ghê thật !

Anh Tám khẽ gật đầu, tán thành mấy lời của người vừa nói mà rằng :

— Đúng. Chính tôi có cảm giác ròn rợn như thế. Như đằng khuất mặt ra tay hành phạt tôi vậy. Từ nay biết sợ, tôi xin chừa.

Trong đám người nghe không phải ai cũng đều tin mấy lời của anh Tám. Sau đó, lăm kẽ háo kỳ lén ra tay vớt thử gốc sao xem thế nào. Té ra ai cũng bị chung cảnh tượng như anh Tám. Hơn nữa, ai biết tỏ rõ hối hận, được an toàn ngay.

Bằng như ai ngoan cố, thuốc thang gì cũng chẳng khỏi, đến rốt biết sợ, khấn cầu tại gốc da ấy mới lành mạnh được.

Tiếng đồn Cây Da bến ngự linh thiêng. Do đó, gốc sao bên Cây Da bến ngự được tồn tại, làm chứng tích của một bậc vua chúa trong khoảng thời gian thất thế, lưu lạc nơi Long Hưng, Sa Đéc xa xưa,

oOo

CHUYỆN QUAN LỚN SEN

Du khách đến Sa Đéc, viếng Đình quan Thượng Đẳng «Tổng Phước Hòa và lăng quan lớn Sen tức cụ Kinh Môn Quận Công Nguyễn văn Nhơn, ắt sinh lòng cảm cựu mà băn khoăn tự hỏi : Gọi là Quan Thượng đẳng dĩ nhiên rất đề hiếu : còn như quan lớn Sen thì có ý nghĩa chi ?

Tương truyền : Cụ Nguyễn văn Nhơn khi mới tiến thân nhờ lòng trung hậu và tính khảng khái mà được chúa Nguyễn phúc Ánh rất tin yêu. Những khi Nguyễn Vương xuất chinh, hay thất cơ phải bỏ đài, có cụ Nguyễn văn Nhơn theo hộ giá. Đặc biệt cụ Nhơn vẫn hăng háng được giao cho trọng trách bảo vệ quốc mẫu. Cụ vẫn tận tâm tận tình phục vụ, cung kính đối với quốc mẫu như mẹ ruột.

Quốc mẫu tuổi già bệnh hoạn, sức khoẻ suy yếu. Cụ hôm sớm chầu hầu bên cạnh, hết lòng lo lắng từ miếng ăn thức uống. Biết rằng quốc mẫuưa dùng chè sen, cụ vẫn tìm những hạt sen tốt dâng lên. Mỗi khi quốc mẫu tỏ ý muốn dùng chè sen, chỉ cần báo lên một tiếng «Sen», tức khắc cụ cho kẻ tã hữu đem dâng ngay. Lâu ngày thành danh, trong chốn cung vi, cũng như ngoài đời, người người đều biết tấm lòng thành của cụ đối với quốc mẫu, đối với đấng quân vương, nên cũng truyền nhau gán cho cụ một cái tên riêng là «Sen». Do đó khi cụ đã nghiêm nhiên là một bậc đại thần, người đời vừa muốn tránh gọi tên húy của cụ, vừa gọi nhớ chuyện xưa ; hăng háng gọi cụ là «quan lớn «Sen».

Điều ấy, chỉ là kiêng húy và tỏ lòng mến cụ nhân hậu trung thành. Chắc rằng chẳng có dụng ý mỉa mai gì. Thiết nghĩ, cứ xem kỹ tiều sử của cụ (Chúng tôi đã trình bày ở phần danh nhân : Kinh-Môn Quận-Công Nguyễn-văn-Nhơn) hẳn mọi người đều nhận thấy : Cụ rất chất-phát, trưởng hậu. Thu trẻ vì nạn đao binh mà thất học, kịp khi tuổi đã bốn mươi mà vẫn cố gắng học hỏi, thật đáng khâm phục, mến tưởng.

Hoa Sen biếu hiệu sự nhân từ, trinh trắng. Gọi cụ là Quan lớn Sen, kè cũng thật ý vị.

CON GÁI ÔNG BỎ HẬU

GIẢ ĐIỀN TỬ CHỐI CUỘC ĐỜI VƯƠNG GIÁ

Đây là một câu chuyện rất lý thú giữa một cô gái tại Long-Hưng và Nguyễn-phúc-Ánh trên đường lưu vong, đến nay các bô lão ở hai tỉnh Vĩnh-Long Sa-Đéc thường nhắc đến.

Trời đã về khuya, cô gái con ông trùm cả Nguyễn-văn-Mậu tự Hậu, vẫn ngồi chống tay trên bàn, áp má vào lòng bàn tay, mắt đăm đăm ngó sững hoa đèn, bàng hoàng tư lự. Từ hồi chiều thân phụ cô đã gọi cô mà bảo :

— Cha xem Nguyễn-Vương sau này ắt sẽ thống nhất được non nước, lên ngôi cửu ngút, trị vì thiên hạ. Từ lâu cha đã thi ân cho Ngài, nên Ngài tỏ lòng kính trọng cha (1), khiến cha cảm thương Ngài là người hiếu nghĩa, đang khốn bước phong trào Hiện nay quốc mẫu và chính phi vẫn còn mông tròn nơi Phú-Quốc, bên mình Ngài vắng vẽ không người hầu hạ, cha rất xót thương. Ý cha muốn gả con cho Ngài, hôm sớm an ủi trưởng chí cho Ngài, mai sau ắt con nhờ phận được cao sang, vinh hiển. Con nghĩ thế nào ?

Cô gái thở dài, lắc đầu không nhận :

— Chẳng nên đâu cha !

— Sao vậy ? Ngài thường tỏ dạ rất tin yêu cha. Vâ lại, Ngài cũng thường tỏ ra có cảm tình với con. Một khi cha đánh tiếng đưa con chầu hầu Ngài, nhân duyên ắt thành tựu tốt đẹp, có trở ngại chi đâu ?

(1) chúng tôi đã thuật trong bài «Chuyện ông Bỏ Hậu»

— Đành rằng Ngài không chê phàn con thấp hèn, nhưng tính đến chuyện sánh đôi với Ngài coi sao cho phải? Bấy lâu con vẫn có lòng thương mến Ngài như tình anh em mà thôi.

Thầy thân phụ có vẻ không vui, cô nói thêm :

— Vả chăng, ai cũng biết cha con ta đã hết lòng nâng đỡ Ngài trong cơn khốn đốn. Đó là một nghĩa cử cao đẹp, nên giữ cho trọng vẹn cao cả. Nếu nay gây thêm cuộc nhân duyên, chỉ cho khỏi thiên hạ xầm xì cha con ta cố tình mua chuộc cảm tình của Ngài, hỏng nhỡ nhối về sau. Như thế, tình thương đến nghĩa cử của cha đã từng thi tho. Xin cha chờ giận con, xét lại thật chăng nên đâu.

Thân phụ cô không nói gì nữa, nhưng có ý phiền muộn. Cô lui vào phòng, nắm trán trổ lo ra, đêm khuya vẫn không dỗ giấc được, nên ngồi dậy khêu ngọn đèn, trầm mặc sầu tư, tắc lòng buồn bả vô cùng.

Từ ấy cô có ý tránh mặt Nguyễn-Vương. Thân phụ cô lại rầy bảo :

— Con không thuận thì thôi, cần gì phải tránh mặt. Không khéo Nguyễn-Vương hiều lầm, cha con ta còn ra gì nữa.

Cô khóc nói :

— Xin cha yên lòng. Con nguyện sẽ giữ sao cho Nguyễn-Vương sẽ cảm phục cha con ta mãi mãi.

Một hôm, Nguyễn-Vương thình lình gấp cô, khẽ nghiêm minh thi lè với cô và nói :

— Sao lâu nay hiền muội ra chịu ủ dột, chẳng buồn góp chuyện cùng ta như trước ? Có điều chi phiền giận ta chẳng ?

Rồi không đợi cô đáp, Nguyễn Vương lại nói :

— Ta mang ơn thân phụ hiền muội rất nhiều, suốt đời chẳng dám quên. Hiền muội có biết lòng ta chẳng ? Ta vẫn hằng mong được nghe câu nói tiếng cười của hiền muội. Ta cảm thấy sầu muộn lạ !

Cô nghe nói, giựt mình nghĩ thầm : Người này đả yêu ta chẳng ? Biết có thật lòng hay không ? hay đang lúc cô đơn, hiu quạnh, người gheo nguyệt trêu hoa giải muộn đó thôi ? ! Dẫu sao ta quyết không thể đáp lại tình yêu ấy được, phải giữ vẹn nghĩa cử của cha ta đả đối với Ngài. Ấy mới là đê tiếng tốt muôn thuở được.

Rồi nghỉ rằng tại mình, nên khiến Nguyễn-Vương mới có lúc đắm say chót nhả, hư thế thống quản thần. Cô bèn giả điên thường lấy bùn, lấy lợ bôi đen mặt. Lại làm những điều quái dị, tóc tai đã dượi trông hình dáng vô cùng thiêu nǎo. Nguyễn Vương ngã ngơ, thầm thương tiếc cho một đóa hoa đồng nội chẳng may lọt sắc, phai hương. Thân phụ cô chẳng hiểu thâm ý của cô, tưởng cô đả ưu tư đến nỗi mất trí, lòng cũng đau xót thầm cho con gái mình bạc phước.

Trước cô còn giả điên, chẳng dè sau đó cô hóa ra điên thật. Hắn là tâm trí cô rối loạn, nhiều ý nghĩ ngang trái, tâm sự mang mang nên phải quần trí mà thành tâm bệnh; phát cuồng Nhũng lúc tỉnh say, say tỉnh, lòng cô hắn vô cùng khồ sở. Chẳng bao lâu cô bệnh nấm vùi, nhắm mắt lìa trần trong lúc xuân xanh đang độ.

Nguyễn vương càng lấy làm thương tiếc, than thầm. Và sau khi đã lên ngôi Hoàng Đế, chẳng những ngài phong thưởng Ông Bố Nguyễn-Văn-Hậu rất trọng, mà cũng truyền cho quan địa phương xây cất ngôi mộ của người con gái ấy lưu niệm muôn đời.

oOo

NGUYỄN VƯƠNG ĐẾN

VÙNG NƯỚC XOÁY LONG-HƯNG

Năm Đinh-Vị 1787, tháng 10 âm lịch, dân chúng quanh vùng Nước Xoáy xôn xao vì một tin loan truyền quan trọng :

— Thánh giá sẽ ngự đến vùng này trong nay mai.

Các vị bô lão tỏ vẻ lo ra :

— Nếu thế, nơi này át sẽ chẳng khói vướng họa binh đao. Nguyễn Vương từ bên nước Xiêm kéo binh về đây, một khi thám tử Tây-Sơn dọ tin đích xác, sớm tối chúng sẽ xua quân tới tấn công chờ chẳng khòng. Chừng ấy, chốn này hóa ra bãi chiến trường. Phải liệu làm sao ?

Nhiều người đưa ý kiến :

— Không ngại. Đáng trượng phu thấy phải thì làm, thì vừa giúp, họ có sợ gì nguy hiểm. Đợi khi ngự giá đến đây, chúng ta xét thấy đáng là một vị chơn chúa, thi cùng nhau gắng sức khuông phò. Bằng như xét chẳng ra gì, chúng ta sẽ liệu cách đối phó chẳng muộn. Hãy cứ bình tĩnh chờ xem tình thế biến chuyển ra sao.

Ai nấy đều khen phải. Chẳng mấy ngày, binh sĩ của Nguyễn Vương rần rộ đến vùng Nước Xoáy, an dinh hạ trại, xây đồn đắp lũy. Khéo thu phục nhân tâm, Nguyễn-vương chiêu dụ dân chúng trong vùng, khiến ai nấy đều cảm khích, trợ lực. Các vị bô lão và các thâu hào nhân sỉ địa phương dần dần cũng có cảm tình, hết lòng ủng hộ Ngài.

Vì sao chồ ấy gọi là vùng Nước-Xoáy ? Nguyễn tại đó có Tiền-Giang và Hậu-Giang giáp nối, cùng các sông rạch khác chảy dồn vào đây, nước chảy xoáy vòng lại, nên mới gọi là vùng Nước-Xoáy, tên chữ đặt là Hồi-Oa-thủy.

Nguyễn-vương truyền xây đắp thành đất tại đây. Hai bên tâ hữu đều có lập đồn phòng thủ. Phía tâ giao cho hai vị tướng lãnh Huỳnh Văn-Khánh và Tống-Phước-Ngoạn coi giữ. Phía hữu do Nguyễn Văn Trương và Tô Văn Noài canh chừng, ngăn ngừa quân địch xâm nhập.

Binh Tây Sơn vẫn thường đánh phá, nhưng các tướng của Nguyễn-vương đủ sức đầy lui được. Tuy nhiên, nhiều trận giao phong dữ dội, đôi bên đều tồn thắt nặng nề. Đề yêm trợ binh sĩ trong trường xung sát, Nguyễn-vương khiến làm thêm súng đại-Bắc bằng gỗ, lấy hột cao khô làm đạn bắn nà. Đồng thời, các tướng Tôn-Thất-Huy, Lê.văn-Thược, Tôu-Thất-Hội và Nguyễn-Duy-Nhuận chia nhau tấn công từ phía. Do đó Bình Tây-Sơn núng thế phải rút đi.

Dân chúng lần lần theo về với Nguyễn-vương hầu hết, Nguyễn-vương thu dụng cả, chia ra làm hai đoàn : Một nửa làm hương binh, một nửa sung vào lực lượng chánh quy, tác chiến. Nhưng đến tháng 8 năm Mậu-Thân 1788, Nguyễn-vương nghỉ

lại thương đám hương binh khó nhọc, nên đều cho về quê quán nghỉ nơi. Cảm tấm lòng nhân hậu ấy, dân chúng vùng Hồi-Oa càng dốc lòng phù tá Nguyễn-vương hơn nữa. Ấy là một thắng lợi đưa đến sự thành công sau này, do sự Nguyễn vương đã khéo léo cinh phục nhân tâm, giữ vững được vùng trọng yếu làm căn bản tạo nên nghiệp đế,

Dốc Phủ-Sứ Nguyễn-Đăng-Khoa khi ngồi quận trưởng Lai-Vung, cảm hoài lúc Nguyễn-Vương náu mình nơi Hồi-Oa có bài thơ vịnh :

*Tiền hoàng phong ngợi cảnh Hồi-Oa
 Vận nước xây nên cảnh hiệp hòa
 Nguồn suối lấp quay quay hồn độn
 Đong sông mừng nỗi nỗi ngâm-nga
 Cảm vì cảnh ác xơ long lá
 Thương nỗi phùng vi rối ruột rà
 Vận phái triều tôn trời đất định
 Khách tràn ai dễ tính cho qua*

Đáp lại lòng thương mến của dân chúng Hồi-Oa, nhất là cảm thấy đây là chỗ hưng vượng để phát thành nghiệp cả ; Nguyễn vương nhóm họp các bô lão trong vùng mà tuyên bố :

Từ ta đến đây, phong quang càng ngày càng rạng vẽ, dân chúng thuần phác nhiệt thành ủng hộ ta, thật đáng cảm khích. Quả đây là đất hưng vượng, giúp ta gầy nên cơ nghiệp. Vậy để lưu niệm, ta đổi tên Hồi-Oa lại là Long-Hưng. Chư vị nghĩ thế nào ?

Các bô lão đều rập nhau tán thành :

— Chúa thượng đã tưởng đến, vinh hạnh cho vùng đất xứ sở chúng tôi. Tên đất do chúa thượng ban cho, chúng tôi xin ghi lấy, để tưởng nhớ mãi mãi.

Nguyễn-vương hân hoan, truyền bày tiệc thết đãi các bô lão và cho mở hội để dân chúng liên hoan trong dịp đổi tên làng mới.

Ân oai của Nguyễn-vương ngày một đượm nhuần nơi Sa-Đéc. Để kỷ niệm, Nguyễn vương lại đặt tên cho những làng xã quanh đây đều mang một chữ «Long» ở trước, như Long-Ân Long-Thắng, Long-Hậu.



PHẦN THỨ TƯ :

SINH - HOẠT TÔN - GIÁO

và

CHÙA, ĐÌNH, CỔ-KINH

**LÀNG TÔNG - SƠN
QUÊ HƯƠNG ĐỨC PHẬT THẦY TÂY AN
(ĐOÀN - MINH - HUYỀN)**

ĐĂNG KHAI SÁNG GIÁO PHÁI BỬU - SƠN KỲ - HƯƠNG

Miền Nam nước Việt là mảnh đất nhiệm màu của đức tin. Lòng người thuần phác ngưởng vọng về các bậc cao tăng đại đức, là những vị có công khai sáng giềng mối đạo pháp đê hưng hóa nền đạo đức nhân loại nói chung và dân Việt nói riêng.

Nổi bật trong quá trình lịch sử Đạo giáo miền Nam như Đức Phật Thầy Tây An làng Tòng Sơn Sa-Đéc, Đức Minh Đăng-Quang ở Vĩnh Long, Đức Thầy Huỳnh Giáo Chủ ở làng Hòa-Hảo, Đức Tông Sư Minh Trí làng Tân-Mỹ Sa-Đéc. Toàn cõi miền Nam đất Việt đều nghe danh biết tiếng các Ngài có nhiều môn đệ rải rác khắp nơi trên lãnh thổ.

Chúng tôi có bồn phận thiêng liêng, không nài khó nhọc, tìm đến tận nơi phát tích, truy nguyên nguồn cội liền nhau, tuyên dương công nghiệp của các Ngài, hầu làm sáng tỏ thêm nền đạo pháp nước nhà trong muôn một.

Ở đây chúng tôi chân thành, nguyện ghi lại cuộc đời Đức Phật Thầy Tây An, bậc khai sáng Phật Giáo Bửu Sơn Kỳ Hương

lưu truyền đến hôm nay. Hầu hết ở miền Hậu Giang, đa số đồng bào phật tử có thọ phái của ngài. Họ rất trung thành với đạo pháp.

Trên tinh thần vô tư của nhà cầm bút, chúng tôi không đề cao một giáo phái nào cả, chỉ trình bày những tài liệu đã thâu thập được cống hiến bạn đọc hiểu qua tiểu sử của đức Phật-Thầy dưới đây :

TIỂU SỬ ĐỨC PHẬT TÂY-AN

Ngược dòng giáo sứ, vào năm Kỷ Dậu 1849, giữa lúc tình thế nước nhà rối rắm, bên ngoài thì giặc Pháp gây áp lực nặng nề loan xâm chiếm Việt Nam, bên trong thì vừa chấm dứt cuộc chiến tranh cốt nhục tương tàn giữa Chúa Gia Long và nhà Tây Sơn. Thêm vào đó, giặc Thổ húng ứng theo Vua Chân Lạp nỗi dậy khắp thôn quê của miền Nam nước việt.

Kè từ năm 1087 đến 1856, suốt năm mươi năm, dân chúng khốn khổ sờn triền miên, chẳng những chiến tranh đã gây ra lầm canh chết chóc, đói khốn thảm lương còn thêm nạn nát cường hào ác bá gieo bao gánh nặng trên vai người dân vô tội. Phật giáo đã suy tàn, mất dần tín ngưỡng, chùa chiền bị loạn lạc nhiều như rong tan phá, thêm thiên tai, hạn hán mất mùa, ách dịch hoành hành cùng khắp nông thôn.

Trong cơn thế nước lâm nguy, dân chúng quá khổ đau vì chiến tranh và bịnh tật đó, bỗng giữa mùa thu năm Kỷ Dậu, một vị Hoạt Phật ra đời cứu thế độ nhân, và khai sáng Giáo Phái Bửu Sơn Kỳ Hương. Vị cứu tinh đó là Đức Phật Thầy Tây An.



Đây là ngôi mộ của Đức Phật Thầy Tây An (Đoàn Minh Huyên) nằm trên sườn núi Sam, phía sau Chùa Tây An (Châu Đốc)

Lúc bấy giờ, Ngài đã nổi tiếng là một bậc thời y. Ngài đã cứu hàng ngàn người mắc phải bệnh thiến thời, trong cơn thập tử nhứt sanh. Phương pháp trị bệnh của ngài rất giản dị, ít tốn kém. Ngài chỉ dùng toàn nước lá, tro nhang hoặc giấy vàng xé nhỏ. Ngài lại còn cứu căn bệnh chung là tam độc và tứ khố của người đời bằng giáo lý : tôn thờ tứ đại trọng ân để diu dắt cho người tu sĩ tại gia trao đổi thuyết học Phật tu Nhơn. Đó là điều chính yếu của Phật Giáo Bửu Sơn Kỳ Hương.

Đức Phật-Thầy Tây-An sanh trưởng tại làng Tòng-Sơn, Tòng-An-Thanh-Thượng, Tỉnh Sa-Đéc. Ngài sanh vào giờ Ngọ, ngày Rằm tháng 10 năm Đinh-Mão 1807 đời vua Gia-Long thứ 6, Quý danh Ngài là Đoàn-Minh-Huyên, Đạo hiệu là Giác-Minh.

Theo kệ giảng thì Ngài thừa lệnh cởi Tây-phương lâm phàm

đè chu du độ thế cứu dân. Bởi sứ mạng thiêng liêng cao cả đó, nên Đức Phật-Thầy phải rời làng Tòng-Sơn ngược dòng Cái-Tàu Thượng. Ngài bơi băng một thanh tre và chiếc xuồng bần, đến rạch Trà-Bư, làng An-Thạnh-Trung. Sau cùng Ngài đến Rạch Xέo-Môn làng Kiến-Thạnh (nay là Long Kiến) thuộc Cù-lao ông Chưởng tỉnh Long-Xuyên. Khi đến đó, Ngài ở tại Cốc ông Đạo-Kiến, hiện nay là địa điểm Ngôi Chùa Tây-An Cố-Tự.

Trong thời gian lưu trú tại đây, Ngài đã cứu rất nhiều ác bình nan-y và thu nhận một số đồng môn đệ. Vì lẽ đó nên có người ác tâm ganh hiền ghét ngô, tố cáo Ngài là Gian-Đạo-Si đang huy động số đông người toan ám mưu khởi loạn. Nhà cầm quyền lúc ấy giờ mới cho điệu Ngài về tinh đường Châu-Đốc. Qua nhiều cuộc thăm-văn và họ đã dùng đủ mọi cách để thử Ngài. Cuối cùng Triều-dinh mới ra lệnh trả tự do và đồng thời cho phép Ngài được hoảng dương Giáo-pháp. Muốn tránh sự hoài nghi của nhà đương cuộc, cũng là để làm đúng theo luật pháp lúc ấy giờ : Các nhà tu Phật phải trụ trì tại những chùa có thờ tượng cốt. Thế nên Đức Phật-Thầy mới chọn nơi tu tĩnh cất một ngôi chùa để tu hành và chữa bệnh cho bà già. Cách thờ phượng vẫn đúng theo các ngôi chùa trong nước, và cũng từ đó, Ngài phát huy sâu rộng giáo lý Bửu-Sơn Kỳ-Hương. Người tín-đồ quy-y nhập đạo chỉ được Ngài cấp cho một Lòng phải băng giấy vàng, có in bốn chữ Bửu-Sơn Kỳ-Hương chữ Hán màu son.

Kè từ năm Kỷ-Dậu 1849 đến năm Kỷ-Dậu 1969 thì Tòng phái Bửu-Sơn Kỳ-Hương đã trưởng thành theo thể cuộc thăng trầm đúng 120 năm.

Mặc dầu Đức Phật-Thầy đứng ra tu bồ ngói Tây-An-Tự, nhưng với tánh cách là ngôi chùa công, phải chịu dưới sự kiềm

soát của nhà cầm quyền đương thời. Ngài không được tự do trang trí nơi thờ phượng cho đúng theo pháp môn hành đạo của Ngài. Phải chăng vì thế mà Ngài tìm nơi núi rừng xa vắng mà lập thêm hai ngôi chùa khác. Một ngôi chùa ở Thái Sơn (Nhà Bàn), một ở Láng Linh. Nhưng ở đây Ngài xưng danh là Trại Ruộng chờ không gọi là chùa. Hai nơi này cách thờ phượng của Ngài đúng như ngôi Tây-An Cồ-Tự tại Cù-lao Ông Chưởng.

Về phuong pháp hành đạo, Ngài dạy các môn nhân đệ tử phải lo tròn Hiếu-nghĩa Tứ ân : Ân Tò-tiên, Ân đất nước. Ân Tam-bảo, Ân đồng bào nhân loại. Nếu là hạng người xuất gia còn thêm Ân Đàm-Na thí chủ. Đức Phật-Thầy khai thị pháp môn học Phật tu Nhơn tu rộng độ. Giáo lý của Ngài là Siêu đẳng Quy nguyên, theo chân truyền của Đức-Phật Thích Ca Mâu-Ni. Ngài dạy môn đệ giữ Bát-chánh, hành Bát-nhẫn, trừ thập-ác huyễn-thân. Nên nỗ lực giúp đời bằng mọi phương tiện theo sức mình, và lắng lòng thanh tịnh chuyên trì niệm Phật là căn bản.

Suốt thời gian 7 năm truyền đạo từ năm Kỷ-Đậu 1849 đến năm Bính-Thìn 1856 thì Ngài vien tịch vào giờ ngọ ngày 12 tháng 8 tại Chùa Tây-An-Tự (núi Sam). Ngài hưởng thọ được 50 tuổi. Ngoài công nghiệp hoằng dương đạo pháp. Ngài còn lưu lại cho hậu thế những nơi di tích :

1.- Chùa Tây-An Cồ-Tự ở xã Kiến-An, Cù-Lao Ông Chưởng (khi xưa là Cốc của ông Đạo Kiến).

2.- Tây-An-Tự núi Sam Châu-Đốc (khi xưa chùa này của phái Thiền-Lâm không nhớ rõ hiệu, Đức Phật Thầy về ở đã tu bổ thêm và đặt tên như vậy).

3 — Thủi-Sơn-Tự ở xã Thái-Sơn núi Két (khi xưa là trại gỗ thường gọi là Lâm Vồ).

4.— Phước Điền Tự ở xã Thái Sơn, An Giang (khi xưa là Trại Ruộng Phước Điền, ruộng năm giây).

5 — Bửu Hương Các ở xã Thanh Mỹ Tây An Giang (khi xưa là Trại Ruộng Láng Linh).

6.— Phi Lai Tự ở gần núi Voi Thất Sơn (khi xưa là Trại Rầy, Đức Phật Thầy đê cho 12 ông đạo làm rầy).

Ngoài ra còn 12 vị Đại đệ tử đã từng theo Ngài trên bước đường cứu đời hành đạo như : Đức Cố Quản Trần văn Thành, ông Đạo Xuyến, ông Đạo Sang, ông Đạo Lập, ông Đạo Chợ, ông Đạo Sĩ, ông Đạo Ót, ông Đạo Ngoạn, ông Đạo Kiết, ông Đạo Đạt, ông Tăng Chủ, ông Bình Tây và thêm những nhân vật liệt sĩ anh hùng có liên hệ đến môn phái Bửu Sơn Kỳ Hương trong hàng ngũ kháng Pháp như : ông Cử Đa, ông Nguyễn trung Trực, ông Ba Thời, Cậu Hai Lành, Bà Năm Chòm Đầu v.v... Chư Đại đệ tử này đã tiếp nối giữ gìn và chấn hưng nền đạo sau ngày Đức Phật Thầy viễn lịch.

Cách nay 12 năm, người mà tín đồ xem là hóa thân của Đức Phật Thầy Tây An theo Ngài mà Truyền đạo là Đức Phật Trùm, tục là ông Đạo Đèn, quý danh là Ta Pol. Ngài ra đời vào năm Mậu Thân 1868 tại núi Tà Lơn xã Lương Phi, Quận Tri Tôn Thất Sơn. Ngài độ đời được 7 năm thì viên tịch vào ngày 13 tháng 3 năm Ất Hợi 1875 cũng tại núi Tà Lơn. Hiện giờ quý vị tín hữu trong hệ phái của Ngài có cất ngôi Viên Tự, danh xưng là Bửu Linh Đài để làm Phủ thờ.

Đến năm Mậu Dần 1878 Đức Bồn Sư ra đời truyền đạo, Ngài lành Ngô tự Lợi, còn gọi là cậu Năm Hữu hay năm Thiếp. Ngài hoảng dương mỗi đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa tại núi Tượng, thuộc xã Ba Chúc vùng Thất Sơn. Ngài dạy đạo và cứu đời được 12 năm, viên tịch vào ngày 13 tháng 10 năm Canh Dần 1890. Ngoài công nghiệp truyền bá giáo lý Tứ Ân Hiếu Nghĩa cứu độ tai ách cho dân chúng ra, Ngài còn lưu lại cho đời những kinh sấm đề cho tín đồ làm phuong châm hành đạo như: Một bộ kinh cúng đường Tứ Ân Hiếu Nghĩa 9 quyển, một quyển kinh Thiên đồ, một bộ Bửu Trường sanh, một bộ Bàn Đào và nhiều sám giảng quan yếu, luận về đời Mạt Pháp Hạ Nguơn và những chứng tích giáo sứ như: Chùa Phi Lai, Chùa Tam Bửu, Miếu Thanh Lương, Miếu Sơn Thần, với những ngôi Chùa Miếu khác quanh núi Dài và núi Tượng, mà hiện giờ bá già vẫn còn sùng kính, bốn mùa khôi hương chẳng dứt.

Cách 11 năm sau, một vị Siêu nhân khác xuất hiện, người đời gọi là Ông Sư Vãi Bán Khoai. Ngài quý danh là Mỹ ra đời độ nhân cứu nạn vào năm Tân Sửu 1901 tại xã Vĩnh Gia thuộc Kinh Vĩnh Tế Châu đốc. Ngài truyền giáo chữa bệnh cứu đời được hai năm, rồi bỗng nhiên mất dạng vào năm Nhâm Dần 1902. Ngài lưu lại cho hậu thế hai quyển Sám giảng người đời với nội dung cải dù làm lành, hiếu nghĩa cha mẹ anh em, trung với đất nước và biết thương yêu đồng bào nhân loại.

Từ Ông Sư Vãi biệt dạng, một khoảng cách 37 năm, đến ngày 18 tháng 5 năm Kỷ Mão 1939 khởi đầu cho cuộc nạn dân ách nước to lớn, một vị Hoạt Phật ra đời cứu độ sanh linh, hoảng dương giáo pháp Bửu Sơn Kỳ Hương với một danh xưng khác, tộc danh là Huỳnh Phú Sổ, sanh trưởng tại xã Hòa Hảo quận Tân Châu Châu đốc. Ngài xiềng dương sâu rộng vào đại

chúng thuyết lục Phật Tu Nhơn và sùng kính từ đại trọng ân, làm nòng cốt cho nền đạo Phật Giáo Hòa Hảo. Ngài cứu đời và truyền đạo được 9 năm rồi vắng mặt vào ngày 25 tháng 2 năm Đinh Hợi 1947. Đức Huỳnh Giáo chủ còn lưu lại 4 quyển sám giảng và một quyển thi văn giáo lý để cho tín đồ làm kim chỉ nam mà sửa mình tu học.

Hiện giờ tín đồ xem những sám giảng giáo lý này là Kinh nhứt tung.

Tóm lại, quá trình phát triển Giáo hệ Bửu Sơn Kỳ Hương có thể chia làm 3 thời kỳ; Thời kỳ thành lập, do đó đức Phật Thầy khai sáng Giáo hệ Bửu-Sơn Kỳ-Hương cho đến ngày đức Phật Trùm viên tịch. Thời kỳ củng cố, kè từ đức Bồ Tát Sura đời cho đến năm 1890 là năm ngài viên tịch. Thời kỳ phô biến kè từ ngày ông Sư Vãi ra đời cho đến năm 1939 đức Huỳnh Giáo Chủ làm phàm khai sáng nền đạo Phật Giáo Hòa Hảo, xét thấy rằng : từ năm Kỷ Dậu 1849 đến năm Kỷ Mão 1947 tất cả là 98 năm. Trong thời gian đó có 4 vị Giáo chủ kế tiếp ra đời sự hoát nhiên tột ngộ cũng như nhau, đồng nhất thề, cứu thế độ nhơn, cùng diu dắt người đời với Giáo lý học Phật tu nhơn và tôn thờ từ đại trọng ân làm căn bản truyền đạo. Tuy thời kỳ biến động theo hoàn cảnh khó khăn của đất nước đê tùy duyên hóa độ cho phù hợp với nhân sanh, nhưng nền đạo đâu có biến dạng thay hình, trọng tâm vẫn giữ bốn chủ Bửu Sơn Kỳ Hương là phương châm truyền đạo. Như thế, những người đời sau không e ngại phải sai lầm trên linh thần tín ngưỡng vậy.

Trích theo tài liệu của Hội đồng liên phái Bửu Sơn Kỳ Hương đã đăng trong tập chí Xuân Đạo 1970.

**ĐỨC TÔNG SƯ MINH-TRÍ
NGƯỜI LÀNG TÂN MỸ SA-ĐÉC**

VỊ KHAI SÁNG TỊNH-ĐỘ CỰ-SĨ PHẬT-HỘI VIỆT-NAM

Đất Sa-Đéc xưa nay xuất phát lăm bậc chân tu gương mẫu, từng đem đạo pháp ban rải khắp đất nước, gieo duyên, kết phước với tất cả mọi người, giúp đỡ họ, trên con đường tu học, hiểu rõ sự nhiệm mẫu của trời đất, hầu trờ nên tận thiện, tận mỹ.

Con người nhờ đạo đức mà ăn ở hiền lương. Ai ai cũng giữ bồn phận mình lo trao giòi đức hạnh, cân phân được sự tội phước, quả báo, thì không bao giờ dám làm những việc tội lỗi trái với lương tâm. Nếu được như vậy, nhà ngũ không cần đóng cửa, ngoài đường chẳng kẻ lượm của rơi. Dân tộc thắm nhuần đạo đức, quốc gia sẽ trở nên thiên đường tại thế.

Nhưng đời mạt pháp, nhân loại đảo điên, tranh đua hơn thiệt lấy giả làm chân, tạo cho mình cái hư danh ảo mộng mà không hay, cho là vĩnh-viễn. Vì thế, các bậc Tông-Sư trải qua bao thế hệ xuống trần muộn xác đê phô độ nhân sinh trong kỵ ba, Ngươn-hạ. Mỗi vị đều chủ trương một pháp môn tu hành riêng biệt theo tông phái của mình, tùy căn cơ hoàn cảnh hạp ở đâu phải quay về đấy. Nhưng trăm sông ngàn rạch cũng về bể cả. Chỉ có chân lý là duy nhất làm kim chỉ nam hướng dẫn nhân loại đi lẩn đến chò giải-thoát, đó là điều quan trọng.

Chúng tôi đến Sa-Đéc may mắn được biết thêm một vị khai sáng mỗi đạo Tịnh-Độ Cự-Sĩ ở Tỉnh này. Với óc sưu tầm,

chúng tôi tìm hiểu qua quá trình của [Đức Tông-Sư Minh-Trí và việc tu hành ra sao, để hiển qui bạn đọc qua những dòng tiểu sử như sau :

THUỐC THIẾU NIÊN VÀ THỜI TU TRÌ :

Đức Minh-Trí sanh trưởng tại xã Tân-Mỹ, tổng An-Thạnh Thượng (Rạch Vông) Tỉnh Sa-Déc. Ngài sanh năm Bính-Tuất 1886, quý danh là Nguyễn-Văn-Bồng, thứ bảy, con của đức ông Nguyễn-Văn-Bình và Nguyễn-Thị-An. Thiếu thời cha mẹ mất sớm, Ngài được chị nuôi dưỡng và cho theo học chữ Nho tại

Trường làng. Nhờ đó Ngài nghiên cứu sâu xa Phật. Pháp và tinh thông Y.đạo.

Năm Ất-Ty 1905, Ngài vâng lệnh anh chị mà lập gia đình, nhưng không hề xao lảng con đường tự tu tự giác, tự ngộ, tự độ. Phương châm của Ngài là lấy sự giáo hóa của Phật làm sự giáo hóa cho mình. Tôn chỉ của Ngài là từ-bi bắc-ái, tự giác nhi giác tha, tự độ nhi độ nhẫn.



*Đi ảnh ông Nguyễn Văn Bồng,
(Đạo hiệu là Minh Trí)
trong lúc còn ở tại cư gia*

Năm 29 tuổi (Ất-Mão) 1915, sau khi lãnh ngộ đạo mầu của Đức Bön - Sư

Thích-Ca, Đức Minh-Trí ly hương, lội suối, trèo non, chàu du khắp miền non bảy núi để tìm thầy học đạo. Sau cùng Ngài khoát nhiên, tâm linh trực giác thấu suốt chân lý : khi mê thì nhờ thầy độ, khi ngộ tới mình tự độ lấy. Từ đấy Ngài quyết tâm dẫn thân truyền đạo, lập ra Lục-phương-Tông, truyền bá pháp môn lục phương lèle bái để người đời tu tập.

HÀNH TRẠNG :

Năm Kỷ-vi 1919, Đức-Minh-trí ly gia cắt ái, già từ hương thôn ấp, lè gót khắp đó đây, mượn khoa Y-đạo trước là cứu độ đồng bào, sau nửa truyền bá giáo lý để dùi dắt thiện nam tín nữ trên đường giải thoát, cầu vãng sanh cực lạc.

Khắp miền Hậu-Giang, đồng bào Phật-tử đều xưng tụng Ngài là bậc minh triết. Song song với việc truyền đạo.

Ngài còn đóng góp công quả trong những hoạt động xã hội, như xây cầu tại làng Tân-Mỹ 1926, đắp đường dọc theo Kinh Thầy Lâm 1928 đắp con đường từ Gò-Dầu đến làng Tân-Khánh-Tây 1929, dựng nhiều trạm cứu tế về khoa Nam-dược. Việc làm của Ngài được tiếng vang trong Tỉnh. Hương chức Hội-Tề sở tại gởi giấy lên Tỉnh Sa-Đéc Quan Chánh Tham Biện lấy làm khen ngợi và khích-lệ tinh-thần cao đẹp của Ngài đối với đồng bào trong thôn-ấp.

Trong khoảng thời gian hơn 10 năm từ 1920-1930 Ngài đã lập nhiều công quả với đời dẫn dắt đa số người tu hành theo Tông phái của Ngài chủ trương.

THÀNH LẬP TỊNH ĐỘ CỰ SĨ PHẬT HỘI

Ngài nhận thấy số người giác ngộ tu càng ngày càng thêm đông, cho đó là một đại cơ duyên trong thời kỳ phồn đột. Đức-

Minh-Trí qui kết một số đệ tử tại Chợ-Lớn vào năm 1933 để xin phép nhà cầm quyền Pháp thành lập một Hội-Phật-Giáo lấy tên là Tịnh - Độ Cự-Sĩ Phật-Hội Việt-Nam, tại Chùa Hưng - Long, tọa lạc trên đường Minh - Mạng Chợ-Lớn, làm Hội quán tạm tại đây ngày 25-7-1934.

Lúc bấy giờ danh nghĩa đã có, đạo hạnh được tín đồ mến phục nên toàn thể tín đồ suy tôn Ngài là Tôn sư trong một phiên Đại hội bất thường. Từ đây Ngài gánh trách nhiệm lớn



Cố Tôn Sư Đức Minh Trí
người sáng lập Tịnh Độ Cự Sĩ
Phật Học Hội VN.

đổi với Phật-pháp, âm thầm đi đó đi đây khắp miền Lục-tỉnh, hoằng pháp độ nhân và mở phòng thuốc Nam trị bệnh cho bá tánh.

Không quản gian lao khổ nhọc, dù gặp bao sự thử thách dèm siêm của thế nhân. Đức-Minh-Trí vẫn giữ một lòng son sắt, không thối chí ngã lòng, trì tâm chí nguyễn, tận lực độ đời giác ngộ.

Cao cả thay ! Giữa cõi đời vật chất xa hoa, con người tranh nhau vì miếng ăn, chồ đứng, nơi ngồi, chạy theo danh, lợi, tình tiền không nghỉ gì đến vấn đề đạo-đức, Đức Minh-Trí lẩn mình trong nhân thế, lẩn lộn với tất cả mọi giới để độ người là một việc khó khăn. Chẳng qua nhờ đức độ và đạo hạnh, thè hiện lòng bác ái, những ai có duyên lành, sẽ được Ngài tiếp nhận. Đầu tiên trong giới Văn-Nghệ-sĩ. Đức-Minh Trí độ được một số anh chị em nghệ sĩ hữu danh quy-y thọ phái, có Bảy Pnùng-Há, Năm Châu, Năm Phỉ, Bảy Nhiêu, Huỳnh-Thủ-Trung (Tư-Chơi) Ba Văn và nhiều anh chị em Văn-Nghệ sĩ khác. Riêng về giới công chức. Ngài cũng độ được nhiều vị Đốc-Phủ-Sứ, Đốc-học Giáo chức, quan nhân, tu theo đường lối của Ngài.

Ngài lái con thuyền Phật-pháp vượt trùng dương khắp miền Nam, đâu đâu cũng có dấu chân Ngài, và chư môn đệ tử theo thầy thọ phái quy-y rất đông.

Năm Đinh-Hợi 1947, Đức-Minh-Trí 61 tuổi, vì chiến cuộc bắt an Ngài dời về Sa-Đéc, rồi lên ở hẳn tại Saigon.

Chính năm này, ngày mùng bảy tháng 4 âm lịch, Ngài vào Phú-Định để dự Đại Hội Thường niên, tối lại Ngài về Saigon an nghỉ, kế khuya hứa đó (rạng ngày mùng 8 tháng Tư Âm lịch) xảy vụ ám sát Ông Hội Trưởng Lâm-Văn-Hậu.

Năm 62 tuổi (Mậu-Tý 1948). Hội quán tại Chùa Hưng-Long ở Phú-Định bị thiêu hủy. Ngài bàn tính với ông tân Hội-Trưởng Lê-Văn-Hơn dời Văn-Phòng, tạm làm việc giáo hội về nhà của ông Hơn, sau sẽ lo xây cất Hội quán tại Đô-Thành.

Năm 63 tuổi (Kỷ-Sửu 1949) khởi công xây cất Hội-Quán Trung-Ương Tân-Long-Hưng-Tự. Từ đấy, hoạt động giáo sự

ngày càng thêm rộng lớn. Khách thập phương thường tới lui xin qui y thọ giáo.

CANH TÂN GIÁO PHÁP

Năm Tân-Mão 1951, Đức Minh-Trí cải cách Giáo-pháp nâng cao trình độ tu học của hội viên và hàng thiện-tín bằng chủ trương « Phước-Huệ song-tu », bải bỏ danh nghĩa Lục Phương Tông. Giáo-Lý của Ngài dễ xướng là tu thanh tịnh ở nội tâm, và làm các phuong tiện phước đức, không có hình thức bên ngoài. Tuy nhiên, Tịnh-độ cư-sĩ là một Giáo-Lý phuong tiện của Đức Thích-Ca Mâu-Ni bắt nguồn từ khi Đức Phật còn tại thế.



Con đường Phước-Huệ song tu của Ngài là dần lộ thích hợp cho người cư-sĩ tu tại gia. Nghĩa là người cư-sĩ phải luôn giữ tâm từ bi cứu nhân độ thế, tạo phước cho muôn loài, đồng thời trau



*Liên Hoa Cương
bên trong thờ Đức Tân Sư
Minh Trí, ngoài là ngôi mộ của
Ngài tại Phú Định Chợ Lớn*

dời đạo hạnh để tinh tiến trên đường giải thoát. Thực hiện chủ trương trên đây, tại mỗi Chùa chi hội đều có tổ chức Ban Phước-Thiện xã-hội phụ-trách một phòng thuốc Nam, đón rước cứu chữa tất cả bệnh nhân, không phân biệt sang hèn chủng tộc, cũng không hè thu nhận tiền bạc của bệnh nhân.

Trong huấn-lù chúc ngôn của Đức Tôn-Sư Minh-Trí ngày 8 tháng 4 năm Mậu-Tuất 1958, Ngài dạy: *Tinh-tiến thực hành Phước Huệ song tu là lên đường giải thoát. Tinh-tiến thực hành Phước Huệ song tu là đường về Cực-Lạc».*

Giác hạnh viên mãn, khuya ngày 22 rạng 23 tháng 8 năm Mậu-Tuất 1958, đúng 23 giờ, Ngài viên tịch, hưu ног thọ 73 tuổi.

Trong suốt cuộc đời hành đạo, Ngài đã mở lối cho chúng sinh từ bỏ bờ mê tìm về bến giác trong thời mạt pháp. Dù Ngài đã viên tịch, nhưng đến nay mỗi đạo vẫn được bành trướng có nhiều tinh, thi xá hiện nay đang xúc tiến xây cất kiến thiết lại các ngôi Chùa Tịnh-độ Cư-sĩ cho khang trang lộng lẫy hơn xưa, chúng tôi có dịp đi qua Kiến Hòa (Bến Tre) ở Bãi Dâu Vũng Tàu thấy xây cất các ngôi Chùa gần xong, bồn Đạo tận tâm tích cực lo việc Phật sự để noi theo đường lối tu hành của Đức Tôn Sư như lúc Ngài còn sống, tỉnh nào cũng có phòng Phước Thiện hốt thuốc Nam, phòng châm cứu, chữa miễn phí cho đồng bào, chính tại Giáo Hội Trung Ương đường Nguyễn tri Phương Cholon, mỗi ngày có hàng trăm người đến hốt thuốc xin chữa bệnh, việc làm trên đây đáng được khích lệ, để nói lên sự chủ trương của Tịnh độ Cư sĩ do Đức Tôn-Sư Minh-Trí lãnh đạo ngày nay đậm đà lối khắp cả Nam, Trung hướng về Đạo của Ngài lo tu hành và giúp đời bằng mọi phương tiện, nói đến Sa-đéc mà không giới thiệu cho độc giả biết nơi xuất xứ và đường lối tu hành của đức Tôn sư là một điều thiếu sót lầm vậy.

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỐ ĐỘ

ÔNG LÊ BÁ TRANG VÓI CHỨC NGỌC CHÁNH PHỐI SƯ
(Thiên phong tại Tòa Thánh TÂY NINH)



Đi ảnh ông Lê Bá Trang lúc đang làm chủ quản Chợ lớn vào đạo Tam Kỳ năm 1926.

Nói đến thành tích các vị có công khai sáng đạo giáo ở Sa Đéc từ một thế kỷ trở lại đây như đã trình bày, thiết tưởng chúng tôi cần nhắc đến vị chức sắc lớn trong Đại Đạo Tam Kỳ ở Sa Đéc, đó là ông Đốc Phủ Lê Bá Trang sanh ngày 8 tháng 2 1878 tại làng Tân Qui Tông An Hạ Sa Đéc.

Ông là một trong những vị đầu tiên có công đóng góp cho nền Đại Đạo mới khai sáng ở Việt nam vào năm 1926 tại Chùa Gò Kén của Hòa Thượng Giác Hải (Tây Ninh).

Cây cối nước có nguồn bùa khắp rạch sông, trước tiên đạo Tam Kỳ khai mở do ông Phủ Ngô văn Chiêu thấy được Thiên Nhẫn xuất hiện trên vòm trời ngoài biển trước đảo Phú Quốc vào một buổi bình minh. Từ đó ông ngộ được đạo mầu, hết lòng tin tưởng đến dâng Chí tôn. Sau này ông lập ra phái

Chiểu Minh ở Cần Thơ, chuyên sự tu đơn giải thoát. Còn ở Tây Ninh có chư quý ông Lê văn Trung, Phạm công Tắc, Cao huỳnh Cư, Cao hoài Sang, Nguyễn trung Hậu, Trần nguyên Lượng, Nguyễn văn Ca, Nguyễn ngọc Tương, Lê bá Trang v.v...

Những vị trên đây phần nhiều là công chức ngạch hành chánh Nam-Kỳ, có người làm đến chức Đốc Phủ Sứ, đã từng lăn lộn trong chốn quan trường, gió bụi, kinh nghiệm đời nhiều nhặn xét cuộc đời là phù hoa giả tạm, kiếp nhân sinh mấy ai sống đến trăm tuổi. Vì thế các ông nhứt tâm quay về cửa đạo, chọn một hướng đi tìm con đường giải thoát, tu tâm dưỡng tánh đem hết uy tín khả năng mình, giúp cho nền Đại Đạo bành trướng khắp bốn bờ nǎm châu, để mọi người ý thức được đạo trời khai mở, phô độ nhơn sanh trong kỳ ba ngươn hả.

Thời kỳ này, ông Lê Bá Trang làm chū Quận nhiều nơi, và sau cùng ngồi chủ Quận Châu-Thành Chợ-Lớn. Lúc bấy giờ ông được đức Cao-Đài Thượng-Đế giáng cơ, kêu đích danh ông cho biết tiền kiếp là một danh tướng đời Tam-quốc và thâu nhận làm đệ tử, phong cho chức Ngọc Chánh-Phổi-Sư, giữ quyền Hợp-Lý trông coi tất cả các chức-sắc nam nữ trong Đại-Đạo Tam-Kỳ phô-độ về mặt hành chánh. Cùng được phong một lượt với ông, có ông Phủ Nguyễn-Ngọc-Tương ở Bến-Tre với chức Thượng Chánh Phổi-Sư ; qui ông kè từ đây thọ chức Thiên phong, tích cực thi hành thánh linh, lo lập công bồi đức giúp đời, giúp đạo một cách bǎn say.

Ông Lê-Bá-Trang có thân hình dặm dở, tướng đi oai vệ, ăn nói hoạt bát, tánh tình cương trực nhưng hiền hòa.

Từ ngày vào đạo, ông rất tận tâm phụng sự cho nền đại-đạo mới phôi thai. Ông không quản cực nhọc gian lao, quyết

tâm xây dựng mọi mặt để làm cho cơ đạo được mau phát triển. Vì tánh ông kỹ lưỡng và hay nói thẳng nên gấp phải lầm sự dụng chạm với một số đồng chức sắc Lưởng-Đài, và chẳng những còn bất đồng ý kiến với vị lãnh đạo Tòa Thánh Tây-Ninh, nên ông cùng ông Thượng-Tương Thanh tách ra về Sài-gòn. Đầu tiên mượn ngôi chùa Từ-Vân (ở Phú-Nhuận) dùng làm Thánh-Thất tạm, rồi mượn Thánh-Thất Bình-Hòa (Gia-Định) làm trụ sở cho một cơ quan, mục đích chấn chỉnh cơ Đạo lại. Nhưng vì nhận thấy hai địa điểm trên không thuận cho công cuộc chấn hưng, ông cùng ông Nguyễn-Ngọc-Tương về Bến-Tre xây cất Thánh-Thất An-Hội, lập Ban Chính-Đạo mấy năm qua, để mong chờ hiệp tác với Tòa-Thánh Tây-Ninh trở lại như buổi ban đầu.

Năm tháng đợi chờ vẫn trôi qua không hàn gắn được sự thông cảm giữa đôi bên, vì thế, hai ông Tương, Trang phải tuyên bố đưa Ban Chính-Đạo lên làm Hội Thánh gọi là Hội Thánh Bến-Tre ngày 11-6-1933 (19-5 Quý-Dậu) Hội Vạn-Linh nhóm tại Bửu-Điện Tòa Thánh cuộc nhóm này vắng mặt: Đức quyển Giáo-Tông, Đức Hộ-Pháp, hai ngài quyển Thái và Thượng Đầu-Sư. Hội thảo luận và công nhận theo quyết nghị của Đại-Hội ngày 16-4-1933

Sau đó Hội Đồng nhân sinh nhóm tại Thánh-Thất An-Hội, đồng-tôn ông Thượng-Chánh Phối-Sư, Thượng-Tương-Thanh lên ngôi Giáo-Tông, và ông Ngọc-Chánh Phối-Sư Lê-Bá-Trang lên ngôi Thượng-Chưởng-Pháp. Ở Chức-vị này hành đạo tại Hội Thánh An-Hội cho đến ngày ông quy Tiên vào năm... Đem về an táng tại Tòa Thánh Tây-Ninh.

Quảng đời từ ngạch công chức cao cấp cho đến ngày bước chân vào cửa đạo trên mây mươi năm, Ông trải qua bao cuộc khảo đảo từ Tòa Thánh Tây-Ninh về Sài Gòn, Gia-Định rồi xuống Bến-Tre là xứ «Địa linh Nhơn Kiệt» dừng chân xây cất Hội Thánh, sáng lập Ban Chính-Đạo để dìu dắt nhơn sanh thực hành một đường lối chung trên đường tu học, lập công bồi đức giúp đời, thật ra công quả của ông đối với nền Đại Đạo hiện nay cũng được nhiều người nhắc đến.

Theo sự sưu tầm của chúng tôi, Đạo Tam-Kỳ Phồ-Độ từ ngày khai mở đến nay gồm có nhiều chi phái: Phái Chiếu-Minh, Phái Tiên Thiêng Đại-Đạo. Phái Cao-Đài Thống-Nhất, cơ quan Giáo Niệm Thánh Thất Minh Tâm Vĩnh-Hội Sài Gòn, Phái Minh-Lý Tam Tông Miếu, Ban Chính Đạo, Cơ quan Phồ Thông Giáo-Lý, nhưng chung qui chỉ thờ Thiên Nhẫn, đấng Chí Tôn duy nhứt, Trăm sông ngàn rạch cùng về bể cả, chơn lý chỉ có một không hai. Tìm hiểu qua các vị Giáo Phái của lĩnh Sa-Đéc mà không nhắc đến Ông Lê-Bá-Trang một nhân vật tiếng tăm trong hàng lãnh đạo của Đại-Đạo Tam-Kỳ là điều thiếu sót lắm vậy.

Hiện nay ngôi nhà của Ông vẫn còn tại Sa-Đéc.

(Theo tài liệu của Ông Huệ Lương)

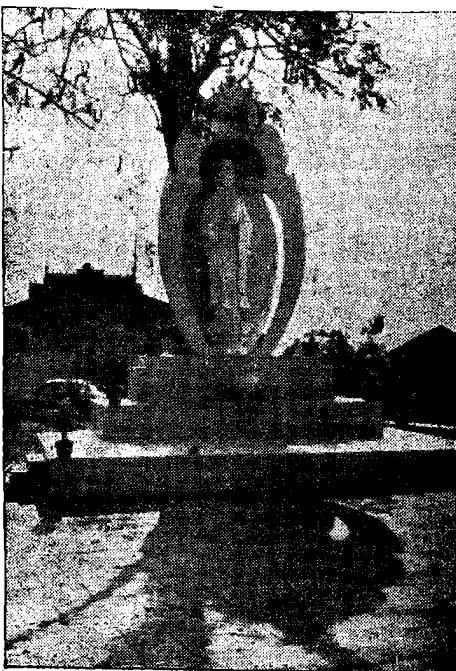


CỘ TỰ PHƯỚC THẠNH

NGÔI CHÙA DO VUA GIA-LONG SÁNG LẬP VÀ CÂU CHUYỆN ÔNG HỘ PHÁP ĐÁNH QUỈ

Trên lãnh thổ Việt-Nam, từ Nam-Qnan cho đến mũi Cà-Mau, còn lắm nơi có nhiều di tích lịch sử, khởi đầu lúc chúa Nguyễn-Phúc-Ánh trên đường bôn nam lầu bắc, lần tránh Tây-Sơn. Dấu chân Ngài cùng các quan hộ giá dầm khắp các nơi ở miền Nam, từ rừng núi, đồng bằng, các hòn đảo ngoài biển đều có dấu chân Ngài bước đến. Những nơi nào Ngài lui tới, đều có lưu lại ít nhiều kỷ niệm, di tích lịch sử, cho đến nay người địa phương còn nhắc nhở.

Với tinh thần hiếu cõ, chúng tôi không nài khó nhọc đi tới tận nơi, vạch bóng người xưa, tìm dấu vết của tiền nhân dày công



Bên trong là ngôi Cột Tự Phước Thạnh, phía sau sân chùa là Phật Đài lô thiên Đức Quan Thế Âm Bồ Tát.

xây dựng. Theo lời các vị bô lão tỉnh Sa - Đéc ngày nay thuật lại, chúng tôi ghi chép qua lịch sử ngôi Cồ-Tự Phước-Thạnh với những huyền thoại ly kỳ, tô đậm nét nhiệm mầu nơi chốn thiền môn linh ứng, cứu dân độ thế, trừ tà khử bạo,

Ngôi cồ tự phước-Thạnh, là nơi chính lúc vua Gia-Long tâu quốc ghé lại tạm trú tại Sa-Đéc ít lâu. Ngài khấn nguyện cùng Phật Trời, khi ngài thống nhất được đất nước. Ngài sẽ dựng lên một ngôi Tam-bảo thờ Phật. Lòng thành thấu đến cao dày, sau khi ngài đắc thành nguyện vọng, liền truyền lệnh cho quan địa phương tỉnh An - Giang dựng lên ngôi ». «Phước-Thanh-Tự» ; Nay tọa lạc tại châu-thành Sa-Đéc, xã Tân-Vinh-Hòa. Cồ tự Phước-Thạnh kiến tạo từ năm Gia-Long thứ 14 (1812). Trên linh vị thờ lại Chùa, ghi là « Việt-Hoàng sáng tạo Phước-Thạnh-Tự ». Hiện nay linh vị như một Sắc-chỉ ghi chứng tích.

Tương truyền : Ngôi Cồ-tự Phước-Thạnh, các tượng Phật lớn bằng đồng đều do đức vua sau ba ngày trai tịnh, tự tay rót đồng đúc Phật, rồi đưa vào chùa. Do ảnh hưởng lòng chí thành và công đức của vị chơn mặng, nên về sau ngôi chùa rất có nhiều sự linh ứng.

Từ ngày dựng ngôi chùa đến nay đã trải qua lăm vị Cao-tăng Đại-Đức liên tục gìn ngôi Tam-bảo, qua bao đời Hòa-thượng, Yết-Ma, Giáo-Thợ. Vì thời gian quá lâu, lại không tìm thấy sách vở gì lưu lại, không ai nhớ rõ danh tính các vị đã trụ trì từ ngày xưa.

Chúng tôi đến viếng chùa, may mắn gặp vị trụ trì Thich-Thiện-Hương, nay ngoài 60 tuổi, ân cần tiếp đón và hướng dẫn

chúng tôi đến chánh điện quan chiêm đức Phật.

Giữa phuong-truong, tượng đức Phật Di-Đà băng đồng cao một thước, hai bên có ông Thiện và ông Ác cầm giản cao một thước, tướng mạo oai-phong. Cốt ông Thiện băng đồng, ông Ác băng cát. Các tượng Phật thờ trên chánh điện là do ngoài Triều-dinh gởi vào. Ở mé trái, dựa vách, có dề một cái trống sấm thật lớn, hai người ôm không giáp. Vật đã lâu đời, nên đôi mặt trống đã lũng, chưa bích lại. Phía mặt, ngoài cửa bước vào, treo một Đại-hồng-chung rất xưa khắc những hàng cõi tự trong thời Gia-Long, lâu ngày chữ đã lì đọc không rõ.

Ngoài ra còn có 18 vị La-Hán rất xưa, nên màu sắc cũng đã phai pha.

Trước cửa chánh điện ngồi vô, thờ đức Hộ-pháp cao trên một thước, tay cầm thanh giản, oai vệ như vị thiên thần sống động. Chúng tôi nhìn kỹ, thấy cây giản chắp làm ba khúc. Lấy làm lạ, chúng tôi khẽ hỏi vị trụ trì :

— Bạch Thượng-tọa, cây giản trông tay tượng Hộ-pháp, sao lại gãy đi, mà phải chắp vá ?

Vị trụ trì nghiêm trang :

— Tín hữu có lòng thành hỏi đến, âu cũng cơ duyên. Đề xuống hậu liêu dùng trà, bần đạo sẽ kể cho nghe.

Chúng tôi có lòng mừng sắp được nghe chuyện lạ, không bỏ lở giây phút quý báo nào, chúng tôi quan chiêm khắp nơi trong chùa và tìm hiểu những gì cần được biết.

Vị trí ngôi chùa tọa lạc, thật thanh u trầm nhả. Chùa xưa, xây cất theo lối cõi điề i, hùng vĩ tôn nghiêm, day mặt ra một

con rạch (Canal de Ceinture) trước sân trường hàng xoài rợp bóng, mát mẽ quanh năm. Theo lời vị Phó trụ trì: hiện trụ trì ngôi cồ tự này là Thượng-Tọa Thích-Tử-Nhơn. Ngài là một trong 12 vị Hội Đồng Viện Hóa-Đạo, cấp lãnh đạo Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam Thống nhất.

Thượng-Tọa Tử-Nhơn đã trụ trì nơi đây 38 năm và được thụ truyền y Bát của Hòa-Thượng Thiện-Đạo, là vị Hòa-Thượng kế vị chư Thượng-Tọa xưa.

Thượng-Tọa Tử-Nhơn là một vị giảng sư đã hơn 20 năm, đem Giáo-lý Phật-đà đi truyền bá khắp đó đây và đảm nhiệm chức vụ Trị-Sự-Trưởng Giáo-Hội Tăng-Già tại Tỉnh Sa-Đéc, trong suốt thời gian của Giáo Hội Tăng Già Nam-Việt. Năm 1964, Thượng-Tọa lên Saigon công qua Phật-Sự cho Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam Thống-Nhất, đến nay Ngài là người ở trong hàng lãnh đạo Giáo-Hội.

CHUYỆN HỘ PHÁP ĐÁNH QUỈ

Quan chiêm khắp chùa và đã được biết ít nhiều, chúng tôi theo gót vị phó trụ-trì trở xuống hậu liêu. Rồi như lời đã bảo, vị phó trụ-trì kể chuyện vì sao tượng Hộ-Pháp gãy Giản cho chúng tôi nghe. Sau đó, tiếp xúc với một ít người địa phương, chúng tôi cũng được nghe y như lời vị phó trụ-trì đã thuật... Nhưng muốn biết rõ một cách thiết thực hơn, chúng tôi về Saigon tìm ngay đến Văn-phòng Phật-Giáo Việt-Nam Thống Nhứt, xin gặp Thượng Tọa Thích-Tử-Nhơn tại đây, để hỏi sự thật ra sao ? Hay người ta thần thánh hóa câu chuyện đê mê hoặc lòng người ! Thượng Tọa Tử-Nhơn tiếp xúc chúng tôi với niềm hân hoan. Ngài sẵn sàng kể qua

sự tích ngôi cổ tự «Phước-Thạnh» rất nhiều và, cho biết thêm sự việc xảy ra rất là hi hữu :

Cách nay trên 30 năm, đã hai lần đức Hộ-Pháp trong chùa đánh quỉ bằng cây Bảo-Sử (giảng ma sứ hay hàng ma-sứ) tức như cây giàn đè đánh ma quỉ. Bảo sứ là cây sứ, hay cây giàn qui hẫu).

Một buổi chiều kia, khoảng 6 giờ, trời vẫn còn sáng tỏ, bỗng mọi người chung quanh kinh ngạc khi nhìn thấy cây giàn trong tay Đức Hộ-Pháp bay đi quanh co trong chùa, nhưng không trúng bàn ghế hay va chạm vào ai. Bay ra tới đường Nguyễn - Tri - Phương, đối diện với sân chùa,

cách 70 thước. Giờ ấy là giờ công phu. Tăng chúng trong chùa đều sững sốt về hiện tượng huyền bí phát hiện : Cây giàn tự nhiên sao biết bay ? Bay đi đâu ? đè làm gì ? Hay quỉ ma hiền lộng nên mới có hiện tượng lạ lùng như thế.

Nửa giờ sau, quỉ nhập vào một người lối xóm, ứng tiếng cho biết là nó vô chùa kiếm ăn, bị ông Hộ-Pháp đuổi đánh



*Đức Hộ Pháp tay chống giáng
Ma Sứ chắp làm 3 khúc
thở trước chánh điện*

què chān. Trong nhà phải đem người bị quỉ nhập đến chùa cho quỉ xuất ra. Do đó mới biết cây giàn bay đi đè đánh quỉ.

Lúc cây giàn bay đi, trước sau gảy làm ba đoạn, một đoạn rớt nơi nhà tồ, một đoạn rớt nơi nhà bếp, còn đoạn chót bay ra đến ngoài lô mới rớt. Ai nấy ước đoán là ông Hộ Pháp đã đánh quỉ ba lần.

Đến lần thứ nhì, cũng vào lối 6 giờ chiều, trời đang mưa tầm tả, cây giàn trong tay tượng Hộ-Pháp bỗng vụt bay đi như lần trước. Đoạn thứ nhất đánh bể nát cái trả ba tức là cái nồi thật lớn đè ở trong chùa dùng để đốt giấy, còn đoạn giàn thứ hai thì bay luôn ra rớt xuống đường. Tùy kỳ này chẳng thấy quỉ nhập vào ai đè rò ra sao, nhưng trong chùa nhiều người thấy có bóng đen chạy vụt từ trong bếp ra ngoài đường.

Hiện nay cây giàn vẫn còn ráp lại ba đoạn đê thờ trong tay tượng đức Hộ-Pháp như đã thấy, không làm cây khác thay vào, vì Sư cụ nói đó là sự hiền linh, không nên thay cây Bảo-Xứ mới.

Hư thực ra sao ? Chúng tôi thuật y những lời đã được nghe kề. Âu cũng là một chuyện hiền linh, cũng như bao sự hiền linh khác ở các nơi mà chúng tôi đã có dịp sưu tầm, nói trong các tác phẩm trước đã xuất bản.

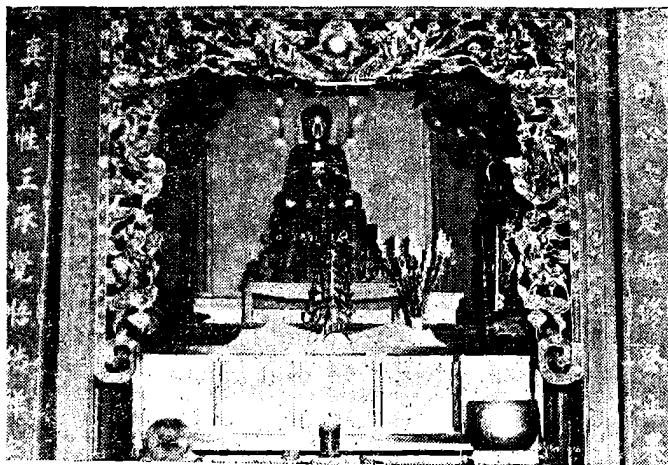
«PHƯỚC THẠNH TỰ » NGÀY NAY

Theo chúng tôi thấy, ngôi chùa Phước-Thạnh nay đã quá hư, kèo cột bị mối mọt đục hết. Thượng tọa Từ-Nhơn

sắp làm lại để bảo tồn di tích của Đức Cao-Hoàng Gia-Long kiến tạo.

Ngày nay phía sau sân chùa, chúng tôi còn thấy có một Phật đài lộ thiên, thờ đức Quan-Thế-Âm Bồ-Tát cao trên 4 thước. Tượng màu trắng tuyết, ngự giữa trời mây, tướng hảo quang minh, gương mặt từ bi, đầy lòng bác ái, đôi môi nở nụ cười hoan hỉ, tay cầm nhành dương liễu, mắt hướng về phía đông dường như quan sát thế tràn đang lặn hụp giữa cuộc đời phù hoa giã tạm...

Tượng đài này do Thượng-tọa Thích-Tử-Nhơn phát nguyện cùng phật-lữ địa phương kiến tạo, khởi công ngày 1 tháng 5 năm 1864 đến tháng 8 trong năm thì hoàn thành.



*Vị Cồ Phật Di Đà bằng đồng thờ trên Chánh Điện.
Do triều đình Huê gởi vô thờ từ khi có ngôi Cồ tự này.
năm Gia Long thứ 14 (1812)*

Việc làm trên đây là một công trình phát huy đặc phái, lưu lại cho các thế hệ sau nhắc nhở.

Trước sân đài có trồng nhiều loại hoa tú quí, cảnh trí rộng rải khang trang. Du khách cũng như đồng bào phật-tử địa phương thường tới lui lễ bái với tấm lòng thành mến mộ.

Cảnh này đã có sẵn, nếu được nhiều bàn tay điềm xuyến trang hoàng thêm lên nữa, sẽ trở nên một thăng cảnh đạo vị của tỉnh Sa-Đéc, không khác nào các đài Đức-Mẹ Fatima ở Vĩnh-Long, đài Đức Mẹ ở Bãi-Dâu Vũng Tàu. Rồi đây sẽ có nhiều đoàn thề Tông giáo đến hành hương chiêm ngưỡng.

Trong tương lai, cảnh này sẽ còn khởi sắc, hưng thịnh hơn nữa.



TÔ ĐÌNH BỬU HƯNG TỰ Ở CÁI-CÁC XÃ HÒA-LONG

Du khách viếng tỉnh Sa-Đéc, nếu tâm hồn lâng lâng niềm tục lụy, muốn thưởng thức phong quang những danh lam cồ sái, tướng không gì bằng hãy tạm dừng chân ghé viếng chùa Bửu-Hưng đã có từ hơn một trăm năm về trước. Ngôi tô đinh Bửu-Hưng tự này rất cỗ kính, nép mình trong một khu vắng vẻ, trước sân rộng rải có hồ sen, day mặt ra bờ rạch Cái-Các thuộc xã Hòa-Long. Hiện nay, do Giáo-Hội Lục-Hòa-Tăng lãnh phần coi sóc, số bồn đạo rất đông. Những ngày Rằm lớn, hoặc 30, mùng một, bồn đạo qui tụ về lề Phật tấp nập.

Giữa chánh điện có một pho tượng Đức Di-Đà cao trên hai thước, son son phết vàng, trái đã lâu đời nên phai nhạt khá nhiều, nhưng vẫn còn đầy đủ nét từ bi, trí tuệ phảng phất ánh đạo thiêng như lúc nào cũng sẵn sàng dấn độ chúng sanh về cõi Tây phương Cực-lạc. Hai bên trần thiết rất trang nghiêm, ánh tượng Chư-vị La-Hán, Bồ-tát uy-nghi tịnh-tọa càng tăng thêm vẻ u-huyền trong chốn thiền làm phảng lặng. Cột chạm tứ linh Long, Lân, Qui, Phụng, trên treo những tấm biển to lớn chạm khắc những hàng cỗ tự sắc sảo tinh vi, vàng son hực hở. Các bức hoành phi, liễn đối trong chùa, hầu hết do một số thiện tín sùng đạo địa phương phụng cúng. Trong số nhân-vật đất Sa-Đéc ngày xưa có ông bà Lê-Văn-Hiền, một đại diền chủ xã Long-Hậu nhiệt tâm với Phật-Pháp, góp công, góp của lo cho ngôi chùa ngày thêm rạng tiếng, nay hãy còn những tấm biển lưu niệm công đức của ông bà tại chùa.

Đất Sa-Đéc là đất lành phát xuất nhiều bậc Cao-Tăng được mọi người trọng vọng. Chùa xưa miếu cũ rải rác trong xứ, đủ chứng tỏ đồng bào dân chúng đều hướng thiện tu hành giữ gìn đạo hạnh.

Sự tích ngôi tồ đình Bửu Hưng-Tự, theo lời các bô-lão địa phương kể lại cho chúng tôi nghe như sau :

Ngày xưa vùng đất này còn hoang vu, nhà thưa người ít, có một nhà sư từ phương xa đến dọn đất cất một cái am nhỏ



Tồ Đinh Bửu Hưng Tự. Ở Cái Cá xã Hòa Long.

đè tu hành, sớm mỏ chiều chuông sống với cuộc đời ẩn-dật. Được ít lâu, nhà sư viên tịch. Am vắng, khói lạnh hương tàn, làm chạnh lòng một nhà sư khác cũng từ phương xa dừng chân lại đó. Vì sư này thông giáo lý nhà Phật, đức hạnh có phần hơn nhà sư trước. Do đó, khi vị sư sửa sang am cũ mà trụ trì,

gần xa lẩn lẩn biết tiếng kéo đến nghe ông thuyết giảng đạo lý một ngày thêm đông. Được đồng bào mến mộ, uy tín vị thiền sư tăng cao. Hồn đạo mới đóng góp kể ít người nhiều, dựng nên ngôi chùa rộng lớn hơn.

Không bao lâu, vị sư này cũng viên tịch. Trải qua nhiều đời Yết-Ma, Giáo-thợ, Hòa-thượng, đến đời vị Yết-Ma Nguyễn Văn-Hạnh, ngôi chùa hưng thịnh hơn nhiều. Vì Yết-Ma Nguyễn Văn Hạnh vốn người ở Định-Tường, trước trụ trì ở chùa Bửu-Lâm, nơi Chợ Củ Mỹ-Tho, nay về trụ trì ở ngôi chùa tại Cái Các tỉnh Sa-Đéc đây, càng dốc lòng tuyên dương chánh pháp, mở mang phong khí trong vùng. Rồi đến Hòa-Thượng Thiên-Tường từ chùa Vĩnh-Tràng về Cai quãn, hiệp cùng bồn đảo săn cò, xây cất ngôi chùa lộng lẫy khang trang như trong ảnh trên đây. Thế thì ngôi chùa này đã trùng tu qua nhiều đợt, đến đời Hòa Thượng Thiên-Tường mới bắt đầu khởi sắc như thế. Quả xứng đáng là một đại già-lam của tỉnh Sa-Đéc.

Thật thế, ngôi chùa Bửu-Hưng tự có thè nói là một trong những ngôi chùa cổ và lộng lẫy nhất ở Sa-Đéc. Số huê lợi do đồng bào Phật-tử cung cho chùa cũng nhiều, hàng năm có đến cả ngàn giã lúa.

THỜI CUỘC BIẾN CHUYÊN TRONG NĂM 1945

NGÔI CHÙA BỊ LIỆNG BÔM LÀM

Chùa đang trong thời hưng thịnh, xây gấp tai biến do thời cuộc phát sinh, mà phải chịu chung cái công lệ tang thương khi nạn dân ách nước tràn lan khắp trên lãnh thổ. Ấy là vào khoảng năm Ất-Dậu 1945, cảnh khói lửa điêu linh phủ

trùm non sông nước Việt. Vùng này không được an ninh, ngôi chùa thường là mục tiêu cho đoàn quân xâm lăng nghi ngờ chú tâm triệt hạ. Cho nên, một buổi sáng tinh sương trong thương tuần tháng 9, năm 1946, phi cơ dǎo liệng quanh vùng một chập, rồi bì ầm ầm như trời long đất lở, bom của kẻ xâm lăng trút vào nơi Phật-tự trang nghiêm. Dù lầm lẫn hay cố ý, nào ai dò được lòng người ; kết quả bi đát : Thiệt mạng nhà sư Chánh Viên và 4 Phật-tử. Trước cảnh bom rơi đạn nồ, trong chùa đều tan cư đi nơi khác, không còn ai dám ở lại... May thay ! Chánh điện vẫn được an-toàn. Lúc chùa bỏ trống, không gìn giữ, bị người ta đến lấy mất một cái Đại-Hồng Chung xưa thật là đáng tiếc.



Đức Quan Thế Âm cao trên 2 thước
thờ trước chánh điện.

Thời gian dịu dần, các nhà sư còn lại mới dám trở về hương khói cho Phật. Lúc sau có Hòa-Thượng Chơn-Hòa về trụ trì, tờ đình Bửu-Hưng-Tự dần dần hưng thịnh lại như xưa. Đến ngày 22 tháng 2 âm-lịch năm Mậu-Tuất, Hòa-Thượng Chơn-Hòa liều đạo. Ngày nay, người kế vị trụ trì là Phó đại

diện của tinh Hội Lục-Hòa-Tăng Sa-Đéc tiếp nối và trùng tu ngôi Tam-bảo này.

Tưởng nên ghi thêm một điều lâ : Ngày xưa, trong chùa có trần tàng một vỏ lúa to lớn khác thường, để khách thập phương quan chiêm sự huyền diệu của hóa công trong cuộc trường dường muôn loài vạn vật. Nhưng về sau, cũng vì chiến cuộc sinh hóa trở ngại, không người gìn giữ vật lạ ấy chẳng biết đã bị bàn tay nào lưu đi mất. Mà thôi người đời của tạm có tiếc cũng bằng thừa. Trong cõi phù sinh, muôn vật có gì đâu là trường tồn miên viễn được. Duy có đạo lý là bất diệt, duy có tâm đạo là cùng với hai vàng nhạt nguyệt cùng sáng rở mãi thiên thu.

Đi viếng một ngôi chùa cổ kính của đất Sa-Đéc, chúng tôi có bồn phật nói lên công nghiệp của các vị tổ dày công sáng tạo để dân dắt người đời tu hành, và cùng ghi lại một ít di tích đền tồn cõi ; linh thần phật-giáo vẫn tồn-lại với non sông ngàn năm bất diệt.



CHÙA KIẾN-AN-CUNG

TỤC GỌI CHÙA ÔNG QUÁCH

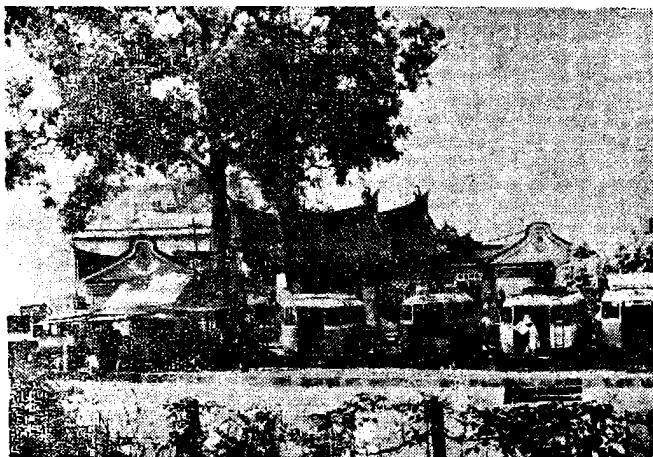
Nói đến chùa xưa miếu cũ của Tỉnh Sa-Đéc, cũng cần nêu lên một ngôi chùa kiến trúc theo lối cổ của người Trung-Hoa : Chùa Kiến-An-Cung, tục gọi chùa ông Quách.

Cùng là giống da vàng ở Á-Đông, nặng lòng sùng đạo, nặng óc tín ngưỡng, người Việt - Nam chúng ta tôn trọng đinh, chùa, miếu mạo thế nào, thì người Trung - Hoa càng quý chuộng các ngôi chùa của họ thiết lập nhiều hơn thế nữa.

Kè về mặt kiến trúc, chùa Kiến-An-Cung rất qui mô toát, uy-nghi lộng lẫy, tọa lạc ngay trung-tâm thành phố Sa-Đéc, day mặt ra bờ rạch Cái-Sơn. Hàng rào kiên cố bao bọc sân chùa. Cửa ngõ khang trang, sân tráng xi-măng rộng lớn, làm tăng nét hùng vĩ của ngôi tam-bảo.

SỰ TÍCH XÂY DỰNG NGÔI CHÙA

Bang Phước-Kiến tỉnh Sa-Đéc gồm các vị trong ban trị sự họp lại để lo trù liệu xây cất ngôi chùa Kiến An-Cung. Trong đó có ông Huỳnh-Thuận góp vào việc kiến tạo ngôi chùa, công cán rất dày. Ông đứng trung gian liên kết đồng bào Huê-kiều và Việt - Nam có lòng tín ngưỡng đến ông Quách, chung đậu tiền bạc giúp cho Hội có phương tiện xây cất. Nhờ lòng sốt sắng lạc quyên của mọi giới Hoa, Việt, nguyện vọng đạt thành. Trước khi khởi công, một đêm ông giáng cơ, khuyên bảo hãy cho người sang tỉnh Phước-Kiến,



Chùa Kiến An Cung (tục gọi là chùa ông Quách)

rước thợ về hiệp nhau kiến tạo mới nên. Vâng theo tôn ý, ban tri sự phái người làm y theo lời.

Rước được thợ xong, ông Huỳnh-Thuận đứng ra đôn đốc hưng công xây cất vào năm Giáp-Tý, qua năm Đinh-Mão làm lê khánh thành rất trọng thể.. Tính đến nay đã được nửa thế kỷ.

Nay ông Huỳnh-Thuận đã ra người thiền cõ, người thừa kè ông là ông Huỳnh-Thủy-Lê, con ông, một người có Tây học, nhưng vẫn giữ nguồn gốc tổ tiên, vững đức tin nơi Trời Phật.

Đối với ông Huỳnh-Thủy-Lê, đồng bào ở Sà-Đéc quen gọi ông là ông Hội-đồng-Lê, cựu nghị viên Canh nông, nhiều người có cảm tình với cách xử thế của ông, Như thân phụ ông

khi xưa, ông có lòng hào hiệp, phong độ nho-nhã, nhân-đức hay giúp đỡ người đời.

Chúng tôi đã thân đến viếng Chùa, quan chiêm khắp nơi, thầm khen phong quan tốt đẹp. Chùa cao hai nóc. Hai bên lối vô cửa chánh có hai con kỳ-lân bằng đá xanh to lớn. Bên là bên hữu có hai ông thần đứng giữ trước chùa. Vào trong thì gặp một sân lộ thiên nhỏ để dành chỗ cúng tế theo cổ tục. Những cột lớn trong chánh điện chạm trổ tinh vi, vàng son lóng-lẫy, liền chấn rực-rỡ.

THẦN LINH TÂN - PHÚ - ĐÔNG GIÁNG CƠ CHO BIÊN LIỀN

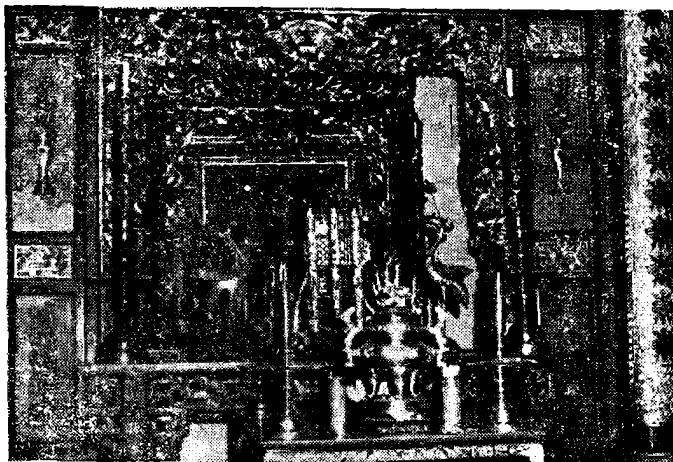
Nhin lên chánh điện, chúng tôi thấy tấm biển chạm bốn chữ « Phú bảo an đồng, hai bên cột có đài liền ».

« Đồng thôn chúc thánh đức thành cung hách trạc thanh trùng tu ».

« Phú-Mỹ tạ thần ân, khánh hạ nguy nga hưng miếu tự ».

Theo lời ông Từ giữ chùa kè lại. Khi dựng chùa xong, hương chức làng Tân-Phú-Đông có nhã ý tặng cho chùa một vật xứng đáng, một bộ bao - lam hai mặt biển liền sơn son thếp vàng để lưu niệm.

Quí vị hương chức có họp nhau tại chùa để cầu cơ xin chữ. Ông Thần sở tại Tân-Phú-Đông giáng cơ, dạy hương chức làng khắc mấy chữ trong biển liền nêu trên, cúng cho chùa.



*Trong Chánh Điện Kiến an Cung uy nghi lộng lẫy. Với bộ bao
lam 2 mặt, bên trong thờ ông Quang Trạch Tôn Vương*

Ở đời lòng thành ắt có cảm ứng. Đẳng vô hình ngự trị
khắp nơi, thường phạt công minh. Tấm biền và đói liền trên
đây, do thần giáng cơ, chứng minh cho người đời biết có
Thần có Thánh, có Tiên có Phật, ai tin sẽ thấy.

CÁCH THỜ PHUNG

(hình giữa thờ ông Quang Trạch Tôn-Vương (gọi là ông
Quách), mặt đỏ hồng, chân gáy lèn, tay nâng đai ngọc. Hai
bên có hai vị cầm ấn kiếm, tướng diện oai phong lầm-liệt,
người không chánh tâm bước vô thấy phải sợ. Phía trước
trần thiết trang nghiêm, mé ngoài thờ bàn Hội-Đồng, Huyền-
Thiên-Thượng-Đế, và ông quan Thánh Đế Quản, có sấp hai

hàng lồ bộ sáng ngời. Cạnh bên có tây lan và đông lan để làm chỗ tiếp tân khi cúng kiến.

Trong ngoài thật khéo sắp đặt, sắc sảo, tôn nghiêm. Đề trang trí cho thêm vẽ mỹ quan, nhất là cho có ý-nghĩa một ngôi thiền viện, khuyên người lành dữ làm lành, hai bên vách tường tô điểm những hình thập diện phong thần, nhiều truyện tích xưa ý vị thâm trầm. Các bức tranh, họa theo lối thủy mạc, nét họa uyển chuyển sắc bén trong thật linh động.

Theo lời ông Từ, ngôi chùa do thợ Trung-Hoa phối hợp với nhân công người Việt chung sức xây dựng. Phần trang trí cũng do thợ khéo tước từ bên Trung-quốc sang đầm nhạn. Nét họa đến ngày nay đã 50 năm vẫn không phai mờ. Thật là cả một công trình nghệ thuật.

VỀ SỰ CÚNG TẾ

Hằng năm chùa có hai lề tế : Ngày 22 tháng 2 Âm lịch là ngày sanh của ông. Ngày 22 tháng 8 Âm Lịch là ngày ông thành đạo, chùa có thiết lề cúng tế có lề sanh dâng hương hoa trà quả v.v...

Mỗi 3 năm có thiết lập trai đàn, cúng cầu siêu cho bá tánh quá vãng và cầu cho Quốc Thới dân an. Chùa có thỉnh chư vị Đại Đứ : Tăng Ni Hoa Việt đồng hành tâm cúng tế. Ông bà Huỳnh Thủ Lê, tự tay mua sắm và thuê may áo mào : Tì lư, hiệp chưởng cà sa, Y hồng bá nạp hia tất đủ bộ, cất giữ tinh khiết đề dành riêng cho quý vị Hòa Thượng và kính sư đều mặc cúng lề trong đàn chay. Các Y phục học trò lề : Mão, Áo,

cũng, hia, tất đủ màu sắc rực rỡ đặc biệt là có các Nữ lè sanh dâng lè tường đi yêu diệu, bộ tịch gọn gàng, uyển chuyền, trang nghiêm...

Trầm hương nghi ngút, dân chúng đến chiêm bái trong 6 ngày lè quan khách đến dự ra vào tấp nập.

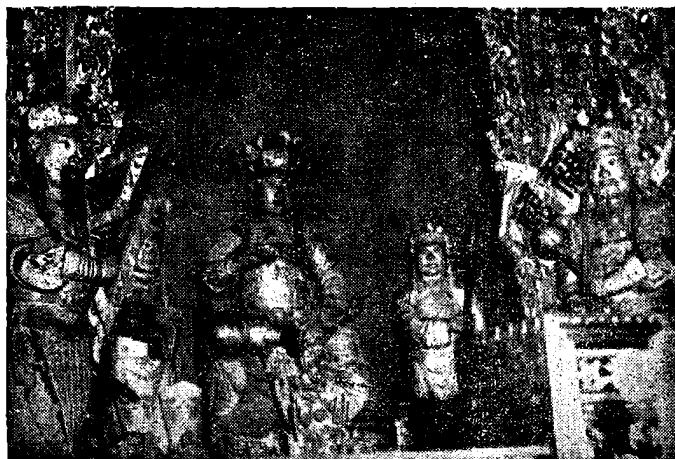
Nhứt là giới Hoa Kiều lúc trực dâng hương cũng kiến rất thành tâm.

Chẳng những dâng lè cũng tế người khuất mặt, sau đòn chay có ra giàn thi thực, trên giàn cao có chư thiện lin đem dâng cũng nhiều cỗ bánh, trái cây thực phẩm chưng bày rất đẹp, sau khi cũng xong thì hiển dâng bá tánh. Ban trị sự cũng lo về mặt cứu tế xã hội, có tặng gạo cho những người nghèo. Âu cũng là một điều công quá đáng tán dương.

BAN TRỊ SỰ CHÙA KIẾN AN CUNG

Hội chùa này từ ngày ông Huỳnh-Thuận quá vãng, ông Huỳnh-Thủy-Lê nối tiếp lo gìn giữ luôn đến ngày nay. Với nhiệm vụ chánh tòng lý trong chùa, ông Huỳnh-Thủy-Lê được công cử nhiều khóa, tích cực phục vụ, mọi người đều tin nhiệm qui mến. Tiếp sức với ông gồm có 19 người trong ban trị sự, đồng đủ các giới Hoa-Kiều bang Phước-Kiến chung lo bảo vệ ngôi chùa.

Đồng bào dân chúng Sa-Giang hết lòng tin tưởng nơi oai linh ông Quách. Nhất là gia đình ông Huỳnh-Thủy-Lê hoàn toàn đặt lòng tin tưởng vào dâng thiêng-liêng hộ trì tế độ.



Ông Quang Trạch Tôn Vương Ngự giữa phuơng trƣơng

Chúng tôi trung thực ghi chép những điều mắt thấy tai nghe về ngôi chùa Kiến-An-Cung tức chùa ông Quách, hầu cho đầy đủ những điều sưu khảo về Sa-Đéc xưa và nay vậy.

VỊNH CHÙA ÔNG QUÁCH

Nền cỗ kính vân minh Trung Quốc

Từ nghìn xưa lặng miếu lưu truyền

Tôn nghiêm thần thánh diệu huyền

Chuẩn thăng qui củ mỗi giềng nho phong

Kiến-An-Cung uy-nghi xinh xắn

Trải biệt bao mưa nắng phủ phảng

Vân tươi đậm nét son vàng

Bề tô điểm đẹp thị thành Sa-Giang

Là người trí, kính thần trọng thánh

*Cầu giúp cho nèo chánh mà đi
 Lòng thành sẽ có thắn kỵ,
 Chứng minh phò hộ việc gì cũng nên
 Quách Quãng-Trạch vang rền linh hiền
 Cứu độ đời nhiều chuyện huyền vi
 Kính vâng ngoài il vẫn thi
 Đè làm kỹ niệm chứng tri lòng thành
 Huỳnh-Minh*

oOo

CHÙA BÀ

Ngôi chùa Bà có trên 100 năm qua, tọa lạc tại Châu-thành Sa-Đéc, gần chùa ông Quách. Chùa này do hội Phước.Kiến sáng lập.

Bên trong thờ bà Thiên-Hậu Ngươn-Quân, sắc phong đời nhà Hán ở Trung-Hoa là Thiên-Hậu Thánh-Mẫu hộ quắc tế dân. Vì bà có công cứu độ những người đi ghe thuyền ngoài biển bị sóng gió đánh chìm. Tưởng niệm đến danh hiệu bà thì được bà hộ trì tai qua nạn khói. Vì thế, người Trung-Hoa rất tôn sùng Bà như vị cứu tinh của họ. Khi đến Việt-Nam sauh cơ lập nghiệp, họ chung đậu tiền của để xây dựng ngôi chùa thờ Bà.

Ở Saigon, Chợ-Lớn và các lỉnh trong Nam, lỉnh nào cũng có ngôi chùa Bà. Đặc biệt là ngôi chùa Bà ở Sa-Đéc ngày nay, các vật thờ trong chùa rất xưa và quý giá, trên một thế-kỷ nay

vẫn còn nguyên vẹn. Mặc dầu trải qua bao cơn khói lửa tang thương, nhưng ngôi chùa được bình yên, không hề xảy ra điều gì cả.

Mỗi năm Ban Trị sự hội có làm lễ cúng 2 lần vào ngày 23 tháng 3 và mùng 9 tháng 9 âm lịch. Lễ cúng heo gà vịt.

Ngôi chùa trên đây là trung tâm tín ngưỡng của giới Huê-Kiều thường tới lui xin xá, lè bái, hết lòng trọng vọng, coi bà là một vị Thần hộ mạng,

oOo

CHÙA HƯƠNG

Chùa Hương là một chùa cổ kính khang trang lộng lẫy, thờ phượng rất uy nghi, tọa lạc tại Châu-thành Sa-Đéc ngày nay, Chùa này trước tiên do hội Minh Hương ở Sa-Đéc đứng ra sám lập trên một thế kỷ.

Chùa thờ Quan-Thánh-Đế-Quân. Trước đây, chùa ở vào khu đất đường Trưng Nữ-Vương (hiện nay là cư xá công chức) đến năm 1872, ngôi chùa được dời lại đường Nguyễn-Tri-Phương.

Thời gian sau, ngôi chùa này được đồng bào Hoa-Việt trùng tu lại đầy đủ tiện nghi hơn để thờ Phật, vẫn để hiệu cũ Chùa Minh-Hương.

Ngày vía, rằm lớn, ngày Tết Nguyên-Đán được đồng đảo dân chúng đến dâng hương lè bái, sùng kính Phật Trời.

Đây là một di tích của người Minh-Hương đến Sa-Đéc sanh cơ lập nghiệp, dựng ngôi chùa này, nay còn gốc hai chữ chùa Hương.

ĐÌNH THẦN TÂN-PHÚ-TRUNG

Khắp nếp đường đất nước, ngoài tam bảo và Đinh Thần đâu đâu cũng có, nói lên sắc thái tín ngưỡng của dân Việt. Tại Sa-Đéc, ngôi Đinh đáng kể là Đinh Thần Tân-Phú-Trung. Ngôi Đinh này xây dựng đã trên một thế kỷ, thờ vị thần Quang chánh trực, sắc chỉ do vua Tự-Đức phong tặng. Phía trước thờ Quan-Thánh-Đế-Quân.

Đinh Thần Tân-Phú-Trung tọa lạc trên khu đất rộng. Cảnh vật thanh u huyền diệu. Đầu tiên ngoài đinh là con rạch Cần-Thơ giăng trước mặt, xuôi dòng từ sông Sa-Đéc rẽ qua bến nước Bình-Tiên, xuyên qua ngọn Trại-Quán, đến chợ Tân-Phú Trung. Hai bên nhà cửa ruộng vườn giăng-giăng, dân cư đông đảo. Ở vùng này, phần đông là tín đồ Phật giáo Hòa-Hảo.

Tại Chợ Bình-Tiên có dựng lên một độc-Giăng-đường trên thờ Đức Thầy Huỳnh-Giáo-chủ và trụ-sở Phật-Giáo-Hòa-Hảo. Về dời sông đồng bào ở đây nhà nào cũng khá giả.

Ngay địa điểm ngôi đinh, từ rạch Cần-Thơ lại ; phân nhánh qua các ngã : Cai-Trương, Kinh Mương-khai, thẳng qua Cần-Thơ, Bà Gò và xuôi kinh Đốc-Phủ-Hiền Sa-Đéc.

Đến viếng ngôi Đinh Tân-Phú-Trung cõ kính, chúng tôi chiêm ngưỡng với tất cả lòng thành. Đinh thật nga lộng lẫy. Trước sân, nền tráng xi-măng rộng rãi, có hàng rào xinh đẹp. Ngắm nhìn chung quanh có những bồn cỏ hoa sắc sỡ, những cây dương cõi thụ soi tàn ngã ngọn rất nên thơ. Chim chóc bay vè lú-lo trên cành, gợi nên cảnh cũ người xưa. Mặc

dầu đất nước trải qua trên 20 năm tang-tóc, nhưng ngôi đình vẫn được nguyên vẹn là việc ít có.

Theo các bô lão địa phương kể lại, ngôi đình này đã tu bồ nhiều lượt, và cũng trải qua nhiều vị góp công chấn chỉnh, phục vụ, nay kẻ còn người mất. Năm 1941, đình trùng-tu lại một cách khang trang, vẫn cất theo lối cổ, bên trong trang trí rực rỡ. Đồng bào quanh vùng hết lòng sùng kính.

SỰ LINH HIỀN CỦA LINH THẦN

Năm 1945 đến 1948, đất nước nhuộm màu tang thương khói lửa, lúc bấy giờ có một số người kéo đến định thiêu hủy ngôi Đình này. Nhưng mấy lần toan đốt đều không cháy, kết cuộc khiến họ bỏ qua ý định xúc phạm đấng thiêng-liêng. Âu cũng có bàn tay vô hình dập tắt lửa vô tri, che chở cho ngôi đình nguyên vẹn. Phải chăng nhờ sự hiền linh của thần nhân hộ trì, khiến cho dân chúng trong làng càng thêm tin tưởng, nên đâu đó đều được bình yên, hằng khói hương lè tạ linh thần. Hiện nay, nói đến đình thần Tân-Phú-Trung, đồng bào Sa-Đéc đều công nhận khá linh thiêng. Từ đó đến nay, hương chúc làng vẫn liên tục phụng thờ một cách chu đáo.

Hằng năm có hai lần xuân, thu quý tết. Ba năm đáo lệ một kỳ, có bày cuộc hát dâng hiến linh thần thường thức. Bá tánh tham dự đông đảo. Toàn tỉnh Sa-Đéc cũng còn nhiều ngôi đình xưa có tiếng như :

- 1 – Đình Tân-Dương
- 2 – Đình Cái-Tàu-Hạ
- 3 – Đình Đất-Sét

-
- 4— Đinh Long-Hưng
 - 5— Đinh Tân-Qui-Đông
 - 6— Đinh Vĩnh-Phước
 - 7— Đinh Long-Hậu
 - 8— Đinh Tân-Hưng
 - 9— Đinh Tân-Phú-Đông

Đó là những ngôi đền đã trải bao tuế nguyệt phong sương, từ 100 năm đến 200 năm. Vì thời cuộc, có ngôi bị hư hại không còn nguyên vẹn như thuở nào.

Chúng tôi nhắc lại với tinh-thần tồn cõi, nhờ đến công nghiệp người xưa có công ân với đất nước nên mới được phong thần, anh linh bảo vệ dân chúng.



ĐẤT LÀNH PHẬT NGỤ

VIÊN NGỌC XÁ LỢI VÀ BỐN CHỖ ĐẤT THIÊNG XỨ PHẬT, THỜ HAI NƠI, TẠI TỈNH HỘI PHẬT HỌC SA-ĐÉC VÀ PHƯỚC THẠNH TỰ

Đất Sa-Đéc có duyên lành với Phật-pháp rất nhiều. Ở đây đa số đồng bào hướng ngưỡng về sự thờ cúng ông bà tổ tiên, thờ Trời kính Phật.

Từ lâu, đồng bào Phật-tử Sa-Đéc mong ước có ngọc xá-lợi đem về an vị tại tỉnh nhà là điều vinh hạnh hơn bao giờ hết. Lòng thành thấu đến Phật Trời. Nhân duyên đưa đến, viên ngọc xá-lợi và bốn nơi đất thiêng liêng ở xứ Phật về được Sa-Đéc ngày nay. Đầu tiên do lòng thành của gia đình ông bà Huỳnh-Thủy-Lê, một Phật-tử ưu tú, thường đến hộ-pháp cho Đại-Đức Narada ở Saigon lúc trước, khẽ lời cầu xin thỉnh ngọc xá-lợi đem về cho Tỉnh-hội Phật-học Sa-Đéc Phụng thờ. Duyên lành đã đến, được Đức Narada thuận ý, từ bên Tích Lan mang qua Việt-Nam để tặng cho Tỉnh-hội Sa-Đéc ngày 21-8-1970. Ấy là một ngày lịch sử cung nghinh ngọc xá-lợi về Sa-Đéc.

Đại-Đức Narada ngồi chung xe với Thượng Tọa Bửu Lai, bưng một mâm có một tháp vàng đựng ngọc xá-lợi và bốn bình đất thiêng. Hiệp cung đoàn xe của Phật-học Trung ương cung nghinh xá lợi về chùa Tỉnh Hội. Quí vị Trung-Uơng Tỉnh-Hội gồm có cụ Chánh-Trí Mai-Thọ-Truyền. Hội Trưởng Hội-Phật-học Trung-Uơng : ông Hồ-Đắc Thắng và nhiều hội viên của hội tháp tùng.

Xe chạy từ từ về Sa-Đéc. Qua khỏi cầu Nhà-Thờ có những khải hoàn môn dựng lên, treo cờ Phật giáo rực-rỡ. Ngày ấy cũng trùng với ngày làm lễ Đức-Thầy Huỳnh-Giao-Chủ, nên mới được đồng dão và trọng thề cho cuộc cung nghinh xá-lợi.

Vô tới Châu-Thành, những nhà có đạo Phật đều lập bàn hương án trước nhà, đèn nhang rực tỏa, hoa quả chưng bày để tiếp nghinh xá-lợi. Xe đi nhiều vòng trong Châu - Thành để cho bá tánh chiêm ngưỡng. Rồi đoàn xe từ từ lăn bánh về chùa. Quang cảnh nơi chùa, cờ xí tung bay phất phới, nhạc trống liên hồi. Các tăng ni dắp y vàng các vị chúc sắc Cao-Đài giáo, Phật giáo, Hòa Hảo, Khất sĩ và Tịnh độ cư sĩ. Phật tử áo màu lam chấp tay đứng hai hàng trên đường vô cõng chùa để cung nghinh.

Hiện diện trong buổi lễ có Đại-Tá Tịnh-Trưởng, các vị Trưởng ty sở thân hào nhân sĩ tinh nhà dự đồng dão. Ông Chánh Hội Trưởng Tịnh-hội Bùi-Văn-Nhu. Ông bà Được-sur-Nguyên-Viết-Nguơn và quý ông trong ban Trị-sự lo tổ chức cuộc lễ này rất tiêm tết, Ông Chánh-Trí Mai-Thọ-Truyền Hội Trưởng Hội Phật Học Trung Ương có đọc diễn văn nói về ý nghĩa ngọc xá-lợi.

An vị ngọc Xá-Lợi xong, tối lại có thời thuyết pháp do Đại Đức Narada thuyết giảng. Ông Hồ-Đắc Thắng thông dịch, sau thời thuyết kinh, cuộc lễ viên mãn Đồng bào Phật-tử rất hân hoan.

Nhớ lại thời trước đây, vào năm 1964 tại Chùa Phước-Thạnh của Thượng-Tọa Từ-Nhon có lần cung nghinh bốn chò đất thiêng về chùa cũng rất trọng thề. Bốn chò đất thiêng ấy là;

1 — Đất Nơi Đức Phật Giáng sinh, lấy tại vườn Lâm-lì-ni

2 — Đất nơi Đức Phật thành đạo, lấy tại góc Bồ-dề nơi
Bồ Đề đạo tràng.

3 — Đất nơi Đức Phật thuyết pháp lần đầu tiên lấy tại
vườn Lộc-Uyền.

4 — Đất nơi Phật nhập Niết-Bàn, lấy tại rừng Tala
song-thọ.

Quả thật Sa-Đéc hữu duyên với Phật-pháp nên thỉnh được
xá-lợi và hai lần thỉnh đất thiêng về hai nơi tôn thờ, đề nói
lên đất lành có Phật ngự, ít có nơi nào được diễm phúc
như vậy.



SA-ĐÉC VỚI PHẬT GIÁO HÒA HẢO VÀ ÔNG THANH SĨ

Lúc Đức Huỳnh giáo chủ khai sáng nền đạo ở miền tây, Đức Thầy có duyên lành với tinh Sa-Đéc. Ngài đã từng xuống đây thuyết đạo và độ biết bao nhà trí thức tu hành. Hầu hết ở tinh Sa-Đéc đều là tín đồ sùng đạo của Đức Thầy. Nhà nhà trước có bàn thông thiên. Ở các xã ngày nay có dựng đoc giảng đường để thờ chân dung Đức Thầy, và Sấm giảng được ban giáo lý Tỉnh-hội phô biến luon, để giác ngộ người đời tích cực tu hành, trau dồi đạo hạnh để di lời thương ngươn thánh đức.

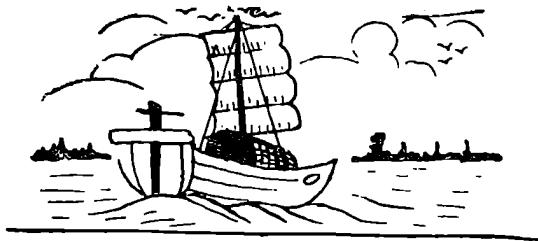
Giáo lý của Đức Thầy vẫn được truyền bá mạnh mẽ cho đến ngày nay. Lại khi Đức Thầy vắng mặt trong ít lâu, có vị cao đệ của Đức Thầy là ông Trần-Duy-Nhứt, đạo hiệu Thanh-Sĩ người thông minh đỉnh ngộ, thi văn lưu loát, xuất khẩu thành thi. Ông người quán tại Nha Mân. Ông đã viết nhiều quyển Sấm giảng :

Răm tháng mười
Vạn niên huynh đệ.
Tiếng nói trong hoa sen.
Đâu là Phàm Thánh.
Lời vàng trong mộng
Con đường giải thoát.
Là Phật tử.
Mẹ dạy con.v.v..

Quyển *Hiển đạo* tập trung các bài giảng ông đã viết. Hiện nay, ông Thành-Sĩ đang ở bên Nhật, làm giảng sư tại

đây. Ông lại có soạn bộ tự diễn Việt-Nhật Ông được chánh giới ngoại quốc chú ý sự thiêng tư của ông. Còn trong nước, giới tu hành ở miền Nam lắm người nghe danh biết tiếng ông. Nhưng ông là người rất khiêm tốn, âm thầm làm việc không phô trương.

Đất nước Việt Nam thật ra lắm nhân tài lỗi lạc nói chung, Tỉnh Sa-Đéc nói riêng, có được ông Thanh-Sỉ làm Giảng sư dạy người Nhật học là điều hiếm có. Đả vây, về mặt đạo lý của ông, đáng được cho người đời mến phục qua những lời lẽ cao siêu mô tả trong các sám giảng ông đã viết in trong nước.



TỔNG KẾT VỀ ĐẠO GIÁO

Sa-Đéc thật ra lăm chùa xưa miếu cũ, và cũng là nơi nền đạo xây đắp vững vàng, thanh hành người mộ đạo, xuất phát lăm bać Đại Đức Chân tu, và tăng ni ở trên con số cao nhất miền Nam.

Ngày xưa, mỗi khi chồ nào làm trường hương, trường kỳ, làm chay, đều đến Sa-Đéc rước các vị danh tăng đại-đức chứng minh và giāng kinh, để tăng thêm phần long trọng.

Chúng tôi được biết, một số Sư cụ tiền bối quá vãng ở các chùa Sa-Đéc, dù đã viên tịch mà tên tuổi hằng còn được đời ghi nhớ:

- Sư cụ Vạn-An ở Cái-Xếp
- Sư cụ Bửu-Chung ở Nha-Mâu
- Sư cụ Giác-Tôn (bây giờ là chùa ni)
- Sư cụ Phước-Thạnh ở Tân-Vĩnh-Hòa
- Sư cụ Kim-Huệ (Tồ định)
- Sư cụ Thái-Ba (Cái-Tàu)

Các vị pháp sư, đạo sư nổi tiếng ở miền Nam đã đi qua, còn lớp người hiện tại đã nối tiếp các Ngài trên con đường hoằng dương Phật-pháp.

Riêng về các Sư nữ ở Sa-Đéc cũng nhiều hơn đâu hết, một tinh mà đa số chùa ni.

Chúng tôi xin ghi chép dưới đây để hiển qui bạn đọc hiểu qua nền đạo pháp ở Tỉnh này rất thanh hành.

CÁC NGÔI CHÙA SỰ NỮ

- 1— Chùa Phước-Huệ
- 2— Chùa Hải-Huệ
- 3— Chùa Từ Quang
- 4— Chùa Long An
- 5— Chùa Tàу-Hưng
- 5— Chùa Từ Nguyên
- 7— Chùa Thanh-Lương
- 8— Chùa Thanh-Thuyền.
- 9— Chùa Long-Đức
- 10— Chùa Bửu-An
- 11— Chùa Giác-Ton
- 12— Chùa Bửu Dương
- 13— Chùa Phước-Long
- 14— Chùa Giác-Hòa
- 15 — Chùa Quang Phước v.v... tất cả cả 20 ngôi chùa ni.

Và đây là những con số nói lên hiện tình đạo giáo tại Sa-Đéc :

Tông giáo	Số tín đồ	Tỷ lệ	Trụ sở
Phật-giáo	77.619	29,10	101 ngôi chùa
Tin-lành	1.145	0,40	2 nhà giảng
Công-giáo	8.668	3,30	13 thánh đường
Cao-đài	15.910	6,10	15 thánh thất
Hòa-hảo	105.910	40,55	57 ngôi Chùa.

PHẦN THỨ NĂM :

HUYỀN - THOẠI

và

GIAI - THOẠI

HUYỀN THOẠI

KHÚC SÔNG CÁI BÈ CẶP LÂN ĐÁ DẬY SÓNG THẦN

Trước các ngòi Lăng, mộ cũa các bậc vị đại-thần, thông thường đều có lắc hình tứ linh, long lân, qui, phượng. Sa-Đéc khét tiếng với lăng miếu hai vị công thần nhà Nguyễn là Tống Phước Hòa và Nguyễn-văn-Nhơn. Miếu Tống Quốc Công Phước Hòa vinh diệu bao nhiêu, thì lăng miếu cụ Nguyễn-Văn Nhơn củng lộng lẫy vinh dự bấy nhiêu.

Ở phần di tích và phần danh nhân, chúng tôi đã nói đến nhiều về hai cụ Tống-Phước-Hòa và Nguyễn-Văn-Nhơn đối với Sa-Đéc. Nay trong phạm vi huyền thoại, chúng tôi xin nói đến một chuyện lạ về lăng miếu Quan lớn Sen tức là lăng cụ Quận Công Nguyễn-Văn-Nhơn.

Tương truyền : Ngày trước, nơi lăng cụ Quận Công Nguyễn Văn Nhơn có tạc một cặp lân bằng đá xanh dáng hùng vĩ, oai vệ, chẽm chệ tọa trấn ở hai bên lăng làm tăng sắc thái tôn nghiêm. Khách thập phương đến chiêm bái lăng cụ Quận-Công thấy đều khép nép trước quang cảnh nhuốm đầy màu sắc thần thánh oai hùng linh thiêng ấy.

Còn sông gần đấy, ngày tháng êm trôi. Nhưng bỗng một ngày kia, người ta phát giác một sự lạ : thỉnh thoảng sóng nước vở bờ, chao động như vòn múa trước cặp lân bằng đá xanh kia. Dần dần sóng đánh lở bờ. Rồi một đêm mưa to gió

lớn, nghe sóng nước vỗ mạnh vào bờ hơn lúc nào hết. Sáng ngày kiềm điếm lại, cặp lân bằng đá xanh đã biến mất tự bao giờ. Thì ra có lẽ sóng nước đã cuốn lôi cặp lân xuống giữa giòng khơi. Cho nên không bao lâu, con sông cũng xẩy ra biến động dị thường. Thỉnh thoảng trên sông xuất hiện cặp sóng thần ò-ạt lượn tới lượn lui ngay chở trước nền lăng cũ. Các đoàn ghe thương hồ qua lại, cũng như đồng bào địa phương chứng kiến cảnh ấy, không ai bảo ai, đều có chung cảm tưởng đó là khi thiêng nơi lăng của cụ Quận-Công còn bàng bạc, mà cặp lân bằng đá xanh kia đã chìm sâu đáy nước độ nào, hiền lộng thần oai đấy chăng ?

Lăng cụ Quận-Công sau đó đã dời đến hiện nay, mà di tích cũ, cặp lân bằng đá xanh mất tích sinh điều quái dị, vẫn còn truyền tung. Các vị bô lão gợi lại chuyện xưa tích cũ trong các địa phương Sa-Đéc, không quên nhắc cho chúng tôi nghe về huyền thoại cặp lân trước lăng cụ Quận công này.

Thiết tưởng, sinh thời cụ Quận-Công Nguyễn-văn-Nhơn hào hùng khí phách, khi sống trải mật phơi gan phò vua vực nước, lúc lìa trần hẳn «sinh vi tướng, tử vi thần». Thần oai cụ săn cỏ, hiền nhiên linh khí tụ vào nơi di tích còn truyền, tạo cho chung quanh có sắc thái thần kỳ, au cũng là thường.

Cố nhiên câu chuyện cặp lân bằng đá xanh biến hóa cặp sóng thần cũng có đôi điều thêu dệt, nhưng tưốn trung chỉ vì lòng người tôn sùng cụ Quận-Công nên mới thần thánh hóa luôn những đồ vật dành để phụng thờ Ngài.

Thế thì huyền thoại cặp lân bằng đá xanh dậy ngọt sóng thần, liên quan ít nhiều đến trạng thái nhân dân tỏ lòng ngưỡng mộ oai linh cụ Quận-Công vậy.

CÔ HAI HIÊN Ở NHA-MÂN

CHẾT BA NGÀY LINH THIỆNG HIÊN HÁCH LÀM CHẤN ĐỘNG KHẮP MIỀN HẬU GIANG

Đồng bào Sa-Đéc, nhất là những bậc cao niên, nghe nhắc đến cô hai Nha-Mân thời trước.

Chuyện cô hai Hiên ngày xưa là một chuyện thật trăm phần trăm, người nào ở Sa-Đéc lâu đời đều biết rõ. Nhất là hiện nay tại xã Tân-Xuân, dựa theo lộ số 8 đường đi Sa-Đéc, hãy còn một ngôi chùa thờ chấn dung và linh vị cô hai Hiên là một bằng chứng cho câu chuyện xác thật chúng tôi kể dưới đây:

THÂN THỂ CÔ HAI HIÊN

Với óc sưu tầm, tìm hiểu những huyền thoại của từng địa phương, khi đến Sa-Đéc sưu khảo, nghe thuật chuyện cô Hai Hiên, chúng tôi sững sốt, nứa tin nứa ngờ. Kịp khi hân hạnh tiếp xúc với các vị cao niên nhất của tỉnh Sa-Đéc còn khỏe mạnh, và một người cháu của bà là ông Ngô-Chí-Bình nay trên 60 tuổi, hiện là Giám-đốc Trường Trung-Tiều-học «Chí-Thanh» ở Đường Cống-Quỳnh Saigon, chúng tôi chẳng khỏi bàng hoàng suy tư. Quả là một câu chuyện hết sức linh thiêng huyền bí, làm chấn động khắp cả miền Hậu-Giang thời ấy, cho đến ngày nay cũng vẫn còn gây được xúc động trong tâm khâm những ai hoài cổ.

Chúng tôi thuật ra đây, cốt ghi lại để hến qui đọc già hiểu qua thế giới vô hình của người chết chưa tới số, hồn thiêng còn

phuờng phất ở đồi cây ngọn cỏ, khi ăn khi hiên lẩn lộn với người sống mà mắt phàm đâu dè nhận biết gì...

Câu chuyện xảy ra tại chợ Nha-Mân ngày xưa, cách nay gần 100 năm. Cô Phạm-Thị-Hiên, thứ hai tên tục gọi cô Hai Hiên, sinh quán tại chợ Nha-Mân làng Phú-Nhuận tỉnh Sa-Đéc con ông Phạm-Văn-Cần Ông Cần là người có uy tín trong vùng, nên được dân chúng trọng vọng, công cử ông làm Hương Cả. Vợ chồng ông hiếm hoi, chỉ sinh được cô là gái duy nhất nên rất trùm mền tang tiu.

Là con nhà giàu, lại là con một, như ai thì hẳn là cậy được cha mẹ thương yêu mà làm chánh, kiêu hảnh, ở ăn khắc bạo với đời. Nhưng cô Hai Hiên thì hoàn toàn thùy-mị, nhân từ. Sự hiền hậu thuận hòa của cô, khiến xa gần đều căm mến. Ai ngờ con người phúc hậu như thế mà mệnh bạc...

CÁI CHẾT CỦA CÔ HAI HIÊN

Thuở ấy, tại Nha-Mân có con rạch xuyên qua lộ số 8, chưa có bắc cầu như ngày nay. Muốn qua bên kia thì phải đi đò. Năm 18 tuổi, Cô Hai Hiên nức danh tài sắc. Biết bao nơi sang cả gấm ghé cầu duyên. Nhưng lòng cô trinh trắng, một mảy chưa nhuốm biu trán.

Hàng ngày cô ra ngồi chơi dưới mé rạch. Lòng xuân phơi phới, gió mây nhẹ nhàng thoảng đưa, cô mơ màng trầm lặng, hình dung xinh đẹp hiền hòa mường tượng như tiên nữ giáng trần. Giữa lúc cô đang miên-man trong giấc mộng xuân, xã nghe bên kia sông sông có tiếng gọi đò. Cô chợt tỉnh giấc mơ hoa, nhìn sang bờ bên kia, thấy một bà lão đang lên tiếng gọi. Nhìn

lai con đò, buộc nơi mé rạch, mà chẳng có bóng người chèo. Có lẽ người đưa đò đã bỏ đâu đó. Xem ra bà lão có vẻ hối-hã, gấp rút. Động mồi từ lâm, cô chẳng quẩn ngại gì, xuống đò quay chèo đê rước giùm khách. Chẳng may, ra tới giữa lòng rạch, bị nước chảy siết mạnh, cô lính quỳnh sút tay chèo, té nhào dưới rạch chết đuối. Khách tri hô lên, trong nhà, thân phụ cô túc tốc chạy ra, nghe chuyện mà tay chân rung rời, mắt đỏ hào quang. Thân mẫu cô than khóc ngất. Bên bờ rạch có ngôi miếu nhỏ thờ Thủ-thần đau xót gần như cuồng tâm loạn trí, thân phụ cô đập đồ ngôi miếu xuống rạch, đấm ngực kêu trời. Khi vớt cô lên, mình mẩy còn dính nhiều hơi ẩm. Gia đình không dẫn được cơn xúc động, càng khóc gào thầm thiết, trách trời phạt sao chẳng chở che cho con tôi, đê phải chết một cách lúc tưởi như thế. Khóc kèn một hồi, dòm lên thấy bức tượng Quan-Thánh Đế-quân thờ giữa nhà, ông cả, thân phụ cô nói không còn kiêng nề gì nữa, như người đã mất hết tinh-thần lý trí, vì cõi lòng quá đau thương chết lịm !

— Con tôi chết thì không thờ ông nữa !

Dứt lời, ông lột tấm tượng xuống đắp trên mình cô, rồi tần liệm luôn trong quan tài.

Ai nấy đều kinh hãi cho sự xúc phạm nặng nề đến thần thánh, nhưng không ai dám can gián gì, giữa lúc ông cả đang như người mất hồn. Và trong thâm tâm ai cũng băn-khoăn lo ngại một việc gì sẽ xảy ra,

CHÔN BA NGÀY HIỀN LỘNG THẦN THÔNG

TỪ ĐÓ ĐẾN SAU

Lúc bấy giờ, mọi người đi dự đám tang cô Hai Hiên về,

vẫn thắc thõm lo âu, chờ đợi sự phản ứng của người khuất mặt đối với gia đình ông Cả ra sao ? lành hay dữ ?

Ba hôm sau đám tang cô hai Hiên, điều quái dị bắt đầu hiện hiện : Người ta thấy Cô hiện ra ngồi trên chiếc xe ngựa (1) từ hướng Sa-Đéc về tới nhà bước xuống, cô bảo người đánh xe :

— Anh vào nói với ông thân tôi trả tiền cho. Tôi vô sau :

Anh đánh xe nào hay biết cô là Người chết hiện hồn về anh nhanh nhẹn vào thura cùng ông Cả tự sự. Ông cả giận dữ quát mắng :

— Anh ở đâu mà chẳng biết con gái tôi chết đã chôn ba ngày rày, còn đâu nữa mà ngồi xe anh' đè anh đòi tiền chó ? Bộ anh muốn đùa cợt với tôi sao ? Đi ra mau, tôi đập chết bây giờ.

Anh đánh xe ngạc hết hồn, trở ra xem sao. Đồng thời, ông Cả thấy lạ cũng sinh nghi, bước ra cửa coi thử. Lạ thay ! Ông Cả thì không thấy gì hết, Anh đánh xe thì vẫn thấy rõ ràng cô gái Nha-Mân còn đứng chống tay trên vành xe. Đã nghe ông Cả cho biết con ông đã chết, anh đánh xe tuy sợ, nhưng làm tĩnh bước tới bảo cô :

— Ông Cả nói con ông đã chết rồi, tôi làm sao đây ?

Cô là ai ? Cô đi xe tôi thì hãy trả tiền, đè tôi còn di kiềm mối.

(1) Có người nói xe kéo, nhưng thời ấy chưa có xe kéo, chỉ có những cỗ xe ngựa đè di chuyển trong Làng đó thôi, câu chuyện ngồi xe ngựa là đúng hơn còn xe kéo sau này mới có.

Cô Hai Hiên nghiêm trang :

— Anh trả vô nói với ông thân tôi, muốn biết tôi còn hay mất, hãy đốt ba cây hương trên bàn thờ, tôi bóp tắt ngay cho mà tin tôi hãy còn đây và phải trả tiền cho anh.

Anh đánh xe cực chẳng đã trả vô thuật như lời. Ông Cả càng nghi hơn nữa, đốt thử ba cây nhang cẩm trên bàn thờ để xem động tĩnh thế nào. Thật khùng khiếp ! Ba cây nhang đang cháy đỏ, bỗng tắt một lượt. Ông Cả tái mặt. Anh đánh xe cũng phát run. Tin như lời, ông Cả băng lòng trả tiền. Anh đánh xe trả ra thì cô gái Nha-Mán đã mất dạng từ bao giờ, khiến anh sợ hãi toát mồ hôi, quất ngựa chạy một mạch không dám ngó lại.

Kể từ đó Cô Hai Hiên thỉnh thoảng hiện hình đi đó đi đây, ai ai cũng thấy và đảm hoảng. Người nào không biết mà chọc ghẹo, có vật chết tức khắc.

Có lần cô qua ngã ba Vĩnh Long Cần-Thơ đi thơ thẩn một mình. Một tên lính mã tà buông lời trêu ghẹo, cô bỗng biến mất. Người lính về nhà thì nắm mè sắng, đôi mắt đỏ ngầu miệng lầm bầm :

— Tôi lở lầm, xin cô Hai xá tội, xin cô Hai tha cho tôi một phen.

Ai nấy đều hiểu ra cô Hai Hiên trưởng phạt kẻ háo sắc, bèn chỉ vẽ cho vợ con người lính may một bộ đồ mới không sờ tay đem đến nhà ông Cả nhờ xin tội cho. Vợ con người lính vâng theo. Ông Cả chấp lề vật, đem vào phòng của Cô Hai Hiên ngày trước mà nói như hồi cô còn sống :

— Thôi con, người ta lở lầm, xúc phạm, con nên dung thứ cho người. Lời van xin vừa dứt, nghe trong phòng có tiếng cười trong trèo. Ai nấy đều rờn óc.

TIẾNG ĐỒN KHẮP CẢ LỤC TỈNH.

Cô Hai Hiên chết bất đắc kỳ tử, phần còn trinh bạch, hai nửa tàn liệm có tượng Quan-Thánh nhắm giờ Thiêng nên có sự hiền linh.

Thường ngày, người nhà đều thấy có hiện hình đi từ nhà trên vô buồng, rồi ra sau vườn như thuở còn sinh tiền. Lối xóm chung quanh ai ai cũng thấy sự việc xảy ra rất đỗi thần kỳ huyền diệu.

Các thanh niên thời ấy nghe nói đến cô Hai-Hiên đều sợ trối chết. Những chàng trai trẻ ở xa không biết nên chọc ghẹo cô, bị sô sál hại không tha.

CÔ HAI QUÁ GIANG GHE BẦU RA HUẾ

Cô Hai Hiên lại thường hiền lộng đi đây đi đó, thử người này lời người kia khắp chỗ.

Một hôm, có đoàn ghe bầu từ ngoài Huế vào đậu tại Nha-Mân bán quế và thúng rồ. Khi bán hết, đoàn ghe nhỏ neo về xứ. Xãy có một cô gái đến hỏi xin quá giang ra Huế. Trong số đoàn ghe, chỉ có một chiếc băng lòng cho cô gái ấy quá giang, hẹn nước ròng sẽ lui ghe. Tới giờ nhỏ neo, chiếc ghe ấy chờ mãi không thấy cô đến, buộc lòng tách bến cho thuận con nước.

Đoàn ghe đi được mấy ngày trời, khi ra biển gặp sóng to gió lớn, các ghe kia đều chìm. Duy chiếc ghe mà cô gái Nha-Mân hỏi xin quá giang được nhận lời hãy còn chống trả được với sóng gió phần nào. Giữa lúc ngửa nghiêng nguy hiểm đến nỗi, bỗng thấy cô gái xuất hiện đứng trên cột bùồm nói với chủ ghe :

— Các anh cứ coi theo ngón tay tôi đây mà bẽ lái vô tới bờ sẽ được bình yên.

Mọi người trên ghe đều run sợ. Nhìn kỹ, ai nấy đều ngạc nhiên hơn nữa, reo to :

— Ủa, cô gái Nha-Mân đây mà.

Đúng là cô Hai-Hiên, cô gái đã hỏi xin quá giang đoàn ghe bầu tại bến Nha-Mân bữa trước. Ghe vô tới bến được bình yên. Xem lại, cô gái trên cột bùồm đã biến dạng.

Khi về tới Huế, chiếc ghe bầu ấy cất hàng lên. Ba, bốn tháng sau ghe sửa soạn vào Nam để buôn bán như trước. Lúc ấy cô Hai-Hiên lại xuất hiện lần nữa. Kỳ này cô gởi cho chủ ghe một cây Quế con và một nhánh bưởi Thanh-Trà, cẩn dặn chủ ghe cỏ vào Sa-Đéc, ghe Nha-Mân thì trao giùm hai cây ấy cho ông thân cô trồng trước nhà.

Người chủ ghe bầu đã biết sự linh thiêng của cô gái Nha-Mân ấy, nên vâng dạ làm y theo lời. Thân phụ cô tiếp nhận hai vật của con từ Huế gởi cho ghe bầu đem vào càng thêm sững sốt, không dè con mình quá hiền linh, lần lộn ở trần gian làm nhiều việc phi thường không tưởng được.

Cây Quế và cây bưởi Thanh-Trà đem trồng, cành lá sum-xuê khắp vùng nghe đồn đến xem nô nức.

Năm 1946, Quân-đội Pháp trở lại miền Nam, đến đóng đồn tại Nha-Mân. Cây Quế bị đốn để là đồn trên cuộc đất của cô. Còn cây Thanh-Trà đã chết từ lâu.

Ngôi mộ cô Hai-Hiên cũng còn ở Nha-Mân.

CÔ HAI HIÊN ĐI TU Ở THẤT SƠN

Một thời gian qua... trải mấy mươi năm, Cô Hai-Hiên đã đi khắp nơi hiền lộng thần bí, khiến ai ai cũng sợ. Đến sau, nghe cô về nhập xác một người ở Vĩnh-Long, cho biết rằng cô đã đi tu.

Chính ngôi nhà ngôi của thân phụ tôi tại Chợ Nha-Mân, sau này người cô ruột của cô có chồng người Pháp, ăn xài lớn nên sa sút, kêu bán lại, không ai dám mua vì sợ oai linh của cô. Bấy giờ, có một ông Bái ở làng Tân-Xuân muốn mua đem về cất định, nhưng cũng sợ, dần dà chưa quyết định. Bỗng thấy cô nhập về cho một người lối xóm mà nói: Nếu mua mà cất Đình thì cô đồng ý, nhưng phải thờ bái vị cô cạnh bên, cô mới cho Hương chúc nhóm nhau bàn tính, thỏa thuận mua ngôi nhà ấy về cất định Tân-Xuân. Ngôi đình này xây cất một thời gian khá lâu trên mấy mươi năm, kể phong trào kháng pháp nồi lên trên đất nước, ngôi đình sập đổ trong cuộc chiến loạn, còn tro nền đất trống.

TÁI THIẾT NGÔI ĐÌNH VÀ CHÙA THỜ CÔ HAI

Năm 1958, Hương chúc xã Tân-Xuân đứng ra xây cất ngôi đình thờ thần và đồng thời dựng lên một kiềng chùa thờ Phật nơi cuộc đất này.

Năm 1964, ông Nguyễn-Văn-Đầu làm việc tại Tòa hành Chánh Tỉnh Sa-Đéc, hiệp với hương chức làng và đồng bào địa phương đứng ra cất thêm một cái miếu chính giữa thờ cô Haj, trong cuộc đốt đinh và chùa, gồm ba ngôi tọa lạc tại xã Tân-Xuân ngày nay. Có ông Từ coi giữ, hương hoa thờ phụng thành kính. Mỗi năm có lệ cúng nhỏ, ba năm đáo lệ một lần có hát bội, dân chúng tụ họp đông đảo.

Sự hiền linh của cô Hai Hiên, người người đều biết và kiêng nề. Từ khi cô nhập đồng cho biết rằng cô đã lên tu ở Thất-Sơn, sự anh linh hiêm hách của cô càng tỏ rõ. Có điều vì đi tu, ngộ đạo mầu, lòng từ thầm đượm, trí huệ viên minh, bồ đề tam lăng trưởng, nên sự hiền linh của cô không phải dễ lộn thông làm người đời khiếp sợ, mà bấy giờ cô chuyên chú ở sự độ đời, cứu người hiền đức làm nạn, hoặc giúp đỡ kẻ thế cõi thoát qua tai ách. Do đó, đồng bào dân chúng càng đem dạ tôn sùng thờ phụng Cô và kiêng nề oai linh của cô như thuở nào.

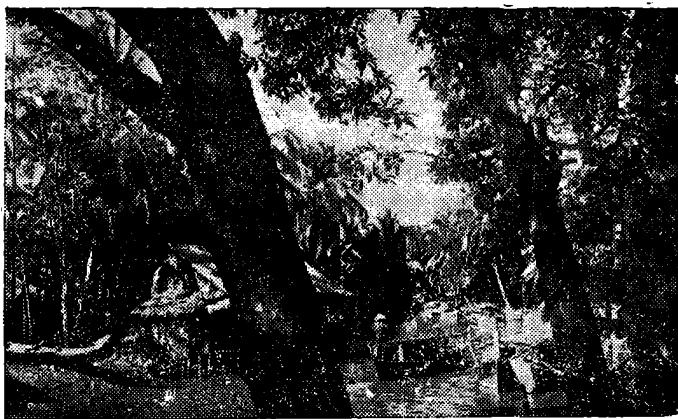
Chúng tôi thuật chuyện cô Hai Hiên, gái Nha-Mân, giữa thời buỗi khoa học cực thạnh nầy, hẳn người đời ngạc-nghê chò là thần thánh hóa, làm gì có chuyện huyền bí, linh thiêng dường ấy? Chúng tôi đã thuật theo lời các vị bô lão tại Sa-Đéc, nhất là người trong gia tộc của cô Hai, không thêm không bớt để mọi người suy nghiệm lẻ huyền vi.

Thiết tưởng từ xưa tới nay, nước nào cũng đều có những chuyện kỳ bí, linh thiêng xảy ra, mà khoa học cũng phải khoanh tay không giải thích nổi.

Chuyện cô Hai Hiên là sự thật trăm phần trăm, đồng bào ở các tỉnh miền Hậu-Giang đều xác nhận hiền nhiên như thế,

SỰ TÍCH LÀNG BÌNH TIÊN VÀ CẦU RẠCH GỒ ĐỀN

Bất cứ một địa danh nào, cái tên của một vùng, một làng, một con sông hay một cây cầu, ngọn rạch nào, luôn luôn cũng đều phải có ý nghĩa gì đó. Về những địa danh xưa, lầm điều đã truy nguyên ra do vì đâu mà đặt tên ra như thế ; và cũng còn nhiều địa danh khó mà biết tại sao ?



Còn Rạch Gồ-Đền xã Bình Tiên ngày nay

Tại Sa-Đéc, làng Bình - Tiên và cây cầu Rạch Gồ-Đền. chúng tôi được nghe qua giả thuyết dưới đây khá ly kỳ. Câu chuyện truyền kỳ, cố nhiên không đủ lấy gì làm xác thật để tin được. Nhưng câu chuyện, dù là chuyện thêu dệt, vẫn có vẽ thích thú như sau :

Tương truyền : theo giả thuyết của những vị bô lão cao niên thuật lại, hồi xưa Bình-Tiên và Tân-Phú-Trung chỉ

gồm lại có một làng. Ngày kia, trong làng có cuộc cúng tế, xảy ra việc xích mích giữa những vị chức sắc trong làng. Đã không còn hòa thuận với nhau, dân làng sinh ra chia rẽ, bài bác lẫn nhau. Các vị có uy tín trong làng cố sức hòa giải nhiều lần mà không xong, kết quả đưa đến sự cắt hai vùng đất làng, mỗi bên đổi nghịch lập riêng một làng. Nhóm người ở về khu vực phân chia mà nay gọi là làng Bình-Tiên, thuở ấy chưa biết đặt tên là làng gì cho phải. Một mặt dân làng chia nhau đi mua hai bè gỗ về cất định, một mặt họp nhau bàn tinh dặt tên làng. Giữa lúc còn phân vân, còn đang lảng xǎn lo xây cất định, bỗng xảy ra một chuyện thần kỳ quái đản. Nguyên dân làng mua được hai bè gỗ, từ sông lớn thả về, đem cột kế vàm đó, dự định chọn ngày kéo lên khởi công xây cất ngôi đình thần.

Bỗng một đêm, có người câu tôm, dưới ánh trăng trong vắng vặc chợt thấy một con ba-ba nồi lên, lội vòng quanh một lúc rồi lặn biển. Độ mười phút sau, giữa thịnh không, lại thấy xuất hiện bốn vị có tiên phong đạo cốt, trãi chiếu trên mặt nước xoáy mà ngồi đánh cờ. Phong quang chỉ khác cảnh non Bồng, Bát Tiên quá hải.

Vừa kinh ngạc run sợ nhưng cũng vừa thích thú mê say hoạt cảnh dị-thường ngàn năm một thuở chưa dễ thấy, người câu tôm cõi nép mình dưới con thuyền ẩn dạng bên bờ lau sậy, cõi giương to đôi mắt xem sự lạ diễn biến ra sao.

Bất ngờ, vì cơn ho kéo đến thình linh, người câu tôm phát lộ sự có mặt của một kẻ phàm tục như hắn. Bốn vị Tiên Ông vừa kịp phát giác có kẻ lạ mặt trong đêm vắng trước cảnh trời nước bao la huyền-hoặc, liền có vẽ giận-dỗi, biến mất.

Không dấu kín được những chuyện thầm kín mà mình vừa được mục kích, rạng ngày người câu tôm đem chuyện nói truyền ra. Tiếng đồn lan ra khắp nơi.

Việc thấu tai các vị chức sắc trong làng. Nghe chuyện hay hay ý vị, mặc dù không rõ hư thực thế nào, vẫn lại cũng không cần tra gạn tên câu tôm xem có phải hắn đặt điều nói khoát hay không, một vị chức sắc cao niên hỏi ý, cả cười, bảo cùng các bạn :

— Được rồi. Tôi vừa nghĩ ra một cái tên hay hay để đặt tên làng mới của chúng ta.

Người khác sốt sắng hỏi.

— Đặt tên gì ?

Vị chức sắc vừa cười vừa nói :

— Có lẽ tên câu tôm phía chuyện đấy. Nhưng cần gì tra gạn hắn làm chi. Đây này, cũng nhờ câu chuyện ý vị ấy, tôi nghĩ ra rồi. Tên câu tôm nói thấy tiên hiện ra phải không ?. Ủ, rồi sao nữa ? Bạn ta đang lo việc lập làng, kiểm tên mà đặt. Nay nhân sự là ấy, tôi định đặt tên là làng Bình-Tiên. Các ông có đồng ý không ?

Trong nhao nhao lên hỏi :

— Bình-Tiên nghe cũng hay hay. Nhưng ý nghĩa ra sao ?

Vị chức sắc cười nói :

Binh nghĩa là *bằng*; *Tiên* nghĩa là có Tiên hiện ra nơi vùng đất trên sông làng minh, tức là điểm tốt. Ấy là điểm Trời cho biết, muốn cho dân chúng trong làng xã ta được sự sung sướng «*Bằng-Tiên*» tức Bình-Tiên đó vây.

Ai nấy nhao nhao lên bật cười :

Hay ! Hay ! Thú vị lắm. Hoan hô.

Thế là từ ấy, làng mới mang tên là Bình-Tiên cho đến ngày nay.

xXx

Thời gian sau, lại có thêm sự lạ nữa xảy ra : Sau vụ tên cát tôm phát giác có tiên hiện trên sông, được mấy hôm bồng trong làng xôn xao vì có một người đàn bà ngồi trên xuồng đi đâu không rõ mà mất tích. Gia đình người đàn bà đồ xô đi tìm, độ chừng là đã gặp tai nạn chìm thuyền chết đuối. Dân chúng thì bán tín bán nghi, chờ xem có sự gì đây.

Không đầy ba ngày, thiên hạ đồn vang :

— Bà già mất tích trở về kia kia.

— Đâu ? Có chuyện gì không ?

Lạ lắm ! Bà ta ngồi xuồng trở về thỉnh linh, không về nhà ngay cho con cháu mừng, lại xăm xăm đi ngay vào cái miếu đối diện với con rạch làng, đạp đồng lên mà la hét vang rân.

Câu chuyện quả đã đến hồi gay cấn. Mọi người tụ họp đến nghe có vẻ háo kỳ. Nhất là mấy người đàn bà thì được dịp tha hồ bô bô :

— Rồi sao ? Rồi sao ? Cái gì mà ghê quá vậy ?

Một người thạo chuyện thuật lại :

— Bà ta đạp đồng lên nói : Con ba-ba hôm trước nồi lên, mà thắng Sáu câu tôm trong thấy đó, nay đã bị giết rồi.

— Trời đất ? Ai giết ? Có thật sao ?

Các người khác xen vào :

— Nín đi mấy tia non, nói lăng xăng mãi, ai mà thuật cho được. Sao nữa ?

— Đó là con ba ba thần ở dưới thủy cung, được lệnh trời lên mặt nước để dọ tình hình gì đó. Nó làm không tròn sứ mạng, nên bị chặt đầu phạt tội. Dưới thủy cung đang cần vật liệu xây cất, ít hôm nữa thì sẽ cho người lấy hết hai bè gỗ của làng mình đa !

Mọi người nghe nói, sững sốt nhìn nhau. Có ai tin được câu chuyện quái gở ấy không ? Thật là quá sức tưởng tượng. Ai nấy đều cười bỏ qua. Nhưng sau đó ít ngày, quả thật hai bè gỗ trời đã mất.

Cả làng lại một phen xôn xao náo động. Phản động thiên hạ lại xầm xì bàn tán :

— Chắc dưới long cung cho binh tôm tướng cá lên lấy thật rồi đó.

Các chức sắc trong làng suất dân đi tìm kiếm khắp nơi, dọ hỏi không ra manh mối, tức giận không cùng. Một mươi ngờ, boang mang không biết liệu sao ? Bỗng có người đập đồng lên ứng tiếng.

— Hai bè gỗ đã chìm xuống thủy cung. Nay chư vị dưới đó đến cho dân làng một miếng giâm quý báu, tượng trưng vàng ròng thiêng liêng. Giữ lấy miếng giâm ấy, trong làng sẽ hưng vượng phát đạt, tha hồ mua bè gỗ khác mà cất đình thần.

Rồi theo sự chỉ dẫn của người lên đồng, dân làng lấy được một miếng giâm kỳ lạ. Không đầy mấy ngày sau, từ lúc trong làng giữ miếng giâm ấy, tất cả mọi người đều làm ăn khá giả. Họ bèn hiệp nhau chung đậu tiền bạc mua bè gỗ khác mà làm đình thần, cúng tạ ơn thần linh, trời phạt gia hộ.

Nhân câu chuyện quái đắn mất bè gỗ, được dền miếng giâm quý như vàng, người ta mới đặt tên cho con rạch ấy là Rạch «Gỗ-Dền», lấy ý mất mẩy bè Gỗ, Dền lại mảng vàng.

Ngày nay các bô lão địa phương thường kể lại cho con cháu nghe một huyền thoại xẩy ra trên làng mạc của mình, đã in vào tri óc của người dân xã Bình-Tiên vậy.



CHỢ TRƯỜNG ÁN

NGHÌN THU GHI NÉT OÁN

Ngày xưa Pháp đến chiếm nước ta, khi đánh lấy Tỉnh Sa-Đéc lập khu hành chánh mé bên kia cầu sắt làng Tân-Qui-Đông, có dinh tham biện (như Tỉnh trưởng ngày nay) Tòa bồ, Tòa án, Sở Quan-thuế v.v... và đồng thời có lập một cái chợ kêu là Chợ Trường-Án,

Tên chợ nghe qua đã bắt giựt mình, lấy làm lạ lùng sao lại mang tên nghe thiêu thiện cảm thế, hẳn nhiên chẳng phải là nơi họp chợ bán buôn rồi. Thì ra nó vẫn là một cái Chợ, theo đúng nghĩa là nơi tập hợp đồng người. Nhưng tập hợp đây là tập hợp để xem xử tội nhân, kết liều mạng người như cỏ rác !

Vâng, những kẻ đi cướp nước, việc đầu tiên bao giờ cũng là dùng bạo lực đàn áp, rồi dùng oai quyền khủng bố, đe cùng cỗ chế độ, đe dọa dọa đoạt lấy chủ quyền. Cho nên khi Pháp đã chiếm nước ta, nơi đâu cũng đều có thiết lập những bãi pháp trường. Mà chợ Trường-Án ở Tân-Qui-Đông Sa-Béc đây là một điển hình.

Chợ Trường Án này nằm về phía trên Tòa bồ xưa một khoảng đường ngắn. Mỗi lần, trong tỉnh có bắt những tội phạm quắc sự, không cần kêu án, đem ngay ra chợ Trường Án xử chém, hoặc xử bắn.

Đầu rơi máu đồ chan hòa. Oán khí chất chồng, tự nhiên âm khi nặng nề, lâu ngày phải có những điều ma quái. Cho nên, thỉnh thoảng nơi vùng chợ Trường Án, đêm vắng canh

khuya, người quanh vùng vẫn phải thường rờn óc với những kêu than, mà hòn quỉ khóc. Oan hồn yêu tử về khuấy phá những người lối xóm một cách táo bạo. Có lần chợ đang nhộm, bồng nhiên có người nhảy lên xưng tên là một tử tù oan nghiệt, lớn tiếng mạt sát thực dân, gieo đầy tang tóc trên đất nước và bảo :

— Lủ chúng bây phải kíp mau dẹp cái chợ này đi, trã vùng đất yên lành xưa cho đồng bào ta sinh hoạt kiếm tạo non sông. Nếu cứ làm ác mãi, Trời giận, thần hờn, một ngày khác cơ biến chuyễn, lủ xâm lăng khó thoát vòng quả báo.

Cố nhiên bè lũ thực dân chẳng nao núng gì, mặt lấp tai ngo cảng khùng bỗ hơn đê bóp nghẹn tiếng than tiếng khóc của dân lành.

Nhưng âm thịnh dương suy, oán khí càng lúc càng nhiều quả thật các vong hồn oan ức ra tay khuấy động mãi. Rốt lại, các quan người Pháp đành phải nghe theo một số người Việt phụ-tá khuyên bảo, mà dẹp bỏ cái chợ quái ác ấy.

Ngày nay, nhắc đến câu chuyện chợ Trường An đầu rơi máu đỗ đã từng xảy ra các điều khủng khiếp ma quái kề trên, ai cũng ngăm ngùi. Ấy là một chứng tích nói lên sự ác tâm của người cai trị dân ta chỉ bằng cách chém giết, dọa nạt, dùng bạo lực mà trồng ách đò hộ, ngoài ra không chút nhân đạo thương người. Mà cũng lấm kẽ da vàng chạy theo chúng mãi quắc cầu vinh, tiếp tay đắc lực đê sát hại đồng bào.

Ngày trước, chí sĩ Mai-Sơn Nguyễn-Thượng-Hiền căm vịnh về viên tướng Tàu Mã-Viện, đời Đông Hán đã đàn áp hai Bà

Trưng, cướp lấy nước ta, cụ phản uất đề thơ ; có hai câu tuyệt diệu :

« Ai đó chép công, ta chép oán,

« Công riêng ai đó oán ta chung.

Đem hai câu này ngâm lên, càng nhắc đến chợ Trường Án, càng thấm thía nǎo nùng. Người địa phương Sa-Đéc mỗi lần nghe nhắc đến chợ Trường Án xưa kia, dường như căm tướng không tốt đẹp và còn oán ghét hận thù những kẻ xâm lăng và bè lũ.



GIAI THOẠI

ÔNG THỢ ĐỨC MỘT DANH SƯ LỒ BAN KHÉT TIẾNG

Bùa lồ ban có thật hay không? hiệu nghiệm thế nào? không ai là không nghe nói đến mọi hình thức đáng lấy làm kinh ngạc. Đặc biệt trong giới thợ mộc, thợ xây cất nhà cửa, luôn luôn thường bị gia chủ nghi ngờ là biết ẽm bùa lồ ban. Mà quả thật, có lắm danh sư lồ ban xuất thân từ trong giới thợ mộc, tài nghệ cao cường khiến mọi người thán phục. Ông thợ Đức ở Sa-déc khi xưa mà chúng tôi thuật chuyện dưới đây, là trường hợp điển hình.

Mấy mươi năm trước, Sa-Déc có người thợ mộc tên Đức, tài nghề khéo léo ngang với pháp thuật lồ ban xuất sắc. Đồng bào Sa-déc hầu hết đều mến phục tài khéo của ông, đồng thời cũng rất ngán về bùa phép xuất quỷ nhập thần có một không hai của của ông. Có điều, ông dùng bùa lồ ban làm nhiều việc lạ thường khiến cho người ngán sợ, và đôi khi ông cũng giở những trò phá phách làm cho người ta ghê tởm, chớ sự thật ông cũng không hại ai, giúp đời rất nhiều. Nay ông mất đã lâu mà tiếng tăm ở Sa-déc hãy còn nhắc đến.

Ông thợ Đức, lúc thiếu thời tướng người khỏe mạnh, khá về chữ nho. Ông thường mặc áo vạt mỏ, đầu thường hay bịt khăn đầu riu rỉ. Nghe nói thuở trẻ ông có qua Tàu, giang hồ trôi nổi một thời gian, được vị danh sư lồ ban nào đó truyền thợ pháp thuật cho. Khi về, ông đem sở học ra áp dụng, làm nhiều việc linh thiêng, ai ai cũng, đều khâm phục, kiêng nè.

Có lăng, đình Hòa-an, ở quận Cao-lãnh, cạnh bên có một cây da rất lớn ngả ngọn gie tàn trên nóc đình : Hương chức hội tè trong làng ấy này không yên, lùm cách triệt hạ ngọn da gie tàn ấy đi. Ngặt không ai dám lãnh việc đốn phá, vì thuở ấy dân làng hãy còn lầm người mang nặng thành-kien rằng ngọn Da lâu năm có thần thánh ngự trị oai linh, xúc phạm đến e không khỏi làm họa hoạn hiềm nghèo. Bởi thế, không ai chịu ra tay đốn phá. Nhưng sực nhớ tới ông thợ Đức tài quái dị,ắt có thể làm cách lợ sao cho ngọn da vẹt khỏi nóc đình. Quí vị hương chức bèn mời ông thợ Đức đến. hỏi ý kiến xem phải làm thế nào ?

Ông thợ Đức đến quan sát sân đình, nhìn ngắm ngọn da giày lâu, khẽ gật đầu nói :

— Được, tôi sẽ giúp cho an toàn.

Rồi ông bảo hương chức lập bàn hương án trước sân. Khỏi hương nghi ngút, trong bầu không khí huyền ảo tôn nghiêm, ông họa phù tróc quỉ hò thẫn, lầm thầm niệm chú. Vẽ xong lá bùa, ông đem dán trên cây da, ung dung cười nói

— Chư quí vị yên lòng. Mạnh lực huyền bí hiền linh, sẽ giúp chúng ta toại nguyện trong đêm nay.

Quả nhiên, nửa đêm hôm đó, trời đang phảng lặng bỗng nỗi luồng động to, xoáy tròn như con trống, bẽ gãy nhánh da gie tàn ấy lìa khỏi nóc đình, mầu nhiệm hiền nhiên như có bàn tay vô hình nào trong cõi hư linh ra oai thẫn giúp nhân dân thỏa nguyện cầu. Danh tiếng ông thợ Đức từ đó càng tăng cao, ai cũng ngưỡng mộ, xem con người ông như một dị nhân. Bao nhiêu huyền thoại thêu dệt khoác cho ông càng ngày càng nhiều xa gần đồn dài tiếng tăm.

Còn một chuyện nữa, ngày xưa tại vịnh Tòng-sơn có ba mũi nước từ Phong-mỹ và Cái-tàu Thượng đồ lên, tốc độ hung hăn đáng ngại. Ghe tàu đi ngang qua khó tránh tai nạn, bị nước xoáy nhặt chìm : Thiên hạ xôn xao, cho rằng tại vùng đó có con tinh xuất hiện khuấy phá, nhiều hại dân lành. Người ta lại nghỉ ngay đến ông thợ Đức, cậy ông xem xét trấn áp giùm xem sao.

Ông nhận lời. Nhìn qua địa hình địa vật chỗ ấy, ông liền niệm chú vô bùa trong một tấm thảm, trấn ếm điều tai quái đang hoành hành. Không bao lâu, chỗ vùng nước xoáy ấy trở nên yên tĩnh. Đồng bào quanh đó càng đồn vang rằng ông thợ Đức đã trực con tinh diệt. Người ta càng thêm trọng tài năng huyền diệu của ông.

Việc làm của ông thợ Đức gây lầm tiếng vang khắp nơi. Nhưng ông cũng có những tánh nghịch ngợm hay phá chơi, mà sự thật không hại ai cả. Người nào bị ông thư phù niệm chú khuấy phá, biết ông giốn chơi dè đe dọa răn trị, đến nǎn nỉ ông thì hết :

Có lần, gánh hát bội đến hát cúng đình, đào kép sửa soạn trong buồng, ông lén vô hậu tố lúc nào không hay. Rồi chẳng biết ông đã làm gì, mà khi đào kép ra sân khấu, múa giáo quo gươm, đứng sừng mở miệng không ra tiếng. Ai nấy kinh ngạc. Giữa lúc xôn xao, có người hô lên tiếng hỏi :

— Vụ nàyắt có bàn tay của ông thợ Đức rồi. Hồi sớm tời giờ, bà con có ai thấy ông già nào bịt khăn đỏ vô buồng hát không ?

Nhiều người sực nhớ ra, nhao nhao nói :

— Quả thật có ông già bịt khăn đỏ lảng vảng trong buồng trò, nhưng không biết ông đã làm gì.

Ông Bái cười xòa, mười phần đã chắc ông là Đức phả chơi, hối dân làng mau mau chạy đi tìm ông là Đức mà hỏi ông có phá gánh hát bội không, tại sao đào kép ra sân khấu lại không hát được? Ông thản nhiên bảo :

— Tôi có phá gì đâu. Thôi về cứ hát đi.

Người trả về phi báo, nói như lời ông đã bảo. Tự nhiên đào kép hoạt động trở lại bình thường.

Một ngày kia, ông đi ngang qua cổng làng. Thấy hai người thợ cưa có dáng khinh khỉnh với ông, khiến ông có ý phật lòng. Ông đi khỏi rồi, hai người thợ cưa hì hục mãi mà cưa chẳng được gì, càng lúc càng linh quynh như kẻ mất魂. Hỏi ra biết chuyện, lối xóm chạy kiếm ông là Đức mà xin lỗi, nhờ ông xá phép giúp. Ông vẫn cười nói :

— Tôi có làm gì đâu. Cứ về cưa đi.

Lời ông đã thốt, tự nhiên hai người thợ cưa hoạt động lại được. Người ta càng tin chắc ông là Đức có mảnh lực thần bí.

Lại có lần, ghe cá ở xa đến đậu bến chợ Sa-dec. Ông xuống ghe mua cá. Người chủ ghe thấy ăn mặc lôi thôi, thì khinh rẻ. Ông hỏi mua cá đem lên rồi trả giỗ trả tiền luôn. Lái cá khoác tay, không bán. Ông cười khà :

Qui hóa lầm. Tốt ! Tốt ! Không bán thì thôi.

Ông bỏ lên bờ, về nhà. Bấy giờ dưới ghe cá, xảy ra chuyện rắc rối : Cá đầu trên chạy dồn xuống đầu dưới xáo trộn, nhảy

lung tung. Thấy cá bồng nhiên bị động, chủ ghe đỗ nước trấn áp. Nhưng càng đỗ nước nhiều chừng nào, đàn cá càng quay mạnh đập phá lung tung chừng nấy. Thiên hạ trên bờ xúm lại xem, chỉ chờ cười vang rân. Ai cũng xầm xì :

— Thôi chết rồi. Gặp tay ông già bịt khăn đỗ rồi da.

Chủ ghe nghe được, hoảng hốt nói :

— Ông già bịt khăn đỗ ! Hồi nãy có ông già bịt khăn đỗ, trạc lối 50 tuổi, xuống đây mua cá, tôi làm mặt giận không bán,

Bạn hàng thương hại bảo cho chủ ghe biết :

— Chú ở xa đến nên không rõ, nhè trêu vào tay tôi bùa lõ ban rồi đó. Mau đi kiểm năn nỉ, kéo bầy cá nhảy hết xuống sông thì sạt nghiệp.

Tình thế quá găng. Không dám chần chờ gì nữa. Chủ ghe cá nhờ bạn hàng hướng dẫn đến nhà ông thợ Đức mà xin lỗi. Ông cười nói như mấy lần trước.

— Tôi có làm gì đâu. Cứ về tưới thêm chút nước thì hết.

Chủ ghe cá làm y theo lời. Cá hết nhảy.

Những chuyện lạ thường do ông thợ Đức làm ra, đến nay các vị bô lão ở Sa-dec hãy còn nhắc lại. Nhưng có điều, ông vẫn nghèo. Hắn cũng vì luật nhân quả của trời đất. Trong đời ông đã làm những chuyện kinh thiên động địa, đòi khi chẳng khôi thất đức. Chẳng hạn như cái nhà nào ông lãnh làm chủ nhà đối xử không tử tế, ông ếm một cái thì suốt đời ở không được, chủ nhà thường gặp họa hoạn. Bởi không bình tâm nhẫn khí, thiếu độ lượng bao dung, hay giận hay hờn, cậy phép linh

thiêng mà hiền lộng, cho nên cái nghèo của ông, âu cũng là chuyện quả báo.

Tuy nhiên, ông thợ Đức ở Sa-dec thật là danh sư lỗ ban khét tiếng, có một không hai.

Chúng tôi sở dĩ nhắc đến chuyện ông, cũng như đã từng nhắc chuyện Ông Thầy Trung thả nón qua sông ở Cần-thơ xưa kia, cốt ý ghi dấu tích còn truyền làm giai thoại. Và dè dựa vào đó, rút lấy nhận xét :

Có tài phải có đức. Tài cao đức trọng, ắt có thể đạt đến quả vị thánh thần. Có tài mà thất đức, hay đem tài hiền lộng với đời chơi, ấy là những chuyện làm không chánh đáng, tự nhiên tồn hại đến âm đức, ắt không khỏi vương điều quả báo.

Trong kiếp nhân sinh, dày công tu luyện mà đạt được thành quả nào, ta nên cảm ơn trên đã giúp cho thần trí ta thông tuệ, nhưng tuyệt đối không nên cậy có huyền linh mà làm chuyện hí lộng, trộn đời bầu bạc để trả quả đã đành, mà rồi cũng uổng công tu luyện. Tròn nhơn đạo, thì Tiên đạo Phật-đạo mới tu chứng kết thành quả vị viên mãn được.



CỤ LUU - VĂN - LANG

VỚI NHỮNG ĐIỀU TIỀN ĐOÁN THẦN TỈNH ĐƯỢC CÁC KỶ SƯ PHÁP KÍNH PHỤC

Đến ngày nay, không một nhà trí thức nào ở miền Nam Việt-Nam mà chẳng biết tiếng cụ Lưu-Văn-Lang. Vì Bác-Vật đầu tiên của Việt-Nam nói chung, Sa-Đéc nói riêng. Về Tiêu sử cụ Lưu-Văn-Lang, chúng tôi đã nêu rõ ở phần danh nhân Sa-Đéc và nhân vật cận đại. Nơi đây, xin kê thêm một vài câu chuyện về cuộc đời cụ Lang.

Người Pháp bên trong tuy kính phục tài học của cụ Lưu-Văn Lang, nhưng bề ngoài muôn yêm tài, có ý coi rẻ giá trị người Việt. Có lần Kỷ-Sư Pháp bắt một cây cầu ở miệt Khánh Hội xong, xe chạy rung rinh, sửa cách này cách nọ cũng không hết, buộc lòng phải mời ông đến xem sao.

Lúc ấy giờ, Bác-vật Lưu-Văn-Lang mới đến quan sát Xem xét xong, ông mới đứng trông nom cho các nhân viên kỹ thuật làm thêm những cây kiềng tréo trên cầu, để treo cây cầu lên giữ cho được thẳng bằng. Quả nhiên, các nhân viên công chánh ráp thêm kiềng bên trên xong thì cây cầu rất vững. Xe lớn từ đó về sau chạy hết rung rinh, làm cho người Pháp hết sức kinh phục và không dám yêm tài cụ nữa.

Lại có lần, Kỷ-sư Pháp bắt cây cầu An-Hữu, ít lâu, chân móng cứ sụp hoài. Mời Bác-vật Lang đến xem và sửa lại, từ đó về sau không hề sụp lún. Người ta tặng ông là

vị thánh sống. Ông dò cây cầu nào, ông đoán trước sẽ chịu đựng đến thời gian nào đó thôi rồi sẽ bị gãy, hay sụp quả thật, lời cụ nói đâu có đó.

MŨI CẦN GIÓ SẼ BỊ SỤP LỞ LO 10 NĂM SAU

Một khi kia, cụ về thăm quê nhà ở Sa-Đéc, qua Tân-Qui-Đông, ra mũi Cần-Gió, chỗ bến tàu Lục-Tỉnh ngày xưa. Cụ xem qua địa thế giây lâu, tuyên bố chỗ này không nên xây cất dinh thự gì, bởi cầu tàu này sẽ sụp mất và còn sụp vô sâu đồi ba chục công đất nữa.

Không ai tỏ vẽ gì tin lời cụ nói, trái lại còn có ý cười vì cụ nói quá đáng. Vùng ấy chưa hề có triệu chứng gì là đứt sụp, thì lấy đâu mà tin được lời ông chờ ?

Nhưng đúng 10 năm sau, quả nhiên bị sóng nước xói mòn lăn, đánh sụp mất cầu tàu và vô sâu trên mấy chục công đất, vường tược tiêu hết. Lời cụ tiên đoán quả đã ứng nghiệm không sai.

Cây cầu sắt bắt ngang sông qua Tòa bồ Sa-đéc ngày xưa, cụ xem cầu này yếu lắm, bảo phải làm móng lại và làm thêm cây cầu ngang Rạch Cái-Sơn cho xe chạy vòng mới có thể chịu đựng lâu được sau, đó cụ phái nhân viên sở Công Chánh đến sửa ngay hai bên móng để giữ được cây cầu đến ngày nay. Và còn biết bao công việc xảy ra do vị Bác-vật đầu tiên của Việt-Nam, đã tiên đoán. Nay cụ đã ra người thiên cổ, người đời vẫn còn ca ngợi cụ quā là bậc nhân tài của xứ sở.

Đồng bào Sa-Đéc và vùng Thất Sơn Châu-Đốc, lại còn truyền tụng một huyền thoại về Cụ Bác-vật Lang kè cõng thám thâm như sau :

Vùng Thất Sơn ở Châu-Đốc nổi tiếng là nhiệm màu, có nhiều hang sâu, động thâm ít người dám bước xuống. Thế mà có lần, cách nay trên 50 năm, cụ Bác-vật Lang đi quan sát tìm kiếm mỏ ở vùng núi này. Nghe đâu cụ có xuống một cái hang ở núi Cẩm. Cụ đi cả nửa ngày rồi trở lên, đường như cụ có đôi cử chỉ khác thường và không hề tiết lộ một sự việc gì dưới hang cho người đời biết cả.

Câu chuyện Bác-Vật Lang thám địa huyệt ấy vẫn được nhắc nhở, và vẫn bao trùm màn kỳ bí.

Theo các kinh giảng của Giáo phái Bửu-Sơn Kỳ-Hương, trong quyển « Long-Hoa Đại-Hội » của Ông Vương Kim, quyển « Thất-Sơn Mầu-Nhiệm » của Giáo-sư Nguyễn-Văn-Hầu, có mô tả hình thức những cái hang ở vùng núi Cẩm, nhưng chờ yếu tố thời gian sẽ thấy.

Các nhà tu hành chân chính, hằng mong một ngày thương ngươn thánh đức sẽ phát hiện trên thế gian này.

Những chuyện linh thiêng huyền bí ở vùng Thất-Sơn xuất hiện, chứng ấy sẽ chứng minh phần nào chuyện cụ Lang thám địa huyệt đầy bí mật.



CHÁNH TÍCH TỐT CỦA BẬC CHĂN DÂN

CÂU CHUYỆN ÔNG ĐỐC PHỦ TRẦN - VĂN - CHI VỚI DÂN CHÚNG SA-GIANG

Đồng bào ở đất Sa-Giang chắc còn nhớ, cách nay trên 50 mươi năm, Tỉnh này có một vị Đốc-Sứ tên Trần-Văn-Chi đến trấn nhậm Quận Châu-Thành. Ông là người có nhiệt tâm lo lắng xã-hội với tinh thần phục vụ thẳng ngay, không bao giờ dùng quyền lực của mình mà vơ-vét của ai cả.

Làng xã cậy thế cậy quyền làm khó dễ dân chúng, ông hay được thì gọi đến, cắt nghĩa, dạy sửa đổi lại. Ông thường nói :

— Người dân đã nghèo khổ, đốt nát thất học, lại bị chế độ ép buộc, suru cao thuế nặng đủ điều đàn áp và hành hạ người Việt mình một cách nhẫn tâm, mà các ông không thấy lương tâm xót xa sao ? Lại còn xu hướng thêm tác oai tác quái với dân chúng, không để cho người dân ngóc đầu lên được, thử hỏi các ông có lấy thế làm nhục nhã hay không ?

Rồi ông dịu giọng lại, ôn tồn nghiêm trang : Tôi cũng như mấy ông, nhưng được diễm phúc có chút ít địa vị, được trấn nhậm nơi tỉnh này, tôi phải làm cách nào để giúp đỡ dân tình của mấy ông được mở mang tiến bộ. Lấy mực công bằng mà đối xử, để cho người dân ý thức được quyền công dân của họ. Tôi có bồn phận bảo vệ, che chở những kẽ tháp cổ bé miệng. Đừng làm cho sợ sệt không dám gần quan, như thế sẽ không tròn thiên chức, đặc tội với đồng bào, lịch sử.

Những lời của ông Đốc-Phủ Trần-Văn-Chi thoát ra với dân làng, ai nấy cũng đều cấm phục. Từ xưa tới nay ở Sa-đéc

trải qua nhiều đời Chủ-Quận, mà chưa hề có một vị quan nào được như thế. Khi đến thì lo điều tra ai giàu ai nghèo, ai có ánh tinh gì không, để tìm cách làm khó dễ. Còn riêng về Ông Đốc-Phủ Chi lại trái hẳn, ông nhiệt tâm giúp đỡ, lắng nghe tiếng nói của dân, để đạt lên thượng cấp minh oan cho họ. Việc làm rất công bình và ngay thẳng, làm cho kẻ dua nịnh đem lòng oán ghét và ganh tị, gởi thơ nặc danh cho Chánh Tham-biện vu khống ông Phủ Chi ăn bối lộ của dân bằng cách này hay cách khác. Do đó vị Chánh Tham Biện Sa-dec có cho mời ông để hỏi về sự tố cáo trong thơ nặc danh. Ông buồn-bã, lẽđộ nhưng cương quyết đáp :

Ấy là chuyện vu khống. Tôi liêm khiết, tôi biết lấy tôi là đủ, còn tố cáo là quyền của người. Vâng lại, thơ nặc danh thì không giá trị, lại không nêu bằng cớ rõ ràng, càng chứng tỏ người ta có ác ý với tôi. Quan lớn là thượng cấp của tôi, chắc hiều con người tôi, như thế nào rồi. Nếu quan lớn không muốn hiểu, nghe người ta thì cứ nghe !

Những lời chân thành của ông Phủ Chi thốt ra, làm cho vị Chánh Tham-biện phải suy nghĩ nhiều, về sau lại đổi thái độ thành kiến với ông Chủ Quận hiềm có ấy.

Lúc bấy giờ, ông Phủ Chi cảm thấy ngồi ở đây không tiện, mới xin đổi đi nơi khác, để không thấy những trái tai gai mắt, bè lũ tham nhũng của dân.

Ngày ông đổi đi, đồng bào các giới, xe kéo xe ngựa, các bạn hàng ngoài chợ, những tiệm mua bán, thán hào nhân sĩ tiễn đưa ra mũi Cần-Gió để ông xuống tàu đi trấn nhậm nơi khác. Khi ấy, người ta vọng bàn hương án tại bến tàu, đốt một

ngọn đèn sáp, đè một bình bông, một lô nước lạnh từ già ông. Bàn hương án ấy nói lên ý nghĩa cao đẹp vô cùng. Ngọn đèn sáp ám chỉ cho sự sáng suốt của ông, đem ánh sáng đè làm sáng tỏ kẻ ác tâm tinh ngô. Tô nước lạnh tỏ ra sự thanh khiết của ông không chút bợn nhơ, bình bông tượng trưng ông đi, nhưng tiếng thơm vẫn còn mãi.

Số người đi bộ từ Châu-Thành ra tới Mũi Cần-Gió rất đông người tiễn đưa. Đến khi ông xuống tàu, vang dội tiếng hoan hô, vẫy tay chúc tung ông thượng lộ bình an.

Ngày nay chúng tôi đến Sa-Đéc sưu tầm tài liệu lịch sử, những gì liên quan đến Sa-déc trước đây, có nhiều vị bô lão bảo chúng tôi nên ghi lại câu chuyện ông Đốc Phủ Trần-Văn-Chi trấn nhậm ở đây hồi đời Pháp cai trị, nêu gương ấy cho thế nhân soi lấy. Ông là một bậc phụ mẫu chi dân, đáng được nêu cao gương tốt lưu lại trên đất Sa-déc. Ngày nay lắm người biết chuyện còn nhắc đến tên ông muôn thuở.



Xoài THƠM, XOÀI NGỤ VÀ CAM MẬT.

NÔNG SÂN ĐỊA PHƯƠNG SA-ĐÉC CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CHỨNG TÍCH LỊCH SỬ

Sa-Đéc ở cách Thủ-Đô Saigon 136 cây số, thuộc vùng đồng bằng châu thổ sông Cửu-Long, nước ngọt quanh năm, đất đai màu mỡ, cây trái hoang sai. Do đó xưa nay, nhà vườn ở Sa-Đéc họ trồng rất nhiều loại cây ăn trái. Cam, Xoài nhiều hơn hết, có tiếng là ngon không đâu bằng. Nhưng nếu kể về số sắn xuất nhiều thật ra vẫn không hơn được xứ Cái-Mân, tỉnh Kiến Hòa, nơi ấy trồng đủ loại cây ăn trái : chôm-chôm, cam, quýt, măng cụt, bòn-bon, xoài, òi, thơm tây v.v... và cả cây chiết chở đi khắp Lục tỉnh.

Nếu Mỹ-Tho có nhiều thứ trái cây nổi tiếng như : Mận hồng đào, òi xá-lý, vú sữa lò rèn. v.v... thì Sa-Đéc chỉ có hai loại trái cây được thông dụng và có tiếng nhất là xoài, cam. Còn các loại trái cây khác Sa-Đéc cũng có, nhưng rất ít. Xoài thanh-ca loại trắng và loại đen. Xoài gòn, xoài voi, xoài cát, xoài cốc, xoài tượng, xoài thơm v.v... Loại xoài thơm này được truyền tụng nhiều đời cho là loại xoài ngọt, quý nhất của tỉnh Sa-Đéc. Do đâu xoài thơm còn có tên là xoài ngọt ? Chữ « ngọt » vốn là chữ thường riêng dùng cho bậc vua chúa, như nhà vua thì nói là Ngài ngọt, hoặc ngọt giá ngọt-lâm-quân, tất cả những gì có dính dáng đến nhà vua thì đều phải dùng đến chữ « ngọt » để tỏ lòng tôn kính, và có sắc thái riêng biệt chỉ về nhu cầu cung ứng cho nhà vua.

Trở lại vấn đề xoài Thom còn mang tên đặc biệt là xoài Ngự. Tương truyền : Ở miệt Long-Hưng, Long-Hậu phát xuất ra hai tiếng xoài ngự. Như ai cũng đã biết, và như chúng tôi đã ghi chép ở phần lịch sử, di tích trên mảnh đất Sa-đéc, có rất nhiều dấu tích vua Gia-Long khi tàu quốc. Lúc Ngài đóng đai bản dinh ở Sa-đéc, đồng bào quanh vùng tỏ lòng trọng vọng, hăng háng đem món ngon vật lạ địa phương cung tiến, gọi là tỏ chút lòng thành dâng lên phụng dưỡng Ngài ngự cho chúa đảo,

Trong các món trái cây đem dâng Ngài ngự thiện, món xoài Thom được coi là quý nhứt, xứng đáng để nhà vua dùng tráng miệng. Ngài dùng qua món xoài Thom ngon hơn cả các loại trái cây khác trong vùng.

Do lời khen của đức vua rắng, món xoài Thom không loại xoài nào sánh bằng nên từ ấy xoài Thom mang riêng một tên đặc biệt là xoài ngự, tức là món nồng săn đã được nhà vua thưởng thức, và đồng bào dân chúng săn sàng coi là món thô săn dành riêng cho nhà vua.

Vua Gia-Long đã tán thưởng loại xoài Thom đó, nên đồng bào ở đây cố gieo giống trồng thêm thật nhiều đến ngày nay. Xoài Thom hay xoài ngự có sự tích liên quan đến vua mở nghiệp nhà Nguyễn nên xem có giá trị lớn lao. Đến ngày nay, so với các loại xoài khác, thứ xoài Thom bán khá đắt tiền.

Còn loại cam mật ở Sa-Đéc mỏng vỏ, nước nhiều, ngọt, không chua, vì đủ đất, phân bón tốt, trái cam ít bị chai như các loại cam ở vùng khác.

Ngày xưa ở đây trái cây bán mỗi chục 18, hoặc 16 trái, tập tục ấy đã quen và còn duy trì cho đến ngày nay.

Ở Vĩnh-Long cách Sa-đéc trên 20 cây số, lúc xưa, trái cây bán mỗi chục 24, rồi sau bớt lần còn 20, 18, 16, bây giờ nghe đâu chỉ còn có chục 14 không giữ được như Sa-đéc.

Xoài thơm Sa-đéc có giá trị đến được mang danh xoài ngọt, kè cũng là một vinh hạnh cho Sa-Đéc rồi. Cho đến việc bán buôn, xưa nay đồng bào cũng vẫn giữ mục thành tín, đề chiêu dải khách hàng, giới thiệu món đồ săn địa phương đặc biệt, càng nói lên tất lòng chung thủy của người dân dắt Sa-Giang.



GÁI NHA-MÂN

NẾU TỈNH BÌNH-ĐỊNH NGOÀI TRUNG CÓ CA DAO
TRUYỀN TỤNG :

*«Ai ra Bình-Định mà coi
Đàn bà cũng biết múa roi đánh quyền.*

hoặc như vùng Bà-Trà, Tân-Khánh trong Nam cũng có ca dao :

*«Ai lên Tân-Khánh, Bà-Trà
Thử xem con gái đàn bà đánh roi*

thì vùng Nha-Mân, tỉnh Sa-Đéc cũng có câu thành ngữ «Gà Cao Lãnh, Gái Nha-Mân», đề tiếng đời đời. Về chuyện Gà Cao-Lãnh đánh rắng Cao-Lãnh ngày xưa vẫn là một Quận của Tỉnh Sa-Đéc. Mà nay Cao-Lãnh đã trở thành tỉnh Kiến-Phong, chúng tôi xin gác lại, đề trong một quyển «Cao-Lãnh xưa và Nay» sẽ đề cập nhiều hơn, thích thú hơn.



Ở đây, chúng tôi xin nói về «Cô gái Nha-Mân».

Ô hay ! Tiếng lâm côn
gái Bình-Định, Bà-Trà, Tân-



Đây là một trong những hình ảnh
cô gái Nha Mân Sa-Đéc ngày nay, với
gương mặt hiền hòa chất phết.

Khánh hào hùng thì có hào hùng thật, nhưng duyên dáng má hồng thì hẳn là không sao bằng được gái Nha-Mân đâu nhỉ.

Gái Nha-Mân sao mà được người đời tặng cho là đẹp? Đẹp chỗ nào, đẹp nết-na thùy-mị, duyên-dáng, tóc dài mắt sáng, da trắng, má ửng hồng, vẻ đẹp tự nhiên hay là trang sức nhân tạo?

Theo các vị niên trưởng ở tỉnh Vĩnh-Long và Sa-Đéc tỏ sự nhận xét với chúng tôi, cô gái Nha-Mân nức tiếng là đẹp, vốn do ảnh hưởng phong thổ, khí hậu điều hòa. Ở về vùng phì nhiêu châu thổ sông Cửu-Long, nước ngọt quanh năm, vườn ruộng xanh tươi, cây trái hoảng sai, huê lợi dồi dào, đời sống không thiếu thốn, tinh thần thoái mái, ít hay lo, lâu già. Cô gái Nha-Mân ở vào địa thế tốt và đủ điều kiện phát sinh xuân sắc, náo nức xuân thời, tạo nên một vẻ đẹp tự nhiên do trời phú. Tiếng nói trong ngân, giọng cười thanh ấm, tướng đi khoan thai, cốt cách hòa nhả, dung nhan không cần phải nhờ đến phấn son tô điểm, cô gái Nha-Mân thật đúng với câu thơ :

«Mộc mạc ưa nhìn lợ điểm trang
«Nâu sòng ăn đứt vẽ Nghê thường

Nhin càng lâu càng nhận thấy cái đẹp của cô gái Nha-Mân, trầm lặng sánh như bức tranh thủy mặc không màu sắc, dành cho những ai biết ngắm, biết thường thức những nét vẻ độc đáo của chàng họa-Sĩ. Ngắm tranh tranh thủy mặc mà biết tài họa-sĩ, thì ngắm gái Nha-Mân mới rõ tay hóa công đã khéo điêu xuyệt cho những đóa hoa hồng hương nội, sắc dù không lộng lẫy mà hương thắm đượm say ngát lòng người.

Dưới cặp mắt quan sát tể nhị của mọi người, phải đều công nhận cô gái Nha-Mân có một vẻ đẹp thầm kín nồng bật lên trên

những đóa hoa muôn màu muôn sắc trong vườn hoa quê hương. Từ lâu, tiếng đồn gái Nha-Mân đẹp, vang xa khắp miền Nam. Các vương lòn công tử thường đến Nha-Mân hỏi vợ.

Chỗ nào mà có bóng dáng yêu kiều của người đẹp tất nhiên có dàn ông tới. Ông bướm nào không say hương sắc? Lòng ai không lưu luyến bóng giai nhân? Dù ở xa xăm tận phương trời nào, ông bướm bắt được tin hoa thì băng ngàn vượt dặm tìm về. Dù ngăn sông cách núi, một khi phải lòng thực nữ, khách truông phu há dẽ chẳng băn khoăn toan chiêm cho kỳ được mảnh tim yêu. Vì thế cô gái Nha-Mân phàn nhiều có chồng ở phương xa đến hỏi. Còn một đặc điểm khác nữa của cô gái Nha-Mân là vui tánh, có tinh-thần cầu tiến, đậm đang tần tako, từ đức trau dồi không thua gái ở tinh khát. Vì thế mà được Nam giới chú ý.

Du khách có dịp đến viếng tỉnh Sa-Đéc, ngang qua cầu Sắt Nha-Mân, ghé mua vài chục nem săn phẩm nỗi tiếng của vùng này, rồi dần mắt nhìn về hướng chợ tim bóng dáng cô gái Nha-Mân, thử xem năm xưa và ngày nay ra sao mà được người đời nhắc nhở.

Xưa sao nay vậy, trước đã thùy mị đáng mến, thì nay dù làn sóng xa hoa vật dục đang mạnh mẽ tràn lan, mà gái đong quê vẫn bền gan giữ vững tâm thần không để cho lung lạc, nét kiêu trinh ấy là nét đẹp cao quý nhất.

Cho nên, cô gái Nha-Mân, và rộng ra gái Nha-Mân, mà đẹp nhất trung trinh, ngõ hầu;

«Phấn son tố điểm son hà
«Làm cho rõ mặt đòn bà nước Nam.

Ai mà không ngưỡng mộ! Được như thế mãi, tiếng cô gái Nha-Mân, bay gái khắp nnego đường đất Việt, được nhắc nhở mến yêu áu cũng là xứng đáng.

PHẦN THỨ SÁU :

SA-ĐÉC qua các bộ môn kịch nghệ
văn hóa và học thuật, thi tho lưu niệm.

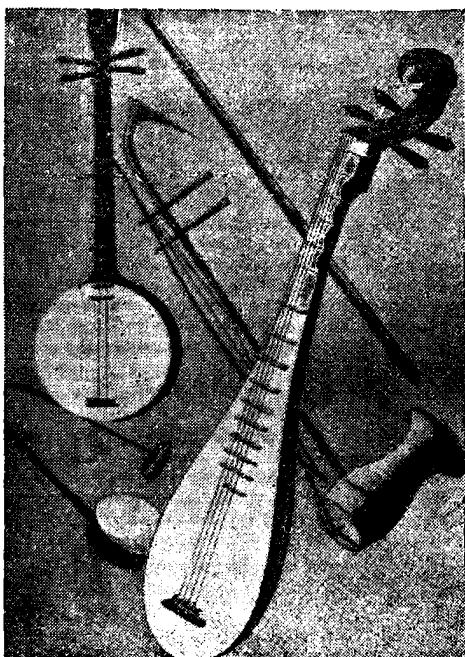
SA-ĐÉC QUA CÁC BỘ MÔN KỊCH NGHỆ

Trong quyền sách này, nơi phần nói về sinh hoạt kinh tế ở tỉnh Sa-Đéc xưa và nay, chúng tôi đã nhắc lại những ngành thủ công nổi tiếng ở Sa-Đéc từ xưa, như: Nghề thợ bạc, nghề làm hình nồi, nghề làm pháo bông, nghề làm đồ mà v.v...

Nay nói đến phần sinh hoạt văn học nghệ thuật của tỉnh Sa-Đéc. chúng tôi hân hoan trình bày những đặc điểm đã làm cho Sa-Đéc được nhắc nhở đến nhiều, nổi bậc trên vòm trời Văn nghệ, tiếng lâm của một tỉnh lẻ vượt xa nhiều tỉnh khác.

GÁNH HÁT BỘI ĐẦU TIÊN Ở SA-ĐÉC

Trước năm 1915, Sa-Đéc có ông Cả Tam, một người giàu có, tánh ưa thích nghệ thuật, nhất là nghệ thuật hát bội có những



Các loại nhạc khí cổ điền
đều áp dụng nghệ thuật cầm ca ngày xưa
bộ điệu hát múa theo lối cồng trống, gồm đú, hỉ, nộ, ái, ố, ăn rập

tiếng kèn, tiếng trống, nhịp chầu. Vì ham mê nghệ thuật hát bội, ông Cả Tam đứng ra lập đoàn hát đầu tiên ở Sa-Đéc, đê bảng hiệu là « Thiện-Tiền-Ban ». Lúc bấy giờ gánh hát có những người nhưng rất giỏi đến cộng sự với ông : Nhưng Biện, nhưng Liêng, nhưng Thiềng. Về bên đào có đào Năm Nhỏ, Sáu Sên, Cô ba Bồn ở gánh cô Ba Ngoạn Saigon xuỗng hát. Kép độc làm tướng thì có Bảy Tưng ở Bến-Tre xuỗng, gia nhập, kép Nhành, kép Táng và nhiều đào kép hữu danh làm nổi bật bảng hiệu **Thiện-Tiền-Ban**.

Về y quan rực-rỡ không gánh nào bằng. Nhứt là có những kép ruột của đoàn là kép Tám Tri, Hai Thành vừa ra tới sân khấu được khán giả vỗ tay hoan nghinh nhiệt liệt. Đoàn chuyên diễn tuồng Tàu : Quan-Công phò nhị tầu, Tống-Địch-Thanh đầu quân, Tiết-Nhơn-Quí chinh Đông v.v... Các vỗ tuồng này được kết quả mỹ mãn, làm cho ông bầu đặc chi, đào kép lên tinh thần. Đoàn này ra đời có thể nói là trước hết trong các lỉnh miền Nam. Ra đời được vài năm thì giải tán, nay cũng còn tiếng vang trong giới kịch-nghệ. Hiện nay bà Năm Sa-Đéc thường lên đài truyền hình diễn kịch đó là ai nữ của ông bầu Tam.

Điều nên biết thêm, thuở đó có cụ Đặng-Thúc-Liêng cũng ra sức chấn chỉnh hát bội, trong một rạp hát mà cụ rủ bạn tri-âm lập ra ở làng Vĩnh-Phước, tỉnh Sa-Đéc. Cụ Đặng-Thúc Liêng bèn đưa ra sáng kiến áp dụng nghệ-thuật cầm ca biều diễn song song trên sân khấu, sau này gọi là cải lương. Kết quả là nhờ sáng kiến của cụ, mà ông André Nguyễn-Văn-Thận bắt chước lối cải lương ấy trong gánh xiếc của ông lập ra ít năm sau tại thành phố Sa-Đéc. Rồi đó, nối đuôi là các gánh hát của Thầy năm Tú ở Mỹ-Tho, gánh Văn-Hi-Ban, Tân Thịnh Huỳnh-Kỳ (nơi đào tạo cô bảy Phùng-Há) v.v...

**SA-ĐÉC VỚI GÁNH XIỆC
CỦA ANDRÉ NGUYỄN - VĂN - THẬN**

Vào khoảng năm 1918 - 20, có ông André NGUYỄN-VĂN THẬN lập ra một gánh hát xiệc rất lớn. Gánh hát này đi biều diễn toàn quốc. Đặc biệt có một kép hát «Người Rắn» không có xương sống, mình rất dẽo, nắn uốn tài tình, xếp hai chân chun vô một ống cổng chừng 5 tấc đường kính, rồi lộn ra như con rắn. Lại có một lực sĩ nắm đè cho xe hơi cản ngang bụng. Các trò biều diễn của đoàn xiệc gồm có, múa ghế, đánh kiếm, đi giày, đánh đu, cử tạ, phỏng dao v.v... Nhiều trò rùng rợn, biều diễn ở đâu cũng được khán giả hoan nghênh nhiệt liệt. Rồi chịu ảnh hưởng của Đặng-Thúc-Liêng như đã nói trên, André Nguyễn-Văn-Thận lại tò đàm cho đoàn xiệc bằng cách diễn xen thêm nhiều màn cải lương, ca ra bộ hấp dẫn, ca những bản xưa như Hành-Vân, Tứ-dai-oán, Bình-bán-vắn v.v..

Thời kỳ đó đoàn xiệc André Thận lên Saigon che rạp trước chợ bến thành (bây giờ là công-trường Quách-Thị-Trang) được khán giả chen nhau mua giấy không chờ đứng. Các báo ở Thủ-Đô thời ấy viết nhiều bài tán dương công trình luyện tập rất tinh vi.

Lúc khai trương dựng bảng thì có Ông Kinh-Hối viết tặng cho đoàn xiệc một tấm biển mấy chữ như sau :

**Lương cao Tòng Mậu khai hí viện
- Thông đạt hào thế vô sự**

Mỗi lần đi hát ở đâu đều đem tấm bìền ấy treo trước rạp.

TÙ GÁNH XIỆC ĐỒI RA CẢI-LƯƠNG

Ít lâu sau, đoàn xiệc của André Thận hợp tác với các tay công tử trong tỉnh đồi lại làm gánh cải lương, lưu diễn nhiều tỉnh ở trong Nam, rất ăn khách, lăm người mến mộ.

Theo lời ông Huỳnh-Thủy-Lê, một nhân sĩ ở Sa-Đéc nói với chúng tôi : Bầu Tam, Bầu Thận là người tiền phong khai sáng bộ môn sân khấu đầu tiên ở Sa-Đéc.

Đoàn hát cải lương của André Thận lập ra được một hai năm thì tan rã. Kế thày năm Tú ở Mỹ-Tho lên sang đồ đặc và chuộc đào kép hữu danh về Mỹ-Tho lập gánh, tức gánh thày năm Tú.

Thuở ấy các danh ca được khám giả khen tặng như Bảy Thông, Năm Tốt, Tám-Cang, Ba Tuất, Hai Thắng. Nhạc sĩ thì có : Năm Tầm, Ba Diệp (1) ở Bình-Tiên, Tư Tư ở Cái-Tàu-Hạ v.v...

Thày Năm Tú sang gánh đem về Mỹ-Tho rồi vô dỉa để làm quãng cáo cho nghệ-sỉ miền Nam.

ĐOÀN TÂN THỊNH RA ĐỒI

Bầu gánh hát Tân-Thịnh là ông Nguyễn-Văn-Thông người làng Tân-Hưng, đứng ra lập gánh, chuyên môn diễn các vở

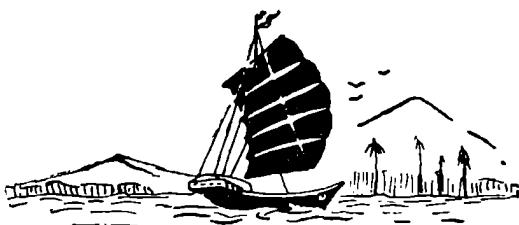
(1) Ba Diệp là thân phụ nghệ sĩ Diệp-Lang, thường lên truyền hình ngày nay.

tuồng Thích-Ca đắc-đạo, Lão-Tử Giáng-sanh, Tôn-Tần bị trù
chứng bướm-bướm v.v...

Y quan rực-rỡ, xảo-thuật tinh-vi, làm người bay, thăng-thiên độn-thồ, phi đào...

Gánh Tân Thinh cũng rước được nhiều vinh diệu, báo chí
nức lời ca ngợi về sự tồ chúc khéo léo những màn xảo thuật
như thiệt. Khách mò điệu rất hài lòng, một tuồng được yêu cầu
hát lại 5 bảy đêm.

Gánh Tân-Thinh của Bầu Thông vang tiếng một thời khắp
Nam-kỳ lục-tỉnh và còn lưu diễn ở ngoài Trung, Bắc, được nhà
cầm quyền thời ấy ban thưởng nhiều huy chương đền tán dương
nghệ thuật, làm vinh diệu cho tỉnh Sa-Đéc phần nào.



VĂN HÓA VÀ HỌC THUẬT

Văn hóa là phản ảnh của dân-tộc. Một nước có văn-hóa, trình độ dân-trí cao, tinh thần dân tộc mạnh. Một địa phương có văn-hóa, đời sống của dân chúng trong vùng tươi đẹp phồn thịnh, cuộc sinh hoạt thường xuyên mọi lanh vực mới có nhiều hứng vị, khởi sắc.

Từ xa xưa, đạo giáo đã thăm dò nơi lòng đồng bào Sa-Đéc, tất nhiên ảnh hưởng văn hóa cũng đã thăm nhuần, khiến cho con người trở nên cao quý.

Một nơi đã từng có những danh sĩ góp mặt như các cụ Nguyễn-Quang-Diêu, Đặng-Thúc-Liêng, Võ-Hoành, Kinh-Hối thì phong khí hẳn là tốt đẹp hơn.

Trước kia, năm 1936, Sa-Đéc đã từng hoạt động mạnh trên lãnh vực văn hóa... Ông Hồ-Văn-Sao mở nhà in, ra báo và đảm nhận việc ấn-loát và tuyên-truyền phầm, đề nâng cao dân trí, phát huy tinh-thần quốc-gia.

Bác-sĩ Lê-Quang-Trinh cũng chủ trương một tờ báo «Tiến-Bộ», ấn hành tại Châu-Thàn Sa-Đéc, mở một kỷ nguyên mới cho văn nhân thi sĩ, tao nhán mặc-khách, chinh khách, nhân-si lên tiếng trên đàng ngôn-luận. Tờ Tiến-Bộ rất được những người yêu văn nghệ mến chuộng.

Gần đây hơn, cây bút Hình-Hữu-Ích hiệp soạn với Nguyễn-Hữu-Trinh xuất bản bộ sách « Nhà văn hiện đại » vẫn là cây bút đáng yêu của Sa-Đéc. Theo dự định mà anh Nguyễn-Hữu-Trinh vẫn đã cho chúng tôi biết bộ « Nhà văn hiện đại » sẽ gồm ít lăm

cũng hàng nghìn trang, xuất bản thành nhiều tập. Nhưng chỉ mới cho ra đời được tập 1 thì bấy lâu đã đánh im lặng tiếng, vì thiếu phương tiện ấn hành tiếp tục. Ấy là một trong trăm nỗi đau lòng của con nhà cầm bút.

Về việc biên soạn tiêu-sử và phê thuật các tác phẩm của các nhà văn hiện đại, trước đây từng có bộ « Nhà văn hiện đại » của Vũ-Ngọc-Phan ở đất Bắc, xuất bản và tái bản đã nhiều. Sa-Đéc lại có người soạn bộ « Nhà văn hiện đại » như thế kè thật cũng đáng ca ngợi. Tiếc cho công trình còn dở dang, nếu không thi rước được vinh diệu về cho tinh nhà biết bao nhiêu.

Anh Chung-Văn-A, Giáo sư trường Kỹ-Thuật ở Vĩnh-Long, nay phục vụ trong Quân-dội quốc gia, với bút hiệu Việt-Chung-Tử, đã xuất bản khá nhiều tập thơ đáng giá. *Cung-tim, Tim về tình thương, Tuổi học trò, Tình chung, Trong khói lửa, Dấu chân du mục*. Anh cũng vốn là đứa con của Sa-Đéc đầy duyên dáng, thi-vị.

Hơn nữa, Sa-Đéc cũng có một cây bút nữa rất tài tình, khét tiếng trên văn đàn gần đây. Ấy là nữ Sĩ Thu-Vân. Giới-Văn Nghệ sĩ miền Nam nói chung, Sa-Đéc nói riêng, được nhiều người nghe danh biết tài nữ sĩ Thu-Vân Cũng như nữ sĩ Manh-Manh Nguyễn-Thị-Kiêm ở Gò-Công, Nữ sĩ Thu-Vân cũng có lǎm sắc tuái độc đáo trong nghệ-thuật diễn-tả, sáng tác văn nghệ phẩm. Tên thật của Nữ-sĩ Thu-Vân là Lê-Thị-Anh, người ở Lai Vung (xã Long-Hậu) Sa-Đéc Bà say sưa theo đuổi nghiệp văn chương, viết báo, viết sách, đã xuất bản : *Mùa mưa đêm, Đất mẹ* Bà từng được cố Văn hào Nhất Linh Nguyễn-Tường-Tam tiến dần trên con đường Văn-Nghệ, mà tài năng bà vượt bậc, nỗi tiếng khá nhiều và sẽ còn nổi tiếng hơn nữa với những tác phẩm ấn-hành trong tương-lai.

Và hiện nay, Sa-Đéc vẫn có lăm mầm non văn nghệ chưa chan sức sống tiềm tàng, trong tương lai gần,ắt sẽ có nhiều cơ hội phát triển tài năng, đem văn minh lại cho miền Sa-Giang đã từng rực ánh hào quang văn hóa tự xa xưa, sao cho có hơn chờ không đ𝐞 kém sút.

Một ngày nào đây, nhân tài đồng đảo của Sa-Đéc cùng chung ra sức bồi bồ nền học thuật, xây dựng tòa nhà văn hóa nguy nga tráng lệ, ắt hẳn sẽ thấy cảnh tượng bừng trǎm hoa đua nở trên mảnh vườn đất quê hương yêu mến của mình.



SA-ĐÉC DƯỚI MẮT CỦA THI NHÂN

Một thi nhân quen biết của miền Nam, đó là nhà thơ Bửu-Đà. Gót chân thi sĩ đã từng chàu du khắp nhiều tỉnh miền Hậu giang, để tìm hiểu danh lâm thăng cảnh, di tích lịch sử. Nước non nhà. Một hôm, thi sĩ dừng chân nơi đất Sa-Giang, đến thăm các nơi Lăng-mộ Danh Nhân và quan sát cảnh vật nơi đây, nhà thơ xúc cảm, dệt lên những vần thơ lưu niệm, ca ngợi những anh tài đất nước, nói lên công nghiệp của người xưa còn lưu lại trên mảnh đất lịch sử này.

Chúng tôi xin ghi lại dưới đây làm món quà tinh thần cho đồng bào Sa-Đéc và độc giả bốn phương thường thức.

SA-GIANG CẢM-TÁC :

Lở sanh cái kiếp đời mây gió.

Còn phải là thân khách nước non !

Bửu-Đà Nguyễn-Thanh-Trạc

oOo

DỨNG CHÂN

Giang tử chốn chân dừng quán tro

Khoi mồ dī-vāng xứ Sa-Giang

Buồn ôm i hē hē sầu tha thiết !

Thoạt biến khung mây, chó đổi hình (1)

(1) Chó là ý nói bức tranh vần cầu hiệp tan.

CÂY DA BẾN NGỤ :

*Cây da cù còn lưu dấu vết
Vần giòu trắng có đố nghìn xưa
Bến Ngụ năm, êm đềm phảng lặng
Để mặc cho nước bạc cau mày.*

BẢO TIỀN BẢO HẬU :

*Bến Long-Hưng tro cùng tuế nguyệt
Vần nhìn trong nước xoáy sôi trào
Xã Phong-Hòa tro nền Bảo Hậu
Nền Bảo Tiền Long-Thắng còn ghi.*

CÂU CHUYỆN CHÚA NGUYỄN :

*Ngàn Tỷ Sơn ngày xưa Chúa Nguyễn
Lịch sử còn ghi dấu chứng minh
Cùi đậu nấu đậu, nồi lại khóc
Cuộc trả vay chàng chịch hây còn !*

DANH NHÂN LỊCH SỬ :

*Tổng-Phuốc-Hòa đại thần đặc lực.
Phò Gia-Long chiếm được công đầu,
Tỉnh Sa-Đéc nhiều nhà hào hiệp
Giúp nhà vua tâu quốc thành công.*

NON NUỐC SA-GIANG :

*Sa-Giang sóng nước nhô nhăn mặt!
Như hình dung quá khứ thế luơng
Đau khổ gần phần tư thế kỵ
Núi sông buồn hận gió trăng nay.*

CÀNH CỦ NGƯỜI XUA :

*Tro với thời gian Lặng Miểu củ
Quận Công Tông Trần Nguyễn-Văn-Nhơn
Lơ lửng hồn trăng soi cổ kính
Nắng tang thương dệt khát thăng trầm.
Kỳ khu gót đá mòn lại rõ
Mỗi cánh chim, luân lạc sông hồ
Giắc tiểu mộng mơ về đạo lý
Nếp sống cõi buồn nhớ nghìn xưa.*

VỊNH CÀNH TÒNG SƠN :

*Nhớ Tòng-Sơn có chùa đức Phật.
Thầy Tây-An húy Đoàn-Minh-Huyền,
Lập tông giáo Tú-Ân Hiếu-Nghĩa,
Đem đạo mầu phổ hóa chúng sanh.*

CON ĐƯỜNG ĐẠO LÝ :

*Nền Phật-Giáo nối nhà họ Thích.
Tiếng vang rền Bửu-Sơn Kỳ Hương,
Ngọn đuốc huệ giúp người mộ đạo
Đem thuyền từ dùn-dắt nhơn sanh*

*Cho đến khi Đức Huỳnh Giáo-chủ
Nối chí Ngài tô-điểm chọn truyền
Thuyền bát-nhã cứu đời mạt pháp
Làm rạng danh phật đạo diệu-huyền*

oOo

NHÂN TÀI SA-ĐÉC :

*Tinh Sa-Đéc địa linh nhơn kiệt
Đã trổ sanh nhiều bậc nhơn tài
Cũng là quê Tòa Quan, Tòa Giác
Dày công lao đèn sách nên danh.*

GIÁO LÝ TỊNH ĐỘ CỦ SĨ :

*Mệnh danh là Tịnh Độ cự-sĩ,
Cũng ở trong Phật-Pháp mà ra
Tu là trau, trau dồi đức hạnh
Đầu vào chùa mời gọi là tu.*

ÔNG TRẦN DUY NHỨT :

*Xứ Nha-Mân có ông Thanh-Sĩ
Rất thông minh đạo lý văn thơ,
Tài thiên phú nổi danh quốc-tế
Học rất thường nên bậc Giảng-Sư.*

oOo

MIỀN NAM HÃNH DIỆN :

*Vị Bắc-Vật đầu tiên hiếm có
Lưu-Văn-Lang đoạt giải khỏi nguyên
Cả Pháp quốc thay đổi tôn kính
Sự quán thông hơn cả sức người.*

*Gia sinh nơi nước, lạnh hơn nước
Đời suy tàn vị thánh giảng tràn
Làm rạng danh quê hương xứ sở,
Nét son tươi quắc sù lưu truyền.*

oOo

TIẾNG CHUÔNG NHÀ THỜ :

*Đóng Tân-Qui-Đồng ngõ qua cầu sắt.
Chuông giáo đường lạnh lót vang rần,
Tàu Bình-Tiên chạy ra Sa-Đéc
Khách bộ hành đợi chiếc «Tân-Dương»*



GIÒNG NUÓC XOÁY

*Miền Nam lâm rạch lại nhiều sông,
Cuồn cuộn phù sa gọi cánh đồng.
Sa Đéc dòng sông, dòng dị biệt,
Hồi oa nước xoáy, nước ghi công,
Gia-Long dấy nghiệp xây nhà Nguyễn,
Văn-Hiến lừng danh cứu điện Rồng.
Lịch sử nơi này bao chiến sự,
Nước xanh hội ngộ xoay xoay vòng*

SA ĐÉC CẢM TÁC

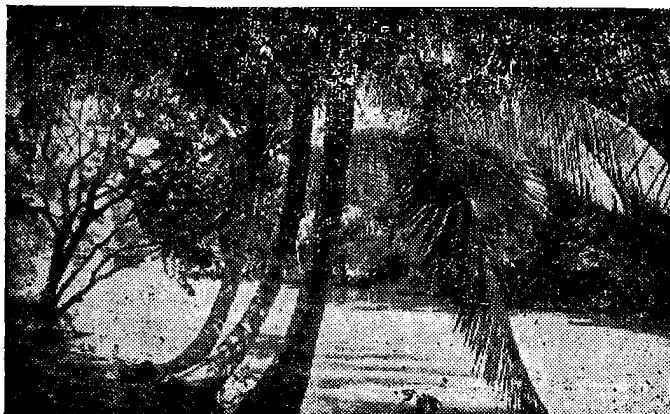
*Tự ngàn xưa chí nhũng ngày nay,
Sa đéc dân lành địa cuộc hay.
Cố Nội (1) chùa xưa Tàu hạ đỗ,
Cao hoàng (2) thành cũ Hồi oa đáy.
Danh tăng tu luyện bao sư giác,
Uy tướng lược thao mấy kẻ tày.
Gái đẹp duyên tiên nào sánh kịp,
Sa giang trầm lặng lâm ngườì say.*

9-12-1970 Kinh tặng : Thượng tọa Tù Nhơn
trình-tường. NGUYỄN-LƯƠNG-HƯNG

-
- (1) vị Linh mục thường xưng mình là cha cố, kế cận có vị Hòa-thượng người miền Trung có ý trào lộng đổi xưng Hòa-thượng «mệ nội». Các bô lão địa phương đều biết câu chuyện này.
- (2) Hồi-Oa nước xoáy ngày xưa Gia-Long đến đóng binh ở đây.

ĐƯỜNG VÔ CẦU RẠCH RĂN

*Rạch Rǎn uốn mình đây nước Xanh,
Quanh co lả lướt đẹp như tranh.
Bình Tiêu xoài mận hoa thêu gấm,
Tân Phú dưa khoai lá dệt mành.*



*Đây là phong cảnh hai bên bờ Rạch Rǎn,
quanh co vô tí ti Bình Tiêu, Tân Phú Trung, Xeo Mác*

*Đây nèo thuyền xuôi về Xeo Mác,
Đó đường ghe ngược rẽ Phong Dinh.
Anh à! em hỏi câu này nhỉ,
Quê tổ thân yêu nở bờ đành*

Trinh-tường NGUYỄN-LƯƠNG-HƯNG

CHÙA XƯA LINH ỨNG

Sa-Đéc cũng lăm Chùa xưa Miếu cũ ở rải rác trong tỉnh, từ miệt Kiến-Phong. (Cao-Lãnh) trở qua Cái-Tàu-Thượng, Lai - Vung, Hòa - Long, Nha - Mân, Cái - Tàu - Hạ v.v... Nay tại Châu-Thành Sa-Đéc có ngôi cồ tự Phước-Thạnh là ngôi chùa Vua Gia-Long sáng tạo và có nhiều chuyện lạ, một thi nhân đến viếng cầm đề lưu lại 1 bài thơ như sau :

CẨM TÁC PHƯỚC THẠNH CỒ TỰ

*Ngôi cồ tự mang tên Phước Thạnh
của Nguyễn Vương xây dựng ughìn xưa
Bụi thời gian mờ ngói cồ kính
Bia miệng đài ca tụng tồn xưng.*

*Phật cổ Đô (1) Ngự chùa Phước-Thạnh
Lịch sử ghi lưu dấu nghìn sau
Phật công minh tâm thành Phật chứng
Tâm chơn thành Phật nơi tâm*

*Tâm thành ấy, tòa sen của Phật
Chùa dù hư Phật vẫn thương tình
Trụ chơn như giải trừ tú khố
Khơi thuyền từ lượt đậm trùng dương.*

(1) Phật Cổ Đô nghĩa là của Triều Đinh Huế đem vô Nam thờ.

*Phật bảo, Đại mộng thi tiên giác ?
 Tâm bồ đề đặc huệ bao người
 Vết vô minh qua bờ bì ngạn
 Giuwong Huệ thân đoạn hòn lục cản*

*Đời truyền tụng linh thiêng Hộ Pháp
 Chuyển hổng oai diệt quỷ trừ ma
 Xuất diệu pháp gảy cây Ma-sử
 Nay còn lưu chứng tích rõ ràng
 Đức Nguyên Anh tôn sùng Phật Đạo*

*Từ Định, Lê, Trần Lý lưu truyền
 Thái Lan quốc vẫn còn di tích
 Chùa Gia Long đền số nguy nga
 Ngài tự giác suy tôn tự giác*

*Đại lực hùng phô hóa chúng sanh
 Sắc tướng thinh âm chư ngoại giáo
 Chơn truyền cự thắt Đạo nan thành
 Chuông cảnh tỉnh chiêu hồn khách tục*

*Chuông cảnh tỉnh chiêu hồn khách tục
 Hởi thể nhân mai đồng góp dựng xây
 Đề kiến thiết ngôi chùa Phước Thạnh
 Không phụ lòng của đăng tiền nhân*

Kính tặng: quý đồng bào Phật tử tỉnh SA-ĐÉC
BỬU ĐÀ

VUÔN KIÈNG CỒ THỤ

Ở miền Nam chúng ta, mỗi địa phương đều có những vật xưa, của quý, từ bao đời tiền nhân để lại nay vẫn còn. Tại xã Tân-Hưng, mé bên kia bờ sông Sa-Giang, có một vườn kiêng cồ thụ của ông Ngô-Văn-Hay có trên 100 gốc, có gốc trên 150 năm cắn cội, được du khách các nơi thường đến thường lâm trâm trồ khen ngợi, với tinh-thần tồn cồ của ông. Chúng tôi có đến viếng, xin chụp ảnh và nói lên tâm sự cây kiêng đứng trong chậu bốn mùa chiệu đựng phong sương, chứng kiến bao cuộc thăng trầm non nước.

TÂM SỰ CÂY VỚI KIÈNG

*Hơn trăm tuổi cây đời để gấp
Khó tìm người tuổi thọ trăm năm.*

*Năm trong chậu, thiếu tự do sống rốn
Vẫn âm thầm nhở sương tuyết gói nhuần
Mặc cho đời có thành bại rong hưng
Ta vẫn đẹp đẽ hình cồ thụ*

*Thiếu nhựa sống, thiếu đất đai sung mân
Mà đẹp xinh, nhở cắt xén sâm soi
Hanh diện thay, ta được lâm người coi
Vì chậm lớn cho nên ta trưởng thọ*

Sóng hiên ngang oai hùng cùng tuế nguyệt
 Ta rất buồn, thiểu bóng mây che đời
 Hơn chư kỳ non nưa có lồng voi !
 Cảnh là cảnh, ta là ta, rắn rồi.

Nầm chất hép, nhưng ta nhiều rẽ cung
 Dài chịch chằn, dành hết đất thể nhân
 Sóng bên ta ông bạn có cơ bần
 Vần nổi tiếng ông có vươn kiêng quý

Gió lê thé, gió về ta gọi mây
 Mưa rì rào lau sạch bụi trần ai
 Trăng ngũ nhò, trăng hứa dết tương lai
 Nắng sưởi ấm, lòng đời ta sẵn khoái

Vé sầu hè, nỗi non như khè nỗi
 Nói nên lời da diết với thương đau !
 Quốc khóc thu, sao đứt cả tâm bào
 Ta đứng lặng thon mình ngao ngán cảnh



Ông Ngô Văn Hay chủ nhơn
vườn kiêng cõi thụ, đứng trước
huê viên biệt thự của ông.

Hơn thế kỷ năm trăm ta lặng lẽ
Ta rất buồn không thay bạn đổi vườn
Ôm mùa Đông sạm mặt với phong sương!
Ta tin tương ngày mai trời lại sáng.

H. M.



VỊNH VƯỜN HOA KIỀNG
XÃ TÂN QUI-ĐÔNG

Tại Sa-Đéc từ lâu nỗi tiếng là nơi trồng hoa kiềng đủ loại, đề cung cấp cho đồng bào đô thành cũng như bán cho các tỉnh. Mỗi năm thâu vô một số lợi tức đáng kể. Nhà thơ Bửu-Đà có dịp đến quan sát vườn hoa kiềng ở Rạch Thông Lưu dệt lên những vần thơ như sau :

*Vườn kiềng đẹp Thông Lưu Sa-Đéc
 Để cài trang đậm nét mỹ miều
 Dù cho trong cảnh có liêu
 Rướm rà hoa lá được nhiều tụng ca*

*Bao hoa lạ nết mùi ngọt ngọt
 Bước đến vườn đã mát lại xinh
 Nối lên cảnh vật hữu tình
 Bảo người dùng bước đăng trình thưởng hoa*

*Nào Hồng, Cúc, Thanh trà đủ loại
 Nào Trúc, Mai, Hạnh, trái dorm sai
 Thi nhân thích dệt cảm hoài
 Hồn thơ về hiện vạn bài thơ hay*

*Chậu Thuốc Được cùng Mai-Chiêu-Thủy
 Hoa hương dương. (1) hoa Lý hoa Đào*

(1) Hoa Hương Dương tức là Hoa Quì

*Lục hồng sắc sờ mìn màu
Tràm hoa đua nở đón chào khách sang*

*Không những sửa sang vườn kiêng đẹp
Để riêng phần thường thức một mình
Dành cho tất cả gia đình
Mua về trang trí đẹp xinh sân vườn*

*Cài trang đẹp cho non cho nước
Ngoan mục cho kê buec sông hồ
Chiều về tắm bóng kim ô
Hoa cười lá ngoắc lô u hố đầy vườn*

*Hoa cười giờ lê thê đến
Lá ngoắc trắng như mén trắng về
Dù cho trong chốn thôn quê
Có cảnh có vật người mê thích liền*

BỬU ĐÀ



**NHA MÂN NGÀY XƯA
NỒI TIẾNG LÀ GÁI ĐẸP**

Nên có câu ca dao :

*Gà nào hay bằng gà Cao-Lãnh
Gái nào bánh bằng gái Nha-Mân.*

Thật vậy, Gà Cao-Lãnh tốt mǎ, gan lỳ đá ít khi chạy bậy. Còn gái Nha-Mân nồi tiếng duyên dáng, thùy mỵ, có vẽ đẹp thiên nhiên, nay cũng còn được miệng đời nhắc đến. Nữ Sĩ Thanh-Thanh ở Sài Gòn có làm một bài thơ nói về cô gái Nha-Mân như sau :

CẨM ĐỀ GÁI ĐẸP NHA MÂN :

*Gái Nha-Mân xinh đẹp
Nhờ phong độ nghìn xưa
Đẹp lối láng du nhập
Không ở xứ Nha-Mân

Điểm tó nét đẹp canh tân
Màu da phấn nết muôn phần đẹp hơn
Bằng công dung ngôn hạnh
Ấy nét đẹp bên trong
Dù thiên kiều bá mỵ
Khó vẹn toàn yêu đương

Tam túng túc đức nêu gương
Dù kim dù cổ cũng dường như nhau*

*Ao bà ba mặc ngắn
Chiếc khăn xéo choàng hắp
Che cây dù mái ửng
Chân mang guốc son mài*

*Làn da trắng dáng duyên ngầm
Long lanh mắt phượng mày tầm xinh xinh*

*Ai tô son điểm phấn
Theo muôn lục nghìn hồng
Sống vẫn minh tràn ngập
Xoa nhòa đẹp thiên nhiên*

*Đau thương tình lại với tiền
Đắm say vật chất lụy phiền thế nhân*

*Ai thông kim quần cổ
Đổi tượng xưa và nay
Chiếc áo dài với Jupe
Xem chiếc nào đẹp hơn ?*

*Thời trang còn giữ trung dung
Chợ nên thái quá lạ lùng khó coi
Gái Nha-Mân nổi tiếng
Nhờ thùy mỵ đoan trang
Đất lành sanh trái tốt
Nhờ nước ngọt quanh năm*

*Dù đi núi Sở sông Tần
Nhớ về cõi vợ Nha-Mân tuyệt trần.*

Nữ sĩ Thanh-Thanh

ĐẤT NƯỚC MIỀN NAM

Từ xưa tới nay nỗi tiếng đất đai màu mỡ, cây trái hoang sai
sông dài bè rộng, vườn ruộng giăng giăng, tài nguyên dồi dào
con người trầm tĩnh, hiền hòa đạo đức, nồng làm hơn nói,
không hay khoe khoang khoác lác.

Ngày xưa Vua Gia-Long trên đường tàu quốc vó miền Nam
thấy cảnh vật ở đây Ngài nói: Nam thuận Bắc nghịch, có nghĩa
đất miền Nam địa lý tốt, con người thật thà chơn chất; là nơi
thuận lợi cho Ngài dừng chân để kết nạp nhân tài thống nhất
được đất nước, nên ngài thốt câu ấy đã ghi trong sách sử.

VỊNH VƯỜN RUỘNG SA-GIANG VÀ NGƯỜI MIỀN NAM HIỀN HÒA ĐÁNG MÊN

*Đất phì nhiêu đồng bằng châu thổ
Cả Tiền Giang cho tới Hậu-Giang
Nước ngọt quanh năm, vườn ruộng trùng
Nhiều trái cây ngọt lại thơm ngon.*

oOo

*Giống Xoài Ngự còn lưu di tích
Đáng cho Vua Ngài nhận là ngon
Dân truyền tụng đặt tên xoài Ngự
Chợ trước kia vẫn gọi xoài thơm.*

oOo

*Cam với quýt, lựu, lê sung mân
Ối mận đào, mít, bưởi thanh trà*

*Chúc mưới tám còn lưu tục cũ
Mặc rẽ vì giá cả tùy theo*

oOo

*Chúc hai mươi Bình Dương còn giữ
Khắp các nơi vẫn chúc mưới hai
Được ca tụng tình thần hoài cổ
Giữ câu : vô cổ bất thành kim.*

oOo

*Lúa sau lưng, cá nơi trước mặt
Miền Hậu-Giang nếp sống dễ dàng
Gia-Long cho Nam thuận Bắc nghịch
Nếu Ngài ra Bắc khó nên công*

oOo

*Người miền Nam hiền hòa đáng mến
Chúa tình thương đầy đặng trong ugurđi
Trải mấy độ cồn dâu biển chuyển
Vẫn giữ tròn phong độ nghìn xưa.*



MỘT NHÀ THƠ NÓI VỀ BÁNH PHÒNG TÔM SA-GIANG

Từ xưa tới nay, mỗi địa phương đều có món ngon vật lạ cung ứng sự nhu cầu của giới tiêu thụ, mua làm quà tặng cho người quen thuộc, giới thiệu sản phẩm đặc biệt của nước nhà, không thua kém thức ăn của ngoại quốc.

Một nhà thơ trào phúng thích uống rượu, sành món nhắm, khen ngợi bánh phồng tôm Sa-Giang là món khai vị hấp dẫn hơn hết. Anh làm một bài thơ gởi tặng chúng tôi để ghép vào quyển Sa-Đéc sắp xuất bản, nhận thấy lời lẽ đầy ý vị, nói lên sản phẩm địa phương biến ché, và chẳng những giúp ích cho nền kinh tế tiết kiệm được một số ngoại tệ lớn lao, và còn khuyến khích cho đồng bào ta nên dùng sản phẩm trong nước vừa ngon vừa rẻ.

Vì sự ích lợi chung, chúng tôi xin đăng bài thơ dưới đây để tặng bạn đọc có tinh thần văn nghệ, ngâm nga trong lúc trà dư tửu hậu, mà nhớ đến món ăn thuận túy của Miền Nam ta đã và đang phát triển mạnh trong quốc nội.

SẢN PHẨM ĐẶC BIỆT BÁNH PHÒNG TÔM SA-GIANG

*Đi Châu-Đốc nhớ mua mắm thái,
Về Sa-Giang nhớ bánh phồng tôm.
Đã dòn vừa béo lại thơm
Đây «Xứ hữu hóa» vui móm lai rai*

*Thích nhau mãi không say nhò bánh
 Gặp bạn bè xác cảnh sanh tình
 Cùng nhau rót cạn chén quỳnh
 Bích câu kỳ ngộ duyên mình với ta*

*Làm quà tặng cũng là gọn ghẽ
 Đẽ làm thân cùng bẽ chia hai.
 Rồi ngâm bao khúc cảm hoài
 Hàn huyên nhắc nhở những ngày xa nhau*

*Bẽ các các tiếc khao yến thường.
 Nhâm nhi vào đọc chương ngâm thơ
 Gần bên người mong ta mo
 Phồng tôm chia nửa bên bờ sông thương.*

*Rồi vẫn nhớ vẫn thương vẫn thường
 Thấy phồng tôm mà nhớ người yêu
 Đường về Sa-Đéc bao nhiêu
 Đẽ ta đến đó mua nhiều phồng tôm.*



PHẦN THỨ BÂY :

Sinh hoạt kinh tế

Các công kỹ nghệ

Ngành sản xuất hoa-kiềng

Tổng kết Sa-déc ngày xưa và ngày nay

BÁNH PHỒNG TÔM SA-GIANG SẢN PHẨM ĐẶC BIỆT CỦA TỈNH SA-ĐÉC

Mỗi địa phương đều có những món ngon vật lạ nổi tiếng. Khách lữ hành mỗi khi đi từ tỉnh này qua tỉnh khác, khi trở về ít lăm cũng mua một vài món ăn đặc sản chế biến tại địa phương ấy về tặng cho người quen thuộc. Nhất là ngày Tết Nguyên Đán của người Việt, những ai có bà con ở xa, hay ở ngoại quốc cũng lựa thức ăn này, thức ăn kia có danh tiếng mà gởi biếu.

Mỹ-Tho có kẹo chuối, bánh tráng, bạch nha. Gò-Công có mắm chà, mắm lòn, mắm tép. Thủ-Đức nem chua, chả. Châu-Đốc có mắm thái. Sa-Đéc bánh phồng tôm v.v... Thiệt tướng nơi nào cũng có những món đặc biệt sẵn xuất bán tại nội địa, có khi xuất cảng ra ngoại quốc là khác.

Nay bắt tay vào viết quyền «Sa-Đéc xưa và nay», nói đến sản phẩm địa phương, có lẽ đứng đầu hết là phải kể là ngành sản xuất bánh phồng tôm, mà Sa-Đéc nổi tiếng nhất với loại bánh này và còn thêm cải tiến, biến chế hơn lên, để trở thành một món ăn quốc túy.

Sa-Đéc hiện nay có độ 20 nhà xưởng xuất bánh phồng tôm, nhà nào cũng có ít nhiều máy móc trang bị. Như hiệu Phước-

Hưng của Bà Út-Chơi, Phước-Thành của Bà Tư Hòn, Sa-Đéc của Bà Năm Cầm, Mai-Hương của Bà Giáo Dụng, Thành-Tâm của Bà Hai Khe v.v... Đặc biệt là hảng Sa-Giang, có uy tín và nhiều phuơng tiện vượt xa các nhà làm bánh khác. Chủ nhân hiệu Sa-Giang là ông Lê-Minh-Triết, người gốc gác tại Lai-Vung (Sa-Đéc), xuất thân vốn là một cựu Sĩ quan mới giải ngũ. Ông ngay từ khi bắt thiệp, vui vẽ, hiếu khách. Chúng tôi đến Sa-Đéc gấp ngay ông Triết, hỏi qua thị trường nghề làm bánh phồng tôm ở đây ra sao ? Ông sẵn lòng trình bày cho chúng tôi biết, và hướng dẫn cho chúng tôi xem cơ sở ở dưới đất và trên lầu có gắn 3

bốn cái máy, do ông coi sóc cho nhân viên điều khiển. Ông giải thích rành mạch từ lúc khởi đầu làm bằng tay, sau lần hồi canh tân máy móc, và chỉ phòng ướp lõm, máy ép bánh, máy sấy bánh cho chúng tôi xem.

HĂNG SA-GIANG

Phải thành thật công nhận rằng chính ông Lê-Minh-Triết khởi sự đem cơ giới vào nghề. Trang bị máy móc để biến chế nghề làm bánh phồng tôm, hảng ông tăng năng xuất gấp mười ngày trước. Ông



*Đây là mặt tiền của hảng Sa-giang
đường Phan Thành Giảng, dọc mặt ra
sông Sa-Đéc*

lại khéo điều hòa thị trường cung cấp tôm bằng cách đóng lạnh và trữ lạnh tôm. Hiện tại ông có máy lạnh có năng xuất làm đóng 200 ký tôm trong một chu kỳ 4 giờ đồng hồ. Và ba phòng trữ dung tích tổng cộng trên 100 thước khối.

CÁCH LÀM BÁNH PHỒNG TÔM THEO LỐI CỒ TRUYỀN V.V.

Muốn làm được một ký bánh phồng tôm, phải cần các nguyên liệu như sau :

- 2 ký tôm sống thật tươi, khi bóc đầu, lột vỏ lấy ra được 700 gram thịt tôm.
- Một ký bột khoai mì xay nhuyễn.
- Gia vị, muối, đường, bột ngọt, tỏi, tiêu, nước mắm tùy theo sở thích của người mà thêm bớt.
- 4 hột vịt (nếu bồ tròng đỏ thì phải 8 hột).
- Một chút bột nỗi tức thứ thuốc tiêu mặn (Bicarbonate de soude).

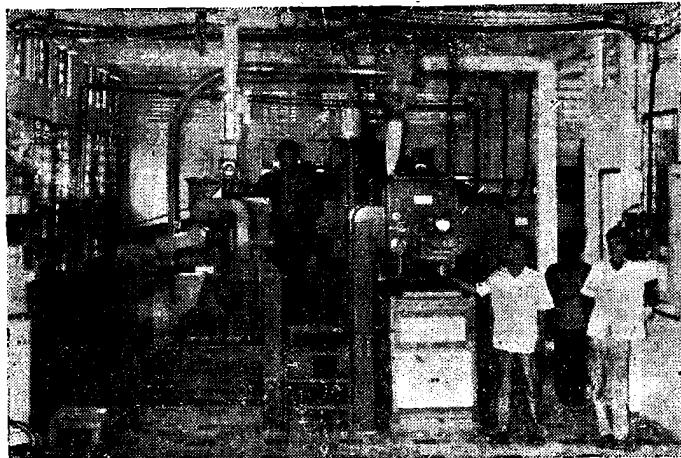
Cách thức biến chế như sau :

Thịt tôm được đập nhuyễn ra, trộn với gia vị, rồi bò vào cối đá xay cho thật nhuyễn. Xong cho bột vào trộn và quết thật nhiều, càng nhiều càng tốt, cho mọi thứ được trộn thật đều nhau. Thêm nước, nếu thấy nó khô. Đoạn gói bột ấy vào vải thành cây như khúc lõm chuối, đem vào xung hấp cách thủy độ một giờ đồng hồ. Lấy ra, lột vải, để trên dĩ qua đêm, sáng hôm sau, đem cây bánh xác và phơi. Nếu nắng tốt phơi hai ngày là có thể vô bao đem bán được.

Cho đến ngày nay, các giai đoạn sau đây đã được làm bằng máy : đập tôm, xay tôm và gia vị, trộn bột vào tôm quết bột, hấp cách thủy, xắt và sấy khô. Các nhà sản xuất tùy theo khả năng của mình mà mua sắm ít nhiều máy móc để thay dần từng giai đoạn biến chế đã kề trên.

NGHỀ LÀM BÁNH PHÒNG TÔM TRONG TƯƠNG LAI

Nhìn chung, chúng ta nhận thấy nghề làm bánh phồng tôm đã phát triển hơn xưa nhiều. Chẳng những kỹ thuật làm bánh đã tối tân hóa theo thời thương, cho đến công việc thương mại hóa món hàng, quảng cáo, phân phối cũng như công việc trình bày món hàng trong bao hay hộp, cũng dần dần được biến cải để có nhiều màu sắc Việt Nam.



*Đây là bên trong cửa Hàng Sa-Giang
Với những dụng cụ máy móc tối tân
Người đứng cạnh tủ lạnh là ông Lê Minh Triết
Chủ nhân đang điều khiển công việc*

Trong tương lai, món bánh phồng tôm Việt Nam có nhiều triển vọng được xuất cảng, khi nước Việt Nam hòa bình trở lại và nông dân Việt Nam có thể, ban đêm đi câu tôm, đặt lờ, dễ có đủ tôm sống cung cấp cho ngành săn xuất này.

Nghe xong sự trình bày và nguyện vọng trong tương lai của Ông Lê-Minh-Triết, chủ hãng bánh phồng tôm tàn tiển «Sa-Giang», chúng tôi bắt tay từ giả trong cảm tình lưu luyến, không quên đặt thêm một lời hỏi chót :

Hãng Sa-Giang hẳn sẽ càng ngày càng lớn mạnh thêm ? Ông đã có dự định chương trình xuất cảng ở ngày mai thế nào chưa ?

Ông Triết cười tin tưởng :

— Sao không ! Mì Nhật Bồn, mì Đại-hàn kia còn tràn ngập thị trường Việt-Nam được, thì trong tương lai, món bánh phồng tôm của ta tung ra trên thị trường ngoại quốc, hương vị có hơn chờ không kém chi mì Nhật, mì Đại-hàn đâu. Tự nhiên phải được ngoại quốc hoan nghênh. Và chừng ấy, hãng Sa-Giang chúng tôi cũng như các đồng nghiệp khác quyết nỗ lực đem chuông đi đánh xứ người.

Chúng tôi nhìn nhau nở nụ cười đồng ý.

SA ĐÉC DANH TIẾNG VỚI CÁC NGHỀ THỦ CÔNG

NGHỀ LÀM PHÁO BÔNG
 ĐỒ MÃ CHUNG CỘ, CHUNG QUẢ TỪ
 LÀM HÌNH NỐI TRÊN LỤA, ĐÈN SÁP

Thời đại khoa học phát triển đến cực điểm, mọi ngành dần dần đều được canh tân hóa, kỹ nghệ hóa. Tuy nhiên ngành thủ công, với sự khéo léo tay chân, với trí ý tinh xảo chế biến của con người, bao giờ cũng đáng được tưởng thưởng hơn máy móc. Tìm hiểu các ngành thủ công ở Sa-Đéc cũng có lắm sắc thái nỗi bậc hơn nhiều nơi khác. Thật thế, từ xa xưa tỉnh Sa-Đéc vẫn đã có nhiều tay thợ khéo nổi tiếng, nhất là ngành thợ bạc là ngành mà Sa-Đéc thiết lập lò đầu tiên và từng đem ra ngoại quốc triền lăm, rước lấy tiếng khen, như chúng tôi đã trình bày riêng ở bài trước. Ngoài ngành thợ bạc ấy ra, hãy còn có những ngành thủ công xuất sắc khác, có thể nói là đặc đáo, như mấy mươi năm trước đây, hiệu Thủý-Tiên đã nức danh với ngành tạo hình nổi trên lụa.

Chúng tôi tìm đến ông Trần-Quang-Huy, người Sa-Đéc, ông là chủ nhân hiệu «Thủy-Tiên», nhà sành xuất hình nổi trên lụa toàn quốc. Người sành thưởng thức nghệ thuật chân dung nổi trên lụa, hắn đều nghe biết tên hiệu Thủý-Tiên đã lừng lẫy tiếng tăm ở Sa-Đéc thuở nào. Nay nhân trình bày quyền «Sa-Đéc Xưa và Nay», nghỉ rằng khó thể bỏ qua mà không nhắc nhở đến hiệu Thủý-Tiên. Vì nếu không nhắc đến, tưởng cũng là một điều thiếu sót, và cũng phụ lòng một người đã có công với nền mỹ thuật nước nhà.

Gặp ông Trần-Quang-Huy tại tư gia ở đường Trần-Quốc-Toản Saigon, chúng tôi cho biết ý định sẽ nói đến nghệ thuật chôn-dung nồi, nghệ thuật làm đồ mã, chưng quả tử, mà ông là người đáng được nhắc lại phần nào. Ông mỉm cười khiêm tốn :

— Ấy chết, trong thiên hạ còn thiếu chi người tài giỏi.

Nhưng hiệu «Thủy-Tiên» của ông, cũng là một cái giỏi trong muôn ngàn cái giỏi đáng được ghi dấu vết đầy chờ.



Sa-Đéc từ xưa nồi tiếng với những nghề thủ công mỹ thuật. Đây là cộp đèn hoa sáp của hiệu «Thủy Tiên» sêng ché dầu tiên đồ dùng cho việc cưới hỏi.

Nghe chúng tôi ngắt lời như thế, ông Trần-Quang-Huy khẽ thở dài cảm xúc.

— Nếu được đời chẳng quên, âu cũng là một phần thưởng quý báu của những ai phung sự cho nghệ thuật.

— Vậy thì ông đã cho phép tôi nhắc đến rồi đấy nhé.

Sết tay nhau trong tình thông cảm, chúng tôi cùng bàng khuâng.

Vâng, ông Trần-Quang-Huy chính là miêu duệ của cụ Trần-Quang-Hựu, và thân sinh ông là Trần-

Quang-Hiền đã đóng góp cho nghệ thuật nước nhà qua những nghề làm đồ mĩ, chưng cộ, quả tử, Bát tiên kỵ thú.

Đình đám ngày xưa có làm lễ thì rước các vị này đến dựng rạp chưng dọn, ai cũng khen ngợi. Thời xưa có những hội chợ ở Saigon, chính quyền cũng cho rước đến trình bày nghệ thuật mỹ quan hấp dẫn thị hiếu của quần chúng. Tài khéo lẹ, mức tiếng xa gần.

Còn nghề làm hình nồi trên lụa do ông Trần-Quang-Huy sáng chế đầu tiên từ năm 1948 tại Sa-Đéc. Ông được cấp bằng của Bộ Kinh Tế phát vào năm 1948 và được nhiều giấy tờ ban khen.

Nghệ thuật làm hình nồi, đèn bông sáp, được đem triển lãm nhiều nơi trên Saigon, nhà hát lây (nay là trụ sở quốc hội),



*Một trong những bức tranh làm bằng lụa nồi,
do nghệ thủ oông Sa-Đéc sáng chế*

Phòng Thông-Tin, Tòa Đô-Chánh và các cuộc hội chợ, được quan khách chú ý và hết lời tán thưởng cho là nghệ thuật tinh vi. Nhờ vậy mà hiện ông được nỗi tiếng, ông đã đào tạo rất nhiều môn sanh thành tài mỏ tiệm nhiều nơi.

Ngẫm lại, người Việt-Nam mình làm cái gì cũng không kém nước nào cả. Người Âu-Mỹ họ rất quý trọng nghề làm bằng tay hơn là máy móc.

Sa-Đéc cũng như nhiều nơi khác trên toàn quốc, kè về nghề thủ công đều có nghệ thuật tinh vi, đóng góp cho xứ sở nhiều công lao đáng được tán thưởng, làm vinh diệu cho nước nhà chẳng ít.



LÒ THỢ BẠC XƯA Ở TÂN-PHÚ-ĐÔNG TIẾNG TÂM VANG TRUYỀN NGOẠI QUỐC

Ngày nay trên lãnh thổ Việt-Nam, không nơi nào là chẳng có lò thợ bạc, hiệu kim-hoàn. Và kề về sự khéo léo của các tay



Đi ảnh ông Huyện Lý Ngọc Sơn, người được tặng thưởng nhiều huy chương nhất, qua các cuộc đấu xảo đồ Mỹ Nghê của ông ở Âu-Châu từ 1906 trở đi...

(Ảnh sưu tầm)

thợ giỏi sáng chế các kiều nữ trang, ngày nay người thợ kim-hoàn nước ta cũng rước được nhiều tiếng khen ngợi. Nhưng chưa có lò thợ bạc nào được vinh hạnh như lò thợ bạc đầu tiên sáng lập ở Tân-Phú-Đông thuở trước.

Hơn 90 năm trước, Sa-Đéc từng dã nổi danh là nơi có nhiều thợ bạc giỏi. Những món nữ trang của họ sáng chế, kiều nào cũng sắc sảo và công phu vô kề. Bây giờ có ông Lý - Duy Thiện, kêu là Họ - Bửu, nghỉ đến danh dự của tỉnh nhà, nên khéo

tập hợp các tay thợ kim hoàn thật giỏi, sáng lập một tiệm thợ bạc đầu tiên ở Tân-Phú-Đông, trong năm Tự-Đức thứ 23 (Canh-Ngọ 1870).

Nguyên cụ Lý-Duy-Thiện vốn người sanh trưởng tại làng Tân-Phú-Đông, Tòng-An-Trung, tỉnh Sa-Đéc, là một nhà công nghệ trú danh. Từ năm Tự-Đức thứ 12 (1859), ông từng được

quan lại địa phương kính mến và tấm lòng hảo nghĩa, nên dâng sớ tâu về triều đình xin ân thưởng. Do đó cụ Lý-Duy-Thiện được vua Tự-Đức ban cho một tấm biển vàng khắc bốn chữ «Hảo Nghĩa Khả Phong». Từ khi cụ sáng lập lò thợ bạc, được hoan nghênh trong từng lớp dân chúng thì các mạng phu phu nhân, các tiểu thư khuê các thay đều trầm trồ thích ý với các kiều nữ trang tinh xảo, đua nhau mua sắm. Dần dần các tinh kẽ cặn nghe tiếng, cũng đỗ xô về Sa-Đéc lựa chọn những món trang sức theo ý muốn.

Đến năm 1878, có cuộc đấu xảo tại pháp quốc, chính quyền địa phương Sa-Đéc nghỉ ngay đến việc nên đưa nghề thợ bạc của tỉnh nhà sang pháp dự cuộc đua tài. Được khuyến khích và tự tin ở tài năng của đám thợ khéo trong tỉnh nhà, Cụ Lý-Duy-Thiện kêu là Hộ-Bửu chấp thuận, đem thợ khéo và các kiều nữ trang sang đấu xảo tại Ba-Lê. Kết quả tốt đẹp.

Sa-Đéc được nức tiếng khen về mỹ nghệ khéo léo và tài tình, nên chính phủ Pháp có ban thưởng cấp bằng danh-dự. Vì những kiều chạm trồ Long, Lan Qui, Phụng, hoặc những sáng chế đòi hỏi thật nhiều công phu linh xảo và khó khăn không mấy ai làm được, đã khiến người ngoại quốc phải trầm trồ.

Tám năm sau, vào năm 1885, có cuộc triển lãm ở kinh thành Anvers nước Bỉ (Belgique), chính quyền địa phương Sa-Đéc lại khuyến khích cụ Hộ Bửu đem chuông đi đánh nước người một lần nữa. Mà lần này lại là một nước tây phương xa lạ, đông đảo kỷ.Nghệ các nước dự cuộc đua tài khéo. Hơn nữa nhờ có kinh nghiệm ở kỳ đấu xảo tại Ba-Lê, và đã vững tin ở đám thợ giỏi của mình, cụ Hộ-Bửu đưa đoàn thợ cung của cụ đi dự triển lãm ở nước Bỉ. Quả nhiên, lần thứ hai, Sa-Đéc lại được ngoại quốc chú ý khen ngợi về tài khéo và ban thưởng bội tinh bằng đồng.

Bảy năm sau nữa, lại có cuộc đấu xảo lần thứ hai ở Bỉ, Sa-Đéc cũng ghi tên dự cuộc, và vẫn giữ tiếng khen với ngành chế tạo nữ trang.

Trước sau ba lần, cả mấy kỳ đấu xảo ở ngoại quốc đều được danh dự, kè cũng là một vinh diệu hi hữu cho nghề thợ bạc. Đúng là nhất nghệ tinh, nhất thân vinh. Tỉnh Sa-Đéc nổi tiếng thợ bạc khéo trong cõi Nam-Kỳ là cũng từ đó.

Danh vọng cụ Hộ-Bửu Lý-Duy-Thiện cũng được nêu cao, nghiêm nhiên là người đầu tiên dựng lò thợ bạc ở Tân-Phú Đông đã đem chuông đi đánh xú người hoàn toàn tốt đẹp.

Khi cụ Bửu-Lý-Duy-Thiện qua đời, người con là Lý-Ngọc-Sơn đắc cử Hội-Đồng địa hạt Đồng An-Trung. Hai lần, ông đem nghề thợ bạc dự cuộc đấu xảo ở Hà-Nội năm 1902, và cuộc đấu xảo ở thành Marseille nước Pháp năm 1906, đều được ban thưởng Chương Mỹ Bội-Tinh.

Nghề thợ bạc mà được phô trương ở ngoại quốc và rước được tiếng khen, thiết tuởng cụ Hộ-Bửu Lý-Duy-Thiện và con là ông Huyện Hàm Lý-Ngọc-Sơn kêu là Vĩnh phải được nêu danh muôn thuở.

Từ khi ông Lý-Ngọc-Sơn qua đời, thì ông Lý-Nhơn-Điền là con trai, hăng giũ một lòng kế nghiệp nghề thợ bạc của ông cha truyền để lại cho đời ông là tam dại.

Năm 1918, ông Toàn quyền Albert Sarraut đi kinh lý qua tỉnh Sa-Đéc có đến viếng lò thợ bạc của ông Lý-Nhơn-Điền, lúc bấy giờ Tham biện lĩnh Sa-Đéc là ông Striedter và ông chủ Quận Trưởng-Văn-Nga làm thông ngôn, quan sát lò thợ bạc

xem xét từ món nữ trang chạm trồ rất tinh vi, được sự khuyến khích và khen ngợi của ông Toàn quyền thời ấy.

Năm 1918 ông Lý-Nhơn-Điền đem đồ mỹ nghệ triều lâm tại Hội chợ Hà-Nội được bằng cấp danh dự (*Diplôme de mérite*). Năm 1922 tại thành Marseille (Pháp quốc) ông Lý-Nhơn-Điền được mời qua triều lâm đồ mỹ nghệ riêng một gian hàng tại đường Annamite Section indochinoise, được quan khách ngoại quốc chú ý hết lời tán thưởng.

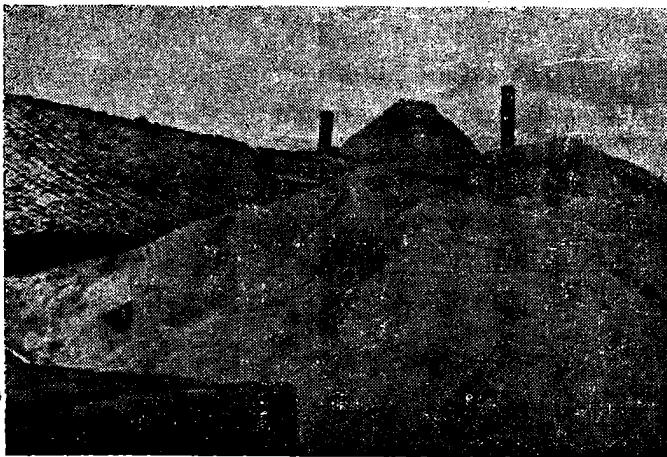
Lúc đó có Hoàng Đế nước Việt-Nam (Vua Khải-Định) ngự giá du lịch tại Pháp Quốc, có ân thưởng cho ông Lý-Nhơn-Điền một khuê bài Kim Khanh và được Hội đồng Bát Lãm thưởng bằng cấp thượng hạng và Kim bội tinh (*Diplôme de Grand Prix Médaille D'or*). Vua Cao Miên lại tặng Khuê bài Ngũ-Đambio Bửu-Tinh (*Chevalier de l'Ordre Royal du Cambodge*).

Tóm lại tinh Sa-Đéc được nỗi tiếng thợ bạc khéo nhất, trước tiên nhờ lò thợ bạc nhà họ Lý đem chuông đi đánh xứ người nhiều lần vang danh khắp chốn, đáng được nêu gương phụ truyền tử kế và cũng là vinh diệu cho tinh Sa-Đéc được người đời nhắc tới.



SA-ĐÉC VỚI NGHỀ LÀM GẠCH NGÓI ĐƯỢC NỒI TIẾNG TỪ XƯA ĐÓI NAY

Ăn mặc, ở vẫn là ba nhu cầu tối yếu của nhân loại. Từ bao giờ đến bây giờ, ai là người chẳng muốn ăn ngon, mặc đẹp, sang? Riêng về lãnh vực ở chồ sang, tự nhiên ai cũng nghĩ đến ngôi nhà gạch ngói, tường xây, nền đúc. Nào những chung cư, cao ốc, khang trang đẹp đẽ tất nhiên phải cần đến vật liệu tối cần là gạch ngói.



*Đây là một trong các lò gạch lớn trong tỉnh Sa-Đéc
Ở xã Tân Xuân của ông Trần Văn Quế*

Trong khi quan sát sinh hoạt kinh tế trong tỉnh Sa-Đéc, tìm hiểu qua các ngành kỹ nghệ lối tâú, các nghề thủ công đang trên đà cải tiến, chúng tôi được biết ở miền Hậu-Giang ngày xưa chỉ có Vĩnh-Long và Sa-Đéc có lò gạch trước tiên.

Hơn bốn mươi năm trước, ngay từ năm 1920, tại Sa-Đéc đã có đến 9 lò gạch mà hết 7 lò thuộc về của người Huê-kiều, còn hai lò thật sự do người Việt chủ trương. Một là của ông Hội đồng địa hạt (tức như Hội đồng tỉnh ngày nay) Nguyễn-Hữu-Cảnh và một lò của ông Cao-Hoài-Trung. Chín lò gạch nói trên, ở rải rác khắp nơi trong tỉnh: Mũi Cần-Lõ, Đất-Sét, Tân-Xuân, nằm về hữu ngạn tiền giang sông Cửu-Long, địa thế tiện lợi cho sự chuyên chở. Có thể nói, các lò gạch Vĩnh-Long, Sa-Đéc đã thu hút đông đảo khách hàng ở miền Hậu-Giang nhưng khi cần dùng đến các vật liệu xây cất ấy.

GẠCH NGÓI SA-ĐÉC DỰ CUỘC ĐẤU XẢO

Năm 1923, hội chợ Hà-Nội tung bừng khai mạc, các tỉnh trong Nam thời ấy, nơi nào săn xuất những gì đặc biệt, được quan đầu tỉnh Chánh Tham-biện khuyến khích đem món hàng ra dự cuộc đấu xảo, triền lami cho dân chúng khắp nơi thưởng thức. Những cái hay, cái khéo của từng địa phương, được giới thiệu đích đáng.

Bấy giờ tỉnh Sa-Đéc đã đem những món trang sức làm bằng tay do lò thợ bạc của ông Lý-Ngoc-Sơn sáng chế mà tham dự, và những bức hình phong cảnh tỉnh Sa-Đéc cũng được trưng bày. Đặc biệt gạch ngói dù kiều tinh xảo, đóng thùng cẩn thận, chở ra tận Hà-Nội để tranh khéo với các nghệ thủ công khác, và để đồng bào ngoài Bắc được biết.

Kết quả gạch ngói Sa-Đéc được các chuyên viên thẩm định cho là tốt nhất. Ban tổ chức cấp giấy ban khen thưởng. Rước được vinh diệu cho tỉnh nhà, các lò gạch Vĩnh-Long, Sa-Đéc từ ấy thạnh lên. Chánh quyền cũng nâng đỡ, khuyến khích bằng cách xử dụng ngay gạch ngói trong tỉnh săn-

xuất mồi khi xây cất dinh-thự, học-đường, Bệnh-viện, và các cơ quan công cộng.

NGHỀ LÀM GẠCH NGÓI NGÀY NAY

Sa-Đéc ngày xưa có thành tích vẽ vang nghề làm gạch ngói là thế. Nhưng hiện nay thì sao ? Điều thắc mắc của chúng tôi, được Ông Trần-Văn-Quế giải thích khá rõ, khi chúng tôi thân đến Sa-Đéc, tìm hiểu sinh hoạt của các lò gạch ở đây.

Ông Trần-Văn-Quế, chủ lò gạch ở xã Tân-Xuân, cách Châu Thành Sa-Đéc 3 cây số. Chúng tôi hân hạnh tiếp xúc với Ông, đề hỏi qua cách thức làm gạch và năng xuất mồi tháng được bao nhiêu ? sự tiêu thụ ngày nay so với xưa kia ra sao !

Ông Quế có vẽ cảm xúc, do dự giây lâu mới phát biểu ý kiến sau đây :

Như mọi người đều đã biết, ngày nay nhà cửa nhanh chóng những mái tôn (Tôle) nóng, tôn lạnh, hoặc loại Fibrociment, do các nước ngoài nhập cảng. Các nhà thầu cũng như tư nhân đều cho rằng các vật liệu ấy tốt và tiện lợi hơn.

Đành rằng cũng có tiện lợi thật, nhưng kẽ về mặt mát mẻ, không nóng, lâu hư, phải chăng thực tế đã chứng minh rằng ngói lợp có được cái công dụng tốt đẹp nhiều hơn ?

Rồi ông nhấn mạnh : Nếu các nhà thầu chịu khó phân tách sự lợi hại, giới tiêu thụ dùng trở lại ngói lợp nhà của xứ ta săn xuất, chăng những không mất một số ngoại tệ, lại tiết kiệm ngân quỹ biết mấy.

Chúng tôi gật đầu thông cảm lời Ông Trần-Văn-Quế, nâng đỡ hàng nội hóa, «Ta về ta tắm áo ta» thì còn gì bằng.

TẠI SAO GẠCH NGÓI SA-ĐÉC ĐƯỢC NỔI TIẾNG

Đặc biệt Sa-Đéc có nhiều chòi đất sét tốt, lại dồi dào các nguyên liệu để sản xuất gạch ngói hảo hạng, nên nổi tiếng hơn các nơi khác.

Ông Trần-Văn-Quế, chủ lò gạch xã Tân-Xuân, hướng dẫn chúng tôi quan sát lò gạch của ông, từ cách nhồi đất, in gạch, phơi gạch, sắp gạch vào lò v.v... công việc chạy rất đều. Mỗi mồi đều sắp đặt ngăn nắp, vén khéo.

Thông thường, lò gạch phần nhiều ở dựa lò và gần mé sông để chuyên chở thuận lợi. Một cơ sở làm gạch, có ít lăm từ hai đến năm miện lò.

Trong Miền Nam cũng lăm nơi làm gạch, như Mỹ-Tho, Biên Hòa, Hà-Tiên, Bến-Tre, Cà-Mau, nhưng phần đông giới tiêu thụ thích gạch ngói Sa-Đéc hơn các chòi khác.

Vì giá rẻ, gạch tốt, ở địa điểm ở giữa trung tâm miền Hậu-Giang, sự di chuyển dễ dàng, nhanh chóng.



Đây là những hòn gạch đã in xong
sắp đem vào lò hầm cho chín

Theo lời ông Trần-Văn-Quέ cho chúng tôi biết thêm : Hiện nay, tỉnh Sa-Đéc có trên 10 sở lò gạch, mỗi sở không dưới 100 nhân công giúp việc. Như thế nghề làm gạch đã giúp đỡ một số nhân công có công ăn việc làm hàng ngày. Nền kinh tế tỉnh nhà được hưng thịnh, do sự đóng góp của các công nghệ tư nhân, đáng được khích lệ và nâng đỡ.



CÔNG KÝ NGHỆ SA-ĐÉC TRÊN ĐÀ PHÁT TRIỂN DẠO QUA CÁC HÃNG NƯỚC ĐÁ

Nghe chúng tôi bày tỏ ý định viết về Sa-Đéc Xưa và Nay, trinh bày đủ mọi lãnh vực của tỉnh này, cũng như bao tinh khái mà chúng tôi đã thực hành hoặc đang trong dự định, nhiều nhân vật tại Sa-Giang tỏ ý tán thành và giúp đỡ, khiến chúng tôi cảm động tri ân.

Dưới sự hướng dẫn của một công chức hời hưu, đã sống lâu năm tại Tỉnh Sa-Đéc (ông Huyện Nhượng, cựu Trưởng Ty Büro-Biện), chúng tôi được biết tại Sa-Đéc hiện nay có những hảng nước đá đang sinh hoạt khá qnan :

1. SANH-PHÁT — Tại Trung Tâm Châu Thành
2. TÂN-VIỆT — Cách châu Thành 500 thước
3. KIM-SA — Cách châu Thành 1.500 thước
4. TÂN-PHÁT — Quận Đức Tân
5. THANH-BÌNH — Nha-Mản và hảng của ông Năm Thâu & Lấp-Võ.

Trong các hảng nước đá mà chúng tôi có dịp viếng thăm, có thể nói hảng nước đá Kim-Sa là hảng được tò chửa, khá chu đáo. Ngoài những máy móc tối tân trang bị vén khéo, chủ nhân còn lo nơi ăn chốn ở của nhân viên đủ tiện nghi.

Để bảo vệ sức khỏe cho người giúp việc, cũng như làm tăng uy-tín cho hảng nước đá, vị Bác-Sĩ Trưởng Ty Vệ-Sinh và Ông Phụ-tá (Bấy-Thiệt) vẫn thường lui tới xem sóc hệ thống đặt ống nước và các hồ lọc của hảng. Bằng chứng là một sự

trùng hợp ngẫu nhiên lúc chúng tôi ghé viếng hang nước đá Kim-Sa, gặp ngay vị Bác-Sĩ Trưởng Ty Vệ-Sinh và ông Phụ-tá Thiệt đang từ trên hò lọc nước (cao 5 thước) leo xuống. Bác sĩ và ông phụ tá niềm nở cho chúng tôi biết sự chăm sóc ấy rất có lợi cho quần chúng và chủ hang, vì đủ bảo đảm giá trị tinh khiết của những khối nước đá do hang sản xuất ra.

PHƯƠNG PHÁP LỌC NƯỚC VÀ LÀM RA CÁY NƯỚC ĐÁ

Nước từ dưới sông bơm vào bể chứa và lồng phèn trong 48 tiếng đồng hồ mới được bơm qua hệ thống lọc. Hồ lọc vuông vừa 1 thước và cao 5 thước. Trong Hồ lọc này chứa đựng 4 lớp đá : Đá lớn lót phia dưới và lăn lăn những lớp đá nhỏ nhỏ lót bên trên. Và thêm vào hai lớp cát. Cát to lót dưới, cát nhỏ lót trên.

Nước phải chảy qua 6 lớp đá cát nối trên, rồi mới chui vào một ống có khoan nhiều lỗ nhỏ nằm phía dưới ống. Nước lọc xong rồi, lại chạy vào một bể khác một lượt với thuốc khử trùng. Sau 20 tiếng đồng hồ, nước lọc được được khử trùng tinh tế, mới được bơm vào khuông nước đá, để hoàn thành những cây nước đá trong và đặc, bảo đảm tinh khiết.

Về việc súc hò và rửa đá cát, thì phải dùng nước sạch để rửa. Nước bơm từ dưới đáy hò lọc, tràn ngập trên những lớp cát trong hò và kéo theo những chất bợn, bụi, băm tràn trên miệng hò và thoát ra ngoài.

Bác-sĩ Trưởng Ty Vệ-Sinh cũng cho chúng tôi biết :

Hiện nay ở Sa-Đéc, chỉ có hang nước đá Tân-Phát (Quận Đức-Tôn và hang nước đá Kim-Sa là áp dụng phương pháp lọc nước theo sự chỉ dẫn của Bác-sĩ. Và Bác-sĩ cũng hy vọng

rắng trong ngày gần đây, các hảng nước đá khác trong tỉnh cũng nên áp dụng phương pháp kè trên.

CẢM NGHĨ CỦA CHÚNG TÔI ĐỐI VỚI HÀNG NƯỚC ĐÁ KIM-SA VÀ CÁC HÀNG KHÁC, TRONG TƯƠNG LAI.

Cùng với ông Huyện Nhượng thăm viếng hảng nước đá Kim-Sa, chúng tôi đã quan sát rất kỹ. Hàng Kim-Sa kè khá lớn lao, đồng chuyên viên lúc trực săn sóc về kỹ thuật và nhiều nhân công chăm sóc mọi hoạt động trong hảng, theo hệ thống giầy chuyền. Chủ nhân hàng Kim-Sa đã vui vẻ cho chúng tôi biết, mỗi ngày hàng săn xuất trên 500 cây nước đá tiêu thụ tại Sa-Đéc và các vùng phụ cận. Hàng có xe chở đi giao cho các đại lý đặt sẵn trong tỉnh, có khi chở qua các tỉnh kế cận, đề cung



Một tiềng hảng nước đá Kim Sa
một trong những hảng kiều màu ở Sa-Đéc

trung thỏa mãn mọi nhu cầu của đại lý và khách-hàng. Hơn nữa, còn có nhiều ghe xuồng bơi tới chở nước đá về bỏ mối, hoặc bán lẽ. Cuộc sinh hoạt phồn-thịnh, tạo cho địa phương một sắc thái tươi đẹp, đầy triển vọng.

Kỹ Nghệ làm nước đá, nếu được giới tiêu thụ tin nhiệm càng đầy đủ phương tiện để tối tần hóa hơn lên, át càng có cơ sở lớn lao. Sa-Đéc, một tỉnh mới vừa thu hồi lại địa vị cũ gồm có 4 quận, nay đã có tới 6 hảng nước đá tiêu thụ mạnh, thật là hưng thịnh, và trong tương lai có thể còn phát triển thêm nữa.



SẢN PHẨM THẠNH HÀNH NGANG VỚI BÁNH PHỒNG TÔM, NGHỀ LÀM BỘT MÚC Ở SA ĐÉC

Bánh phồng tôm Sa-Giang có tiếng bao nhiêu, thì nghề làm bột mucus ở tỉnh này cũng được hoan nghênh bấy nhiêu. Du khách đến Sa-Đéc, thường thức món bánh phồng tôm, hẳn liên tưởng đến ngay đến ngành bột mucus ở đây. Lâu nay các nhà làm bột ẩm thầm phát triển nghề mìn, đóng góp vào cuộc sinh hoạt kinh-tế của tỉnh nhà, khá nhiều khởi sắc.

Chúng tôi có dịp đến thăm các lò bột ở bên bờ sông Sa-Đéc xã Tân-Hưng, Cái-Tôm (An-Tịch). Xêo-vạt và vô Bình-Tiên, Tân-Phú-Trung, lèn Hòa-Long, Long-Hậu, quan sát mồi địa phương rải rác trong tỉnh có làm một ít nhiều nghề làm bột ở đây, phải đồng người trong gia đình hiệp nhau mà làm. Có chỗ khuếch-trương nghề nghiệp thì mướn thêm nhiều nhân công, tăng gia năng xuất, cung cấp trên thị trường hiện nay. Nhất là ở miệt Cái-Tôm thanh hành hơn hết trong nghề làm bột mucus, bột làm rất tốt, trắng phau và ở xã Tân-Xuân có những lò làm hủ tiếu bán cũng mạnh.

Tiếp xúc với các chủ lò quanh vùng, chúng tôi hỏi về kỹ-thuật làm bột và nhấn mạnh câu phỏng vấn :

Bột ở đây làm thế nào được trắng và tốt như thế ? Các chủ lò niềm nở giải đáp. Sở dĩ bột mucus Sa-Đéc được tiếng ngợi khen trắng tốt, là nhờ con nước sông Sa-Đéc quanh năm vẫn ngọt, không phèn. Do đó bột ở đây đặc biệt hơn các chỗ khác.

Để thỏa mãn sự tò mò hiếu của chúng tôi, một trong những chủ nhân lò bột ăn cần nói rõ về kỹ thuật làm bột từ trước đến nay và sự tiêu thụ trên thị trường.

KỸ THUẬT VÀ NĂNG XUẤT TIÊU THỤ BỘT MÚC

Thông thường ai cũng biết, làm bột thì dùng gạo hay nếp đem ngâm cho hơi mềm, rồi vớt ra bỏ vào cối đá xanh mà xay. Ngày trước hầu hết nơi nào cũng xay tay, nhưng ngày nay thì canh tân bằng máy móc, không xay bằng tay nữa. Máy xay bột chế biến bằng một máy duôi tôm chuyền bắt một sợi giây tròn qua cối đá cho máy chạy. Động cơ chuyền mạnh, cối đá xay nhanh, gạo hoặc nếp xuống bột nếp nhuyễn. Phương pháp xay bột bây giờ hiệu quả hơn trán lần xay tay theo lối xưa. Bột nhuyễn rồi, chan ra nhiều lu, khạp, hò, đồ nước vô ngâm. Hằng ngày tě nước ra nhiều lượt, thay nước mới ít lầm là một tuần. Để cho bột thật nhuyễn, lọc ra cho thật ráo. Đoạn bẻ bột bày ra nia, ra vỉ, đem phơi độ ba bốn nắng cho thật khô. Công phu hoàn tất, đến giai đoạn cân bán cho các vựa Huê-kiều trong tỉnh, hoặc ở Saigon, Cholon về chế biến ra, vô bao, vô hộp để phát hành cho giới tiêu thụ toàn quốc.

Căn bột thì chủ lò cho heo ăn rất mau lớn. Nhà chủ lò nào cũng nuôi ít lầm là cả chục con heo. Một số nhà khác thì nuôi vịt, cũng cho ăn căn bột : loại vịt này thịt ngọt hơn các vịt thường, với giá từ 1.500\$ mỗi con. Người sành điệu đến Sa-Đéc muôn ăn thứ vịt nuôi bột mức đến lò mà nài với giá nào cũng chẳng ngần ngại.

Chúng tôi được biết, hằng năm ở Sa-Đéc sản xuất trên 10.000 tấn bột mức : thu vào một số lợi tức đáng kể. Nhờ thế

mà đời sống đồng bào ở đây được khá giả, mỗi gia đình ở đây đều có công ăn việc làm, khỏi lâm vào cảnh thất nghiệp.

Trong tương lai, bột Sa-Đéc có thể được xuất cảng ngoại quốc, thì xứ ta có thêm một số ngoại tệ, và nghề làm bột ắt sẽ được canh tân hóa sâu rộng hơn nữa.

Trên tinh thần vô tư, chúng tôi không hề làm quãng cáo hoặc đề cao cho một ngành sản xuất nào cả : mà chúng tôi chỉ nói lên tiếng nói trung thực với tính cách lím hiều để làm tăng thêm giá trị sản phẩm của miền Nam nói chung và tỉnh Sa-Đéc nói riêng, hầu khuyến khích các ngành này mạnh tiến trong việc sản xuất làm cho dân giàu nước mạnh. Người Việt-Nam phải xài sản phẩm Việt-Nam để khỏi lỗn một số ngoại tệ.



CHIẾU SA-ĐÉC VĂN ĐÁNG KẾ

Có nhà nào mà không xài chiếu ? Có điều, đời nay mọi ngành
mọi nghề đều canh tân, phải triền cho đến chiếu ngày nay cũng đã
bước sang qua giai đoạn chiếu Nylon rồi. Chiếu Nylon đã tiêu
thụ khá mạnh trên thị trường. Nhưng người Việt-Nam, dầu sao,
vẫn còn cảm thấy lưu luyến với hương vị đồng quê, bưng, lát,
cói, mà... bao nhiêu lát là bấy nhiêu... « Tơ » dệt chiếu. Để
cho quan cảnh đồng quê thêm đậm đà thi vị :

Sáng trăng trải chiếu hai hàng

« Bên anh đọc sách bên nàng quay tờ.

Dệt chiếu bằng Nylon, đẹp thì có đẹp, bền tốt vẫn có bền
tốt thật, nhưng mà sao như thấy thiếu đi nhiều những điều đáng
cảm động, đáng nâng niu triều mến đát nông dân tay lấm chân
bùn, trong cảnh lặng lẽ đi tìm lát, lấy lát đem về dệt thành
chiếu trăng. Chiếc chiếu có nhiều công khò, nhiều mồ hôi nước
mắt, kề ra ai nở quên cho đành. Có chiếu Nylon mà phụ tinh
chiếu Lát, ấy cũng là cái cảnh « có Lê quên Lụu, có trăng quên
đèn », đáng phàn nàn lắm đấy nhé ai ơi !

Nói về chiếu, đành là chiếu Năm-Căn, Cà-mau là đáng ngợi
nhất, và cũng là công khò nhất nơi đồng sâu nước mặn của
miền cực Tây đáng mến. Rồi phải kể đến chiếu « Tà-Niên » Rạch
Giá. Nhưng du khách đến viếng Sa-Đéc, xin cũng đừng quên
rằng nơi đây cũng có công nghệ làm chiếu đáng được ngợi khen.

Có thể nói chiếu Sa-Đéc chẳng thua gì chiếu Năm-Căn, cà-
mau, hoặc có thể hơn nữa là khác. Nghề dệt chiếu trăng rất

tốt phát đạt tại làng Tân-Đông, tổng An-Thạnh-Hạ, chiếu dệt dài, đẹp, trắng tươi tốt, màu ura nhìn.

Về kỹ thuật làm chiếu lát, không nói thì ai cũng rõ, cực và công phu hơn chiếu Nylon. Lát đem về chẽ lấy ruột ra rồi đem phơi, đoạn lựa chọn ra nhiều loại để dùng cho chiếu khô nhứt, khô nhì hay khô ba. Khi dệt muốn cho chiếu dày hay mỏng là tùy người,

Chiếu làng Tân-Đông có tiếng. Và rải rác ở các xã khác quanh vùng tổng An-Thạnh-Hạ, cũng có nhiều nhà làm nghề dệt chiếu. Cuộc sinh hoạt xem ra cũng đang tích cực phát triển mạnh. Trong tương lai, thị trường chiếu ở Sa-Đéc sẽ được nhiều nơi chú ý.



TÂN-QUI-ĐÔNG HOA THƠM CỎ LẠ NƠI SẢN XUẤT HOA KIÈNG TOÀN QUỐC

Chúng tôi đến Sa-Đéc tìm hiểu qua ngành trồng hoa kiêng, vì nghe rằng vùng Tân-Qui-Đông là nơi sản xuất hoa-kiêng toàn quốc. Quả thật Sa-Đéc danh bất hư truyền là vùng có nhiều hoa thơm cỏ lạ.

Trong những dịp lễ lớn như Phục-sinh, Giáng-sinh, Tết Nguyên-Đán v.v... thị trường hoa kiêng ở Sài-gòn, Chợ-lớn một phần chín do Sa-Đéc đã cung ứng khá nhiều làm thỏa mãn lòng du khách yêu thanh chuộng đẹp.

Từ xưa tới nay, tại Sa-Đéc có nhiều chủ nhân các vườn hoa kiêng chuyên môn trồng nhiều loại kiêng theo lối cổ, có gốc trên 100 năm. Nào là cẳng-thăng kim-quất, bùm sụm, huỳnh mai, bạch mai, khế, me, sung v.v... Tay chuyên môn uống nắn từng cành lá, biến chế thành nhiều kiều ; xuy-phong chiểu thủy, chiết chi, dã thú, bát tiên quá hải, đù cá hình thề, muôn vàn tên gọi nghe thích thú hấp dẫn lạ lùng. Nghè chơi cũng lắm công phu. Nhìn những chậu hoa kiêng thiên nhiên đã đẹp, lại được thêm bàn tay nhân tạo diễm xuyệt vào, cành trang ưa nhìn càng đẹp bởi phần. Chơi hoa kiêng vẫn là thú chơi tao nhã, truyền thống của dân tộc ta từ xưa.

Ngày nay con cháu vẫn nối tiếp theo truyền thống ấy. Nhưng lại còn canh tân trồng nhiều loại hoa kiêng của các nước Tây Âu đem giống qua nước ta. Các loại kiêng mới như: Tùng Nhựt-bồn, lùng Bồ-đào-nha, Sơn-tùng, Thanh-tùng, van-niên-tùng của Việt-Nam. Bông giấy Thái-Lan, Nam-Mỹ, loại này bông nở ba tháng mới tàn. Hồng Cúc, Hương, Thược-Dược,

Trúc đào, Lan-cúc, Sứ Án-đô, các loại này mới thứ có năm bảy giống. Người chủ vườn hàng ngày đều có mặt ngoài vườn kiềng, tự tay chăm sóc nắn niu, ủ phân, xới đất, khử sâu bọ, vò phân tưới nước để thuốc sát trùng. Công càng dày dặn chừng nào, thì đến lúc nhìn thấy kết quả lòng càng hân hoan chừng ấy: Đây vườn hoa kiềng khoe tươi, khoe thắm, phô dáng, làm đẹp làm duyên còn gì thích thú bằng, tha hồ nhìn ngắm say sưa thỏa mãn.



*Vườn Hoa Kiềng ở Rạch thông lưu Tân Qui Đông
là nơi sản xuất toàn quốc*

Đắc ý trọng tinh thần, lại cũng đắc ý trên thực tế, vì theo thời giá, một vườn hoa kiềng đem trưng bày chiêu khách thường hoa, ắt sẽ thu vào một mối lợi khá tương xứng với công phu chăm sóc.

Bảo rằng công phu rất mực, vì trồng kiềng quả thật là một vần đẽ công phu và nghệ thuật. Mỗi vườn hoa kiềng từ hai công

đến 5 công đất, cả đồi ba ngàn gốc. Đến kỳ chở lên Saigon bán sỉ cho các vựa lớn ở các nẻo đường Nguyễn-Trải, Trần-Hưng-Đạo hoặc các tỉnh kế cận.

Nơi trồng kiêng quả thật là một vấn đề công phu và nghệ thuật. Mỗi vườn kiêng nhiều nhứt trong tỉnh Sa-Đéc là vùng xã Tân-Vĩnh-Hòa, ấp Tân-Mỹ, Rạch Thông-Lưu, gần sông Cửu-Long. Khi xưa nơi đây gọi là Tân-Qui-Đông, là nơi nổi tiếng có nhiều hoa kiêng cồ và tân thời, ai muốn dùng loại nào cũng có.

Tại đây có nhiều chủ trồng lớn, đất rộng, sum xuê vườn kiêng, rực rỡ trăm hoa đua sắc tranh hương. Những vườn hoa hoa kiêng có tiếng hiện nay ở Sa-Đéc, là vườn của quí ông Văn-Phép, Dương-Hữu-Tài (tự Tư-Tôn), Tống-Văn-Huệ, Mười Cẩn, Năm Sáu, Hai Hương. Đó là những vị chủ vườn lớn. Ngoài ra còn có trên 20 nhà trồng ít chừng vài trăm gốc.

Trên thị trường hoa kiêng, theo sự hiểu biết của chúng tôi, mỗi tháng các nhà trồng nhiều sẽ thu vào một số lợi nhuận đắt khá, vì ít nhứt không dưới 40.000 đồng. Ấy là số thu trong những tháng thường. Vào khoảng tháng chạp đến tết Nguyên-Đán, có chõ bán trên năm ba trăm ngàn.

Đã kè qua tên tuổi quí ông chủ vườn kiêng hiện tại, thiết tưởng cũng nên nhắc đến lớp người xưa đã sống với nghề này mà nay đã quá vãng, như quí ông: Võ-Văn-Phu, Trần-Văn-Dậu, Phạm-Văn-Xoài, Phạm-Văn-Nhụ. Người trước đã dọn đường cho lớp sau tiến bộ trong ngành vụn bồi hoa kiêng. Người lớp đã để tiếng với đời bởi khéo tay trồng trọt, giàu kinh nghiệm dồi dào, cộng thêm với kiến thức mới trong đời

sống khoa học thịnh hành, cố nhiên nghề nghiệp lại thêm tiếc bô vượt bức.

Trước đây, biên soạn bộ Vĩnh-Long Xưa và Nay, với tất lòng yêu thanh chuông đẹp, luôn luôn tìm hiểu tìm biết những gì đã tò mò điểm quê hương thêm đẹp thêm tươi, chúng tôi vẫn đã dành để cảm tình đối với các vị trồng hoa kiêng ở đất Vĩnh. Nay trình đến phần tỉnh Sa-Đéc, chúng tôi càng thêm nồng cảm tình với mảnh đất khét tiếng trong ngành hoa kiêng. Rõ là mỗi nơi đều có những sản phẩm đặc biệt mà chúng ta không để ý, nay hiểu ra nơi biết Sa-Đéc là nơi sản xuất và cung cấp cho toàn quốc các loại hoa kiêng để tăng vẽ đẹp cho đất nước, để vừa lòng những khách sành điệu thường trú. Xem hoa ngắm kiêng, từ nay khách phong lưu hẳn sẽ có thêm động người hương về Sa-Đéc mà dành cho một tinh lẻ ở miền Hậu-Giang này nhiều thiện cảm.

oOo

VƯỜN KIỀNG CỎ THỤ

XÃ TÂN-HƯNG

Các nhà sưu tầm hoa kiềng, đồ cổ, không một ai không đề ý tìm đến thưởng thức phong quang sân kiềng của một nhân vật có tiếng tăm trong tỉnh Sa-Đéc. Ấy là vườn kiềng có thè nói là duy nhứt, đẹp và hấp dẫn linh động, do bàn tay chăm sóc của ông Ngô-Văn-Hay (tự Ký).

Chúng tôi đến Sa-Đéc, được sự hướng dẫn của ông Phan-Đinh-Minh và Ông lá Nguyễn-Văn-Bê, đến thăm ông Ngô-Văn-Hay và xem vườn kiềng của ông. Chủ nhân vườn kiềng vốn là một vị giáo chức hời hưu. Ngôi nhà Ông-cất day mặt ra phía bệnh viện Sa-Đéc, phía bên kia bờ sông thuộc về xã Tân-Hưng.

Vào đến nơi, chủ khách cầm tay lai láng cẩm tinh. Xong một luẩn trà nước, hanh huyên, chúng tôi nối gót chủ nhân vòng ra sân trước mé hông nhà mà tha hồ ngắm kiềng xem hoa. Thật ra, lúc mới bước vào cổng nhà ông Hay, chúng tôi đã sẵn niềm luyến mến sự phong nhã của chủ nhân, qua phong cảnh thanh tàn khả ái của vườn kiềng khéo chăm sóc khéo trình bày. Giờ đây, trước sự ân cần giới thiệu của chủ nhân về các loại kiềng mà ông đã trồng, nghe giọng nói nhiệt thành, ngắm dáng điệu say mê giải thích, chúng tôi có cảm tưởng chủ nhân như tin đồ sùng đạo đang tuyên dương giáo lý Vàng, nghè chơi cũng lầm công phu. Say mê đeo đuổi theo bất cứ một công trình nào, áu cũng là một tín đồ ngoan đạo chờ sao. Đạo đây là Nghệ thuật trồng hoa kiềng, mà tín đồ sùng đạo là ông Ngô-Văn-Hay đang thao thao bất tuyệt kè rành rọt cho

chúng tôi hiểu biết, lôi cuốn chúng tôi vào chỗ chung chia niềm say mê thích thú với ông.

Các loại kiêng của ông Hay vun trồng chăm sóc, lăm le đã có từ trên thế kỷ. Nào những : Khế, Me, Cẳng-thăng, kim quýt, mai chiếu thủy, tùng, v.v... Mỗi gốc cắn cội già nua, có gốc trên 150 năm mà ông vẫn chăm giữ đến ngày nay. Đó là những gốc kiêng do thân nhân để lại nhiều đời, uốn nắn theo lối cõi. Quan sát sân kiêng của ông, chúng tôi nhận thấy có tất cả gần 100 gốc, gốc nào cũng lâu năm, ít ra cũng từ 50 năm trở lên.

Xem qua mản nhãn, lại được chủ nhân cho hiết về sự vun trồng vườn kiêng của ông. Không như bao nhiêu người khác đã trồng kiêng với tấm lòng hờ hững trồng cho lấy cỏ, cho ra vẽ phong lao nhã lịch với đời thế thới, trái lại ông Ngô-Văn-Hay trồng kiêng với tinh thần nhiệt thành say mê tận bậc. Lại vun



*Vườn Kiêng cõi thụ nhứt của tỉnh Sa-Déc
lạa lạc tại xã Tân Hưng của ông Ngô Văn Hay*



trồng một cách tận dụng công phu, dụng tâm, dụng ý, cực-kỳ tinh tế; độc đáo. Ông sửa theo thể «trực lập» tức là ngay thẳng và một đôi cặp «kiều tú» (cây lớn nhỏ dính lại, như tình cha con lưu luyến, như bậc huynh trưởng tỏ lòng ưu ái với đàn em cháu).

Trải xem dàn kiêng của ông, chúng tôi chẳng khỏi trầm trồ khen ngợi. Từ lâu đã đặt chân đi nhiều nơi mà chưa hề gặp một dàn kiêng nào xứng đáng như dàn kiêng của ông Hay.

Theo sự ước lượng của chủ nhân, dàn kiêng của ông hiện nay trị giá mấy triệu đồng. Đã từng có lăm người biết tiếng vườn kiêng của ông, đến thưởng thức và tỏ ra sành điệu, nài ông nhượng lại một gốc với số thù tạ hai ba trăm ngàn bạc. Nhưng đã bảo rằng ông là hạng lao nhân phong nhã, cố nhiên ông vẫn thường từ chối không bán. Nghệ thuật là vô giá. Đã vì nghệ thuật mà tận tâm tận tụy, có bao giờ ai nở đánh giá những đứa con nghệ thuật của mình theo lối con buôn. Vườn kiêng đã xinh, phong thái của chủ nhân lại cao khiết, ấy là chỗ chinh phục được cảm tình và lòng kính mến của những ai từng đến viếng qua một lần.

Nghé đâu có lần ông tặng cho cố Tông Thống Ngô-Đinh-Diệm bốn gốc kiêng rất quý để lưu niệm, được Tông-Thống khen ngợi nghệ thuật trồng kiêng của ông, và những nhà tài mắt trong tỉnh, những du khách đến viếng, đều chẳng tiếc lời khen tặng, Âu cũng là một phần thưởng tinh thần xứng đáng.

Thú chơi kiêng, chẳng những đòi hỏi nhiều công phu chăm sóc, mà lại còn phải nhẫn耐, bền chí, mới mong có được một vườn kiêng cho ra hồn. Đã thế thú chơi kiêng cũng là một thú chơi nho nhã, phi báu người có cốt cách phong-lưu, có tâm

hồn thanh cao, có ý chí thẳng thắn, không thè tạo dựng được phong quang khả ái thần tiên, đè mà thường ngoạn, đè di dường tâm thần.

Huống chi, « Sơn trung tự hữu thiên niên thọ »,
 « Thế thường nan phùng bá tuế nhân ».
 (Trong núi ngàn năm cây vẫn có),
 (Trên đời trăm tuổi được bao người ?)

Gầy một dựng vườn kiềng toàn những thứ lâu năm, kè thật cũng đáng cẩm phục. Loại cây trồng dưới đất trăm năm vẫn có, nhưng kiềng trồng trong chậu trên trăm năm thật chuyện hi hữu.

Các cụ thâm nho ngày xưa thích chơi kiềng, thường uống trà ngâm thơ vịnh phú để tiêu khiển thì giờ. Nơi nào còn giữ được những vật xưa, tức là biểu dương được tinh thần tὸn cồ.

Tại Sa-Đéc, ngoài vườn kiềng quý giá cả về vật chất lòn tinh thần của ông Ngô-Văn-Hay, hãy còn có lăm nhà trồng kiềng khác, nói lên nét cao quý của Sa-Đéc trên phương diện chơi thanh chơi tĩnh, làm tăng giá trị nhân vật thanh nhã của vùng đất quê hương.

Chúng tôi khi ra về, luống những bàng khuất luyến mến

MỘT NGUỒN LỢI THIÊN NHIÊN

VƯỜN CÒ LỘ THIỆN TRÀM CÒM XÃ LONG-THẮNG

Trên mảnh đất miền Nam Việt-Nam, từ xưa tới nay có rất nhiều sân chim, sân cò. Nhất là vùng Năm-Căn Cà-mau, Rạch-Giá, có nhiều khu vực vắng-vẽ, xa dân chúng, các đàn chim như cò, diệc, thường tụ họp về trên một khoảnh đất nào đó đông vô số. Chúng sanh con dễ trứng nhanh chóng nên không mấy lúc thì cánh chim sắp sè bay liệng che rợp một góc trời. Hoặc khi chúng quần tụ tại trong sân, lũ khū đầy đàn, trông ra đen nghịt hay trắng toát một vùng. Hằng ngày chúng chia nhau bay đi nhiều nơi nhiều ngã mà kiếm ăn hoặc tha mồi về cho đám con. Cá mắm mồi ngày chúng bắt ngoài sông rạch đồng ruộng, đem về làm lương thực dự trữ, hay nuôi con, rời rót dọc đường, hoặc bỏ ngang bỏ dọc rải rác quanh vườn, chủ vườn nhặt đem về làm mắm bán cũng nhiều tiền. Đến mùa chúng sanh săn, hốt trứng bán con vô số kề. Lớp bắt giết các con đú lông đú cánh đè lấy bộ lông kết quạt, cũng sinh lợi đáng kể. Nguồn lợi thiên nhiên ấy, đem lại cho chủ vườn số lợi tức hàng năm rất kha quan.

Trong quyển «Bạc-Liêu xưa và nay», chúng tôi đã có nói đến sân chim ở Cà-mau. Nay viếng tỉnh Sa-Đéc, đến quan sát tận chỗ về vườn cò lộ thiên Tràm-Còm, chúng tôi xin có thêm bài này để bạn đọc biết rõ hơn.

Tại Sa-Đéc ngày nay có một vườn cò, diện tích độ ba công đất thuộc xã Long-Thắng, từ chợ Hòa-Long vô đây chừng 14 cây số ngàn, Vị trí nằm trên một cánh đồng bao la, giữa có một



Vườn Cò ở Tràm Cùm xã Long Thắng

vườn cây cà nà, gạo, xung quanh là ruộng lúa. Lối vô là con rạch từ Hòa-Long chạy thẳng tới Sảng-Trắng, hai bên đồng ruộng bao la rẽ về phía tay trái, dọc theo rạch nhỏ thì đến vùng đất qui tụ đàn cò, tục gọi vườn cò.

Với tánh hiếu kỳ muôn biết sự thật ra sao, sẵn dịp đi viếng Bảo Tiền, Bảo Hậu, chúng lôi thẳng vào vườn cò để quan sát một lần cho rõ, đường đi hơi vất vả. Cỏ mọc dày bịt bưng bit lối đi, lại thêm hàng cây điên-điên mọc hoang, ngăn đường cản néo trở ngại thêm phần nào... Ngồi ghe đến đây, phải vách cây lá vẹt đường, đứng mũi chịu sào chóng đầy mới lướt lên được đè vào tận chỗ.

Nơi gọi là vườn Cò, tư bè vắng vẽ, thích hợp cho chim trời qui tụ. Nhà dân thưa thớt, xa trong thấp thoáng dội ba mai lá lều tranh. Mấy năm về trước vùng này mất an ninh, ~~nay~~ ~~đã~~

được hoàn toàn tối đẹp. Du khách ở Sa-Đéc cũng như các tỉnh kế cận, thường đến đây để mua cò con và các loại chim con khác đem về nuôi, hoặc làm thịt.

Chúng tôi vô dến nơi, gặp ông Lê-Văn-Dương một nông dân ngoài 70 tuổi ngồi trong một căn nhà lá nhỏ hép cất giữa vườn cò. Chính ông là chủ miếng đất này. Vui niềm nở. Chủ khách ân cần trao đổi vài ba câu chuyện hàn huyên, rồi thì chẳng bỏ lở mục đích viếng thăm, chúng tôi hỏi ngay những gì cần hiều. Ông cho biết: Vườn cò này có cách nay bốn năm năm. Khi trước, địa điểm vườn ở một chỗ khác, mới về đây chỉ có mấy năm thôi.

Chúng tôi ra sân, Giăng giăng hàng cây thẳng tắp bao quanh khu vực, rải rác đó đây trên các ngọn cây, hàng đàn cò trắng đứng ria lông. Chen lộn với đàn cò con, xem ra còn thấy có các loại chim khác như cồng-cộc, diệc, làm ồ trên các ngọn cây. Lớp bay, lớp đậu, vẫn vù một khung trời. Quang cảnh trông thật cũng vui mắt, nhưng cực nỗi đàn chim bài tiết làm dơ đáy khu vực chúng ở, không khi có nhiều ngọt ngọt. Nếu không từng sống quen giữa thiên nhiên trong khung cảnh ấy, du khách khó đứng lâu nhìn ngắm cho mãn nhãn.

Hỏi qua cách sanh sẫn của loài cò, ông Dương bồi bưởi đáp lời chúng tôi: Vườn ông có cả ngàn con về ở. Nhất là từ khoảng tháng hai đến tháng 10, đàn chim bắt đầu sanh đẻ. Mỗi con cò đẻ nhiều lắm là 4 trứng. Khoảng thời gian ấp trứng cho đến khi lớn là một tháng rưỡi. Muốn bắt cò con đủ lông để ăn thịt, thì leo lên ồ mà bắt, hoặc dùng móc mà móc cho rời rời bắt. Tuyệt đối không được dùng đạn súng đạn bắn giết. Lúc trước mỗi con cò con người ta bắt về làm thịt, phải trả cho ông 25 đồng.

Trong năm 1970, mấy tháng gần đây, ông không bán cò con nữa, để gây giống cho nhiều.

Hàng năm, ông Dương bắt bán cho đồng bào trong tỉnh hoặc các mối buôn đến đặc mua, đem bán khắp nơi. Mãi lực tăng cao, trong khi mức sinh sản của đàn chim cũng càng lúc càng nhiều. Kè ra cũng là một nguồn lợi thiên nhiên tại xã Long-Thắng, ít người biết tới.

Chúng tôi nghe nói, và đã thân hành đến nơi để tường thuật cho quý bạn đọc biết vườn cò tọa lạc tại đây. Giữa khoảnh đồng không móng quạnh, đàn chim lở nhổ lao xao trên từng ngọn cây nội cỏ, kè cũng là điều ngoạn mục, thích thú cho những tâm hồn muốn tìm nơi thanh vắng mà thường cảnh, di dưỡng tinh thần. Theo sự hiểu biết của chúng tôi, vườn cò đem lại một số lợi tức đáng kể cho chủ nhân ở khu đất này.



TỔNG KẾT SA-ĐÉC

TRẢI QUA BAO CUỘC THĂNG TRÀM LỊCH SỬ TỪ NGÀY XƯA VÀ ĐẾN NGÀY NAY

Nói chung, đất nước Việt-Nam ngày xưa vào Thế-kỷ thứ 6 khi nước Phù-Nam sụp đổ, kể đến Chân-Lạp, qua đầu thế kỷ thứ 8 trở thành Thủy-Chân-Lạp.

Hai tiếng SA-ĐÉC có tên *PSARDEK* tức là chợ *Săt*, thời kỳ này không có chánh quyền nào vững chắc, luôn luôn có sự thay đổi. Lúc bấy giờ một số người Trung-Hoa bắt mẫn nơi chánh quốc của họ, do Tướng-Nhà-Minh cầm đầu là Dương-Ngạn-Địch, xin phép Chúa Nguyễn Hiền-Vương ở Huế di cư qua Việt-Nam, xin dung thân vào vùng Thủy-Chân-Lạp khai hoang lập ấp, đám người này đến sống rải rác các nơi trong lãnh thổ, chính Sa-Đéc cũng có mặt họ ở đến ngày nay.

Năm 1759 trong lúc trào thầm Chân-Lạp bất đồng ý kiến, chống đối lẫn nhau. Chúa Nguyễn mang quân sang chinh phạt Miên hoàng thua bị giết. Nặc-Tôn dâng đất Tầm-Phong-Long lập thành Đông-Khầu-đạo tức là vùng Châu-Đốc và Sa-Đéc.

NGÀY XƯA BÓNG CỜ NGUYỄN VƯƠNG PHẤT PHÓI TRÊN ĐẤT SA - ĐÉC

Năm Bình-Mùi (1787) Đức Cao-Hoàng đem quân đóng tại Hồi-Oa (Nước-Xoáy) tại Tân-Long, sau đổi là Long-Hưng. Lúc bấy giờ Sa-Đéc trở nên rộn rịp, quân lính ngày đêm lo xây thành đắp lũy để chống ngăn quân giặc.

Nơi đây trải qua bao cuộc đao binh khói lửa, gày tang tóc cho đồng bào Sa-Đéc không bút mực nào tả ra cho hết giữa Tây Sơn và Chúa-Nguyễn tranh hùng. Những chiến trường đẫm máu Cồn-Tiên, Bài-Hồ, vàm sông Long-Hậu còn vang tiếng. Nay nhắc đến người dân Sa-Đéc không khỏi đau lòng cho cảnh cốt nhục tương tàn giữa người Việt và người Việt.

CỜ TAM SẮC HIÊN NGANG TRÊN LÃNH THỔ MIỀN TÂY SA - ĐÉC

Năm 1867 Quân-đội Pháp do tướng De - Lagrandière chỉ huy, từ Định-Tường kéo xuống chiếm thành Vĩnh-Long ngày 20-6-1867, đến chiếm luôn Châu-Đốc và Hà-Tiên cũng trong mấy ngày. Lúc bấy giờ De - Lagrandière bố cáo xứ Nam-Kỳ thuộc Pháp.

Sau khi chiếm trọn sáu tỉnh miền Nam, quân đội Pháp ló tò chúc hành chánh khắp nơi trên lãnh thổ để cai-trị. Riêng tại tỉnh Sa-Đéc xưa nằm trong địa phận tỉnh Vĩnh-Long, khi quân Pháp đến Sa-Đéc, chúng chọn Mũi Cần-Giô đặt tỉnh-lỵ tại đây trước tiên để ngăn ngừa bộ đội kháng chiến từ Đồng-Tháp Mười tràn qua ngỏ này. Thời gian sau, chúng dẹp xong các toán quân do Thiên-Hộ-Dương, Nguyễn-Văn-Biều, Phủ Cửu chỉ huy, cùng các nhóm kháng chiến khác, lớp bị bắt và số tan rải về ẩn dật trong các nơi hẻo lánh trong làng mạc Sa-Đéc chờ cơ hội quật-khởi.

Người Pháp thấy tình hình lảng dịu mới vô Doi-Cồn Tân-Qui-Đông mà xây cất nhà cửa sở Tham-biện lại đây. Bóng cờ tam tài treo trước dinh hằng ngày chứng kiến sự hiện diện của Chánh Phủ Tân Trào.

Người Pháp bắt đầu kiến tạo các cơ sở tại đây gồm : Làng-Tân-Qui-Đông, Vĩnh-Phú-Đông, nay ba làng này sáp nhập là Tân-Vĩnh-Hòa. Những công việc đầu tiên bắt đầu làm lô, mở mang tinh ly, xây cất chợ búa v.v...

Năm 1888, hoàn thành cây cầu quây sắt bắt ngang sông qua Tân-Qui-Đông :

Năm 1903, bắt cây cầu đúc bằng đá sạn, nối từ là Tân-Hưng, Tòng-An-Hội là nơi nhà thương qua tinh-ly. Công cuộc kiến thiết dần tạo nên những cơ sở : Tòa-Bồ, Sở Giấy-Thép (tức Ty Büro-Điện), Sở Kho Bạc (Ngân-Khố), Sở Thương-Chánh (Quan-Thuế), Sở Săn-Đầm (do chử Gendarmerie chuyền ra), tức Ty Cảnh-sát Công-An), Tòa Tạp-Tụng, Nhà Cercle (Câu-Lạc-Bộ) nhà hàng Bungalow, trại lính Mã-Tà, và dinh thự các quan Pháp ở riêng biệt một khu vực tinh-ly là mé bên kia cầu sắt, dưới Doi-Cồn. Còn Mũi-Cần-Gió sau trở thành bến tàu lục tinh và chạy đường Nam-Vang, ghé chuyên chở hàng hóa và rước khách. Nay Mũi-Cần-Gió nay bị lở vô sâu mấy chục công đất không còn dấu vết bến tàu nữa.

Về phía tả là Rạch Sa-Đéc ăn sâu vô Rạch Sanh-Nhiên. Hai bên trồng cây ăn trái như xoài, dừa, cau, che mát rợp đường, quang cảnh vườn tược tạo thành một nơi rất sầm-uất.

oOo

Dưới thời Pháp thuộc, mỗi lần có lễ Chánh-chung (ngày 14 Juillet) hay liên hoan một cuộc lễ gì quan trọng thì có tổ chức cuộc đua ghe, đua thuyền dưới sông, dân chúng địa phương nô nức trẩy xem. Trên bờ thì có xe kéo, xe ngựa để chạy đua rước khách di chuyền trong thành phố.

Thời thời Pháp thuộc, Sa-Đéc gồm có ba quận : Châu Thành, Lai-Vung, và Cao-Lãnh. Trải 80 năm đô hộ trên đất nước Việt-Nam, người Pháp đã tạo ra biết bao cơ sở để toan hưởng thụ lâu dài. Nhưng lòng người muôn vây, mà trời nào để kẻ tham tàn được bền vững mãi. Rồi thì đất nước xây cơn chuyền biển, cơ tạo xoay dần, khiến cho kẻ xâm lăng phải lìa bỏ nơi ngự trị của chúng để trở về mâu quốc.

NGÀY 9 MARS 1945 LÀ NGÀY ĐÁNH DẤU SỰ SỤP ĐỒ CỦA PHÁP Ở ĐÔNG DƯƠNG

Từ đó đến nay ở Việt-Nam trải qua bao cuộc thăng trầm thay đổi, hết Pháp tới Nhựt rồi Pháp trở lại, dần đến khi Việt-Nam trở thành nước Cộng-Hòa, cảnh chiến tranh tiếp diễn khắp nnego đường đất nước. Bôm cày đạn xói, quốc phá gia vong, lòng người ly tán, biết bao đứa con trung thành của tỉnh Sa-Đéc gục ngã, vì bảo vệ non sông tồ quốc.

Khi người Pháp rút đi khỏi tỉnh lỵ Sa-Đéc, thi chánh quyền tỉnh Sa-Đéc thời ấy là Thiếu tá Nguyễn-Văn-Minh (1) một Sĩ-quan trẻ, mới có 27 tuổi làm tinh trưởng chót của tỉnh này.

Ngày 22-10-1956 tỉnh Sa-Đéc được bãi bỏ, trở thành quận sát nhập qua tỉnh Vĩnh-Long.

Ngày 24-9-1966 đến ngày 23-12-66 tách rời Vĩnh-Long trở thành tỉnh-lỵ Sa-Đéc cho đến ngày nay. Chính quyền đã dời tỉnh lỵ về mé bên chợ Sa-Đéc,

(1) Ông Nguyễn-Văn-Minh hiện nay làm đến chức Trung Tướng, Tổng Trấn Saigon Gia-dịnh, Tư Lệnh Biệt Khu Thủ Đô, và đương kiêm Tư Lệnh Quân Khu III Chiến Thuật.

Tòa Hành chánh, các ty sở đều dời về tỉnh lỵ mới. Còn tỉnh lỵ cũ ở Doi-Còn nay trở thành Bộ Tham Mưu Sư-Đoàn 9 Bộ-Binh đóng ở đây thuộc về Quận khu 4.

Cảnh vật tỉnh lỵ Sa-Đéc ngày nay đã thay đổi khá nhiều như chúng ta đã thấy, khác biệt quang cảnh ngày xưa. Ngày nay Sa-Đéc trên đà canh tân, sắc thái duyên dáng, dân chúng càng đến ở đông thêm và một số kiều bào ở chùa tháp về trú ngụ. Dân số mới nhứt từ năm 1971 nay lên gần ba trăm ngàn người ở rải rác trong bốn quận. Sinh cơ lập nghiệp như đa số là tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo.



SA-ĐÉC QUA CÁC NÉO PHỐ PHƯỜNG

KHU THƯƠNG MẠI

Châu thành Sa-Đéc ngày nay, bên doi cồn là khu Quân-sự ở về phía Tân-Qui-Đông, khu thương mãi, phia bên này là chợ búa mua bán lắp nập, ghe thuyền lui tới đậu dài theo bờ sông đường Phan-Thanh-Giản, từ cầu Cái-Sơn trổ ra chợ.

Theo sự quan sát của chúng tôi, ở Sa-Đéc phần đông người Huê Kiều chiếm ưu thế về thương mại, nắm hết các ngành quan trọng. Phố xá cát khít nhau, dài theo đường Phan-Thanh Giản, mua bán đủ thứ. Tiệm tạp hóa, hiệu thuốc bắc, vật liệu kiến trúc, tiệm ăn v.v...

Ngày nay có phần thay đổi với bộ mặt mới. Đọc theo mé sông đường Phan-Thanh-Giản, gần khúc trên chợ san sát mọc lên nhiều dãy nhà để mua bán, làm quán ăn cho du khách ngồi nhìn ra sông Sa-Đéc, thường thức phong quang, cảnh náo nhiệt tung bừng trong buổi họp chợ.

CHỢ SA-ĐÉC : Chợ Sa-Đéc cất đã lâu năm, nay có vẽ cũ kỹ. Bên trong chợ, các sạp hàng vãi chung bày rực rỡ, bán đủ loại hàng nhập cảng và nội hóa. Phía bờ sông là chợ cá và quán ăn bình dân đều tập trung vào khu vực này.

HÀNG TRÁI CÂY : cam quýt, xoài bưởi, mảng càu, bán theo tập tục ở đây mỗi chục 18. Các loại trái cây khác: Chôm chôm, nhãn, bòn bon thì bán ki lô tùy theo giá cả.

Chợ nhóm từ 5 giờ khuya đến 1 giờ trưa là tan hết để dọn dẹp, chợ không có nhóm buổi chiều như các chợ khác,



*Hàng bán trái cây ở Chợ Sa-dec
Với tập tục cỗ truyền mỗi chục 18*

ĐƯỜNG SÁ TRONG CHÂU THÀNH : — Theo sự nhận thấy của chúng tôi, ở đây chỉ có hai con đường đông đảo phồn thịnh nhứt là đường Tống-Phước-Hòa, và đường Phan-Thanh-Giản. Đường Tống-Phước-Hòa hai bên phố xá khang trang, ngay hàng thằng lối. Có những dãy khách sạn, quán ăn, tiệm kinh hoàn, hiệu sách, nhà thuốc tây, băng xà bông, rạp hát. Đầu trên sân banh cũ nay là Tòa Hành chánh xây cất vào năm 1969 hoàn thành năm 1970 trên cột lầu, day mặt ra đường Tống-Phước-Hòa. Trước sân rộng rái, cảnh trí khang trang lộng lẫy. Tòa Hành chánh (!) lợp ngói móc, tăng thêm phần uy nghi cỗ kính, thích hợp cho những ai có tinh thần tòn cồ.

(1) Tòa Hành-chánh, mới do Đại tá Huỳnh Ngọc Diệp đứng ra xây cất vào năm 1969 đến năm 1970 nay đã làm việc.

Các ty sở nầm rải rác trong thành phố, qua các con đường nhỏ trải đá, mang tên các vị danh tướng anh hùng liệt sĩ nước nhà.

Nhân xét chung, đường sá trong Châu-Thành Sa-Đéc ngày nay còn chật hẹp nhiều, mùa nắng còn持久, nếu mùa mưa to người đi bộ khó khăn, vì lầy lội và có nhiều ổ gà trơn trượt.

GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ : Bến xe Saigon nằm ở vị trí sát bờ rạch cầu Cái-Sơn, trước chùa ông Quách, bến xe nhỏ hẹp, nơi đây thường trực chừng 5, 7 chiếc chia chạy con đường Saigon của hiệu xe đò Tân Phát, và xe nhỏ chạy qua các con đường Kiến-Phong, Mỹ Luông, xe chạy mỗi ngày, ở đây chừng 3 giờ là hết xe.

BẾN XE CHẠY VĨNH-LỌNG : — Hiện nay phía bên cầu nhà thờ Xã Hòa Khánh, Xóm đạo, dựa con lộ số 8 có một bến xe đò nhỏ đưa khách từ Sa-Đéc qua cầu Bắc Mỹ-Thuận và



Quang cảnh trước bờ sông Chợ Sa-đéc
tập nập ghe xuồng lui tới buôn bán

Vĩnh-Long. Các xe xích lô máy, xe ba bánh cũng đậu ở đây. Mỗi khi khách xuống xe thì ngồi xe xích lô máy vô Châu thành.

GIAO THÔNG ĐƯỜNG THỦY :

Tại bến chợ Sa-Đéc có ghe máy chở hành khách đi các quận, xã, trong Châu-Thành, Đức-Thành, Long-Hậu, Long Hưng, qua Kiến-Phong và Cần-Thơ.

VỀ MẶT KIẾN - THIẾT

Châu-Thành Sa-Đéc ngày nay đang trên đà kiến thiết cất thêm nhiều cơ sở mới, Ty Chiêu Hồi, Xây Dựng Nông Thôn, Hội trường và nhiều cơ sở khác sắp khởi công trong năm 1971.

VĂN HÓA GIÁO DỤC : Về ngành giáo dục, ở đây đã có xây cất thêm nhiều trường Trung, Tiểu-học. Ngoài các trường Công lập còn có các Tư-Thục, Trường Bồ-Đề, trường Trung, Tiểu học của người Trung-Hoa, đều khang trang lộng lẫy.

Trọng tâm của chính quyền là phát triển nền giáo dục địa phương. Vì vậy, ở cấp Trung-học, tại mỗi quận đều có trường Trung-Học Đệ nhất cấp công-Lập, riêng tại Quận Châu-Thành (tỉnh-ly) có trường Trung-học đệ nhị cấp công-lập, số trường kể như sau, trong toàn tỉnh :

BẬC TRUNG HỌC

Trung học công lập : 4 trường	59 lớp	4.082 học sinh
-------------------------------	--------	----------------

Trung học bán công : 4 trường	3 lớp	213 học sinh
-------------------------------	-------	--------------

Trung học Tư-Thục : 2 trường	12 lớp	885 học sinh
------------------------------	--------	--------------

**TỔNG KẾ CƠ SỞ GIÁO DỤC
BẬC TIỂU HỌC TOÀN TỈNH SA ĐÉC**

Số trường.....	100	SỐ GIÁO VIỆN	
Số phòng học	438	Nam	182
Số lớp.....	688	Nữ	325
Số học sinh Nam ...	21.961		—
Nữ.....	18.649		507
Cộng	—		
	40.610		

oOo

XÃ HỘI VIỆN MỒ CÔI

(ẤP HÒA KHÁNH)

Do một nữ tu sĩ làm Giám đốc qui tụ trên 70 trại viện, thành lập từ năm 1900, có một trường học do cácdì phuớc giāng dạy cho các trẻ em côi cút do viện nuôi dưỡng.

Nhà dưỡng lão, Ấp Hòa-Khánh thiết lập gần Viện mồ côi, thâu nhận trên 30 người già yếu, tàn tật, vô gia cư, do các nữ tu sĩ chăm nom.

Các cơ sở trên đây đều có trợ cấp hoặc định kỳ hoặc bất thường của Bộ-Xã-Hội và của Tỉnh.

Ký túc xá chùa Phước-Thạnh do Thượng-Tọa Thích-Tử Nhơn cai quản.

Ký túc xá, Hội Bảo trợ gia đình Binhs-si Khu 41/CT

Nhà bảo sanh

Ấu Tri-Viện (Do Hội Bảo trợ gia đình Binhh sĩ

Lớp may cắt (Khu 41 Chiến Thuật quān nhiệm.

Lớp mẫu giáo chùa Phước-Huệ do Sư nữ Thích như Ngoc làm Giám-Đốc.

Lớp Mẫu giáo chùa Bửu-Minh do Tu-Sỉ Thích - Bửu-Chơn làm Giám-Đốc.

oOo

NÔNG NGHIỆP

Sa-Đéc là một tỉnh thuộc đồng bằng có đất phù sa phì nhiêu thích hợp với việc trồng lúa, cây ăn trái và hoa màu, phụ do đó phần đồng đồng bào chuyên sống về nghề nông. Tuy nhiên, vì nằm trên đường đi từ các Tỉnh Châu-Đốc, An-Giang, Rạch-Gia, Kiến-Phong đến Thủ-Thành, nên các hoạt động về thương mãi cũng rất sầm uất, có thể nói chính ngành hoạt động này đã làm giàu cho đồng bào, một số lớn là Hoa-Kiều tại Châu-Thành.

- **Mùa màng** : (diện tích chung của tỉnh: 78.920 Ha)
- **Lúa** : Diện tích canh tác là 51.232 ha, phân chia như sau :
 - **Ruộng hai mùa** : 2.551 ha
 - **Ruộng một mùa** :
 - Sạ 33.303 ha
 - Cấy 15.368 ha

Phân tách về lúa lở và lúa mùa như sau :

	(Lở 17.931 ha	
Lúa sạ	((33.303 ha
	(Mùa 15.359 ha	
	(Lở 10.248 ha	
Lúa cấy	((17.932 ha
	(Mùa 7.684 ha	

Trung bình hằng năm thặng dư vào khoảng 18.000 tấn để xuất tỉnh.

oOo

CO SỞ Y - TẾ

Nền Y-Tế phát triển điều hòa, cung ứng đầy đủ nhu cầu cho dân chúng thôn quê và gồm có :

3 Chambre Y-Viện tại 3 quận Đức-Thành, Đức-Tôn và Lấp Vò.

1 nhà hộ sinh Quận Lấp Vò

12 nhà hộ sinh xã (công) : 2 tại Sa-Đéc, 5 tại Quận Đức-Thành, 5 tại quận Lấp-Vò

1 nhà hộ sinh xã (tư) tại quận Đức-Tôn

1 bảo sanh viện tư tại Sa-Đéc (Châu-Thành)

56 trạm Y-tế : 16 tại Quận Châu-Thành, 15 tại Đức-Thành, 3 tại Đức-Tôn và 22 tại Lấp-Vò.

4 Tiêu bệnh xã Hộ sinh Ấp Đời mới

Tại Tỉnh-Ly có 1 bệnh viện gồm có :

1 Trại bệnh

Để đáp lại nhu cầu của dân chúng địa phương trại bệnh đã có 160 giường : 23 giường nằm có tiền, 137 giường không tiền.

Song song với sự tăng cường giúp cho bệnh nhân, 3 cơ cấu được tăng gia về công tác cũng như vật liệu, dụng cụ và máy móc.

oOo

CHÁNH TRỊ VÀ HIỆP HỘI

Các đảng phái chính trị và Hiệp hội có hoạt động tại tỉnh Sa-Đéc :

ĐẢNG PHÁI CHÁNH TRỊ : — Việt-Nam Dân-Chủ Xã-Hội
Đảng, đường Phan-Thanh-Giản Sa-Đéc. Đảng này có 2 quận bộ tại Lấp-Vò và Đức-Thanh.

HIỆP HỘI :

Nghịệp đoàn xe hơi Vàm-Cống, 141 đường Bác-Sĩ-Thinh
Nghịệp Đoàn xe Lambretta

Nghịệp đoàn xe lôi gắn máy và xe lôi đạp 151/2 ấp Tân-Long, xã Tân-Vĩnh-Hòa Sa-Đéc.

Hội Phụ-Huynh học sinh tại Tỉnh-Ly và Quận-Ly.

CÁC CƠ SỞ

TÔN GIÁO TẠI TỈNH SA-ĐÉC

Tỉnh Hội Phật-học

Tịnh-Độ Cư-Sĩ Phật-Hội Việt-Nam

Họ Đạo Thiên Chúa Giáo

Tin-Lành

Cơ Đốc Phục-Lâm

Tỉnh Hội Phật Giáo Hòa-Hảo

Cao Đài Phái Tây-Ninh

Cao Đài Tiên Thiên Kiến-Hòa

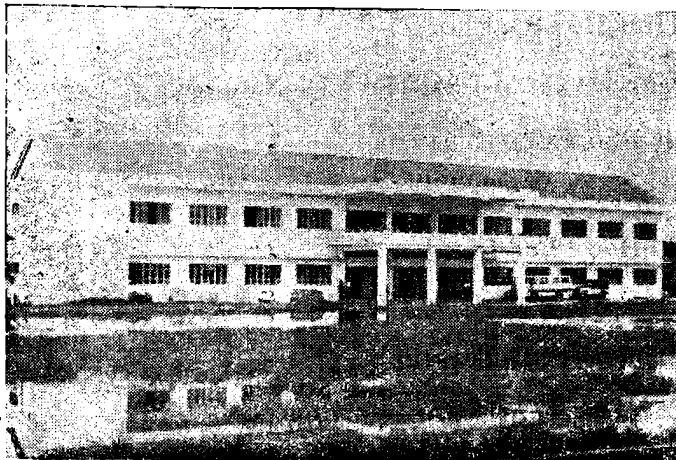
Ban Quản Trị Phật Giáo Việt-Nam Thống Nhứt.

oOo

Nói đến sự sinh hoạt của Tỉnh Sa-Đéc ngày nay, chúng tôi cần nêu lên một ít ngành hoạt động. *Giáo-Dục, Xã-Hội, kinh tế-Y-tá Hiệp-Hội* toàn tỉnh v.v...

Các ngành trên đây mỗi năm đều có sự thay đổi, thêm bớt tùy theo tình hình đất nước, nên quyết định một con số cẩn bản không thể nào vững chắc được. Về ngành Giáo-Dục cũng thế, số và giáo chức cũng lên xuống không đồng đều. Còn về Công - Kỹ - Nghệ, tỷ dụ năm 1970 có 5, 7 hảng xuống đến năm 1971, bị lồ là dẹp bớt (cũng không chừng).

Vì vậy không một chuyên viên nào ghi đúng theo thời gian tính được, trừ ra mỗi năm làm bằng thống kê mới nắm vững con số chính xác.



Tòa Hành Chánh mới của Tỉnh Sa-Đéc ngày nay

Tác phẩm này, mục đích là sưu tầm khảo cứu về lịch sử, Danh nhân, Đạo giáo, qua những tài liệu căn bản không mô tả những chi tiết về sự hoạt động hàng ngày trong đời sống công cộng. Vì thế mà chúng tôi không đề cập đến vấn đề Hành Chánh và Kinh tế nhiều, muốn rõ chi tiết sinh hoạt mọi ngành cần xem địa phương chí của Tỉnh Sa-Đéc.



MỤC LỤC

SA - ĐÉC XƯA VÀ NAY

- Bản đồ tỉnh Sa-Đéc
- Tựa do : Giáo sư Trần - Văn - Quế
- Lời nói đầu

PHẦN THỨ NHỨT :

SỬ - LUẬC - ĐỊA - LÝ

- Sa-Đéc dưới thời Nguyễn-Phúc-Ánh bốn đảo
- Sa-Đéc qua các triều đại nhà Nguyễn
- Hình thế Sa-Đéc ngày xưa
- Quân Pháp chiếm ba tỉnh miền Tây lập nền Hành-chánh.
- Dưới thời Pháp thuộc Sa-Đéc gồm ba Quận
- Các nhà cách mạng đứng lên kháng Pháp
- Sa-Đéc dưới thời Đệ-Nhứt Cộng-Hòa sáp nhập
- Về tỉnh Vĩnh-Long trở thành quận
- Sa-Đéc tách rời Vĩnh-Long trở lại tỉnh ngày 24-9-1966
- Sa-Đéc hiện Đại gồm bốn quận 36 xã
- Địa-lý, vị-trí, giới-hạn, diến-tích.

PHẦN THỨ HAI :

a) DANH NHÂN LỊCH SỬ :

- *Chưởng Thủy-Dinh Quận-Công Tống-Phuốc-Hòa*
- *Kinh-Môn Quận-Công Nguyễn-Văn-Nhơn*
- *Nguyễn-Văn-Hậu (Bồ-Hậu) giúp Chúa Nguyễn - Phúc Ánh.*
- *Các Võ Tướng phò Chúa Nguyễn.*
- *Nguyễn-Văn-Đề, Hoàng-Phuốc-Bửu, Nguyễn-Văn-Trọng, Nguyễn-Văn-Định, Nguyễn - Văn . Tuyên, Nguyễn-Văn-Yến, Bà Nguyễn-Thị-Dung người đàn bà hào nghĩa giúp vua.*
- *Hồ Trọng-Đinh*

b) NHÂN VẬT CẨM ĐẠI :

- *Nguyễn-Văn-Biều, Chiến sĩ chống Pháp*
- *Lê-Bộ Thượng-Thơ Nguyễn-Đăng-Tam,*
- *Đốc-Phủ Nguyễn-Đăng-Khoa*
- *Nguyễn-Đăng-Trường nhà mô phạm gương mẫu*
- *Chi-Sĩ, Nguyễn-Quan-Diêu*
- *Danh-Sĩ Đăng-Thúc-Liêng*
- *Cụ Lưu-Văn-Lang vị Bác-vật đầu tiên của Việt-Nam*
- *Cụ Kinh-Hối, Cụ Cử-Khode, Võ-Hoành*

- *Huỳnh-Ngọc-Bình,*
- *Nguyễn-Văn-Bình,*
- *Nguyễn-Xuân-Hiền,*
- *Nguyễn-Xuân-Quan,*
- *Nguyễn-Xuân-Giác,*
- *Lương-Văn-Mỹ,*
- *Lê-văn-Viết v.v...*

MỘT ÍT NHÂN VẬT CẬN ĐẠI

PHẦN THỨ BA :

DI TÍCH LỊCH SỬ VÀ HUYỀN SỰ

a) *DI TÍCH LỊCH SỬ :*

- *Trên đường đi viếng di tích lịch sử*
- *Bảo-Tiền xã Long-Thắng Bảo-Hậu xã Phong-Hòa*
- *Nền Đức Cao-Hoàng (Gia-Long) tại Hồi-Oa Nước-Xoáy*
- *Lăng mộ công thần Thống Chẽ Nguyễn-Công-Liệu*
- *Tiền đồn Đông-Khẩu-đạo*
- *Các Bảo đất xưa do vua Gia-Long thiết lập*
- *Những chợ xưa dưới thời chúa Nguyễn*
- *Cây-Da Bến-Ngự*

- *Lăng Ông Bồ-Hậu*
- *Lăng Kinh Môn Quận-Công Nguyễn-văn-Nhơn*
(tục gọi *Quan lớn Sen*)
- *Miếu Văn-Thánh Tỉnh Sa-Đéc* (nay nằm về tỉnh Kiến-Phong)
- *Vinh Ông-Đốc và mộ Đốc Bình-Thuận*
- *Sự tích Dinh Bà-Đô*
- *Đình thờ Chuồng-Dinh Quận-Công Tống-Phuộc-Hòa*
- *Ngôi cổ mộ Bà Dương* (người giúp vua Gia-Long)
- *Kinh Đốc Phủ Lê-Quang-Hiền*

b) *HUYỀN SỬ* :

- *Sa-Đéc với Chiến trường Bãi-Hồ*
- *Phố-Tiên Bãi-Phụng*
- *Oai linh Hầu-Tước Sỉ-Hòa*
- *Sóng gầm Man-Thít*
- *Thanh gươm quý-y*
- *Gốc sao thiêng nơi cây Da bến Ngự*
- *Câu chuyện lợn về Quan lớn Sen*
- *Câu chuyện con gái ông Bồ-Hậu giả điên từ chối cuộc hôn nhân cùng Nguyễn-Ánh*
- *Câu chuyện vùng Nước Xoáy Long-Hưng.*

PHẦN THỨ TƯ :

SINH HOẠT ĐẠO GIAO, ĐÌNH CHÙA CỒ KÍNH

- *Đức Phật Thầy Tây-An Đoàn-Minh-Huyền đãng khai sáng BƯỚU SƠN KỲ HƯƠNG*
- *Đức Tông-Sư Minh-Trí, vị khai sáng Hội Tịnh-Độ Cu-Sỉ Phật-Hội Việt-Nam»*
- *Đốc-Phủ Lê-Bá-Trang, một trong các vị Chúc-sắc lớn trong Đạo Tam-Kỳ.*
- *Cồ Tự Phurört-Thạnh, ngôi chùa vua Gia-Long sáng lập và câu chuyện ông Hộ-Pháp đánh quỷ.*
- *Bửu-Hưng-tự ở Cái Các xã Hòa-Long*
- *Chùa Kiến-An-Cung (tục chùa ông Quách)*
- *Chùa Bà Thiên Hậu Nguơn Quản*
- *Chùa Hương*
- *Đình Tân Phú-Trung*
- *Đất lành Phật ngự, hai chùa thờ bốn chò đất thiêng và Ngọc Xá-Lợi.*
- *Sa-Đéc với Phật-Giáo Hòa-Hảo và ông Thanh-Sỉ*
- *Tổng kết và đạo giáo toàn tinh*

PHẦN THỨ NĂM :

HUYỀN THOẠI VÀ GIAI THOẠI :

- *Khúc sông Cái.Bè với cát lân đá, dập sóng thầm*
- *Oai linh bà Phạm-thị-Hiên ở Nha-Mân ngày xưa*
- *Sự tích làng Bình-Tiên và Rạch Gỗ-Đền*
- *Chợ Trường-Án, nghìn thu ghi nét oán*
- *Giai thoại về cụ Lưu-Văn-Lang nói trước những việc xảy ra.*
- *Giai thoại ông Phủ Trần-Văn-Chi với đồng bào Sa-Đéc*
- *Ông thợ Đức danh sư Lồ-Ban*
- *Giai thoại Xoài-Thơm, Xoài-Ngự đang cho vua ngự thiên.*
- *Giai thoại cô gái Nha-Mân.*

PHẦN THỨ SÁU :

SA-ĐÉC QUA CÁC BỘ MÔN KỊCH NGHỆ

Gánh hát Bộ đầu tiên ở Sa-Đéc «Thiệu-Tiên Ban» của ông Cả Tam.

- *Gánh hát xiếc của André Nguyễn-Văn-Thận*
- *Từ gánh xiếc đổi ra gánh Cải-lương*
- *Đại Ban Tân-Thinh ra đời của bầu Nguyễn-Văn-Thống*
- *Gánh hát cải lương của danh sĩ Đặng-Thúc-Liêng*

VĂN HÓA GIÁO DỤC :

- *Gồm các nhà văn, nhà thơ dắt Sa-Giang*
- *Sa-Giang cẩm tác của khách lữ hành, qua những bài thơ lưu niêm*

PHẦN THỨ BÀY

SINH HOẠT KINH TẾ VÀ CÔNG KỸ NGHỆ

- *Sân phấm đặc biệt địa phương*
- *Bánh phồng tôm Sa-Giang*
- *Nghệ thuật hình nổi trên lụa*
- *Nghề thợ bạc ngày xưa*
- *Công nghệ làm gạch ngói*
- *Các hang nước đá trong Tỉnh*
- *Nghề làm bột mì*
- *Nghề dệt chiếu, nón.*
- *Nghề trồng hoa kiêng Tân Qui-Đông*
- *Vườn kiêng cỏ thụ nhứt ở Tân-Hưng*

NGUỒN LỢI THIẾNG NHIÊN

- *Vườn cò Long-Thắng*

TỔNG KẾT :

- *Sa-Đéc trải qua bao cuộc thăng trầm trong lịch sử*
- *Tù Thủỷ Chân-Lạp, Chúa Nguyễn Võ-Vương, và Nguyễn Phúc-Ánh*
- *Thời Pháp thuộc*
- *Dưới nền Đệ nhị Cộng Hòa ngày nay.*

Đối lời xin thưa :

Quyền « SA-ĐÉC XƯA VÀ NAY » là đứa con tinh thần của Đất nước được khai sinh, giữa tinh thế khó khăn vật giá leo thang, mà chúng tôi cố gắng tự xuất bản là cả một vấn đề vất vả của con nhà cầm bút.

Trên tinh thần phục vụ VĂN HÓA DÂN-TỘC, mỗi người đều góp công xây dựng Quê-Hương dưới mọi hình thức. Riêng về chúng tôi, lúc nào cũng hoài bảo đến Quê cha đất Tổ làm sống lại mảnh đất thân yêu của TIỀN-NHÂN dày công xây dựng, bảo vệ DI TÍCH LỊCH SỬ nước non nhà, đó là lý tưởng duy nhất của chúng tôi đã và đang đeo đuổi. Chúng tôi không dám ước mơ cao vọng, và chẳng hề nghỉ đến vấn đề trực lợi, thương mãi chạy theo việc buôn bán bán chữ. Từ lâu chúng tôi vẫn âm thầm làm theo chí nguyện của mình.

Việc làm của chúng tôi với tính cách đơn phuơng, trong việc suru khảo không sao tránh khỏi những điều khuyết điểm, vì sức người có hạn.

Thưa Quý Vị: Vì sự ích lợi chung để phát huy nền Văn Hóa Dân-Tộc, xin quý vị niệm tình thông cảm bồi khuyết cho những phần còn lại.

Chúng tôi rất hoan nghênh những ý kiến xây dựng, sau khi tái bản sẽ bồi túc đầy đủ hơn.

Một lần nữa, chúng tôi chân thành cảm tạ chánh quyền địa phuơng, cũng như quý thân hào nhân sĩ đã khuyến khích và nâng đỡ đứa con tinh thần của Tỉnh SA-ĐÉC, gop mặt trên thị trường Văn Hóa. Giới thiệu cái hay, cái đẹp của Tỉnh Nhà qua những trang sử oai hùng được thể Nhân ca tụng.

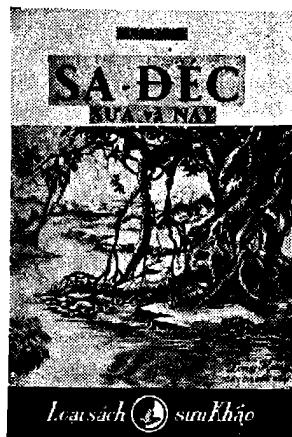
HUỲNH MINH

ĐÍNH - CHÍNH

Quyển « Sa-Đéc Xưa và Nay » lúc in chúng tôi bàn đi tinh không có ở nhà theo dõi, rất tiếc ấn công sắp lộn một ít lỗi về chính tả, cũng như vấp phải những chữ sai, xin bạn đọc thông cảm và thử lỗi cho những điểm sơ sót ấy.

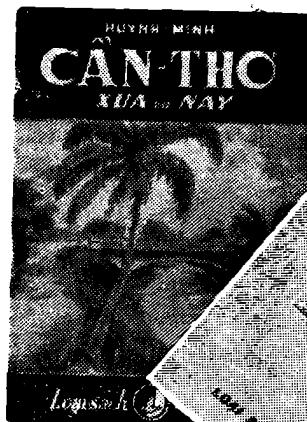
TRANG	HÀNG	NHỮNG CHỮ SAI	XIN ĐỌC CHO ĐÚNG
27	hàng 21	phiêu bạt	phiêu bạt
43	hàng 3	Tòng Phước Hòa	Tống Phước Hòa
63	hàng dưới hình	cụ Đặng Văn Khoa	cụ Nguyễn Đăng Khoa
78	hàng 18	ngày nơi sinh	ngày nơi sanh
87	hàng 6	des arts et manufactues	des arts et Manufactures
95	hàng 3	tri thủ	tri phủ
96	hàng 17	Nguyễn Tân Được	Nguyễn Tân Được
99	hàng 2	Nguyễn Văn Ngời	Phạm Văn Ngời
99	hàng 19	ở Los anglais	ở Los Angeles
161	hàng 24	xã kiến An	xã Long Kiến
168-169	hàng dưới hình	Đức Tôn Sư	Đức Tông Sư
196	hàng 6	kính vâng	kính dâng
259	hàng 17	tha thiết	da diết
343	hàng 17	thiêng nhiên	thiên nhiên
344	hàng 17	người có hẹn	người có hẹn

LOẠI SÁCH SƯU-KHẢO CÁC TỈNH MIỀN NAM



Loussach sưuKhảo

CÙNG MỘT TÁC GIÀ
ĐÃ XUẤT-BẢN



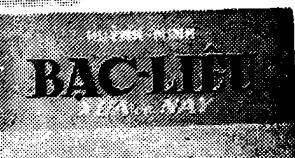
Loussach sưuKhảo



ĐỊNH TƯỜNG



Loussach sưuKhảo



VŨNG TÀU
XƯA & NAY



Giá 320\$

ĐÓN ĐỌC :

CÁC TÁC PHẨM TỪNG TỈNH
CỦA MIỀN NAM

CHÚNG TÔI SẼ LẦN LƯỢT XUẤT
BẢN TRONG NGÀY GẦN ĐÂY